

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

DƯƠNG VĂN CHĂM

GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

DƯƠNG VĂN CHĂM

**GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 9380106

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS.TS. TRƯƠNG HỒ HẢI

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. PGS.TS. TRẦN QUANG HIẾN

2. TS. CHU MẠNH HÙNG

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả



Dương Văn Chăm

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	9
1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước.....	9
1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài	21
1.3. Nhận xét, đánh giá và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án.....	23
1.4. Giả thuyết khoa học và câu hỏi nghiên cứu.....	26
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	28
2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long	28
2.2. Các yếu tố cấu thành của giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long	52
2.3. Các điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo	69
2.4. Giáo dục pháp luật cho chức sắc một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.....	77
Chương 3: YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM	87
3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam.....	87
3.2. Thực trạng giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam	116
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM	145
4.1. Quan điểm bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam	145
4.2. Giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam.....	153
KẾT LUẬN	182
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	183
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	184
PHỤ LỤC	194

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ĐBSCL	: Đồng bằng sông Cửu Long
GDQPAN	: Giáo dục quốc phòng an ninh
HĐND	: Hội đồng nhân dân
MTTQ	: Mặt trận Tổ quốc
PBGDPL	: Phổ biến giáo dục pháp luật
UBND	: Ủy ban nhân dân
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1: Chức sắc 13 tôn giáo vùng ĐBSCL	111
Bảng 3.2: Số lượng chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL được Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh	121

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1: Sơ đồ Tổ chức bộ máy làm công tác giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long	99
Biểu đồ 3.2: Số lượng chức sắc các tôn giáo vùng ĐBSCL	111
Biểu đồ 3.3: Cơ cấu độ tuổi chức sắc các tôn giáo vùng ĐBSCL	113
Biểu đồ 3.4: Trình độ học vấn chức sắc các tôn giáo vùng ĐBSCL	113
Biểu đồ 3.5: Số lượng báo cáo viên pháp luật vùng ĐBSCL	116
Biểu đồ 3.6: Phương pháp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo	124
Biểu đồ 3.7: Mức độ những kiến thức, hiểu biết pháp luật mà chức sắc tôn giáo tiếp nhận được qua phổ biến, giáo dục pháp luật đã đáp ứng yêu cầu giải quyết các vấn đề pháp luật trong thực tiễn hoạt động tôn giáo và cuộc sống của Quý chức sắc vùng ĐBSCL.....	126
Biểu đồ 3.8: Khó khăn của chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL cần pháp luật giải quyết.....	131
Biểu đồ 4.1: Sơ đồ hoàn thiện Tổ chức bộ máy, chủ thể làm công tác giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng Tây Nam Bộ.....	160
Biểu đồ 4.2: Ghi nhận của chức sắc tôn giáo, đối tượng tiếp nhận kiến thức hiệu quả nhất	172

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đảng cộng sản Việt Nam xác định: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước” [29, tr.171]. Để phát huy vai trò của tôn giáo, nguồn lực tôn giáo trong xây dựng quốc gia hùng cường, thì yêu cầu cơ bản nhất là tạo sự đồng thuận, đồng hành của các chức sắc các tôn giáo và mọi thành viên trong xã hội thực hiện thực hiện đúng, đầy đủ chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Pháp luật vào đời sống, hoạt động tôn giáo bằng nhiều phương cách, nhưng chủ yếu là giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo. Đây là cách thức nâng cao giá trị và nguồn lực tôn giáo của dân tộc, bảo đảm xã hội phồn vinh, hạnh phúc.

Trong bối cảnh Việt Nam: “Tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc vì hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội” [31, tr.44]; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa “có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, được thực hiện nghiêm minh; bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân” [31, tr.126], bắt buộc mọi thành viên không phân biệt dân tộc, tôn giáo đều phải ra sức học tập, hiểu sâu sắc, thực hiện đúng pháp luật. Nghị quyết số 66 -NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng pháp luật, thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới đất nước trong kỷ nguyên mới đã chỉ rõ: “tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật”; “thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội”... Vì vậy, giáo dục pháp luật cho công dân nói chung và chức sắc tôn giáo nói riêng trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết. Đặc biệt, trong quan hệ với tôn giáo, Việt Nam chấp nhận sự đa dạng tôn giáo. Do vậy, việc duy trì ổn định tình hình tôn giáo và phát triển chính sách, pháp luật về tôn giáo cũng như công tác giáo dục pháp luật về tôn giáo đến chức sắc, tín đồ và người dân nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trong chấp hành pháp luật,

tuân thủ pháp luật nhằm đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội, phòng ngừa việc lợi dụng tôn giáo của các đối tượng xấu nhằm gây mất đoàn kết tôn giáo, dân tộc, phương hại đến đời sống và tình hình đất nước ở Việt Nam là vấn đề có tính thực tiễn sâu sắc.

Tính đến hết ngày 15 tháng 11 năm 2024, Nhà nước Việt Nam công nhận 40 tổ chức tôn giáo thuộc 16 tôn giáo khác nhau; với 28.065.030 tín đồ, chiếm trên 28% dân số cả nước, trong đó có 61.061 chức sắc; 144.835 chức việc, 29.921 cơ sở thờ tự [14, tr.1]. Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là địa bàn chiến lược, đặc biệt quan trọng của Tổ quốc, vấn đề dân tộc và tôn giáo luôn luôn là vấn đề có tính lịch sử, pháp luật của cư dân Nam Bộ. Là vùng có 13 tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân: Phật giáo, Thiên Chúa, Tin Lành, Hồi giáo, Cao Đài... Toàn vùng với **16.209** chức sắc, **6.827.100** giáo dân, tỷ lệ **38,57%** dân cư của toàn vùng (**6.827.100 / 17,7 triệu người**). Đội ngũ chức sắc các tôn giáo là nòng cốt, đối tượng đặc biệt, có trình độ giáo lý cao, có uy tín, vị trí, vai trò lãnh đạo, cầu nối Giáo hội với Nhà nước. Do đó, trang bị kiến thức pháp luật ở đội ngũ này góp phần đưa pháp luật vào cuộc sống trong đồng bào có đạo, và hiện thực hóa quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo: “Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật” (Điều 3, khoản 1) [70]. Đồng thời, đây là vùng phát tích, có trung ương đạo các tôn giáo nội sinh (Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Cao Đài...), phần lớn tín đồ và một bộ phận chức sắc có nguồn gốc nông dân, là nông dân, dễ bị các phần tử xấu lôi kéo vào các hành vi như: Biếm gia thành tự, in kinh sách không đúng quy định...Song song đó, các quy định pháp luật hiện nay chưa đồng bộ trong xác định vị trí pháp lý của chức sắc tôn giáo khi tham gia hoạt động giáo dục pháp luật; còn trùng lặp các chương trình giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo hàng năm...Điều đó đã làm hiệu quả giáo dục pháp chưa cao so với yêu cầu đặt ra. Hơn nữa, các “hiện tượng tôn giáo mới, tà đạo, hội nhóm” lợi dụng tôn giáo đẩy mạnh tuyên truyền sai sự thật, vi

phạm pháp luật vẫn còn đang diễn ra ở ĐBSCL. Các đối tượng xấu đã lợi dụng những bất ổn xã hội để xuyên tạc tình hình tôn giáo và công tác thực thi chính sách tôn giáo ở một số địa phương... chính vì vậy, cần tăng cường triển khai giáo dục pháp luật cho các chức sắc tôn giáo.

Mặt khác, trong những năm qua, hoạt động giáo dục pháp luật, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho chức sắc tôn giáo, chưa phát huy tốt các nguồn lực tôn giáo, còn có những bất cập từ xác định nội dung, hình thức, quy mô tổ chức lớp học... Hiện nay ở Việt Nam, vùng đồng bằng sông Cửu Long, hoạt động giáo dục pháp luật, trong đó có giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, chủ yếu thực hiện theo “Đẩy”, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong “đẩy mạnh”, đưa pháp luật vào các đối tượng trong xã hội. Hạn chế lớn nhất của mô hình này chưa phát huy tốt các nguồn lực tôn giáo vào hoạt động giáo dục pháp luật. Xuất phát từ quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật: “Nhà nước khuyến khích và có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật; huy động các nguồn lực xã hội đóng góp cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật” [67]. Quy định pháp luật là điều kiện Việt Nam thực hiện mô hình “Kéo” trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo nói riêng và các đối tượng trong xã hội nói chung. Đây là mô hình kéo người dân chủ động tìm hiểu pháp luật, chấp hành, tự giác tuân thủ pháp luật trong tham gia các hoạt động kinh tế, văn hóa, giáo dục... Nhà nước tạo điều kiện về chính sách thuế, minh bạch thông tin... để kéo người dân, chức sắc tôn giáo tham gia các hoạt động giáo dục pháp luật, an sinh xã hội, phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển cộng đồng, khắc phục hạn chế của mô hình “Đẩy” trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo hiện nay.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, thực hiện quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam (Đảng) về phát huy các nguồn lực tôn giáo cho phát triển đất nước, quy định pháp luật về “quyền được thông tin về pháp luật và trách nhiệm tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân” [67], tác giả nghiên cứu đề

tài luận án: “*Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam*”, chuyên ngành Lý luận và Lịch sử Nhà nước và pháp luật.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo; nghiên cứu sinh đề xuất những quan điểm, giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL ở Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để hoàn thành mục đích đặt ra, luận án phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu các vấn đề của đề tài; nêu giả thuyết khoa học và câu hỏi nghiên cứu.

Hai là, luận giải, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng ĐBSCL bao gồm: Khái niệm, đặc điểm, vai trò của giáo dục pháp luật; các yếu tố cấu thành của giáo dục pháp luật; các điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo. Đồng thời phân tích mô hình, đặc điểm giáo dục pháp luật pháp luật cho chức sắc tôn giáo một số quốc gia có có đặc điểm tương đồng với Việt Nam, có thể tham khảo trong hoàn thiện về mô hình giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở Việt Nam nói chung, vùng ĐBSCL nói riêng.

Ba là, làm rõ thực trạng ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL từ năm 2017 đến nay.

Bốn là, hệ thống, phân tích các quan điểm chỉ đạo, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu về lý luận và thực tiễn giáo dục pháp luật cho đối tượng chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung nghiên cứu: Luận án chỉ nghiên cứu các vấn đề về cơ chế pháp lý, nội dung, phương thức và điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật đối với chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.
- Về không gian nghiên cứu: Đề tài điều tra xã hội học trong giới hạn các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL ở Việt Nam.
- Về thời gian nghiên cứu: Công trình phân tích tài liệu, số liệu về nội dung, đối tượng nghiên cứu tại vùng ĐBSCL từ năm 2017 đến nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được triển khai nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng, pháp luật Việt Nam về nhà nước và pháp luật, giáo dục pháp luật. Đồng thời, nghiên cứu sinh cũng tham khảo nhiều luận cứ khoa học từ những tài liệu của các học giả, người làm thực tiễn công tác giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo trong và ngoài nước bổ sung cơ sở lý luận cho công trình này.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng nhiều phương pháp để nghiên cứu, các phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp so sánh, khảo sát thực tế... để phản ánh khách quan lý luận và thực tiễn của nội dung nghiên cứu và luận chứng tính khả thi các giải pháp mà luận án nêu ra... Cụ thể:

- Phương pháp tổng hợp: Đây là phương pháp dùng nghiên cứu các vấn đề ở tất cả các chương luận án, như hệ thống hóa tài liệu, công trình khoa học những vấn đề về giáo dục pháp luật của nhiều sách, tạp chí, luận án... để tìm ra những giá trị căn cốt về nội dung đến phương pháp luận giải quyết vấn đề đặt ra; xác định những đầu việc cần tiếp tục nghiên cứu của đề tài.
- Phương pháp phân tích: Phương pháp này được sử dụng tại tất cả các chương của luận án để làm rõ các vấn đề cần nghiên cứu như khái niệm, đặc điểm, vai trò, thực trạng giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL...

- Phương pháp so sánh được sử dụng nhiều ở chương 1, 2, nhằm chỉ ra sự khác biệt giữa giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo với các đối tượng khác trong xã hội; sự tương đồng và khác biệt về mô hình giáo dục pháp luật ở Việt Nam và một số nước trên thế giới. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam có thể tham khảo về giáo dục pháp luật cho lãnh đạo tôn giáo.

- Phương pháp điều tra xã hội học: Phương pháp này được sử dụng nhiều tại chương 3, chương 4. Luận án sử dụng phương pháp khảo sát điều tra xã hội học cho đối tượng giảng viên, báo cáo viên pháp luật, chức sắc các địa phương có nhiều chức sắc tôn giáo, giáo dân ở ĐBSCL; tổng hợp thông tin về nội dung, hình thức, phương pháp, ưu điểm, hạn chế trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo; dùng các phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp, lịch sử để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng và thực trạng giáo dục pháp luật cho lực lượng nòng cốt các tôn giáo vùng ĐBSCL từ năm 2017 đến nay. Cụ thể: Phát phiếu điều tra xã hội học trên địa bàn Vĩnh Long, Cần Thơ và An Giang thuộc 3/5 tỉnh, thành vùng ĐBSCL. Đây là những địa phương tọa lạc các Giáo hội trung ương, nơi có cơ sở đào tạo chức sắc tôn giáo cho vùng ĐBSCL và cả nước, địa bàn nhiều chức sắc lớn có vai trò lãnh đạo, dẫn dắt các tôn giáo hành đạo, quê hương của hầu hết các tôn giáo nội sinh. Tỉnh Vĩnh Long, tỉnh có 02 trung ương đạo Cao Đài, 01 Học viện Cao Đài đào tạo chức sắc Cao Đài toàn quốc và hải ngoại (400 phiếu, gồm 200 phiếu thu thập ý kiến của quý chức sắc tôn giáo, 200 phiếu giảng viên, báo cáo viên pháp luật), Thành phố Cần Thơ, địa phương có nhiều chức sắc Tin Lành, có Học viện Thánh Quý, đào tạo chức sắc Công giáo của vùng ĐBSCL, Học viện Phật giáo Nam tông Khmer, đào tạo chức sắc Phật giáo Nam tông (400 phiếu, gồm 200 phiếu thu thập ý kiến của quý chức sắc tôn giáo, 200 phiếu giảng viên, báo cáo viên pháp luật), tỉnh An Giang, là địa phương có trung ương đạo các tôn giáo nội sinh (Phật giáo Hòa Hảo, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa...), (200 phiếu, gồm 100 phiếu thu thập ý kiến của quý chức sắc tôn giáo, 100 phiếu giảng viên, báo cáo viên pháp luật). Phiếu thu thập ý kiến gửi đến các Giáo

hội, chức sắc trong thời gian tu học tại các Học viện của các tôn giáo, thông qua các Giáo hội để thu thập thông tin hầu hết các chức sắc đang hành đạo vùng ĐBSCL; phiếu thu thập ý kiến giảng viên, báo cáo viên pháp luật gửi đến Sở Dân Tộc và Tôn Giáo, Trường Chính trị các tỉnh, thành: Vĩnh Long, An Giang, Cần Thơ. Tổng số phiếu phát tra 1000 phiếu, tổng số phiếu thu về 890 phiếu (445 phiếu dành cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL, 445 phiếu dành cho báo cáo viên, giảng viên pháp luật vùng ĐBSCL). Phân tích dữ liệu khảo sát và tạo báo cáo kết quả trong Microsoft Excel. Qua tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát, luận án hệ thống hóa số liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu để đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL một cách toàn diện từ lăng kính chủ thể đến đối tượng giáo dục pháp luật. Đồng thời hệ thống hóa, tổng hợp, phân tích các quan điểm chỉ đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước để hình thành các quan điểm chỉ đạo, đề xuất các giải pháp đảm bảo nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc biệt vùng ĐBSCL.

5. Những đóng góp khoa học mới của luận án

Luận án có một số đóng góp khoa học mới sau đây:

Đóng góp về mặt lý luận: Luận án xây dựng định nghĩa mới về chức sắc tôn giáo; đưa ra được khái niệm riêng về giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, cụ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Đóng góp về phân tích, đánh giá pháp luật và thực tiễn: Trên cơ sở nghiên cứu chính sách tôn giáo các nước là đối tác chiến lược, tương đồng Việt Nam về đặc tính đa tôn giáo, phân tích của quy định của luật về giáo dục pháp luật; thực trạng mô hình giáo dục pháp luật ở Việt Nam, luận án khuyến nghị Việt Nam: Chuyển dần từ mô hình “Đẩy” sang sang mô hình “Kéo” giáo dục pháp luật: Nhà nước tạo điều kiện, cơ chế chức sắc tự trang bị kiến thức pháp luật, tổ chức, tham gia giáo dục pháp luật, phát huy nguồn lực tôn giáo trong các lĩnh vực phát triển y tế, văn hóa...

Từ những bất cập giữa quy định pháp luật, chưa đồng bộ trong xác định đối tượng đặc biệt của giáo dục pháp luật, luận án xác định chức sắc tôn giáo là “*cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư*” và đề xuất chương trình khung bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật cho đối tượng này.

Đóng góp về giải pháp, kiến nghị: Đề tài đưa ra các nhóm giải pháp, kiến nghị nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL ở Việt Nam trong thời gian tới từ nâng cao nhận thức vai trò quan trọng của giáo dục pháp luật đến hoàn thiện các quy định pháp luật, xây dựng mới chương trình, đến xác lập nguồn lực và cơ chế thực hiện trên thực tế.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa khoa học

Luận án đã cụ thể hóa lý luận về giáo dục pháp luật nói chung vào một đối tượng cụ thể. Qua đó, góp phần bổ sung và hoàn thiện thêm lý luận về giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án là tài liệu tham khảo cho giảng viên, báo cáo viên pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp của mình; là cơ sở thực tiễn cho cơ quan, tổ chức trong triển khai kế hoạch mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL thật sự hiệu quả.

Đề tài còn là khuyến nghị chính sách giúp cơ quan quản lý nhà nước thực hiện mô hình “Kéo” trong giáo dục pháp luật, bảo đảm nội dung và phương pháp, chuyển tải pháp luật vào đời sống xã hội, nâng cao ý thức pháp luật cho chức sắc, tín đồ tôn giáo góp phần xây dựng văn hóa pháp lý vùng ĐBSCL.

7. Kết cấu của luận án

Cùng với phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình nghiên cứu của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG NƯỚC

“*Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam*” là chủ đề mới, tính mới ở chỗ đối tượng của hoạt động giáo dục là chức sắc tôn giáo, đối tượng đặc biệt. Qua tìm hiểu, nghiên cứu sinh nhận thấy hầu hết các đề tài, tài liệu trong và ngoài nước tập trung làm rõ cơ sở lý luận về giáo dục pháp luật cho các đối tượng phổ biến trong xã hội (học sinh, cán bộ, công chức...) ở một địa bàn nhất định, còn vấn đề giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo chưa được nghiên cứu nhiều, chưa có công trình nào tiếp cận toàn diện và có hệ thống về vấn đề này. Tuy nhiên, tất cả các công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật trong nước đều có thể cung cấp tài liệu tham khảo quý giá cho nghiên cứu sinh trong giải quyết vấn đề nghiên cứu. Cụ thể căn cứ vào tên đề tài luận án có thể thấy ba nhóm vấn đề/nội dung liên quan đến đề tài luận án cần phải được khảo cứu, gồm:

- Nhóm công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật nói chung;
- Nhóm công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho các nhóm đối tượng cụ thể;
- Nhóm công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long.

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến giáo dục pháp luật nói chung

Giáo dục pháp luật là một lĩnh vực quan trọng nên từ lâu đã thu hút sự quan tâm rất nhiều nhà khoa học trong nước nghiên cứu, với nhiều công trình đã công bố từ các sách chuyên khảo, tham khảo; đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, bài viết tạp chí khoa học, luận án, tiêu biểu như:

- Sách: *Bàn về giáo dục pháp luật* (1995) của Trần Ngọc Đường, Dương Thị Thanh Mai [34]. Nội dung cốt lõi của tác phẩm là lý luận chuyên sâu về

khái niệm, các yếu tố cấu thành giáo dục pháp luật. Công trình này là tài liệu cần thiết trong nghiên cứu về giáo dục pháp luật nói chung.

- Sách: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phổ biến, giáo dục pháp luật* (2015) do Nguyễn Tất Viễn (chủ biên) [92]. Quyển sách này, ngoài việc làm rõ khái niệm giáo dục pháp luật, mối quan hệ giữa phổ biến pháp luật với giáo dục pháp luật, tác giả đã phân tích, đánh giá thực tiễn về phổ biến, giáo dục pháp luật tại Liên bang Nga, Thái Lan, Singapore, Đan Mạch, Cộng hòa Pháp, Ôxtrâylia, Hoa Kỳ và Canada.

- Sách: *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật* (2007) do Hoàng Thị Kim Quế (chủ biên) [74]. Công trình có 24 chương, phần lý luận chung về pháp luật có các nội dung chủ yếu: Những khái niệm cơ bản về pháp luật; vai trò của pháp luật; các mối quan hệ của pháp luật; các kiểu lịch sử pháp luật; các hiện tượng cơ bản của đời sống pháp luật. các tác giả làm rõ thuật ngữ giáo dục pháp luật, xác định đây là hoạt động trang bị tri thức pháp luật cho đối tượng, nhằm hướng đến mục tiêu sống, làm việc, theo pháp luật, tôn trọng, bảo vệ giá trị pháp luật.

- Sách: *Tài liệu học tập và nghiên cứu môn học Lý luận chung về nhà nước và pháp luật* (2004), Khoa Nhà nước và pháp luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [55]. Trong tài liệu này, tại Chương 13 - *Ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật*, các tác giả phân tích sâu các vấn đề: Khái niệm giáo dục pháp luật; mối quan hệ giữa giáo dục pháp luật với các dạng giáo dục khác; mục đích của giáo dục pháp luật và phương hướng tăng cường giáo dục pháp luật. Từ đó các tác giả tài liệu này kết luận: GDPL là vấn đề đặc biệt quan trọng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

- Đề tài khoa học cấp Bộ: “*Đổi mới giáo dục pháp luật trong hệ thống các trường Chính trị ở nước ta hiện nay*” của Khoa Nhà nước và Pháp luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1999) [42]. Nhóm nghiên cứu xác

định trường Chính trị cấp tỉnh, giảng viên pháp luật của nhà trường là chủ thể giáo dục pháp luật trong hệ thống chính trị ở địa phương và thực hiện nhiệm vụ giáo dục pháp luật gắn liền giáo dục chính trị, tư tưởng ở địa phương.

- Đề tài khoa học cấp Bộ: *“Giải pháp nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong ngành giáo dục”* của Đặng Thị Thu Huyền, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam (2013) [40], nghiên cứu hoạt động giáo dục pháp luật trong phạm vi ngành giáo dục. Tác giả đi sâu phân tích các góc độ của mối quan hệ giữa giáo dục nói chung và giáo dục pháp luật nói riêng, trong đó tác giả xác định phải có sự phối hợp đồng bộ giữa Bộ Giáo dục và Bộ Tư pháp trong hoạt động giáo dục pháp luật.

- Bài viết *“Giáo dục pháp luật góp phần nâng cao ý thức và nghĩa vụ tuân thủ pháp luật”* của Tổng Đức Thảo (2006), Tạp chí Lý luận Chính trị [91, tr.26-33] đã nêu lên những đặc điểm cơ bản của ý thức pháp luật, vai trò của giáo dục pháp luật đối với việc nâng cao ý thức pháp luật cho các tầng lớp nhân dân. Tác giả cũng đưa ra quan điểm, giải pháp bảo đảm công tác giáo dục pháp luật đạt được hiệu quả trong cộng đồng, gắn ý thức pháp luật với trách nhiệm xã hội của mỗi công dân.

Qua đó, các công trình nghiên cứu quan đến giáo dục pháp luật nói chung rất đa dạng, phong phú, từ những bài báo, đề tài khoa học đến tài liệu, giáo trình... Đây là tài liệu nền tảng, khung lý thuyết nghiên cứu sinh tham khảo, kế thừa trong nghiên cứu đề tài luận án.

1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho các nhóm đối tượng cụ thể

Cùng với các công trình nghiên cứu lý luận chung về pháp luật, giáo dục pháp luật nói chung, các nhà khoa học Việt Nam cũng có nhiều công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho một số đối tượng cụ thể trên những địa bàn nhất định như những công trình tiêu biểu sau:

- Sách: *Giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (2011) của Nguyễn Quốc Sửu [79]. Trong quyển sách, tác giả phân tích các vấn đề lý luận về giáo dục pháp luật cho cho một nhóm đối tượng cụ thể, đi từ cơ sở lý luận đến phân tích thực trạng, xác định giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính Việt Nam. Đây là quyển sách có giá trị cao về phương pháp luận trong nghiên cứu giáo dục pháp luật cho nhóm đối tượng cán bộ, công chức hành chính nước ta.

- Luận án Phó tiến sĩ Luật của tác giả Dương Thị Thanh Mai (1996), *Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp ở Việt Nam*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [64]. Luận án xác định tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật là hình thức của giáo dục pháp luật. Luận án đưa ra các giải pháp huy hiệu quả giáo dục pháp luật từ hoạt thực tiễn của Tòa án và luật sư.

- Luận án tiến sĩ Luật của tác giả Trần Thị Sáu (2012), *Giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông ở Việt Nam*, Đại học Luật Hà Nội [76]. Nội dung luận án phân tích sâu lý luận về giáo dục pháp luật cho đối tượng cụ thể (học sinh trong trường trung học phổ thông ở Việt Nam).

- Luận án tiến sĩ Luật học của Lý Nam Hải (2021), *Phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay*, Đại học Luật Hà Nội [37]. Tác giả trình bày 4 nhóm quan điểm, xây dựng 04 nhóm giải pháp hoàn thiện phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam gồm: Giải pháp về nhận thức; thể chế; tổ bộ máy và nội dung, phương thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển.

Các công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho các đối tượng cụ thể ngày càng được các nhà khoa học quan tâm, đưa được nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho từng nhóm đối tượng. Tuy vậy phần lớn các công trình tập trung nghiên cứu giáo dục pháp luật cho các đối tượng được xác định lại Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, đối tượng đặc thù, chưa

có công trình nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc biệt: Cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng như: Chức sắc, chức việc tôn giáo, văn nghệ sĩ...

1.1.3. Nhóm công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long

Hiện nay chưa có công trình nghiên cứu toàn diện về lý luận và thực trạng giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL. Luật phổ biến, giáo dục pháp luật không quy định chức sắc tôn giáo là đối tượng giáo dục pháp luật đặc thù, nên không có Đề án thực hiện giáo dục pháp luật riêng cho đối tượng này. Báo cáo của Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ, Bộ Dân Tộc và Tôn giáo) chỉ đề cập đến hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho chức sắc tôn giáo (thể hiện chưa đầy đủ hình thức giáo dục pháp luật). Các báo cáo này thường mang tính chất liệt kê số liệu; giải pháp hoạt động trong thời gian tới được đề cập chung cho tất cả đối tượng. Trang bị kiến thức pháp luật là một phần trong chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho chức sắc hàng năm. Vì vậy, trong Báo cáo của Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh từ cấp tỉnh trở lên, có cung cấp số liệu, giải pháp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho: “Cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư thuộc diện bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh là chức sắc, chức việc tôn giáo, già làng, trưởng họ tộc, nhà hoạt động văn hóa, xã hội, khoa học, nghệ thuật” [68]. Trong đó có số liệu báo cáo giáo dục pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc tôn giáo. Ngoài các báo cáo nêu trên cũng có một số luận án, sách chuyên khảo đề xuất một số quan điểm, giải pháp giáo dục pháp luật, mô hình giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo trên thế giới, chức sắc tôn giáo ở Việt Nam nói chung, chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL nói riêng ở các chiều cạnh như giáo dục pháp luật cho một tôn giáo (Cao Đài, Phật giáo Hòa

Hảo...), hay tôn giáo gắn với tộc người: Phật giáo Nam tông Khmer, nghiên cứu sinh nghiên cứu tham khảo cho đề tài của mình như:

- Sách: *Nhà nước pháp quyền và tôn giáo Việt Nam* của tác giả Đỗ Quang Hưng (2022), tập 1: *Tôn giáo và xã hội*, Tập 2: *Tôn giáo và luật pháp*, tập 3: *Tôn giáo và Nhà nước* [51, 52, 53]. Đây là công trình khoa học lớn, tác giả ngoài việc khảo cứu quan điểm tôn giáo các nước trên thế giới, còn chỉ rõ quá trình hình thành, phát triển của chính sách tôn giáo Việt Nam, có nhận định: Đại thể, với các nước Âu - Mỹ, việc quản lý nhà nước về tôn giáo cơ bản theo nguyên tắc như các thành tố của xã hội dân sự và chịu sự tác động của hệ thống luật pháp như mọi thành phần khác trong xã hội. Những luận cứ khoa học này cần tham khảo trong thực hiện mô hình giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở Việt Nam nói chung, vùng ĐBSCL nói riêng.

- Sách: *Quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo ở Việt Nam hiện nay* của Hà Ngọc Anh (2020) [1]. Cuốn sách có 3 chương, chuyên khảo quản lý nhà nước về tôn giáo. Trong phần nghiên cứu quản lý tôn giáo một số nước trên thế giới và giá trị tham khảo đối với Việt Nam, kinh nghiệm từ Trung Quốc, tác giả chỉ ra: “Tăng cường công tác hướng dẫn và giáo dục đối với tầng ni và quản lý tín đồ. Đại bộ phận tầng ni là yêu nước và tuân thủ pháp luật, nhưng do sự thâm nhập chính trị của tập đoàn Lạt Ma, mà một số tầng ni không tuân thủ giáo lý, coi thường pháp luật, tiến hành hoạt động phân liệt. Vì vậy phải tăng cường giáo dục chủ nghĩa yêu nước, tuyên truyền Tây Tạng là một bộ phận không thể tách rời của Trung Quốc” [1, tr.50]. Luận điểm khoa học của tác giả cần nghiên cứu vận dụng trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở vùng ĐBSCL, bổ sung nội dung lịch sử, pháp lý đất và người Nam Bộ, Việt Nam.

- Sách: *Nguồn lực tôn giáo kinh nghiệm trên thế giới và ở Việt Nam* của Viện Tôn giáo và tín ngưỡng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2020) [43]. Với 635 trang, tập hợp nhiều bài viết của các chuyên gia đã làm

rõ lý luận chung về nguồn lực tôn giáo, kinh nghiệm quốc tế trong phát huy nguồn lực tôn giáo ở Đài Loan, Syria... Cuốn sách cung cấp nhiều thông tin quan trọng trong nhận diện vai trò của lãnh đạo tôn giáo trong bảo vệ môi trường, an sinh xã hội, giữ gìn an ninh trật tự... là cơ sở hoàn thiện, bổ sung nội dung giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

- Sách: *Tôn giáo và chính sách tôn giáo một số nước trên thế giới* (2023) của Nguyễn Thanh Xuân, Nguyễn Quỳnh Trâm [96]. Sách gồm 3 chương, đã phát họa một bức tranh khá toàn diện, nhiều màu sắc về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quy định pháp luật về hoạt động tôn giáo của một số nước trên thế giới. Từ đó gợi mở xây dựng dựng mô hình giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Sách: *Tiến trình nhận thức của Đảng Cộng sản Trung Quốc về tôn giáo từ năm 1949 đến nay* của Phạm Thanh Hằng (2020) [38]. Công trình chuyên khảo này, tác giả nghiên cứu một cách tương đối hệ thống và toàn diện đối với tiến trình nhận thức của về tôn giáo của Đảng cộng sản Trung Quốc từ năm 1949 đến nay, từ đó chỉ ra sự nhận thức, ứng xử với tôn giáo, như quản lý chương trình giáo dục đối với nhân sĩ tôn giáo, nhất là nhân sĩ, chức sắc tôn giáo trẻ, nhất là giáo dục chính trị, lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết... Đây là công trình tham khảo quản lý giáo dục pháp luật ở Việt Nam.

- Sách: *Tập bài giảng môn học pháp luật Việt Nam trong cơ sở đào tạo tôn giáo* của Ban Tôn giáo Chính phủ (2020) [7]. Nội dung cuốn sách: “Nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật, tạo chuyển biến trong nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật... bao gồm những vấn đề chung nhất về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam. Bên cạnh đó, cuốn sách còn giới thiệu cụ thể một số vấn đề cơ bản của pháp luật chuyên ngành gồm: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự, pháp luật Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo và có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo”. Công

trình này có ý nghĩa định hướng về nội dung cơ bản, trọng tâm, chính yếu trong đào tạo kiến thức pháp luật nền cho chức sắc tôn giáo.

- Sách: *Giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay* của Lê Văn Lợi (chủ biên) (2018) [58]. Trong sách chuyên khảo này, nhóm tác giả thể hiện đầy đủ quan điểm giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo qua các giai đoạn lịch sử. Trong phần nghiên cứu kinh nghiệm từ việc giải quyết vấn đề tôn giáo ở Hoa Kỳ, Malaysia, Singapore, Trung Quốc, các tác giả rút những kinh nghiệm: Giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo trong mối quan hệ với độc lập, thống nhất đất nước, chủ quyền quốc gia và đoàn kết, đồng thuận xã hội; tập trung phát triển kinh tế xã hội; tạo lập cách thức quản lý tôn giáo khoa học; cảnh giác và kiên quyết đấu tranh chống các âm mưu và hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích xấu... Với Việt Nam, quyển sách đưa ra 8 nhóm giải pháp, trong đó có nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với đội ngũ chức sắc tôn giáo. Trước hết và hiệu quả nhất “bằng việc cung cấp, phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, động viên các chức sắc tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội”; “tranh thủ chức sắc, xây dựng cốt cán, có chế độ đãi ngộ về vật chất, có kế hoạch bồi dưỡng về chính trị cho đội ngũ chức sắc tiến bộ”; trong cơ sở đào tạo của tôn giáo “hướng dẫn chương trình, nội dung giảng dạy môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam” [58, tr.189]. Kết quả nghiên cứu này có giá trị áp dụng trong hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL trong thời gian tới.

- Sách: *Phát huy nguồn lực tôn trong phát triển ở Việt Nam hiện nay*, của Nguyễn Khắc Đức (chủ biên) (2022).[36]. Cuốn sách chuyên khảo về nguồn lực tôn giáo, trong đó có đề xuất áp dụng mô hình “Kéo” trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, “Cụ thể, luật quy định tổ chức tôn giáo được tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo theo quy định của pháp luật liên quan” [36, tr.237].

- *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền chính sách pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tín ngưỡng, tôn giáo*, Ban Tôn giáo Chính phủ (2021)[12]. Ban Tôn giáo Chính phủ đã nghiên cứu, khảo sát thực trạng, tổ chức biên soạn một cách công phu, bài bản, với sự tham gia biên soạn, góp ý, thẩm định của nhiều chuyên gia, nhà khoa học, các nhà quản lý am hiểu sâu sắc về tôn giáo. Nhiều số liệu thống kê đến năm 2021 đã phản ánh nhiều ưu điểm, hạn chế thực trạng truyền tải pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL, đào tạo chức sắc Phật giáo Nam tông Khmer...

- Sách: *Vùng đất Nam Bộ quá trình hình thành và phát triển*, tập 2, Phan Huy Lê (chủ biên) (2016) [59]. Quyển sách với các nội dung về đặc trưng tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa của cộng đồng cư dân, thiết chế quản lý ở xã hội, tộc người và quan hệ tộc người ở Nam Bộ; Nam Bộ trong tiến trình Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới; Nam Bộ một không gian lịch sử - văn hóa đa dạng và năng động. Công trình cung cấp nhiều luận cứ quan trọng về chính sách dân tộc, tôn giáo Nam Bộ nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng. Những luận cứ khoa học này làm nền tảng trong đánh giá về thực trạng và đề xuất giải pháp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở vùng có “tính đa tầng lịch sử”; đặc thù về dân tộc, tôn giáo.

- Sách: *Phật giáo Nam tông Khmer vùng Tây Nam Bộ và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam*, của PGS.TS Hoàng Minh Đô - PGS. TS Nguyễn Phú Lợi (đồng chủ biên) (2022)[35]. Công trình nghiên cứu chuyên sâu với chương mở đầu và 7 chương, hệ thống hóa các vấn đề lớn từ tổ chức Phật giáo Nam tông Khmer vùng Tây Nam Bộ, đến chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với Hội đoàn kết sư sãi yêu nước, tổ chức Phật giáo Nam tông Khmer. Đặc biệt các tác giả đã chỉ ra các nhân tố tác động đến Phật giáo Nam tông Khmer, trong đó có hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo: Mở rộng quan hệ với Phật giáo các nước trong khu vực và trên thế giới, sự suy giảm đội ngũ sư sãi... Đây là những luận cứ khoa học có ý nghĩa cho

ngiên cứu sinh xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo nói chung, chức sắc Phật giáo Nam tông Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn mới.

- Bài viết: *“Giải pháp giải quyết các vấn đề dân tộc và tôn giáo ở vùng Tây Nam Bộ”* của Phạm Ngọc Hòa (2018), Tạp chí Tổ chức nhà nước [108], tác giả phân tích, chỉ ra: “Lợi thế lớn nhất về tôn giáo vùng Tây Nam Bộ là các tôn giáo có truyền thống đoàn kết, tôn trọng lẫn nhau”. Song, tôn giáo cũng có một số vấn đề đáng quan tâm, trong đó có Phật giáo Nam tông Khmer và Hồi giáo Islam. Tình trạng khiêu khích đòi lại nhà, đất tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo không theo pháp luật... còn xảy ra. Một số “đạo lạ” xuất hiện những năm gần đây. Tác giả đề xuất các tỉnh, thành vùng Tây Nam Bộ “cần tập trung nâng cao ý thức người dân qua các hình thức tuyên truyền vận động để cộng đồng các dân tộc hiểu thêm về các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về dân tộc và tôn giáo... đề ra các chính sách hợp lý, nhất quán để đồng bào vừa giữ gìn được truyền thống văn hóa của dân tộc mình, vừa thực hành tín ngưỡng tôn giáo trong khuôn khổ của pháp luật. Đồng thời, cần kiên quyết đấu tranh chống lại các hành vi lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch nhằm kích động, gây chia rẽ mối quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam”.

- Sách: *Vùng đất Nam Bộ (tập VII) Đặc trưng tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa*, Ngô Văn Lệ (chủ biên) (2017) [60]. Trong công trình này, tác giả thống kê về cơ bản, phản ánh đầy đủ số lượng, chất lượng nguồn nhân lực tôn giáo vùng ĐBSCL; đội ngũ chức sắc, vật lực của 13 tôn giáo vùng ĐBSCL vào năm 2017. Số liệu thống kê này có ý nghĩa trong đánh giá thực trạng về chủ thể, đối tượng, các điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

- Sách: *Phát huy vai trò của chức việc trong vận động tín đồ tôn giáo thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo ở khu vực đồng bằng Sông Cửu Long*,

Huỳnh Thanh Quang (chủ biên) (02021) [71]. Tài liệu cung cấp dữ liệu khảo sát về chức sắc, chức việc phối hợp với với các cơ quan, tổ chức trong phổ biến Luật tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng ĐBSCL cho thấy: “Thường xuyên” chiếm tỷ lệ 40,4%; “không thường xuyên” chiếm tỷ lệ 6,2%; “theo kế hoạch định kỳ” chiếm tỷ lệ 51,8% và “ít phối hợp” chiếm tỷ lệ 1,6% [71, tr.66]. Kết quả trên là tiền đề nghiên cứu sinh tiếp tục nắm bắt thêm thực trạng về chủ thể, cơ chế, yêu cầu tăng cường chặt chẽ hơn nữa sự phối hợp này.

- Sách: *Hoạt động an sinh xã hội của một số tôn giáo nội sinh ở Tây Nam Bộ hiện nay*, Nguyễn văn Sỹ (chủ biên) (2022) [80]. Công trình chuyên khảo này, nhóm tác giả nghiên cứu cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng về hoạt động an sinh xã hội của một số tôn giáo nội sinh ở Tây Nam Bộ. Từ đó đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động an sinh xã hội của một số tôn giáo nội sinh ở Tây Nam Bộ. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra đặc trưng chức sắc tôn giáo nội sinh bằng nhập thế để cứu đời (cứu thế) trong thực hiện an sinh xã hội, quan hệ xã hội, cộng đồng dân cư Tây Nam Bộ.

- *Tài liệu tín ngưỡng tôn giáo ở khu vực Tây Nam Bộ hiện nay*, Viện nghiên cứu tôn giáo (2022) [103]. Ở tài liệu này, các tác giả từ phân tích thực trạng tổ chức, hoạt động các tôn giáo, chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL, có nhận định: “Các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng đều được tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi, chính sách, pháp luật về tôn giáo từng bước được hoàn thiện. Tuy nhiên, cũng như các tôn giáo khác, hoạt động phật sự của đồng bào dân tộc Khmer vẫn tồn tại những khó khăn bất cập, tiềm ẩn những yếu tố phức tạp và nảy sinh một số vụ việc cần được quan tâm khắc phục” [103, tr.226]. Đây là luận điểm cần tiếp tục đánh giá thực trạng về vai trò của chức sắc phật giáo Nam tông Khmer, trong công tác tôn giáo, giáo dục pháp luật.

- Sách: *Đạo Cao Đài hai khía cạnh lịch sử và tôn giáo* của Nguyễn Thanh Xuân (2014) [93]. Đây là quyển sách chuyên khảo về đạo Cao Đài từ năm 1926 đến giai đoạn đất nước đổi mới; đạo Cao Đài tiếp nối đường hướng

“Nước vinh Đạo sáng”. Trong phần một số nhận xét thay kết luận, tác giả viết: “... từ khi đất nước đổi mới đến nay, tín đồ, chức sắc các Hội thánh Cao Đài tràn ngập niềm vui của sự chấn hưng nền Đạo theo đúng chánh pháp, trong sự tôn trọng và hỗ trợ của Nhà nước và sự đảm bảo của pháp luật”. Nội dung quyển sách gợi mở nhiều vấn đề trong phối hợp giữa Giáo hội với Nhà nước trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo nội sinh nói chung và chức sắc Cao Đài nói riêng.

- Sách: *Chức sắc Phật giáo Nam tông Khmer trong phổ biến, giáo dục pháp luật vùng đồng bằng sông Cửu Long (2019)* của Đặng Viết Đạt, Hoàng Thị Quyên [33]. Từ quan điểm của Đảng, các tác giả đề xuất các giải pháp giáo dục pháp luật cho chức sắc Phật giáo Nam tông, đồng thời kiến nghị chính sách huy động chức sắc tôn giáo tham gia giáo dục pháp luật. Đây là công trình nghiên cứu chuyên khảo về giáo dục pháp luật cho chức sắc Phật giáo Nam tông Khmer ở vùng ĐBSCL.

- Luận án tiến sĩ Luật học của Dương Thành Trung (2015), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [87], cùng với lý luận, thực trạng của chủ đề, trên cơ sở xác định 6 nhóm quan điểm, luận án đưa ra 4 nhóm giải pháp: Ý thức trách nhiệm của chủ thể, đối tượng; nội dung, phương pháp; điều kiện; xã hội hóa giáo dục pháp luật. Công trình này cũng phản ánh thực trạng dân tộc Khmer ở ĐBSCL hầu hết là tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer, những giải pháp trên gắn liền với chức sắc, tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer.

Các công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long, đã có nhiều đóng góp về lý luận và phản ánh sinh động thực trạng giáo dục pháp luật cho chức sắc một số tôn giáo, cũng như lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ. Kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học rất quý báu, mở ra góc nhìn mới về nguồn lực tôn giáo trong phát triển vùng ĐBSCL, trong đó có hoạt động giáo

dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo. Tuy nhiên các công trình này tiếp cận vấn đề giáo dục pháp luật nằm trong hoạt động nghiên cứu liên quan đến công tác tôn giáo, quản lý nhà nước về tôn giáo, chính sách dân tộc hoặc giáo dục pháp luật cho một tôn giáo... chưa có công trình chuyên sâu, chuyên khảo về giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở NƯỚC NGOÀI

Trên thế giới, nhất là các nước phương tây, pháp luật quốc gia xác định các tổ chức tôn giáo như các đoàn hội khác trong xã hội và thực hiện giáo dục pháp luật đến chức sắc như các tổ chức các đoàn hội khác, song trong hoạt động các tổ chức tôn giáo được Nhà nước ưu đãi về thuế, khuyến khích thực hiện an sinh xã hội, góp nguồn lực trong phát triển cộng đồng, tham gia hoạt động giáo dục pháp luật với nhiều hình thức (mở trường đào tạo, phổ biến pháp luật, xuất bản sách...). Vì vậy, với chủ đề của luận án, rất ít công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài liên quan đến lý luận và thực trạng về giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc biệt vùng ĐBSCL ở Việt Nam. Một số công trình nghiên cứu về chính sách tôn giáo một số quốc gia trên thế giới, Việt Nam có đề cập đến nội dung giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo trên thế giới, giáo dục pháp luật cho một nhóm đối tượng cụ thể ở nước ngoài và Việt Nam. Đồng thời có một số công trình nghiên cứu chung về dân tộc, tôn giáo vùng ĐBSCL, có đề cập một phần nội dung liên quan đến hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo của vùng, tiêu biểu có các công trình:

- Sách: *Tôn giáo Mỹ đương đại* (2009) của tác giả Lưu Bành (Trung Quốc) [17]. Công trình đã hệ thống tôn giáo Mỹ có 4 đặc điểm chính: Tôn giáo Mỹ gắn liền lịch sử nước Mỹ, ảnh hưởng đến văn hóa, pháp luật... Quốc gia đa nguyên về tôn giáo, thực hiện “chính giáo phân ly”; nhiều đoàn thể tôn giáo phát triển và tôn giáo Mỹ biến đổi liên tục. Các chức sắc tôn giáo nước Mỹ tiếp cận pháp luật qua cách thức cơ bản sau: Học tập từ hệ thống trường đào tạo của các tôn giáo, hơn 1.200 trường, trong đó có nhiều trường Đại học

nổi tiếng như Đại học Harvard, Đại học Yale, Trường Luật, Đại học tổng hợp San Francisco (USF), thông qua 1.223 đài phát thanh và 100 nhà xuất bản sách tôn giáo... Tài liệu nguồn thông tin tham chiếu để đề xuất mô hình giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

- Luận án tiến sĩ Luật của tác giả Súc Ni Lăn Đon Kun Lạ Vông (2015), *Giáo dục pháp luật trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [78]. Luận án cung cấp bức tranh tổng thể về dung lượng kiến thức, phương pháp giảng dạy pháp luật; đội ngũ giáo viên giảng dạy pháp luật đảm bảo chất lượng trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh Lào. Với công trình này ý nghĩa tham khảo về nội dung, hình thức, phương pháp, chủ thể giáo dục pháp luật qua bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho chức sắc tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

- Sách: *Cham Muslims of the Mekong Delta* (Người Chăm theo đạo Hồi ở ĐBSCL) (2007) của Philip Taylor [114]. Công trình xác định người Chăm có sự tiếp xúc và tiếp nhận những yếu tố văn hóa của cộng đồng xung quanh, gần nhất là người Kinh và Khmer, họ thích nghi và hòa hợp với thế giới Hồi giáo, Hồi giáo Islam (Chăm Islam), đoàn kết, hòa hợp tôn giáo trong vùng ĐBSCL, hành xử theo pháp luật.

- Luận án Tiến sĩ của tác giả Y. S. Werner (1976), nhà nghiên cứu người Mỹ tại Trung tâm nghiên cứu Nam Á thuộc Viện Đại học Yale, bang Connecticut trong Luận án Tiến sĩ: *The Cao đài: The politics of a Vietnamese Syncretic Religious Movement: Đạo Cao Đài - Chính trị của một phong trào tôn giáo tổng hợp* [112], tác giả chỉ ra nguyên nhân Đạo Cao Đài ra đời ở Nam bộ gắn liền bối cảnh của vùng đất mới ở phương Nam, nông dân - là tín đồ với địa chủ, tư sản - là chức sắc; là tôn giáo nội sinh vùng Nam Bộ.

- Nghiên cứu khảo cổ học văn hóa Óc Eo có tác giả L.Marellet (Nhà khảo cổ người Pháp ở Trường Bác cổ Viễn Đông). Năm 1944, sau khi phát

hiện ra văn hóa Óc Eo, ông đã tiến hành khai quật di tích này ở gần núi Ba Thê (An Giang), từ năm 1959 đến 1963 ông đã cho ra đời một công trình đồ sộ mang tên Khảo cổ học ĐBSCL (L'Archeologie du Delta du Mékong) gồm 4 tập: Sự khám phá khảo cổ học và những cuộc khai quật Óc Eo (L'Exploration archéologique et les fouilles d'Oc Eo) gồm 473 trang và 47 trang bản vẽ; Nền văn minh vật chất Óc Eo (La civilisation matérielle) gồm 397 trang và 152 trang bản vẽ; Nền văn hóa Phù Nam (La culture du Founam) gồm 500 trang và 101 trang bản vẽ; Khảo cổ học bên này sông Bassac (Le Cisbassac). Nghiên cứu sinh tiếp cận gián tiếp công trình này qua các công bố khoa học của các tác giả Ngô Văn Lệ (chủ biên), Vùng đất Nam bộ, tập VII (2017) [60, tr59]. Công trình nghiên cứu này góp phần khẳng định, vùng đất Nam Bộ ngày nay từ xa xưa đã có con người sinh sống, hình thành nên vương quốc Phù Nam. Đây là cơ sở xác định chủ quyền vùng đất Nam Bộ trong xây dựng khung chương trình giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

- Sách: *Chân Lạp phong thổ ký* (2007) của Châu Đạt Quan (người Trung Quốc) [115] người có dịp đến vùng đất Nam Bộ vào năm 1296 - 1297, đã mô tả vùng đất này như sau: “Hầu hết là rừng thấp cây rậm. Sông dài cảng rộng, kéo dài mấy trăm dặm cỏ thụ rậm rạp, mây leo um tùm, tiếng chim muông chen lẫn nhau ở trong đó. Đến nửa cảng mới thấy ruộng đồng rộng rãi, tuyệt không có một tác cây. Nhìn xa chỉ thấy cây lúa rờn rờn mà thôi. Trâu rừng hợp nhau thành từng đàn trăm ngàn con, tụ tập ở đây. Lại có giống đất đầy tre dài dằng dặc mấy trăm dặm. Loại tre đó, đốt có gai, măng rất đắng” [115, tr.45-46]. Công trình góp phần làm rõ thêm lịch sử đất và người Nam Bộ, Việt Nam.

1.3. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU TRONG LUẬN ÁN

1.3.1. Nhận xét, đánh giá về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Về lý luận: nhìn từ những công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật cho một số nhóm đối tượng xã hội ngày càng phong phú, ở

những góc độ khác nhau, nhiều nội dung lý luận chung về giáo dục pháp luật đã được đề cập như: Khái niệm, đặc điểm, các yếu tố cấu thành... Riêng giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL, hiện chỉ có các tài liệu đề cập ở tôn giáo cụ thể (Cao Đài, Phật giáo...), chưa bao quát hết 13 tôn giáo ở Tây Nam Bộ. Song song đó, chưa có công trình nghiên cứu toàn diện về cơ chế pháp lý, nội dung, phương thức và điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật đối với chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL. Mặt khác định nghĩa chức sắc tôn giáo trong Luật tín ngưỡng, tôn giáo còn nhiều bất cập, chưa thật sự thống nhất về nhận thức, cách thức tiếp cận giữa chủ thể với đối tượng giáo dục pháp luật, nên gặp nhiều khó khăn trong tổ chức thực hiện giáo dục pháp luật, thống kê chức sắc tôn giáo. Đây là “khoảng trống” cần nghiên cứu trong khoa học Lý luận và Lịch sử Nhà nước và pháp luật.

Về thực tiễn: Nhiều báo cáo, kết quả khảo sát thực trạng về công tác tôn giáo, vai trò của chức sắc, chức việc tôn giáo trong phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật ... được nghiên cứu, hệ thống hóa làm căn cứ để hoạch định chính sách chung ở tầm vĩ mô cho công tác tôn giáo, phổ biến giáo dục pháp luật của cả nước. Tuy nhiên, tài liệu thực trạng giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL ở Việt Nam rất ít, thiếu đồng bộ, toàn diện; chưa có chương trình bồi dưỡng cập nhật kiến thức pháp luật hàng năm cho chức sắc tôn giáo.

Về quan điểm và giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL: Trong các công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật đã nêu lên quan điểm và các giải pháp tăng cường giáo dục pháp luật các đối tượng xã hội (trong đó có chức sắc tôn giáo). Song, chưa có công trình chuyên sâu, toàn diện cũng như đề xuất giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL từ quán triệt sự chỉ đạo của Đảng, thực hiện nghiêm túc nội dung pháp luật; áp dụng hình thức, phương pháp giáo dục

pháp luật hiện đại, tích cực phù hợp các yếu tố đặc thù vùng ĐBSCL; phát huy vai trò của chức sắc tôn giáo trong phối hợp các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tham gia giáo dục pháp luật; phát huy điều kiện, nguồn lực tôn giáo vào giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

1.3.2. Những vấn đề đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu

Qua tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, nghiên cứu sinh giải quyết vấn đề: “*Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam*”, cụ thể sau:

** Về lý luận:*

- Ở chương 2, nghiên cứu sinh xây dựng định nghĩa chức sắc tôn giáo, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo; luận giải đặc điểm, vai trò của hoạt động giáo dục này.

- Phân tích các yếu tố: Chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật và các điều kiện đảm bảo giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo; tìm hiểu chính sách tôn giáo một số nước trên thế giới nhằm tìm ra bài học kinh nghiệm đối với giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở Việt Nam.

** Về thực trạng:*

- Ở chương 3, luận án phân tích các yếu tố về tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội; tổ chức bộ máy; tình hình tôn giáo và chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL ở Việt Nam.

- Xác định những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

** Về quan điểm, giải pháp:*

Ở chương 4, nghiên cứu sinh hệ thống các quan điểm, đề xuất giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL ở Việt Nam trong giai đoạn mới.

1.4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

Xuất phát từ lý luận và thực tiễn giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, xác định các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị ở vùng ĐBSCL cần tăng cường nữa công tác giáo dục pháp luật cho chức sắc các tôn giáo trên địa bàn, qua nhiều hình thức, phương pháp, cơ chế phối hợp hoạt động thật sự thiết thực và hiệu quả.

Giả thuyết khoa học:

Giữa nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật và ý thức pháp luật, hành vi xử sự của đội ngũ chức sắc các tôn giáo vùng ĐBSCL có mối liên hệ nhân quả tất yếu với nhau; do đó: Nếu thực hiện tốt giáo dục pháp luật cho chức sắc các tôn giáo thì kiến thức, ý thức pháp luật của họ sẽ nâng cao; hạn chế được tình trạng vi phạm pháp luật; giúp đội ngũ này có khả năng tốt hơn trong vận dụng pháp luật vào mục tiêu “tốt đời, đẹp đạo”; tích cực trong giáo dục pháp luật cho chức sắc các tôn giáo vùng ĐBSCL.

Câu hỏi nghiên cứu

Luận án tập trung trả lời cho các câu hỏi sau:

Câu hỏi 1: Vì sao phải giáo dục pháp luật cho các chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL ở Việt Nam hiện nay?

Câu hỏi 2: Giáo dục pháp luật cho các chức sắc tôn giáo của ĐBSCL có những yếu tố, điều kiện đặc thù gì so với các đối tượng khác?

Câu hỏi 3: Với thực trạng GDPL cho các chức sắc tôn giáo của ĐBSCL hiện nay đòi hỏi cần phải thực hiện như thế nào là phù hợp?

Kết luận chương 1

Thời gian qua đã có nhiều công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật cho một số đối tượng cụ thể nói riêng, song những công trình nghiên cứu giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL không nhiều, phiến diện. Các sản phẩm khoa học đã luận giải từ lý luận đến thực trạng và có những giải pháp nâng chất giáo dục pháp luật. Tuy nhiên cho đến hiện nay ở nước ta chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo như luận án này.

Chính vì thế, nhiệm vụ đặt ra cho luận án là trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có cần làm sáng tỏ cơ sở lý luận, nhìn đúng thực trạng về giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL thời gian qua và hệ thống hóa các quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, tìm ra những giải pháp mới, xác đúng cho hoạt động này trong thời gian tới đạt nhiều hiệu quả tích cực.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

2.1.1. Khái niệm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long

Trên diễn đàn khoa học pháp lý, vấn đề giáo dục pháp luật được các học giả đề cập, với nhiều quan điểm, cách hiểu, diễn đạt tùy theo cách tiếp cận, mục tiêu nghiên cứu. Có thể hệ thống hóa các cách tiếp cận nội hàm giáo dục pháp luật hiện nay:

Theo nghĩa rộng, giáo dục pháp luật được khẳng định là một bộ phận, “một hệ thống con của hệ thống giáo dục nói chung, là một hoạt động có tính độc lập tương đối và có mối quan hệ tương hỗ với các hệ thống con khác như kinh tế, chính trị, văn hóa, đạo đức...” [107]; “Giáo dục pháp luật được coi là một bộ phận của hệ thống giáo dục nói chung. Theo đó, đây là quá trình giáo dục cá nhân nói chung và giáo dục pháp luật nói riêng nhằm cung cấp những tri thức pháp luật cho người được truyền thụ; hoạt động này chịu sự tác động và chi phối của rất nhiều yếu tố xã hội” [33, tr.69] ...

Theo nghĩa hẹp, tác giả Trần Thị Sáu cho rằng: “Giáo dục pháp luật là hoạt động thực tiễn xã hội thực hiện sự tác động một cách thường xuyên, hệ thống lên đối tượng giáo dục nhằm trang bị kiến thức, xây dựng thái độ, niềm tin pháp luật một cách đúng đắn đồng thời giáo dục kỹ năng thích ứng cũng như xử lý các tình huống trong cuộc sống theo pháp luật, thúc đẩy mọi công dân tự giác và chủ động thực hiện nghiêm minh pháp luật” [76, tr.29]. Hay tác giả Nguyễn Quốc Sứ xác định: Giáo dục pháp luật là quá trình tác động (hoạt động) có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch của nhà giáo dục (chủ thể

giáo dục pháp luật) để chuyển tải, truyền đạt những nội dung (thông tin, tri thức về các bộ luật, đạo luật...) thông qua các phương pháp giáo dục khoa học và hình thức giáo dục phù hợp tới đối tượng tiếp nhận giáo dục pháp luật nhằm đạt được những mục tiêu, hiệu quả giáo dục nhất định [79, tr.71-72]. “Giáo dục pháp luật theo nghĩa này được hiểu là một dạng hoạt động có tổ chức, có mục đích, có tính định hướng tác động lên các đối tượng giáo dục nhằm làm hình thành ở họ tri thức pháp luật, tình cảm đối với pháp luật và hành vi xử sự phù hợp với pháp luật hiện hành” [55, tr.335]. Hiện nay ở Việt Nam khi bàn vấn đề này, thường hợp nhất thành thuật ngữ: Phổ biến, giáo dục pháp luật. “Phổ biến pháp luật” và “giáo dục pháp luật” “có mục đích chung là giáo dục ý thức pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho mọi người” [92, tr.9-10]. “Phổ biến pháp luật có mục tiêu là làm cho người ta biết nội dung của pháp luật, còn giáo dục pháp luật không chỉ có mục đích làm cho người ta biết nội dung của pháp luật và ý nghĩa của các quy định pháp luật mà còn giúp các chủ thể hiểu và có thái độ, tình cảm niềm tin đối với pháp luật; hình thành các kỹ năng ứng xử, hành vi tích cực theo các chuẩn mực pháp luật” [37, tr.47]. Xét một cách toàn diện, phổ biến cũng thuộc phạm trù giáo dục pháp luật nói chung.

Qua đó, điểm chung nhất của giáo dục pháp luật là quá trình tác động có định hướng của chủ thể giáo dục đến con người (đối tượng giáo dục pháp luật), từ đó hình thành ở họ tri thức pháp luật, tình cảm đối với pháp luật và hành vi xử sự phù hợp với pháp luật. Đây là hoạt động chịu sự tác động các điều kiện không gian địa lý, năng lực của đội ngũ hoạt động giáo dục pháp luật ...

*** Chức sắc tôn giáo**

Tôn giáo có nhiều định nghĩa, cách tiếp cận ở các chiều cạnh khác nhau. Con người sáng tạo ra tôn giáo, song bị tôn giáo chi phối lại trong cuộc sống hàng ngày. Tôn giáo được phân chia thành nhiều loại: Tôn giáo thế giới, tôn giáo dân tộc, tôn giáo nội sinh, tôn giáo bản địa... Theo pháp luật Việt Nam:

“Tôn giáo là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động bao gồm đối tượng tôn thờ, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức” [70]. Chức sắc là thuật ngữ dành cho những người lãnh đạo, gắn với các nghi lễ, hướng dẫn thực hành tôn giáo. Đây là lực lượng đặc biệt, quyết định đường hướng hoạt động của Giáo hội tôn giáo. Chức sắc có những tên gọi khác nhau được quy định bởi giáo lý, quy phạm của tổ chức tôn giáo đó, có thứ bậc, phẩm cấp khác nhau. Trong Công giáo không dùng thuật ngữ chức sắc để chỉ đội ngũ lãnh đạo của tôn giáo mình. Chức sắc tôn giáo trong Công giáo tên gọi giáo sĩ được sử dụng chính thức [66, tr.17]. Giáo sĩ là “người truyền đạo Thiên chúa từ chức linh mục trở lên” [100, tr.734]. Cùng với định nghĩa tôn giáo, pháp luật cũng quy định: “Tín đồ là người tin, theo một tôn giáo và được tổ chức tôn giáo đó thừa nhận” [70]. Trên thực tế, tín đồ các tôn giáo thường được gọi đồng bào có đạo, giáo dân, đồng bào có tôn giáo... Hoặc thường nghe gọi tín đồ Công giáo gọi là giáo dân, Phật giáo là Phật tử, Tin Lành là tín hữu... Trong Luận án này, giáo dân, đồng bào có đạo, có tôn giáo dùng để diễn đạt tín đồ các tôn giáo.

Theo Luật tín ngưỡng, tôn giáo: “Chức sắc là tín đồ được tổ chức tôn giáo phong phẩm hoặc suy cử để giữ phẩm vị trong tổ chức” [70]. Do vậy, chức sắc tôn giáo phải hội đủ 2 yếu tố: Thứ nhất là tín đồ một tôn giáo; thứ hai là “tín đồ đặc biệt” (có phẩm sắc hoặc phẩm vị trong tôn giáo). Trong Phật giáo, chức sắc là các tăng, ni - tính từ phẩm thượng tọa, hòa thượng (đối với tăng), phẩm ni sư, ni trưởng (đối với ni) trở lên; Giáo sĩ Công giáo bao gồm các phẩm: linh mục, giám mục, tổng giám mục, hồng y; đạo Cao Đài từ phẩm lễ sanh trở lên đến phẩm giáo tông và các phẩm khác tương đương (chức sắc cửu trùng đài gồm: lễ sanh, giáo hữu, giáo sư, phối sư, chánh phối sư, đầu sư, thượng phẩm - thượng sanh, giáo tông); đạo Tin lành là mục sư, truyền đạo...

Căn cứ định nghĩa trên, một số tôn giáo nội sinh vùng ĐBSCL ở Việt Nam không có chức sắc như: Hòa Hảo, Bửu Sơn Kỳ Hương... những người

lãnh đạo tôn giáo này không được phong phẩm, song đây là những người có uy tín, có trọng trách hành đạo, noi gương người sáng lập đạo để phát triển tôn giáo mình. Do đó theo quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu, thuật ngữ “chức sắc tôn giáo có nội hàm rộng hơn nó không chỉ đề cập đến những người giữ chức vụ hay được phong “phẩm sắc tôn giáo” mà còn bao gồm tất cả những người có trọng trách trong hành đạo và truyền đạo” [33, tr.54]. Nói cách khác nhận thức về chức sắc tôn giáo hiện nay chưa có sự nhất quán, đồng bộ trong các cơ quan, đơn vị và các tổ chức tôn giáo.

Với quy định pháp luật: “Chức việc là người được tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo bổ nhiệm, bầu cử hoặc suy cử để giữ chức vụ trong tổ chức” [70]. Do vậy, chức sắc có chức vụ trong Giáo hội là chức việc, nên có vị vừa là là chức sắc vừa là chức việc, có vị là chức sắc nhưng không là chức việc.

Theo quan niệm truyền thống của một số tôn giáo, nhất là tôn giáo nội sinh, chức sắc là đương nhiên người có chức vụ trong tôn giáo, chức sắc đều phải qua bầu cử hoặc suy cử. Hiến chương Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh, Cao Đài Tiên Thiên...đều có quan niệm chức sắc hình thành từ sự tu tập của chức việc phát triển lên: “Điều 9: Thành phần của tôn giáo Cao Đài Toà thánh Tây Ninh gồm: chức sắc, chức việc và tín đồ.

b. Chức việc: Thông sự, Phó Trị sự, Chánh Trị sự nam hay nữ là những tín đồ tiêu biểu, tự nguyện tham gia vào đạo sự tại cơ sở, được đồng đạo nơi địa phương đó tín nhiệm công cử lên.

c. Chức sắc: Là những chức việc hoặc tín đồ có công nghiệp với đạo pháp theo quy định, hoặc tốt nghiệp nơi trường đào tạo chức sắc do Hội thánh tổ chức, được cầu phong, cầu thăng từ phẩm Lễ sanh và phẩm tương đương đến phẩm cao nhất theo luật công cử” [18, tr.3].

Từ việc tiếp cận định nghĩa chức sắc tôn giáo khác nhau, nên thống kê số liệu chức sắc tôn giáo có nhiều số liệu không thống nhất nhau. Ví dụ: Bộ

Thông tin và Truyền thông (2021), biên soạn công trình nghiên cứu: Sự chuyển biến của tôn giáo Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng 4.0, thống kê số liệu chức sắc tôn giáo năm 2020, trong đó Tứ ân Hiếu nghĩa có 500 chức sắc, 24 chức việc; Bửu sơn Kỳ hương có 49 chức sắc [15, tr.173-174]. Căn cứ vào Khoản 8, Điều 2 Luật tín ngưỡng, tôn giáo thì Bửu sơn Kỳ hương có truyền thống không hình thành tổ chức Giáo hội trong toàn đạo, do đó không chức sắc. Thống kê từ Ban Tôn giáo Chính phủ, “số lượng chức sắc, chức việc của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa tính đến tháng 04/2021 có khoảng 500 người (trong đó có 24 vị Trưởng gánh còn lại là chức việc - Cư sĩ, Thông tín và Thủ lễ)” [12, tr.179]. Do vậy, Tứ Ân Hiếu Nghĩa cả nước chỉ có 24 chức sắc. Mặt khác, “Số liệu thống kê số lượng tín đồ đạo Cao Đài hiện nay có sự chênh lệch giữa chính quyền nhà nước và tổ chức tôn giáo” [12, tr.110]. Số liệu thống kê năm 2017, tác giả Hà Ngọc Anh: “Phật giáo Hòa Hảo: Cả nước hiện có gần 1,4 triệu tín đồ, 24 chức sắc, 1.600 chức việc...” [1, tr.164]; theo Bộ Thông tin và Truyền thông (2022), thống kê số liệu 16 tôn giáo vào năm 2020, Phật giáo Hòa Hảo có 70 chức sắc [15, tr.173] Trong khi đó, “Phật giáo Hòa Hảo không có hàng ngũ chức sắc xuất gia tu hành, không có hàng giáo phẩm làm trung gian giữa tín đồ với đảng siêu nhiên, bình đẳng trong sinh hoạt tôn giáo” [12, tr.127] ... Điều đó minh chứng nhận thức về chức sắc tôn giáo chưa thống nhất giữa các cơ quan nhà nước, nhà khoa học với các Giáo hội.

Chính vì thế, cần làm rõ nội hàm thuật ngữ “chức sắc tôn giáo”, nhằm xây dựng nền tảng cơ sở lý luận giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo bảo đảm tính khoa học, tính thực tiễn ở Việt Nam hiện nay, góp phần thực hiện quy định của Đảng: “Đưa nội dung tôn giáo và tổng điều tra dân số và nhà ở để làm cơ sở cho công tác hoạch định chủ trương, chính sách, pháp luật” [13].

Trong công trình nghiên cứu rất đồ sộ tại Đại từ điển Tiếng Việt, do Nguyễn Như Ý chủ biên, Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin, ấn hành năm

1998 thì: “Chức sắc là người có chức vị trong một số tôn giáo” [100, tr.413]. “Chức sắc là chức - phẩm” [2, tr.188].

Từ điển bách khoa Công an nhân dân Việt Nam của Viện Chiến lược và Khoa học công nghệ, Bộ Công an (2005) định nghĩa: Chức sắc là “danh hiệu chỉ những người có chức vụ trong bộ máy chính quyền hoặc trong một số tôn giáo”; “tín đồ có chức vụ, phẩm sắc trong tôn giáo” [104, tr.431-432]. Chức sắc là người trực tiếp hướng dẫn lễ nghi tôn giáo, thuyết pháp, phổ biến giáo lý (hành đạo, truyền đạo); quản lý tổ chức, nhân sự, phát triển công nhận tín đồ, xét đề bạt chức sắc kế cận (quản đạo).

Tác giả Ngô Hữu Thảo, trong đề tài khoa học cấp Bộ năm 2009, “Thực trạng đội ngũ chức sắc một số tôn giáo lớn ở nước ta và những vấn đề đặt ra”, cho rằng: “Chức sắc tôn giáo là những tín đồ tôn giáo, những người có vai trò lớn trong các hoạt động tôn giáo như: Truyền đạo, hành đạo và quản đạo được cộng đồng, tổ chức tôn giáo suy tôn và thừa nhận” [90, tr.12].

Qua đó, chức sắc tôn giáo có vị trí, vai trò rất quan trọng trong cộng đồng tín ngưỡng, tôn giáo, họ là nòng cốt, trọng yếu, chủ chốt, là trụ cột, cốt cán, lãnh đạo, rường cột, người đứng đầu, đại diện của các tôn giáo, người chuyên hoạt động tôn giáo, quyết định đường hướng của các Giáo hội trong hành đạo, quản đạo và truyền đạo. Chức sắc tôn giáo cần hội đủ 3 yếu tố căn bản: *Một là*, chức sắc trước hết phải là tín đồ của một tôn giáo - “tín đồ đặc biệt”. *Hai là*, họ phải là người có chức vụ nhất định trong Giáo hội, điều hành, quản lý nền “hành chính đạo” và gắn với đó là những vị trí cao thấp khác nhau (chức vụ) do mỗi người đảm trách. *Ba là*, họ còn phải có phẩm sắc (phẩm trật) tôn giáo cho hưởng theo giáo lý, giáo luật chiếu theo công trạng, công lao tu tập, đạo hạnh, thời gian tu tập và cống hiến của họ cho tôn giáo đó.

Do vậy, *chức sắc tôn giáo (chức sắc) là tín đồ có chức vụ, phẩm sắc, giữ vị trí, vai trò lớn trong các hoạt động hành đạo, quản đạo và truyền đạo, được cộng đồng, tổ chức tôn giáo suy tôn và thừa nhận.*

**** Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long***

Giáo dục pháp luật từ sự tiếp cận là quá trình tác động lên đối tượng nhằm trang bị kiến thức, xây dựng thái độ, niềm tin pháp luật một cách đúng đắn, đồng thời giáo dục kỹ năng thích ứng cũng như xử lý các tình huống trong cuộc sống theo pháp luật, thúc đẩy mọi công dân có tri thức, tình cảm, sống theo pháp luật.

Theo đó, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo là hoạt động có tổ chức, mục tiêu do các chủ thể tiến hành theo nội dung, hình thức, phương pháp nhất định, nhằm hình thành ở chức sắc tri thức, tình cảm, niềm tin pháp luật và hành vi, lối sống phù hợp với quy định pháp luật.

Qua khái niệm về giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, cho thấy mục tiêu của hoạt động này cả chủ thể và đối tượng đều mong muốn đạt được: Nhận thức đúng kiến thức pháp luật từ cơ bản đến chuyên sâu; có tư tưởng, thái độ tích cực trong tư duy pháp lý; tạo lập hành vi, lối sống theo pháp luật, góp phần hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật.

Đồng bằng sông Cửu Long là địa bàn chiến lược, đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế-xã hội, văn hóa, quốc phòng-an ninh và đối ngoại của cả nước, vùng cực Nam - Thành đồng của Tổ quốc, cửa ngõ phía Tây Nam quốc gia. Vùng đất với đặc thù về dân tộc, tôn giáo, thăng trầm về lịch sử hình thành và phát triển. Vì vậy, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL ngoài việc diễn ra theo một quá trình, bao gồm các hoạt động xây dựng kế hoạch, chương trình, thực hiện kế hoạch, đánh giá hiệu quả như giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo nói chung còn phải phù hợp với vùng địa chính trị đặc biệt quan trọng, đặc thù về tôn giáo. Chính vì thế có thể khái quát: *Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long là hoạt động có tổ chức, mục tiêu, kế hoạch, chương trình do các chủ thể tiến hành theo nội dung, hình thức, phương pháp nhất định, nhằm hình*

thành ở chức sắc tri thức, tình cảm, niềm tin pháp luật và hành vi, lối sống phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp đặc điểm đời sống tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2.1.2. Đặc điểm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long

Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL là một bộ phận của giáo dục pháp luật nói chung, diễn ra theo các yếu tố cấu thành của giáo dục luật, giáo dục pháp luật cho đối tượng cụ thể, trong một địa bàn nhất định. Hoạt động này ngoài những đặc điểm chung về giáo dục pháp luật, có những đặc điểm riêng có (đặc trưng, đặc thù) gắn liền với các yếu tố tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, tình hình tôn giáo chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL:

Thứ nhất, giáo dục cho đối tượng đặc biệt, chịu sự chi phối của thần quyền và thế quyền, đặc thù về địa bàn cư trú, hoạt động, có sứ mệnh cứu thế, nhập thế.

Lực lượng lãnh đạo Giáo hội, “tín đồ đặc biệt” với vai trò công dân, thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm trong xã hội (thế quyền). Đồng thời vai trò là công dân có tôn giáo, chức sắc phải gương mẫu thực hành những tín điều, quy phạm tôn giáo theo niềm tin mãnh liệt ở Đảng Tối cao tâm linh và tự nguyện thực hiện tất cả những điều răn dạy của Đảng Tối cao tâm linh (thần quyền). Đây là đối tượng đặc biệt trong giáo dục pháp luật. Hoạt động giáo dục pháp luật này là sự tương tác giữa các chủ thể với lực lượng trụ cột, đặc biệt của các pháp nhân tôn giáo thông qua truyền thụ tri thức pháp luật, sử dụng phương pháp thuyết trình, vận động, phổ biến pháp luật... nhằm “Thực hiện tốt mục tiêu đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết toàn dân tộc. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người theo quy định của pháp luật...” [29, tr.272].

Chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL phần lớn sống đan xen cùng một địa phương, thích ứng với địa hình, điều kiện tự nhiên vùng sông nước, miệt vườn đồng bằng sông Cửu Long, ít có “Xóm đạo” như vùng Đông Nam Bộ (Công

giáo ở Đồng Nai, Cao Đài ở Tây Ninh), gắn kết cộng đồng. Phần lớn chức sắc xuất thân từ nông dân, nhất là chức sắc các tôn giáo nội sinh, cùng lao động sản xuất, sinh hoạt cộng đồng với Nhân dân (nhập thế), nhưng luôn thể hiện tính cứu thế.

Theo Từ điển Hán Việt, cứu thế nghĩa là: “Cứu tế người đời” [2, tr.145]. Cứu thế là cứu đời, giúp con người có đủ niềm tin, sức mạnh tinh thần để vượt qua những bất hạnh của cuộc sống. Cứu thế là trách nhiệm của của các Đấng siêu nhiên, tâm linh có quyền năng đặc biệt vượt lên những người bình thường (Đấng cứu thế). Đấng cứu thế có thể là người được giao trọng trách, là sứ giả của của các Đấng siêu nhiên để cứu thế xác (chữa bệnh, tiêu trừ tai nạn) và linh hồn (ngộ đạo lý, giải thoát về nơi hằng sống). Vùng đất nằm ở khu vực khu vực nắng nóng, nhiều mưa, ĐBSCL có nhiều cây thuốc dân già nhưng có công dụng chữa được nhiều bệnh (thuốc Nam). Từ đó, nhiều nhà truyền giáo lý khi lập đạo ở ĐBSCL bắt đầu từ giải thích (sấm giảng) về trời đất, nắng mưa, địa hình Tây Nam bộ là nơi các Đấng cứu thế (Tiên, Phật, Thánh thần) chọn vùng đất để lập đạo, chọn người thay Trời hành đạo, cứu giúp, chữa bệnh bằng những cây thuốc quý trong vùng, khai hoang, lập làng đến ổn định cuộc sống cho Nhân dân. Nhiều lãnh đạo tôn giáo ĐBSCL vừa là thầy tu, vừa là thầy thuốc, vừa là thầy phù thủy (thầy pháp) đã thông qua trị bệnh có kết quả tốt, thuyết giảng được nhiều bệnh nhân và người thân của họ nghe theo những điều răn dạy (giáo lý) và gia nhập tôn giáo. Là lực lượng có chức vụ, phẩm sắc trong tôn giáo nhưng họ có cuộc sống hòa nhập, hòa đồng, sẽ chia những nỗi vất vả trong cuộc sống của tín đồ, người dân, gần gũi từ trang phục đến ngôn ngữ giao tiếp... là bộ áo Bà Ba nâu sòng của lãnh đạo Hòa Hảo, là cách xưng hô mang đậm phong cách gia đình: Anh lớn, Chị lớn trong chức sắc Cao Đài... Đây là đối tượng đặc biệt, đặc thù của vùng sông nước Cửu Long trong hoạt động giáo dục pháp luật.

Thứ hai, chủ thể giáo dục pháp luật hội đủ tính chuyên ngành, chuyên nghiệp cao, am hiểu sâu sắc tôn giáo nội sinh.

Lãnh đạo tôn giáo là đối tượng đặc biệt trong hoạt động giáo dục pháp luật, là tinh túy của tổ chức tôn giáo, người có trình độ, hiểu biết triết lý tôn giáo, đại diện cho tôn giáo về tâm linh, có đông đảo tín đồ tin, nghe theo, được quần chúng kính tin, được xã hội nể trọng. Vì vậy, thực tiễn cho thấy nhiều chủ thể giảng dạy pháp luật là giảng viên, báo cáo viên ngoài kiến thức pháp luật, có kiến thức chuyên ngành về giáo dục, y tế... và rất chịu khó tìm hiểu, trải nghiệm nắm bắt tâm tư tình cảm của lực lượng trụ cột trong tôn giáo; tích lũy được nhiều kỹ năng, phương pháp dạy học. Nhiều chủ thể là chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng pháp luật, pháp luật về tôn giáo, đất đai; trực tiếp tham mưu cho các cơ quan có thẩm ban hành các chính sách, đề án về giáo dục pháp luật... Giáo dục pháp luật cho lãnh đạo Giáo hội gắn liền với công tác tôn giáo. “Người làm công tác tôn giáo cần có những phẩm chất nhất định (khả năng giao tiếp, thuyết phục, kỹ năng tuyên truyền...) và cả về đạo đức, phẩm hạnh để có thể giao tiếp với chức sắc, chức việc một cách tôn trọng, hòa nhã nhưng kiên định nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất. Đối với hoạt động trong lĩnh vực tâm linh thường xuyên tiếp cận với các chức sắc, giáo sỹ và nhất là đối với số chức sắc và tín đồ có đức tin sâu sắc thì càng cần phải có đội ngũ cán bộ có kiến thức tôn giáo học, chuyên sâu để có thể có đủ khả năng thuyết phục vận động, hướng dẫn họ hiểu và thực hiện tốt chính sách pháp luật của Nhà nước về tôn giáo” [80, tr.151]. Mặt khác, thế giới hiện nay chứng kiến sự phát triển, đa dạng hóa tôn giáo, cùng với những thuận lợi, là không ít vấn đề khó khăn liên quan chính sách tôn giáo nhiều nước như: Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản..., đòi hỏi chủ thể phải nâng cao hơn nữa tính chuyên ngành, chuyên nghiệp trong thực hiện chức trách của mình.

Khác với chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở các địa phương khác, chủ thể giáo dục pháp luật vùng đồng bằng sông Cửu Long phải am tường tôn giáo nội sinh, hòa mình với đời sống nhập thế, hành động cứu thế của chức sắc tôn giáo của vùng. Bởi lẽ, tôn giáo ra đời tại một thời điểm lịch sử nhất định, gắn với một môi trường xã hội trong một vùng lãnh thổ quốc gia, thế giới, hoạt động theo những quy phạm nhất định, nên tính chuyên ngành, chuyên nghiệp cao của chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm riêng so với vùng, miền khác của cả nước. Đây là quê hương của nhiều tôn giáo nội sinh, đòi hỏi người làm công tác giáo dục pháp luật phải uyên thâm tri thức tôn giáo nội sinh, đồng hành với chức sắc, hiểu biết sâu sắc về quá trình hình thành và phát triển vùng đất Tây Nam Bộ và sự ra đời các tôn giáo nội sinh và các tôn giáo hoạt động ở vùng đất này.

Tôn giáo nội sinh có nghĩa là: Những tôn giáo được sản sinh ra trong lãnh thổ của một quốc gia có giáo lý, hiến chương, tôn chỉ, đường hướng hành đạo, nghi lễ và tổ chức được cấp thẩm quyền công nhận... Ngoài ra còn có nhiều nhà nghiên cứu gọi những tên khác nhau: Tôn giáo bản địa (Phạm Bích Hợp chủ biên quyển sách “Người Nam Bộ và tôn giáo bản địa”); Tôn giáo địa phương (Đình Văn Hạnh chủ biên sách “Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của người Việt ở Nam Bộ). Ở cách tiếp cận này, ĐBSCL có các tôn giáo bản địa: Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh độ cư sĩ, Tứ ân Hiếu nghĩa, Bửu sơn Kỳ Hương, Phật Giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn.

Biển đảo, sông nước là đặc điểm quan trọng trong địa lý - tự nhiên Tây Nam Bộ. Đồng thời vùng có địa hình đồi núi hình thành trong vùng đồng bằng thấp, tạo nên một khung cảnh linh thiêng chi phối mạnh mẽ đến tâm thức của cư dân. Tôn giáo Vùng ĐBSCL ra đời và phát triển gắn liền văn hóa sông nước, núi non (Trụ sở trung ương các tôn giáo nội sinh đều ở vùng Bảy Núi (Thất Sơn), ở đồng bằng phù sa của sông Tiền, sông Hậu, sông Hàm

Luông...). Phật giáo Hòa Hảo hoạt động mạnh ở miền Bảy Núi ra đời năm 1939 tại làng Hòa Hảo - làng của người đứng ra lập đạo Huỳnh Phú Sổ (vùng đồng bằng ven sông Vàm Nao, kết hợp không gian linh thiêng vùng Bảy Núi); đạo Bửu Sơn Kỳ Hương phát triển từ linh khí của núi quý (Bửu Sơn), hương lành (Kỳ Hương)... Trần Ngọc Thêm đã có nhận định: “Xét về không gian, Nam Bộ là vùng đất mới, đến cuối thế kỷ XIX vẫn còn là một môi trường sống đầy bí ẩn. Tây Nam Bộ lại là vùng khai phá sau cùng, có vị trí “sau Sài Gòn”, nhờ đó mà nơi đây không còn bị chi phối nhiều bởi văn hóa và những tôn giáo truyền thống nên dễ dàng chấp nhận cái mới, cũng là nơi có nhiều tự do hơn trong việc sáng tạo cái mới...” [84, tr.228]. Mặt khác, “... Ba con sông Tiền Giang, Hậu Giang và Vàm Nao mang phù sa đổ vào bồi đắp ruộng đồng, cùng với Thất Sơn hình thành nên địa thế “Tiền tam giang, hậu Thất lĩnh” (Trước mặt có ba con sông, sau lưng có bảy ngọn núi) rất phù hợp cho sự tồn tại và sáng tạo các tôn giáo mới” [84, tr.228].

Do vậy, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL đòi hỏi chủ thể phải có kỹ năng, nghiệp vụ, hiểu biết về đặc điểm tổ chức, lịch sử hình thành, giáo lý, lễ nghi của từng tôn giáo vùng ĐBSCL; tích hợp kiến thức nhiều ngành khoa học; nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật về công tác tôn giáo.

Thứ ba, thực hiện với những hình thức, phương pháp đặc thù, gắn liền với vận động chức sắc thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Chức sắc các tôn giáo đều được tuyển chọn công phu từ cộng đồng tôn giáo; được đào tạo kỹ lưỡng trong các nhà trường tôn giáo, nhiều người là kho tri thức kinh điển tôn giáo, học vấn cao, nêu gương về lối sống không những trong tín đồ mà còn có ảnh hưởng, lan tỏa cả trong một số cộng đồng dân cư. Ngày nay, xu hướng các tôn giáo đều ngày càng hòa nhập với đời sống thường ngày của Nhân dân (nhập thế), góp sức cùng Nhà nước hoạt

động an sinh xã hội trong nhiều lĩnh vực từ cứu trợ xã hội, xóa đói giảm nghèo... đến dạy nghề, dạy chữ cho đồng bào. Vì vậy giáo dục pháp luật cho “tín đồ đặc biệt” bằng hình thức, phương pháp nhập thế, cung cấp thông tin pháp luật, giúp cho chức sắc tự học tập, nghiên cứu nâng cao nhận thức, thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước trong thực hiện an sinh xã hội... Trong giáo dục pháp luật, chủ thể thực hiện nhiều phương pháp giảng dạy, kết hợp cung cấp tài liệu pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo từ sách báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, internet và các phương tiện thông tin đại chúng... Thực hiện giáo dục pháp luật song hành với vận động, hướng dẫn, tạo điều kiện, thúc đẩy, khuyến khích lực lượng chức sắc gương mẫu, đi đầu học tập, xử sự theo Hiến pháp và pháp luật, nhất là: “Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo: ... Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm hướng dẫn tín đồ, người tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật” [70].

Điểm đặc biệt trong đời sống tôn giáo Việt Nam, Phật giáo Nam tông Khmer chủ yếu hoạt động vùng ĐBSCL, chức sắc Phật giáo Nam tông Khmer có vai trò quan trọng trong đời sống pháp luật của cộng đồng dân cư. Từ lịch sử vùng đất Nam bộ, vào khoảng thế kỷ thứ IV, Phật giáo Nam tông được truyền vào Việt Nam theo đường biển, các nhà truyền giáo từ Ấn Độ qua Srilanka, Myanmar, Thái Lan, tới vùng sông Mê Kông (Campuchia) và vào đồng bằng sông Cửu Long và được đông đảo người dân đặc biệt là đồng bào dân tộc Khmer đón nhận, trở thành một trong những loại hình tôn giáo chủ yếu của người Khmer ở ĐBSCL [103, tr.15]. Chức sắc Phật giáo Nam tông Khmer có vị trí và ảnh hưởng rất lớn đối với cộng đồng người Khmer. Họ được coi là đại diện cho ba đời Chư Phật truyền dạy và giáo hóa chúng sinh, họ là những tấm gương mô phạm và có uy tín lớn trong cộng đồng. Phum, Sóc là đơn vị cư trú của đồng bào Khmer. Chùa là trung tâm sinh hoạt tôn

giáo, cộng đồng, “nhà việc”, “trường nghề” ... của đồng bào Khmer. Khi xảy ra những tranh chấp trong Phum, Sóc đồng bào thường đến chùa nhờ nhà sư phân xử, tìm lẽ công bằng.

Xuất phát từ vai trò của quần chúng trong sự nghiệp cách mạng, trong đó chức sắc là “quần chúng đặc biệt”, “tín đồ đặc biệt” - vai trò trọng yếu, trụ cột của tôn giáo, ảnh hưởng lớn trong cộng đồng tôn giáo, là cầu nối trong mối quan hệ giữa Nhà nước với tổ chức tôn giáo (Giáo hội), Đảng đã chỉ rõ: “Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng” [5]. Vì vậy giáo dục pháp luật phải gắn với vận động chức sắc các tôn giáo thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, phát huy tinh thần yêu nước của đồng bào các tôn giáo trong xây dựng quê hương, đất nước. Các chủ thể truyền tải pháp luật tôn giáo phải nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu sinh hoạt tôn giáo, thật sự có sự tương tác, vận động, thuyết phục chức sắc tôn giáo nắm vững pháp luật nhất là Luật tín ngưỡng, tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo theo Hiến chương, Điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đúng pháp luật tại vùng ĐBSCL.

Chính vì thế trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL ngoài việc thực hiện với những hình thức, phương pháp đặc thù, cần phải gắn liền với vận động chức sắc, nhất là chức sắc Phật giáo Nam tông Khmer trong xây dựng lối sống cộng đồng theo pháp luật, “tốt đời, đẹp đạo”.

Thứ tư, gắn liền với công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, thống nhất nhận thức chủ quyền vùng đất Nam Bộ, Việt Nam; một Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Nghị quyết số 25-NQ/TW Về công tác tôn giáo ngày 16/10/2003 của Ban chấp hành Trung ương Đảng xác định một trong những giải pháp chủ yếu của công tác tôn giáo là “Tăng cường quản lý nhà nước về tôn giáo”. “Quản lý nhà nước về tôn giáo là hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín

ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân, hướng các hoạt động tôn giáo phục vụ lợi ích chính đáng của tín đồ và phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhà nước quy định bằng pháp luật các hoạt động tôn giáo nhằm bảo đảm quyền bình đẳng giữa các công dân, các tổ chức xã hội trước pháp luật, hình thành khung pháp lý, làm cơ sở để các tôn giáo thực hiện các hoạt động của mình trong khung khổ pháp luật” [1, tr.21]. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo: “1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong phạm vi cả nước. 2. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. 3. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo” [70]. Bộ Dân tộc và Tôn giáo là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực: Công tác dân tộc; tín ngưỡng, tôn giáo và quản lý nhà nước đối với các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật. Trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo: “a) Giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật; b) Tổ chức triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về tín ngưỡng, tôn giáo hoặc có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt; c) Làm đầu mối liên hệ với các tổ chức tôn giáo trong nước và quốc tế, đối ngoại tôn giáo và đấu tranh nhân quyền trên lĩnh vực tôn giáo; thúc đẩy tăng cường khối đại đoàn kết trong cộng đồng các tôn giáo ở Việt Nam; d) Hướng dẫn các cộng đồng tín ngưỡng, tổ chức, cá nhân tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật; đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức có liên quan thông tin, tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng,

chính sách pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; e) Quản lý thống nhất về xuất bản các ấn phẩm, sách kinh, tác phẩm, giáo trình giảng dạy, văn hoá phẩm thuần tuý tín ngưỡng, tôn giáo của các cộng đồng tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo được nhà nước cho phép hoạt động” [20].

Từ đó, cho thấy quản lý nhà nước về tôn giáo có phạm vi rất rộng, là cả quy trình từ triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về tín ngưỡng, tôn giáo đến hướng dẫn, tổ chức, cá nhân tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật... Trong lĩnh vực chuyển tải, truyền đạt pháp luật đến lực lượng lãnh đạo tôn giáo, Nhà nước định hướng những nội dung căn cốt về quyền và nghĩa vụ công dân có tôn giáo, giúp đội ngũ này thực hiện tốt vai trò thế quyền và thần quyền. Song song đó, Nhà nước ban hành pháp luật, bảo đảm nâng cao ý thức pháp luật, kiểm soát các hoạt động liên quan đến hoạt động giáo dục pháp luật (quản lý bằng thanh tra, kiểm tra).

Tuy nhiên trên thực tế, từ nhiều lý do khác nhau, vẫn có chức sắc chưa nhận thức đầy đủ lịch sử, cơ sở pháp lý vùng đất Nam Bộ của Việt Nam. Mặt khác do yếu tố lịch sử truyền thống, Phật giáo Nam tông Khmer có mối quan hệ quốc tế mật thiết với Phật giáo Nam tông Campuchia, Thái Lan. “Phật giáo Nam tông không chỉ gắn bó chặt chẽ với người Khmer mà còn có mối quan hệ với hệ thống tổ chức Phật giáo Nam tông ở Thái Lan và Campuchia. Do đó, các thế lực thù địch bên ngoài luôn lợi dụng vấn đề tôn giáo gắn với vấn đề dân tộc nhằm gây mất ổn định khu vực Tây Nam Bộ. Các thế lực thù địch, nhất là các đảng phái đối lập ở Campuchia đang có những âm mưu và thủ đoạn gây ra sự mất ổn định tại biên giới Việt Nam-Campuchia. Các tổ chức phản động và các lực lượng đảng phái đối lập đòi chủ quyền lịch sử vùng đất “Khmer Krôm” [103, tr.197].

Vì vậy, giáo dục pháp luật, chuyển tải pháp luật đi vào nếp nghĩ, hành động của mọi người dân, tín đồ, chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL vừa góp

phần thúc đẩy cộng đồng trách nhiệm xây dựng môi trường sống kỷ cương, hạnh phúc, vừa nâng cao nhận thức, khẳng định chủ quyền, cơ sở pháp lý vùng đất Nam Bộ của Việt Nam, đồng thời tăng cường giáo dục pháp luật cho chức sắc Phật giáo nhận thức sâu sắc: Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức Phật giáo duy nhất đại diện cho chức sắc, nhà tu hành và đồng bào Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước, sư sãi, đồng bào Phật tử Phật giáo hệ phái Nam tông Khmer là thành viên, trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Trong đối ngoại tôn giáo, Phật giáo Nam tông Khmer độc lập, không phụ thuộc và Phật giáo Nam tông Campuchia. Đây là đặc điểm cần quan tâm trong phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, góp phần nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo vùng ĐBSCL.

Thứ năm, diễn ra trong môi trường giáo dục đặc biệt, không gian đời sống tôn giáo sôi động nhất trên lãnh thổ Việt Nam.

Hoạt động giáo dục này phần lớn diễn ra trong không gian mang tính tâm linh, song hành với lối sống của những “tín đồ đặc biệt” (môi trường giáo dục đặc biệt) với nhiều hình thức phối hợp giáo dục pháp luật: Các chủ thể phối hợp thực hiện lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục pháp luật trong các khóa học, hành đạo của các tôn giáo; Nhà nước mở lớp theo chủ trương, kế hoạch; Giáo hội xây dựng kế hoạch mở lớp đào tạo, bồi dưỡng pháp luật. Chính môi trường này tạo ra mối quan hệ đặc biệt giữa Nhà nước với Giáo hội ở nhiều khía cạnh. Chẳng hạn: Đây là mối quan hệ hai thực thể biệt lập về tổ chức (mô hình bộ máy Nhà nước theo pháp luật, mô hình Giáo hội theo giới luật tôn giáo); người dạy phần lớn là cán bộ đảng viên, thực hành phương pháp luận chủ nghĩa Mác-Lênin, trong khi đó người học thực hành tín ngưỡng trên đức tin tôn giáo. Mặt khác, ĐBSCL và vùng đa dạng nhất trên lãnh thổ Việt Nam về các tổ chức tôn giáo (nội sinh, quốc tế), nhiều mô hình tổ chức nền hành chính đạo... “Cơ cấu tổ chức của các Hội thánh Tin Lành được Nhà nước công nhận hiện nay gồm 2 (hai) cấp hành chính đạo: Cấp trung ương và

cấp cơ sở. Ngoài ra một số tổ chức còn có cấp trung gian là Ban Đại diện hoặc nhân sự đại diện ở cấp tỉnh; thấp hơn cấp cơ sở là điểm nhóm (có thể trực thuộc cấp cơ sở hoặc trực thuộc cấp trung ương giáo hội)” [12, tr.86]... Trong Cao Đài, có đến 10 Hội thánh có những khác nhau nhất định về hành chính đạo (số lượng chức sắc, lễ phục, bộ máy quản lý...)... Có tôn giáo phần lớn chức sắc, tín đồ là nông dân (Cao Đài); đa số là người kinh doanh (Chăm Islam giáo)... Thực tiễn này làm cho hoạt động trang bị kiến thức pháp luật cho lãnh đạo tôn giáo phải phù hợp với môi trường đặc biệt, đan xen các yếu tố “thế quyền”, “thần quyền” gắn với hoạt động của các tôn giáo.

Thứ sáu, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo là một khâu của hoạt động thực hiện pháp luật về tôn giáo.

Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo nhằm mục đích hình thành ở đối tượng tri thức pháp lý, tình cảm và hành vi xử sự theo quy định của pháp luật phù hợp với tín điều tôn giáo. Đây là hoạt động đưa pháp luật vào đời sống tôn giáo, phát huy giá trị của pháp luật, giá trị văn hóa tôn giáo, nguồn lực tôn giáo trong phát triển xã hội. Giáo dục pháp luật là cách thức phổ biến hiệu quả có tác động tích cực đến việc tổ chức, thực hiện pháp luật về tôn giáo trên cơ sở giúp lực lượng lãnh đạo các tôn giáo nắm bắt sâu sắc, toàn diện các quy định pháp luật liên quan đến tôn giáo, lan tỏa các giá trị pháp luật trong các Giáo hội, tuân thủ các quy định pháp luật trong đời sống tôn giáo, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật. Đồng thời giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo còn hoạt động giáo dục “chuyên giao” “trao truyền” đầy trách nhiệm trong xây dựng chủ thể giáo dục pháp luật mới, thúc đẩy thực hiện pháp luật nhanh chóng và hiệu quả cao. Sau tiếp thu các lớp giáo dục pháp luật với vai trò, vị trí của mình các chức sắc tôn giáo trực tiếp phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm truyền đạt thông tin, nội dung pháp luật vừa được tiếp thu, nắm bắt cho các chức sắc và tín đồ trong hệ thống tôn giáo mình hiểu và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Từ đó pháp luật vào đời sống tôn giáo, hoạt động tôn giáo theo quy định pháp luật.

2.1.3. Vai trò của giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long

Thứ nhất, giúp chức sắc nhận thức sâu kiến thức pháp luật, tạo hành trang sẵn sàng đi đầu thực hiện trách nhiệm “việc đạo, việc đời”, thực hiện “thế trận lòng dân” vùng ĐBSCL.

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn tạo điều kiện bằng cơ chế, chính sách, pháp luật cho các tôn giáo hoạt động đúng pháp luật, điều lệ, quy định của các tôn giáo. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam (bổ sung, phát triển 2011), Đảng Cộng sản Việt Nam ghi rõ: “Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân theo quy định của pháp luật. Đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và Nhân dân”. Chức sắc tôn giáo với vai trò công dân Việt Nam có quyền được thông tin về pháp luật và có trách nhiệm chủ động tìm hiểu, học tập pháp luật. Nhà nước bảo đảm, tạo điều kiện cho chức sắc thực hiện đầy đủ quyền này theo Luật phổ biến, giáo dục pháp luật. Đồng thời với vai trò chức sắc tôn giáo khi được trang bị kiến thức pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo tại các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, chức sắc hưởng chế độ chính sách của đối tượng “cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư” theo Điều 18 của Luật giáo dục quốc phòng và an ninh. Thông qua kiến thức pháp luật được lĩnh hội, giúp chức sắc sẵn sàng dẫn thân tham gia hoạt động giáo dục pháp luật, nòng cốt trong binh chủng tôn giáo thực hiện “thế trận lòng dân” bảo vệ quốc phòng và an ninh của Tổ quốc, của vùng ĐBSCL.

Thứ hai, giáo dục pháp luật góp phần xây dựng, củng cố tình cảm, niềm tin của chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL đối với pháp luật.

Từ nền tảng vững chắc hệ thống giáo lý, kinh sách, uy tín của bản thân, chức sắc các tôn giáo vùng ĐBSCL đã xây dựng một lực lượng quần chúng

tin và thực hành giáo lý. Đồng thời là lực lượng giàu tính thực tiễn, nhập thế, hạt nhân các tôn giáo, đa số chức sắc tôn giáo hành xử theo pháp luật, tin tưởng vào các nguyên tắc, quy định của pháp luật. Niềm tin pháp luật này thể hiện từ tình cảm về giá trị công bằng, công lý của pháp luật, trách nhiệm pháp lý của chức sắc tôn giáo với quê hương, đất nước và Giáo hội.

Từ địa chính trị, an ninh vùng ĐBSCL, với hơn 700 km đường bờ biển, 200 km đường biên giới, 147 đảo lớn nhỏ... đã chứa đựng những tiềm ẩn về an ninh quốc gia, an ninh biên giới, cùng với vốn kiến thức pháp luật, kiến thức quốc phòng và an ninh được bồi dưỡng, lãnh đạo các tôn giáo đã có kết thành những lực lượng, những tổ chức như Giáo hội, Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước... để bảo vệ toàn vẹn Tổ quốc, tổ chức, tín đồ; chống bắt công trong xã hội. Từ đó chức sắc tôn giáo trong các giai đoạn lịch sử đều đồng hành với chính quyền, Nhà nước, thể hiện lòng yêu nước, vững tin vào tính công lý của pháp luật.

Vì vậy, khơi dậy lòng tự hào về những đóng góp của chức sắc tôn giáo trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ pháp luật ở vùng ĐBSCL, giáo dục pháp luật tiếp tục tạo sự đồng thuận chức sắc tôn giáo trong xây dựng, củng cố tình cảm, niềm tin chức sắc tôn giáo trong thực hiện pháp luật, tạo “kháng thể” cho chức sắc tôn giáo trong đấu tranh phản phác các hành vi xuyên tạc chính sách, pháp luật Nhà nước Việt Nam về tôn giáo, tiếp tục phát huy “các nguồn lực của các tôn giáo” trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở địa bàn chiến lược ĐBSCL.

Thứ ba, giáo dục pháp luật góp phần nâng cao ý thức pháp luật, xây dựng hành vi, lối sống theo pháp luật của chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

Ý thức pháp luật của chức sắc tôn giáo chỉ có thể được nâng cao khi hoạt động giáo dục pháp luật được thực hiện có hiệu quả, lực lượng lãnh đạo các Giáo hội hội đủ tri thức pháp lý giải quyết các tình huống xảy ra trong thực hiện an sinh xã hội, sinh hoạt tôn giáo... Do vậy, hiểu biết pháp luật, nhận thức đúng đắn bản chất, giá trị của pháp luật, quy định quyền nghĩa vụ của

công dân, pháp luật về tôn giáo là tiền đề để chức sắc tôn giáo kiên định niềm tin, có tình cảm đẹp với chủ trương, chính sách, pháp luật về tôn giáo, nâng cao ý thức pháp luật của mình. Ý thức pháp luật là tiền đề phát sinh hành vi, lối sống theo pháp luật của chức sắc tôn giáo.

Giáo dục pháp luật giúp chức sắc tôn giáo có tri thức pháp lý, củng cố tình cảm, niềm tin vào tính công lý, nâng cao ý thức pháp luật là tiền đề để chức sắc lựa chọn, tạo lập hành vi tích cực, xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật. Giáo dục pháp luật diễn ra với nhiều hình thức khác nhau, song đều hướng đến xây dựng, uốn nắn, hình thành hành vi, lối sống theo pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL. Thông qua giáo dục pháp luật giúp chức sắc tôn giáo từ hành vi, lối sống đơn thuần theo giáo lý, tín điều tôn giáo, nhập thế cứu thế, sang hành vi, lối sống theo pháp luật và giáo lý. Các giáo lý tôn giáo đều răn dạy tín đồ nhớ ơn Tổ tiên, sống có đạo lý, nhập thế, trách nhiệm với tiền nhân, khát vọng một xã hội an lạc.

Nhập thế theo Đại từ điển Tiếng Việt là: “Gánh vác việc đời, không xa lánh cõi đời” [100, tr.1243]. Quan niệm về “nhập thế” xuất phát từ trong triết lý Phật giáo và được thể hiện ngay từ đầu khi Phật giáo mới du nhập vào Việt Nam. Khi vào vùng đất đồng bằng Nam Bộ, triết lý “nhập thế” có những đặc trưng mang tính vùng, miền. Nhiều nhà sư của Phật giáo Bắc tông vào Tây Nam Bộ cùng với người dân khai hoang, mở làng xã, không ít vị vừa truyền trao giáo lý cao thâm của Phật giáo, nhưng đồng thời thực hiện những công việc không thấy ghi nhận trong kinh điển Phật giáo nguyên thủy, nhưng đáp ứng yêu cầu của người dân như: Xem ngày tốt xấu, “kiêm cả việc đuổi tà, trị quỷ bằng việc luyện bùa phép, roi thần để cứu chúng sinh...” [59, tr.36]. Vào đầu thế kỷ XIX, người dân trong cuộc đấu tranh chống áp bức, cường quyền, ngoài việc giáp mặt với kẻ thù bằng vũ lực, dưới sự lãnh đạo của chức sắc, sỹ phu yêu nước ở vùng ĐBSCL còn hình thức nhập thế, “gánh vác việc đời”, đấu tranh bằng tôn giáo. “Tôn giáo ở đây

chủ yếu là để tập hợp lực lượng, có khi là một tôn giáo được lập ra mới, có khi là dựa vào những tôn giáo có sẵn, nhất là những tôn giáo có tư tưởng nhập thế như Lão giáo, Phật giáo... Khi thực dân Pháp xâm lược, các sỹ phu Nam Bộ đã mượn danh các môn phái Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Ngũ Chi Minh Đạo (nhất là Minh Sư) để chống Pháp” [93, tr.49-50]. Nhiều vị linh mục Công giáo, nhà sư... đã tạm ngừng việc đạo để lên chiến khu, vào vùng giải phóng Tây Nam Bộ tham gia kháng chiến... Nhiều nhà thờ của đạo Công giáo cùng những ngôi chùa của đạo Phật, thánh thất của đạo Cao Đài... trở thành những nơi nuôi giấu cán bộ, bộ đội; không ít chức sắc, tín đồ là liệt sỹ trong chống Pháp, đuổi Mỹ xâm lược.

Ngày nay các tôn giáo thế giới (Công giáo, Tin lành...), các tôn giáo nội sinh tạo thành hệ thống chuẩn mực, những giá trị nhằm điều chỉnh hành vi của tín đồ, luôn thể hiện trách nhiệm cao cả của mình trong các hoạt động thiện nguyện, vì cộng đồng ở Tây Nam Bộ và cả nước. Chức sắc các tôn giáo ĐBSCL đường hướng hoạt động tiến bộ, có hành vi, lối sống theo pháp luật và gắn bó, đồng hành với dân tộc như: Giáo hội Phật giáo thực hành phương châm: “Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội”; Công giáo với đường hướng: “Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc”; các Hội thánh Cao Đài hành đạo: “Nước vinh, Đạo sáng”; Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo: “Vì Đạo pháp, vì Dân tộc”; các Hội thánh Tin lành: “Sống Phúc âm, Phụng sự Thiên chúa, Phục vụ Tổ quốc và Dân tộc” hoặc “Sống theo lời Chúa, phục vụ tha nhân, phục vụ Tổ quốc”, hoặc “Trung tín thờ phượng Đức Chúa Trời ba ngôi theo đúng mẫu mực Kinh Thánh và trung thành với Tổ quốc Việt Nam”; Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa nhập thế rằng: “Hành Tứ Ân - sống Hiếu nghĩa - vì đại đoàn kết toàn dân tộc”; Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam nhất tâm: “Tu học, hành thiện, ích nước, lợi dân”... Điều đó cho thấy giáo dục pháp luật có vai trò quan trọng trong bồi dưỡng, trang bị kiến thức pháp luật xây dựng tình cảm, niềm tin với pháp luật, từ đó giúp chức sắc tôn giáo có hành vi, lối sống theo

pháp luật. Hơn nữa, từ hành vi lối sống theo pháp luật, nhiều chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL chủ động thực hiện pháp luật, tích cực tham gia thực hiện chủ trương xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục dạy nghề, tự thiện nhân đạo, bảo trợ xã hội... góp phần hỗ trợ Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề xã hội trong điều kiện mới hiện nay.

Thứ tư, tạo điều kiện chức sắc từ đối tượng thành chủ thể tham gia giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

Với đặc thù là vùng phát tích của nhiều tôn giáo nội sinh, địa bàn hoạt động chủ yếu của Phật giáo Nam tông Khmer, chức sắc tôn giáo ở ĐBSCL không những chăm chút đời sống tâm linh, mà còn là thầy chuyên giao kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, thương mại, nghệ thuật, y học cổ truyền... cho tín đồ tôn giáo mình. Đặc điểm ưu thế của chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL là tính nhập thế, cứu đời, hình mẫu trong đời sống kinh tế - xã hội, là “hiện thân của Đức Phật tại thế”. Nói cách khác, chức sắc tôn giáo là những người tiêu biểu, có uy tín trong cộng đồng dân cư. Khi có kiến thức pháp luật, chức sắc tôn giáo sẽ hướng dẫn các tín đồ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống văn hóa, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, thương nghiệp...theo đúng các quy định pháp luật, tư vấn hướng giải quyết kịp thời các tình huống pháp lý phát sinh trong hoạt động Giáo hội và đời sống người dân, trở thành chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, giáo dân.

Trải qua hoạt động giáo dục pháp luật, đối tượng chức sắc tôn giáo được bổ sung vốn tri thức pháp luật cần thiết làm hành trang mạnh bước trên đường truyền bá giáo lý, chỉ dẫn thực hành nghề nghiệp, xây dựng lối sống theo pháp luật cho chức sắc tôn giáo, giáo dân. Đây là quá trình đào tạo đến tự đào tạo pháp luật ở chức sắc tôn giáo, là quá trình chuyển từ đối tượng sang chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo. Từ người thầy trong giáo dục giáo dục giáo lý, kỹ năng nghề nghiệp, tự nguyện gánh thêm trọng

trách giáo dục pháp luật, vận động, thuyết phục chức sắc, tín đồ sống, làm việc theo pháp luật.

Thứ năm, phát huy các giá trị, nguồn lực tôn giáo vùng ĐBSCL

Phát huy là làm cho cái hay, cái tốt tỏa tác dụng và tiếp tục nảy nở thêm. Theo đó, phát huy nguồn lực tôn giáo là hoạt động của các tổ chức tôn giáo, các tổ chức, cá nhân trong xã hội thông qua hoạt động giáo dục pháp luật, công tác tôn giáo khơi dậy, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo đóng góp giá trị, nhân lực, vật lực, tài lực và các nguồn lực mới (nguồn lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nguồn lực văn hóa, lịch sử, truyền thống của tôn giáo...) cho sự phát triển của tôn giáo, xã hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam (Đảng) xác định: “Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước” [29, tr.71]. Quan điểm của Đảng hình thành từ đường lối đúng đắn về chính sách tôn giáo qua những chặng đường lịch sử. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị khóa VI về “Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới” là dấu mốc mở đầu cho bước ngoặt phát triển về nhận thức: “Nhìn nhận và phát huy những giá trị về đạo đức và văn hóa của tôn giáo”, đến Nghị quyết 25-NQ/TW năm 2003 chỉ rõ thêm: “Giải quyết việc tôn giáo tham gia thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động y tế, văn hóa, xã hội, giáo dục... của Nhà nước, theo nguyên tắc: Khuyến khích các tôn giáo đã được Nhà nước thừa nhận tham gia phù hợp với chức năng, nguyên tắc tổ chức của mỗi tôn giáo và quy định của pháp luật. Cá nhân tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành tham gia với tư cách công dân thì được khuyến khích và tạo điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật” [5]. Năm 2016, Luật tín ngưỡng, tôn giáo ra đời, có 2 điều (Điều 54, 55) quy định về hoạt động xuất bản, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm và giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo.

“Được thực hiện hoạt động xuất bản kinh sách và xuất bản phẩm khác về tín ngưỡng, tôn giáo; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tín ngưỡng, tôn giáo, đồ dùng tôn giáo theo quy định của pháp luật về xuất bản và quy định khác của pháp luật”; “Được tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo theo quy định của pháp luật có liên quan” [70]. Từ quan điểm của Đảng, quy định của pháp luật, các cơ quan có thẩm quyền từ Quốc hội, Chính phủ, các bộ... phải ban hành “pháp luật liên quan” để phát huy các nguồn lực tôn giáo, chức sắc tôn giáo tham gia các hoạt động bảo tồn, phát triển giá trị văn hóa, tham gia hoạt động giáo dục, y tế...

Chính thông qua hoạt động giáo dục pháp luật, những quy định trong các văn bản của Đảng, pháp luật của Nhà nước được cụ thể hóa, thực hiện trên thực tế, chức sắc tôn giáo được vun bồi kiến thức pháp luật, củng cố niềm tin, hình thành thái độ tích cực trong thực hiện pháp luật, phát huy những giá trị, nguồn lực tôn giáo.

2.2. CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH CỦA GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

2.2.1. Chủ thể và đối tượng giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo

2.2.1.1. Chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo

Chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL được hiểu là tất cả những cá nhân, tổ chức mà theo chức năng, nhiệm vụ tham gia quản lý hoặc trực tiếp làm thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc biệt này ở Tây Nam Bộ. Đó là những viện, trường, cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng, nhiệm vụ giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL. Theo quy định của pháp luật, chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo là các cơ quan, tổ chức ở cấp tỉnh, cấp trung ương; các cá nhân, các viện, trường, cơ sở đào tạo có chức năng, nhiệm vụ giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo như: Sở Tư pháp, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật, Hội đồng giáo dục quốc

phòng và an ninh cấp tỉnh trở lên, hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật (Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp), giảng viên, báo cáo viên pháp luật, các trường đại học, Học viện của tổ chức tôn giáo....

Trong đó, *chủ thể quản lý giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo*: “Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật”; “Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phổ biến giáo dục pháp luật”; “Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật”; “Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phổ biến giáo dục pháp luật tại địa phương”, “Nội dung quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật bao gồm: a) Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật; b) Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; c) Bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật; d) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; đ) Thống kê, tổng kết về phổ biến, giáo dục pháp luật; e) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong phổ biến, giáo dục pháp luật; g) Hợp tác quốc tế về phổ biến, giáo dục pháp luật” [67].

Chủ thể trực tiếp thực hiện giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo: Là thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật, Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tỉnh trở lên, cùng các tổ chức cá nhân được giao nhiệm vụ (trường học của tôn giáo, giảng viên, báo cáo viên...). Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, theo đó, Bộ Dân tộc và Tôn giáo là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực: Công tác dân tộc; tín ngưỡng, tôn giáo và quản lý nhà

nước đối với các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật, giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật, “Chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, cộng đồng người có tín ngưỡng, tôn giáo, các tổ chức, cá nhân tôn giáo thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát huy phong tục, tập quán và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của tổ chức, cá nhân, sự bình đẳng giữa các tôn giáo theo quy định của pháp luật” [20]. Sở Dân Tộc và Tôn giáo thành lập ở cấp tỉnh là hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo, nhưng đồng thời là thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật, Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh ở trung ương và cấp tỉnh có chức năng giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ và quản lý nhà nước về tôn giáo ở địa phương cấp tỉnh.

Trong các chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật, Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tỉnh trở lên có nhiều lợi thế, thường xuyên tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo. Thành viên 02 Hội đồng trên là lãnh đạo các sở ngành cấp tỉnh, lãnh đạo tỉnh trở lên nên có nhiều chuyên gia pháp lý, thuận lợi trong huy động nguồn lực phục vụ hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

Chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL với tư cách *các nhà giáo dục pháp luật* bao gồm chủ thể giáo dục pháp luật chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp:

Chủ thể giáo dục pháp luật chuyên nghiệp: Lực lượng giảng viên, báo cáo viên pháp luật thực hiện mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo đang làm việc tại các viện, trường có giảng dạy, nghiên cứu khoa học pháp lý.

Chủ thể giáo dục pháp luật không chuyên nghiệp gồm: Đại biểu Quốc hội, Luật sư...khi tiếp xúc làm việc, truyền tải pháp luật đến các chức sắc tôn giáo.

2.2.1.2. Đối tượng giáo dục pháp luật

Chức sắc tôn giáo của 13 tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước Việt Nam công nhận tư cách pháp nhân vùng ĐBSCL là đối tượng giáo dục pháp luật, bao gồm các phẩm sắc của các tổ chức tôn giáo sau:

Chức sắc Phật giáo: Đối với nam (tăng), từ thấp đến cao là Đại đức, Thượng tọa và Hòa thượng; đối với nữ (ni) là Sư cô, Ni sư và Ni trưởng (Phật giáo Nam tông không có ni).

Chức sắc Công giáo: Linh mục, giám mục, tổng giám mục, hồng y;

Chức sắc Tin lành: Mục sư, truyền đạo

Chức sắc Cao Đài, chức sắc Cửu trùng đài: Lễ sanh, Giáo hữu, Giáo sư, Phối sư, Đầu sư, Chương pháp, Giáo tông; *chức sắc Hiệp thiên đài:* có 3 chi (Pháp, Đạo, Thế), mỗi chi có 4 vị Thời quân (Tiếp, Khai, Hiến, Bảo), 3 phẩm phụ trách (Hộ pháp phụ trách chi Pháp, Thượng phẩm phụ trách chi Đạo, Thượng sanh phụ trách chi Thế).

Chức sắc của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam là những tín đồ đã qua các khóa học Giáo lý hoặc Y lý, thi và đỗ tốt nghiệp, được tấn phong nếu hội đủ những tiêu chuẩn theo quy định của Giáo hội và quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Hệ thống chức sắc của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam gồm các phẩm vị: Môn Tu Huệ gồm các phẩm vị: Huấn sư, Giảng sư, Phó Giảng sư, Giảng viên, Thuyết Trình viên. Môn Tu Phước gồm các phẩm vị: Huấn sư Y khoa, Giảng sư Y khoa, Phó Giảng sư Y khoa, Giảng viên Y khoa, Chức sắc Y tế Phước thiện bậc 2. [12; tr.146].

Chức sắc Hồi giáo dòng Islam, hoạt động vùng ĐBSCL có 06 cấp là:

Hakim (Giáo cả) là người am hiểu giáo lý, có uy tín, phụ trách chung.

Naep (Phó Giáo cả) là người giúp việc cho Hakim và thay Hakim khi Hakim vắng mặt.

Ahly là người giúp Hakim về lĩnh vực xã hội.

Imam là người hướng dẫn tín đồ trong buổi lễ.

Kho-típ là người giảng giáo lý trong lễ thứ sáu hằng tuần.

Tuân là thầy dạy giáo lý cho tín đồ. [12; tr.160].

Chức sắc Phật giáo Tír Ân Hiếu Nghĩa: Trưởng Gánh

Chức sắc Phật Đường Nam Tông Minh Sư đạo gồm: Lão sư, Thái Lão sư

Chức sắc Cơ đốc phục lâm: Mục sư

Có 04 tôn giáo vùng ĐBSCL không có chức sắc: Bửu sơn Kỳ Hương, Phật giáo Hòa Hảo, Phật Giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, Đạo Baha'i

Đối tượng giáo dục pháp luật, người tiếp nhận tri thức pháp luật là chức sắc sinh sống, hành đạo vùng ĐBSCL. Lực lượng này rất đa dạng về trình độ học vấn (thế học), trình độ giáo lý, nhóm tuổi, hình thức sinh hoạt tôn giáo, nhu cầu tiếp cận pháp luật... Chính vì thế, trong tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL để đạt được hiệu quả, phát huy vai trò của hoạt động này, cần quan tâm phân loại đối tượng theo những tiêu chí như: Thời gian học tập, giới tính, nội dung giáo dục pháp luật, đức tin tôn giáo, sự tương tác giữa chủ thể với đối tượng. Cụ thể:

Thứ nhất, giáo dục pháp luật cho chức sắc theo khung thời gian của từng tôn giáo. Mỗi tôn giáo đều có quy định riêng về thời gian sinh hoạt tôn giáo, học tập giáo lý, thế học... vì vậy chủ thể giáo dục pháp luật cần phối hợp với các Giáo hội tổ chức các nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở những khoảng thời gian phù hợp như lồng ghép vào thời gian An cư kiết hạ của Phật giáo; các khóa Hạnh đường của Cao Đài...

Thứ hai, giáo dục cơ sở pháp lý vùng đất Nam Bộ của Việt Nam cho chức sắc nam Phật giáo Nam tông Khmer; giáo dục chuyên đề về vai trò nữ giới trong hoạt động an sinh xã hội, bình đẳng giới cho chức sắc nữ trong các tôn giáo... Các chủ thể giáo dục pháp luật phối hợp với các tổ chức tôn giáo xây dựng chương trình giáo dục pháp luật phù hợp giới tính chức sắc.

Với chức sắc nữ, xây dựng nội dung liên quan đề quyền và nghĩa vụ pháp lý của phụ nữ trong tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội; thực hiện bình đẳng giới; phòng chống bạo lực gia đình... với hình thức, phương pháp phù hợp với đời sống tôn giáo vùng ĐBSCL.

Thứ ba, giáo dục pháp luật theo những vấn đề thực tiễn đặt ra. Trong hoạt động tôn giáo, công tác tác tôn giáo, quản lý nhà nước về tôn giáo, hàng loạt các vấn đề đặt ra như pháp luật về quốc phòng an ninh, tín ngưỡng, tôn giáo, biến đổi khí hậu, quản lý đất đai, nhà ở..., Từ thực tiễn này các tổ chức tôn giáo phối hợp các cơ quan có thẩm quyền tổ chức giáo dục pháp luật, định hướng các chức sắc tôn giáo đồng hành cùng chính quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, giải quyết các vấn đề “nóng” trong cộng đồng dân cư vì mục tiêu “tốt đời, đẹp đạo”.

Thứ tư, giáo dục pháp luật theo niềm tin tôn giáo về kiến tạo một thế giới hăng sống, an lạc. Giáo lý tất cả các tôn giáo vùng ĐBSCL đều hướng con người về “kiếp sau” ở một thế giới hạnh phúc, toàn năng, công bằng. Đó là thiên đường của Công giáo, Tây phương cực lạc của Phật giáo... Để đến được thế giới này, con người phải thương yêu, giúp đỡ nhau, đồng cam cộng khổ, “sống phúc âm”, “từ bi, hỷ xả”... Với niềm tin này, các chủ thể giáo dục pháp luật cần phối hợp với các Giáo hội, các tôn giáo tổ chức giáo dục cho nhiều chức sắc của nhiều tôn giáo vào một khung thời gian, chọn lựa nội dung pháp luật các tôn giáo đều mong muốn thực hiện vì niềm tin của mình như: Pháp luật về an sinh xã hội, từ thiện; vai trò, quyền và trách nhiệm của các tổ chức tôn giáo trong tham gia các hoạt động y tế, giáo dục...

Thứ năm, xuất phát từ đặc thù về phương pháp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, đa dạng về phương pháp kết hợp với vận động, hướng dẫn tận tình chức sắc thủ tục, giấy tờ trong hoạt động xây dựng cơ sở thờ tự, quản lý đất tôn giáo, chung tay cùng chính quyền thực hiện chính sách, pháp luật Nhà nước về quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế xã hội... Nên trong giáo

dục pháp luật luôn có sự tương tác giữa chủ thể với đối tượng, giúp chức sắc tôn giáo giải quyết tốt các tình huống pháp lý xảy ra trên thực tế. Vì vậy trong giáo dục pháp luật cần bố trí các đối tượng và chủ thể liên quan cùng tham gia để chia sẻ thông tin, tư vấn pháp luật, cung cấp văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn thủ tục pháp về các vấn đề liên quan đến tôn giáo...

2.2.2. Nội dung giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo

Nội dung giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo là những yêu cầu, mong muốn tìm hiểu pháp luật của chức sắc tôn giáo để thực hiện đúng, nghiêm minh các quy định pháp luật trong hoạt động đạo, đời; phát huy giá trị của pháp luật. Chính vì thế, nội dung giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo xuất phát từ nền tảng kiến thức pháp luật đến sự am hiểu về vai trò của giáo dục pháp luật, cách thức áp dụng, thực hiện pháp luật trong thực tiễn. Từ đó trên cơ sở trang bị nền tảng kiến thức pháp luật, chủ thể giáo dục thực hiện việc bồi dưỡng tình cảm và hành vi tuân thủ pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

Xuất phát từ những đặc điểm của đối tượng đặc biệt, nội dung giáo dục pháp luật có yếu tố riêng, đặc thù phù hợp với vai trò công dân trong Nhà nước, vai trò người lãnh đạo Giáo hội, bao gồm nội dung giáo dục pháp luật:

Nhóm kiến thức pháp luật thứ nhất: Quy định của Hiến pháp và văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là các quy định của pháp luật về dân sự, hình sự, hành chính, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, lao động, giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh, giao thông, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành. Các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế; giáo dục pháp luật chuyên đề... Ở vai trò công dân, chức sắc tôn giáo được tiếp nhận giáo dục pháp luật với nội dung trên bình đẳng với những công dân khác trong xã hội. Ngoài ra, đồng thời, với vai trò lãnh đạo Giáo hội, chức sắc tôn giáo được trang bị kiến thức

pháp luật theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Cụ thể, trong các Học viện, trường đào tạo chức sắc, pháp luật quy định: “Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp, các cơ quan liên quan hướng dẫn chương trình, nội dung giảng dạy môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam” [70]. Từ quy định này, năm 2020, Ban Tôn giáo chính phủ ban hành Tập bài giảng môn học pháp luật Việt Nam gồm 5 nội dung:

- Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Những vấn đề chung về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam.
- Một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- Quy định của pháp luật Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo.
- Pháp luật về đất đai, xây dựng liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

Đây là tài liệu làm hai nhiệm vụ: Giáo dục những nội dung cơ bản pháp luật Việt Nam và giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc, chức việc, lực lượng ưu tú của các tôn giáo. Song song đó, hàng năm, chức sắc tôn giáo được giáo dục pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh. Trong đó: “Kiến thức quốc phòng và an ninh bao gồm hệ thống quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, *pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh*; truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc và kỹ năng quân sự” [68]. Thông tư số 172/2020/TT-BQP của Bộ Quốc phòng chương trình khung bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, trong đó có Chương trình bồi dưỡng cho chức sắc, chức việc tôn giáo là 04 ngày làm việc, mục tiêu bồi dưỡng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho đối tượng được bồi dưỡng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, với các nội dung: Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; Nội dung cơ bản của Luật Quốc phòng, Luật tín ngưỡng, tôn giáo... Mặt khác, xuất phát từ nhu cầu, yêu cầu thực tiễn các tôn giáo hoặc chính quyền địa phương tổ chức các hội nghị chuyên đề pháp luật về nhà ở, cư trú,

hôn nhân gia đình, lịch sử vùng đất Nam Bộ, Việt Nam... đến đội ngũ trụ cột các tôn giáo ở phân kỳ thời gian thích hợp.

Với dung lượng kiến thức pháp luật tổng quan từ Luật Hiến pháp đến các luật chuyên ngành, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo trong hệ thống pháp luật Việt Nam, giúp chức sắc nắm được những kiến thức pháp lý nền tảng xử lý các tình huống trong thực hiện các nhiệm vụ của công dân, của lực lượng lãnh đạo các tôn giáo. Trong đó, tập trung giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, bao gồm:

Thứ nhất, giúp chức sắc tôn giáo nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò các tổ chức tôn giáo trong hệ thống chính trị. Trong đó, nội dung cốt lõi bao gồm kiến thức những vấn đề cơ bản về Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Sự ra đời, bản chất, chức năng, bộ máy Nhà nước; quyền và trách nhiệm công dân của mình đối với Nhà nước. Đồng thời làm rõ mối quan hệ gắn bó giữa Nhà nước với Giáo hội; yêu cầu đồng hành giữa Nhà nước và Giáo hội trong thực hiện các chức năng của nhà nước, hoạt động xã hội, thực hiện chính sách đối ngoại, ngoại giao của Nhà nước.

Thứ hai, trang bị kiến thức pháp luật cho chức sắc tôn giáo, chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL từ những vấn đề chung về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam đến pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo, quốc phòng, an ninh gắn với lịch sử đất và người vùng ĐBSCL. Nội dung giáo dục này giúp chức sắc tôn giáo am hiểu có hệ thống về chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước trong thực hiện pháp luật về tôn giáo: Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật. Kiến thức pháp luật tạo cơ sở chức sắc tôn giáo có kỹ năng trong thực hiện pháp luật qua đăng ký sinh hoạt tôn giáo, hoạt động tôn giáo, xuất bản kinh, sách, tham gia giáo dục, y tế, bảo trợ

xã hội, từ thiện xã hội, quản lý, sử dụng tài sản của tổ chức tôn giáo... Nắm vững các nội dung này có ý nghĩa rất quan trọng đối với chức sắc tôn giáo trong hoạt động đạo sự, đặc biệt tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, quản trị quốc gia theo quy định của pháp luật, phát huy nguồn lực tôn giáo vào phát triển cộng đồng. Ngoài ra với đặc thù vùng địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh, chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL được trang bị kiến thức pháp luật về quốc phòng, an ninh gắn với lịch sử vùng đất Nam Bộ. Trên cơ sở thực tế lịch sử và các văn bản pháp lý mang tính quốc tế, tiếp tục nâng cao nhận thức cho chức sắc tôn giáo: Vùng đất Nam Bộ là một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam, là địa bàn sinh sống của cộng đồng các dân tộc Việt, Khmer, Hoa, Chăm cùng các dân tộc ít người khác và những nét đặc trưng của không gian lịch sử, văn hóa đặc sắc luôn giữ vững truyền thống đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây là nội dung giáo dục pháp luật giúp chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL nhận diện âm mưu, thủ đoạn, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động về lịch sử, căn cứ pháp lý của đất và người Nam Bộ, lịch sử hình thành và phát triển các tổ chức tôn giáo ở ĐBSCL.

Nhóm kiến thức pháp luật thứ hai: “Ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật” [67], văn hóa tuân thủ pháp luật.

Với đặc thù vùng đất đầy biến động của lịch sử. “Miền Nam đi trước về sau”, song là “Thành đồng của Tổ quốc”. Là đối tượng đặc biệt trong hoạt động giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL, tập trung các nội dung:

Thứ nhất, giáo dục truyền thống yêu hòa bình, khoan dung của dân tộc, đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc từ thực tiễn cơ sở lịch sử và pháp lý của vùng đất ĐBSCL. Trong suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển, vùng ĐBSCL là một phần máu thịt của Tổ quốc Việt Nam. Các dân tộc, tôn

giáo đoàn kết một lòng giữ gìn, phát huy truyền thống đạo lý, tương thân, tương ái trong thế ứng xử cộng đồng dân cư, thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước, của pháp luật. Kế thừa những ưu thế này, giáo dục cho chức sắc tôn giáo nhằm nâng cao ý thức pháp luật, thúc đẩy, động viên, khích lệ đội ngũ lãnh đạo các tôn giáo tích cực bảo vệ, thực hiện nghiêm các quy định pháp luật. Đồng thời qua giáo dục pháp luật tạo hành trang kiến thức, kỹ năng thực hành cho chức sắc tôn giáo nhận diện âm mưu, thủ đoạn, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động về giá trị pháp luật, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam. Với đời sống tôn giáo vùng ĐBSCL, tập trung giáo dục cho chức sắc tôn giáo nhận biết các phần tử cực đoan nhân danh tôn giáo trong và ngoài nước sử dụng các trang mạng xã hội để phát tán tài liệu, đăng tải các bài viết có nội dung kích động lòng thù hận dân tộc, chia rẽ khối đoàn kết tôn giáo, xuyên tạc, bóp méo sự thật về tình hình tôn giáo vùng Tây Nam bộ. Vì thế nội dung giáo dục pháp luật ngoài dung lượng kiến thức pháp luật cơ bản, chuyên ngành, cần cung cấp dữ liệu lịch sử, các văn bản pháp lý có giá trị quốc tế, các luận cứ khoa học về chính sách pháp luật về dân tộc, tôn giáo, chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam cho chức sắc tôn giáo. Từ đó tạo điều kiện lực lượng cốt cán trong các tôn giáo vững vàng về kiến thức pháp luật, lịch sử, văn hóa... sẵn sàng đi đầu trên mặt trận đấu tranh, phản bác ý kiến xuyên tạc chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo, công tác tôn giáo.

Thứ hai, giáo dục hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật trong chức sắc tôn giáo trong giai đoạn mới.

Văn hóa tuân thủ pháp luật là một hệ thống các giá trị, chuẩn mực, thể hiện bằng các hành vi thực hiện pháp luật tự giác, nghiêm minh có tính lan tỏa tích cực trong cộng đồng. Là những cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư, chức sắc tôn giáo phần lớn đều ý thức thực hành văn hóa tuân thủ pháp luật trong các mối quan hệ xã hội, quan hệ pháp luật. Trong

giáo dục pháp luật, các chủ thể một mặt trang bị cho chức sắc tôn giáo về kiến thức, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, đời sống tôn giáo, cùng với bồi dưỡng, xây dựng niềm tin, tình cảm với pháp luật, giá trị của pháp luật, rèn luyện kỹ năng thực hiện pháp luật trên thực tế. Mỗi chức sắc qua giáo dục pháp luật từ đối tượng thành chủ thể giáo dục pháp luật ở không gian, thời gian mới, giai đoạn mới. Nội dung giáo dục pháp luật nhằm hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật là quá trình đào tạo hướng đến năng lực cho chức sắc tôn giáo. Đây là biểu hiện trực tiếp và cụ thể của văn hóa tuân thủ pháp luật trong đời sống của chức sắc tôn giáo qua hành vi tuân thủ pháp luật là lẽ đương nhiên, mang tính công lý, là hình mẫu của thực hiện pháp luật.

Qua đó, nội dung giáo dục pháp luật cho lãnh đạo tôn giáo rất đa dạng, phong phú, bao phủ từ Hiến pháp đến các ngành luật cơ bản trên tất cả lĩnh vực từ những vấn đề chung đến những vấn đề cụ thể liên quan trực tiếp đến hoạt động tôn giáo gắn với quốc phòng và an ninh, phát triển kinh tế- xã hội.

2.2.3. Hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo

Hình thức giáo dục pháp luật là cách thức tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật, cách tiến hành một hoạt động cụ thể để đạt được mục đích hình thành ở đối tượng tình cảm, tri thức và hành vi pháp lý phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của pháp luật. Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo được tổ chức với các hình thức sau:

- Hợp báo, thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật

Hình thức giáo dục pháp luật qua hợp báo, thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật nhằm phổ biến pháp luật đến các tầng lớp Nhân dân, chức sắc tôn giáo nhanh chóng, kịp thời. Văn phòng Chủ tịch nước chủ trì phối hợp với Văn phòng Quốc hội, cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức hợp báo và ra thông cáo báo chí về luật, pháp lệnh, nghị quyết, chứa đựng quy phạm

pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội sau khi Chủ tịch nước ký lệnh công bố. Ngoài ra hàng tháng Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với Văn phòng Chính phủ và cơ quan chủ trì soạn thảo ra thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. Nội dung của thông cáo báo chí nêu rõ sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của văn bản quy phạm pháp luật, nhằm giúp cho tất cả các đối tượng trong xã hội, trong đó có chức sắc tôn giáo tiếp cận các nội dung pháp luật mới ban hành, thực hiện pháp luật.

- Giáo dục pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật

Thông qua giao tiếp, ngôn ngữ hình thể, phương tiện dạy học, giảng viên, báo cáo viên trao đổi trực tiếp với chức sắc tôn giáo những nội dung kiến thức pháp luật tại các hội nghị, hội thảo, lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật chuyên đề... Giáo dục pháp luật trực tiếp qua tư vấn pháp luật, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật được thực hiện thông qua ngôn ngữ giao tiếp hỏi - đáp trực tiếp (tư vấn miệng) hay thông qua giải đáp bằng văn bản. Nhà nước có chính sách khuyến khích tổ chức tư vấn pháp luật, các tổ chức dịch vụ pháp lý khác, cơ sở đào tạo và cơ sở nghiên cứu chuyên ngành luật thực hiện việc tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật cho nhân dân nói chung và chức sắc tôn giáo nói riêng.

- Giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động; đăng tải trên Công báo; đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư.

Giáo dục pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng là một kênh có tác dụng rất mạnh, nhiều người có thể tiếp cận, có sức lan tỏa nhanh trong cộng đồng dân cư. Hình thức giáo dục pháp luật này phát huy vai trò của báo, đài trong tuyên truyền, phổ biến đường lối, giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến Nhân dân, giúp cho đông đảo cán

bộ, Nhân dân, chức sắc tôn giáo dễ dàng tiếp thu nắm bắt, tìm hiểu, nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật. Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật quy định cụ thể Đài truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân dân, báo của các cơ quan bảo vệ pháp luật, báo đài phát thanh, đài truyền hình cấp tỉnh xây dựng chương trình, chuyên trang, chuyên mục về pháp luật; đa dạng hóa các hình thức giáo dục pháp luật để phổ biến các quy định của pháp luật, tình hình thi hành pháp luật và các thông tin khác về pháp luật.

Hiện nay, cùng với các phương tiện thông tin đại chúng của nhà nước, các tổ chức tôn giáo hầu hết đều có các phương tiện thông tin lan tỏa trong và ngoài Giáo hội, trong đó một số tờ báo, tạp chí có uy tín như: Văn hóa Phật giáo, Nghiên cứu Phật học, Khuông Việt, Giác ngộ (Giáo hội Phật giáo Việt Nam), Hiệp thông, Công giáo và Dân tộc (Giáo hội Công giáo Việt Nam), Mục vụ, Thông công (Tin Lành), Cao Đài (Cao Đài), Hương Sen (Phật giáo Hòa Hảo),... Ngoài ra, các tổ chức tôn giáo cũng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động với rất nhiều trang Thông tin điện tử, các trang mạng xã hội, website của các tổ chức tôn giáo đang hoạt động (phần lớn các tổ chức tôn giáo (kể cả tổ chức tôn giáo trực thuộc) có Website riêng). Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tổ chức khai trương Trung tâm điều hành điện tử của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Với nhiều nội dung phong phú phục vụ cho hoạt động tôn giáo, thông tin pháp luật của Nhà nước về hoạt động tôn giáo.

Các văn bản quy phạm pháp luật đăng tải trên Công báo, nhiều thông tin pháp luật được trên trang thông tin điện tử, niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư đã giúp chức sắc tôn giáo dễ dàng tiếp cận kiến thức pháp luật, tuân thủ pháp luật.

- Giáo dục pháp luật thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Hiến pháp năm 2013 xác định Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân..., có nhiệm vụ giáo dục công

dân ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ chính là xét xử. Bên cạnh đó còn thực hiện các nhiệm vụ khác, trong đó có nhiệm vụ giáo dục pháp luật. Với chức sắc tôn giáo, giáo dục pháp luật qua hoạt động xét xử là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức, có chủ định và có kế hoạch của các chủ thể giáo dục (Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên, Luật sư, Thư ký tòa án) đến các chức sắc tôn giáo (những chức sắc tôn giáo tham gia tố tụng, tham dự phiên tòa) nhằm hình thành ở họ ý thức pháp luật, trạng thái xúc cảm, tình cảm pháp luật đúng đắn, là cơ sở cho hành vi, ứng xử phù hợp với yêu cầu của pháp luật.

Trong xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan trực tiếp đến chức sắc tôn giáo, giúp cho chức sắc tôn giáo hiểu rõ hơn về những quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ pháp lý của mình trong các tranh chấp dân sự, hành chính... thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật.

- Giáo dục pháp luật thông qua các loại hình văn hoá, văn nghệ

Trong xã hội Việt Nam hiện nay, với nhiều tôn giáo khác nhau, nhiều nét văn hóa tôn giáo đã trở thành nếp sống đẹp làm phong phú cho văn hóa của xã hội, như: Phật giáo phát triển đời sống văn hóa nhân văn qua đề cao trung thực, nhân quả, tình thương yêu sự sống, xây dựng đạo đức tốt lành qua tâm từ bi, sinh hoạt lễ hội tạo nét đẹp qua mùa Phật đản mừng ngày sinh của Đức Phật Thích Ca,... Công giáo xây dựng tình người cao đẹp qua thực hiện tình thương yêu bác ái, sinh hoạt lễ hội có mùa Noel mừng Thiên chúa giáng sinh,... Nhiều những giá trị đạo đức, văn hóa tinh thần tôn giáo xây dựng trong cộng đồng xã hội, thể hiện ngày càng đa dạng, phong phú qua các loại hình văn hóa, văn nghệ.

Chính vì thế giáo dục pháp luật thông qua các loại hình văn hoá, văn nghệ cho đồng bào các tôn giáo nói chung, chức sắc tôn giáo nói riêng là hình thức dễ đi vào lòng người, gắn chặt giá trị pháp luật, giá trị văn hóa, nâng cao

văn hóa pháp lý cho chức sắc tôn giáo. Các nội dung pháp lý sống động trong các tác phẩm văn học, các tác phẩm điện ảnh, các tác phẩm sân khấu, các lễ hội... luôn thu hút đông đảo chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo xem, nghe, lan tỏa những giá trị tích cực, như tác phẩm văn học Đêm trắng Đức Giáo tông của nhà văn Trầm Hương, phim tài liệu: Đạo Cao Đài - Nước vinh, đạo sáng... Thông qua các loại hình văn hóa, văn nghệ, kiến thức pháp luật được chuyển tải, thấm sâu vào chức sắc tôn giáo, nâng cao ý thức pháp luật, phát huy tính tích cực trong thực hiện pháp luật của chức sắc tôn giáo, tín đồ tôn giáo, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Hoạt động dạy và học pháp luật tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài tôn giáo

Trong các cơ sở đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam hiện nay, không có chương trình giáo dục pháp luật riêng cho chức sắc tôn giáo. Chức sắc tôn giáo dự học cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành luật; chuyên ngành đào tạo khác có học pháp luật đều thực hiện chương trình khung về pháp luật như các đối tượng đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. Trong các cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam, thực hiện chương trình khung của Tập bài giảng môn học pháp luật Việt Nam do Ban Tôn giáo Chính phủ biên soạn năm 2020. Đồng thời chức sắc tôn giáo hàng năm tham dự nhiều chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; pháp luật có liên quan trực tiếp đến hoạt động tôn giáo thông qua việc tổ chức các lớp học, bồi dưỡng ngắn ngày tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài tôn giáo.

Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài tôn giáo cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, bản chất, vai trò của nhà nước và pháp luật đối với đời sống xã hội nhằm trang bị cho chức sắc tôn giáo vốn hiểu biết quan trọng xác định quan hệ pháp lý giữa nhà nước và giáo hội; giáo dục những chuẩn mực cơ bản của pháp luật như dân chủ, công bằng, bình đẳng, công lý, tự do... giúp chức sắc tôn giáo

hiểu và thực thi đầy đủ những chuẩn mực quan trọng đó trong hoạt động tôn giáo; phối hợp tham gia cùng lực lượng làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho tín đồ tôn giáo, cộng đồng dân cư.

Phương pháp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo là tổng hợp, hệ thống những cách thức tổ chức hoạt động được các chủ thể sử dụng nhằm truyền đạt, chuyển giao những nội dung pháp luật nhất định cho chức sắc tôn giáo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ mà chủ thể đặt ra; đồng thời phù hợp với năng lực, nhu cầu tiếp thu tri thức pháp luật của chức sắc tôn giáo.

Xuất phát từ nội dung, mục tiêu cụ thể GDPL cho chức sắc tôn giáo ở những giai đoạn, thời điểm nhất định, chủ thể GDPL có thể sử dụng phương pháp GDPL phù hợp nhất, phổ biến là những phương pháp sau:

- *Phương pháp thông tin nhanh pháp luật*: Đây là phương pháp áp dụng cho các hình thức: Hợp báo, thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật, trên các phương tiện thông tin đại chúng. Phương pháp này, các chủ thể giáo dục pháp luật phát huy lợi thế trong tiếp nhận, xử lý và cung cấp thông tin pháp luật, pháp luật về tôn giáo trực tiếp hoặc gián tiếp cho chức sắc tôn giáo qua các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các phần mềm áp dụng trong hoạt động tôn giáo, quản lý nhà nước về tôn giáo. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở Trung ương cung cấp những thông tin chính thống và tin cậy nhất liên quan đến lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo. Khi có vụ việc liên quan đến tôn giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Dân tộc và Tôn giáo) sẽ thông tin đến các bộ, ban, ngành Trung ương, các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức, chức sắc tôn giáo và quần chúng nhân dân trong nước; thậm chí cung cấp thông tin ra bên ngoài. Tùy theo mức độ quan trọng của thông tin, Bộ Dân tộc và Tôn giáo sẽ lựa chọn hình thức thông tin như: gửi văn bản, các buổi làm việc trực tiếp, trực tuyến, các buổi tập huấn, bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo, hợp báo, thông tin trên website, đăng trên phát thanh, truyền hình, báo, tạp chí để định hướng thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo cho các chức sắc tôn giáo.

- *Phương pháp tuyên truyền, giải thích pháp luật*: Chủ thể đào sâu nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, tìm hiểu những giá trị cốt lõi, nội dung trọng tâm từ các quy định pháp luật để trao truyền cho chức sắc tôn giáo... nhằm hỗ trợ, động viên, khuyến khích giải quyết thấu đáo, hợp lý, hợp tình những vấn đề phát sinh trong tôn giáo.

- *Các phương pháp giảng dạy truyền thống, hiện đại áp dụng trong mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng pháp luật cho chức sắc tôn giáo*. Đây là những phương pháp giáo dục pháp luật được thực hiện trong mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật được tổ chức chủ yếu trong nhà trường. Giáo hội, đơn vị mở lớp đảm bảo điều kiện hội trường, phương tiện dạy học hiện đại (máy chiếu, bảng từ, bảng lật, các phần mềm quản lý đào tạo...) để giảng viên, báo cáo viên sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, phát vấn, cùng tham gia, làm việc nhóm... để buổi học đạt chất lượng, hiệu quả cao nhất.

Qua nhiều hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật, chức sắc tôn giáo được cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, bản chất, vai trò của nhà nước và pháp luật đối với đời sống xã hội nhằm trang bị cho chức sắc tôn giáo vốn hiểu biết quan trọng xác định quan hệ pháp lý giữa nhà nước và giáo hội; giáo dục những chuẩn mực cơ bản của pháp luật như dân chủ, công bằng, bình đẳng, công lý, tự do... giúp chức sắc tôn giáo hiểu và thực thi đầy đủ những quyền và lợi ích chính đáng của công dân, hoạt động tôn giáo đúng pháp luật.

2.3. CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO

2.3.1. Điều kiện bảo đảm về chính trị

Điều kiện bảo đảm về chính trị của một quốc gia là đường lối, đời sống chính trị của quốc gia đó. Nếu quốc gia có một đường lối chính trị nhất quán, tiến bộ sẽ giúp cho quốc gia đó phát triển ổn định, tạo một môi trường thuận lợi cho mọi hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội... phát triển, trong đó

hoạt động giáo dục pháp luật sẽ được chú trọng quan tâm đúng mức. Việt Nam luôn nhất quán đường lối chính trị, ban hành nghị quyết, văn kiện của Đảng lãnh đạo hoạt động giáo dục pháp luật, công tác tôn giáo. Cùng các văn kiện qua các kỳ đại hội Đảng, Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân đã khẳng định: “Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cần được tăng cường thường xuyên, liên tục và ở tầm cao hơn, nhằm làm cho cán bộ và nhân dân hiểu biết và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, thông qua đó mà kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật” [4]. Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 khóa IX của Đảng đã tổng kết và phát triển tư duy lý luận của Đảng về vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Theo đó, vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tập trung ở những nội dung chủ yếu sau: Thừa nhận sự tồn tại của tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; tôn giáo, tín ngưỡng là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; thừa nhận và khuyến khích phát huy những giá trị đạo đức, văn hóa, truyền thống tốt đẹp của tôn giáo trong công cuộc xây dựng xã hội mới. Tại báo cáo Chính trị Đại hội XI của Đảng nhất quán trong tư duy và hành động phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức, tốt đẹp của các tôn giáo; động viên các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. “Đại hội XII (2016) của Đảng khẳng định: Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo” [12, tr.283]. Đại hội XIII (2021), Đảng nhấn mạnh: “Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời đẹp đạo, đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [29, tr.171].

Đường lối chính trị còn xác định phương hướng hoạt động đối ngoại tôn giáo. Đại hội VI của Đảng (Tháng 12/1986), đã đặt nền móng cho quá trình đổi mới tư duy nói chung và trong lĩnh vực đối ngoại nói riêng, tạo nên bước ngoặt quan trọng trong tư duy “mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế, ... mở rộng quan hệ với tất cả các nước trên nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”. Đại hội VII nêu quan điểm: “Việt Nam muốn *là bạn* với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” và Hội nghị Trung ương 3 khóa VII (1992) nêu 4 phương châm, xử lý các vấn đề quốc tế phù hợp xu thế quốc tế. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (6/1996) đã đánh dấu bước ngoặt chuyển đất nước ta sang thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối đối ngoại, Đại hội lần đầu tiên nêu nhiệm vụ hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Đại hội IX của Đảng nhấn mạnh việc: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa”. Đại hội X (2006), Đảng chủ trương: “Chủ động và tích cực *hội nhập kinh tế quốc tế*, đồng thời mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực khác”. Đại hội XI (2011), Đảng nâng tầm trong đối ngoại: “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế...” Đại hội XII (2016), mục tiêu hàng đầu của đối ngoại: “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia- dân tộc”; “nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình và tạo điều kiện thuận lợi phát triển đất nước”; “định hình các thể chế đa phương”. Đại hội XIII (2021): “Tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước”; “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản Hiến chương Liên Hợp Quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng và

cùng có lợi”; “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng”. Đối ngoại Việt Nam nhằm: “Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và *đối ngoại nhân dân*” [29, tr.162]. Trong đó: “Đối ngoại nhân dân là hoạt động đối ngoại có sự tham gia rộng rãi của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị ở các cấp không nhân danh Đảng, Nhà nước và Chính phủ; của các nhân sĩ, trí thức, các nhà khoa học, các văn nghệ sĩ, nhà báo, đồng bào các tôn giáo, các dân tộc, các doanh nhân thuộc các thành phần kinh tế; của các tổ chức từ thiện, nhân đạo, bảo vệ môi trường; của nhân dân trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài” [12, tr.329]. Thực hiện đường lối chính trị của Đảng, các tôn giáo thực hiện đối ngoại nhân dân với các hình thức: Hoạt động “thuần túy tôn giáo”, giao lưu giữa các tôn giáo, trao đổi đoàn thăm viếng lẫn nhau; thảo luận về giáo lý, giáo luật, lễ nghi phụng tự, về phương thức sinh hoạt tôn giáo, về đào tạo, trao đổi về thần học và kinh sách; các hoạt động duy trì cơ cấu tổ chức giáo hội và liên đới cộng đồng tôn giáo, Hoạt động xã hội của chức sắc, tổ chức tôn giáo, từ thiện, viện trợ; các hoạt động tại các diễn đàn quốc tế với các chủ đề hòa bình, bình đẳng, tiến bộ xã hội, dân số và gia đình, môi trường và kinh tế, đạo đức xã hội và nghèo đói do các tổ chức chính trị - xã hội, Liên Hiệp Quốc,... tổ chức. Hoạt động tôn giáo chứa đựng nội dung chính trị, tuyên bố về chủ quyền, dân chủ, vai trò Nhà nước, can thiệp vào các công việc Nhà nước và sự kiện quốc tế. Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân, Ban Bí thư đã ban hành chỉ thị số 04-CT/TW, ngày 06/7/2011 về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới đã xác định nhiệm vụ: “Huy động sự tham gia của các tổ chức và tầng lớp nhân dân vào các hoạt động chống lợi dụng các vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, chống “diễn biến hòa bình” của các

thế lực thù địch, đấu tranh bảo vệ độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ đất nước”. Đây là tiền đề tôn giáo Việt Nam hội nhập quốc tế trong đào tạo nhân lực, góp phần tích cực trong việc thực hiện đường lối đối ngoại và chính sách, pháp luật về tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, nâng cao ý thức pháp luật cho chức sắc tôn giáo trong hoạt động ở môi trường quốc tế.

Quy định của Đảng là điều kiện đảm bảo về chính trị trong hoạt động giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo nói riêng vì một quốc gia đáng sống, thành viên có trách nhiệm với các nước trên thế giới ở thời đại mới.

2.3.2. Điều kiện bảo đảm về pháp lý

Quyền và nghĩa vụ pháp lý của lãnh đạo, tín đồ tôn giáo đều được ghi nhận ở Hiến pháp, đạo luật cao nhất của Việt Nam, làm cơ sở thực hiện thống nhất trên toàn quốc. Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam cũng đã khẳng định quyền tự do tín ngưỡng là một trong năm quyền cơ bản của công dân. Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh lý ban hành Sắc lệnh số 234/SL, ngày 14 tháng 6 năm 1955, về vấn đề tôn giáo, tạo điều kiện lãnh đạo tôn giáo và các tín đồ đều được hưởng các quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân. Hiến pháp năm 1959 xác định: “Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào” (Điều 26). Ngày 11 tháng 11 năm 1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị quyết số 297/NQ-HĐBT về một số chính sách đối với tôn giáo đã đưa ra những nguyên tắc: “1. Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do không tín ngưỡng của nhân dân. 2. Các nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo đều được hưởng mọi quyền lợi và phải làm mọi nghĩa vụ của người công dân. 3. Các tôn giáo và mọi công dân theo đạo hoặc không theo đạo đều bình đẳng trước pháp luật. 4. Các tôn giáo phải tuân theo Hiến pháp, pháp luật và chủ trương, chính sách, thể lệ của Nhà nước trong mọi lĩnh vực hoạt động của mình. 5. Những kẻ lợi dụng tôn giáo để phá hoại

nền độc lập của Tổ quốc, chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa, phá hoại khối đoàn kết toàn dân, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân, chống lại các chính sách và pháp luật của Nhà nước sẽ bị pháp luật nghiêm trị”; “Những nhà tu hành và những người chuyên hoạt động tôn giáo được tự do giảng đạo tại nơi thờ cúng và trong các cơ quan tôn giáo. Khi truyền bá tôn giáo, ngoài việc giảng giáo lý, các nhà tu hành còn có nhiệm vụ động viên tín đồ làm tốt nghĩa vụ công dân và chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước; không được tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa, chống chính quyền, chống chính sách, pháp luật của Nhà nước, không được tuyên truyền chia rẽ đoàn kết dân tộc, tôn giáo, tuyên truyền mê tín dị đoan”. Hiến pháp 1980 quy định: “Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Không ai được lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước” (Điều 68). Điều 70 Hiến pháp 1992 quy định rõ: “Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước.” Thử chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, Hiến pháp 1992 trong hoạt động giáo dục pháp luật, ngày 20 tháng 6 năm 2012 Quốc hội thông qua Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, quy định chức sắc, tín đồ các tôn giáo là đối tượng giáo dục pháp luật bình đẳng với các công dân khác trong xã hội. Đồng thời ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc hội ban hành Luật giáo dục quốc phòng và an ninh đã quy định: “Kết hợp giáo dục quốc phòng và an ninh với giáo dục chính trị tư tưởng, phổ biến, giáo dục pháp luật và gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện”. Chức sắc tôn giáo được truyền đạt kiến thức pháp luật quan các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho đối tượng là cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư. Hiến pháp 2013 ban hành, có nội dung hoàn thiện ở Điều 70 Hiến pháp năm 1992 thành

nội dung: Công dân được thay bằng Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ được thay bằng Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Với quy định này Nhà nước đã mở rộng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của các thành phần trong xã hội (cả thành phần đã mất quyền công dân); đồng thời nhìn nhận giá trị văn hóa của các cơ sở tôn giáo. Điều 24 Hiến pháp 2013 ghi nhận: “1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. 2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. 3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật”.

Từ quy định của Hiến pháp, quyền và nghĩa vụ pháp lý của “đối tượng đặc biệt” ngày càng được hoàn thiện, giúp cho chức sắc, tín đồ thực hiện đầy đủ vai trò thế quyền và thần quyền trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong đó có giáo dục pháp luật, công tác tôn giáo. Từ quy định Hiến pháp 2013, Luật tín ngưỡng, tôn giáo và các luật chuyên ngành ở những góc độ khác nhau cũng có các quy phạm pháp luật điều chỉnh một số nội dung liên quan giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo như Luật giáo dục, Luật đất đai... Đặc biệt, Luật tín ngưỡng, tôn giáo có chương VI. “*Hoạt động tôn giáo có yếu tố nước ngoài*”. Bộ Dân tộc và Tôn giáo: “Làm đầu mối liên hệ với các tổ chức tôn giáo trong nước và quốc tế, đối ngoại tôn giáo và đấu tranh nhân quyền trên lĩnh vực tôn giáo; thúc đẩy tăng cường khối đại đoàn kết trong cộng đồng các tôn giáo ở Việt Nam” [20]. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng để cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở trung ương cùng các Giáo hội thực hiện đối ngoại tôn giáo, tăng cường hợp tác đào tạo trang bị kiến thức pháp luật cho chức sắc.

Các nội dung trên có mối liên hệ chặt chẽ nhau, bảo đảm lợi ích chính đáng của tôn giáo, chức sắc, tín đồ tôn giáo trong nhà nước thế tục, chính giáo

phân ly. Rõ ràng: “Nhà nước thế tục ở Việt Nam có thể nói thật sự là một nhà nước phi tôn giáo, mácxít vô thần. Nhà nước ấy thực sự không dựa vào bất cứ tôn giáo nào, hơn nữa luôn có thái độ khách quan đối xử bình đẳng với mọi tôn giáo trên nguyên tắc đại đoàn kết dân tộc, hài hòa giữa các tôn giáo và coi trọng sự đồng thuận giữa các tôn giáo với dân tộc, giữa tôn giáo với chủ nghĩa xã hội. Trong quan hệ giữa các tổ chức Giáo hội, Nhà nước luôn giữ vị trí bảo hộ về pháp lý, người giúp đỡ tạo điều kiện cho các tôn giáo và các tín đồ của họ thực hiện được nghĩa vụ và quyền lợi của người công dân và của người có tôn giáo” [52, tr.43]. Vì thế, quản lý nhà nước về tôn giáo trên cơ sở quy định của pháp luật, bảo đảm công lý, hiệu lực, hiệu quả, tạo động lực giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo đạt kết quả tích cực.

Những quy định này là điều kiện bảo đảm về pháp lý trong hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo Việt Nam.

2.3.3. Điều kiện bảo đảm về nguồn lực, cơ chế phối hợp hoạt động

Nguồn lực là tổng thể vị trí địa lý, của cải vật chất của quốc gia, con người, vốn, thị trường... ở cả trong nước và ngoài nước có thể được khai thác nhằm phục vụ cho việc phát triển kinh tế xã hội của một lãnh thổ nhất định. Nguồn lực thực hiện công tác giáo dục pháp luật, cho chức sắc tôn giáo ở Việt Nam bao gồm nguồn lực từ Nhà nước và nguồn lực ngoài Nhà nước (nguồn lực xã hội, nguồn lực tôn giáo...). “Nguồn lực tôn giáo là toàn bộ những lực lượng tinh thần và vật chất mà bản thân tôn giáo có hoặc huy động được để phục vụ cho phát triển xã hội” [36, tr.48]. Trong đó, quan trọng nhất là nguồn lực con người, vật chất, nguồn lực cơ chế, chính sách. Các nguồn lực này bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo đạt được hiệu quả cao nhất.

Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo là trách nhiệm và sự phối hợp của nhiều chủ thể trong xã hội, nhất là hoạt động thông qua 2 thiết chế Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật, Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh giúp cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương và cấp tỉnh thực

hiện. Từ quy định trên, thiết chế 2 Hội đồng này được thành lập ở tất cả các tỉnh, thành trong toàn quốc. Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật, Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh cấp tỉnh do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp làm Chủ tịch. Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật các cấp với số lượng trung bình từ 30 - 48 thành viên, với cơ cấu gồm lãnh đạo khối chính quyền, khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, có nhiệm vụ phát huy vai trò các thành viên Hội đồng trong chỉ đạo tổ chức thực hiện giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý; hoàn thiện thể chế, chính sách về giáo dục pháp luật; định hướng nội dung, hình thức giáo dục pháp luật cần chú trọng thực hiện... Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh cấp tỉnh tổ chức, thực hiện dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho chức sắc, chức việc tôn giáo có nội dung pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Vì vậy sự phối hợp giữa các chủ thể, thành viên Hội đồng trong quá trình truyền thụ pháp luật cho đội ngũ lãnh đạo tôn giáo là điều kiện, quy định của pháp luật.

2.4. GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Nhiều quốc gia đa dân tộc, tôn giáo trên thế giới hiện nay đều quan tâm đặc biệt đến hoạt động giảng dạy, cung cấp văn bản pháp luật cho các nhà lãnh đạo tôn giáo với nhiều hình thức, phương pháp khác nhau... Thực hiện quan điểm của Đảng: “Nâng cao hiệu quả công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận và tham khảo kinh nghiệm quốc tế về công tác tôn giáo, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng, hoàn thiện và thực hiện các quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật đối với tôn giáo” [13, tr.3]. Trong phạm vi luận án tiến sĩ này chia sẻ một số kinh nghiệm về hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo tại một số quốc gia, nhất là các quốc gia có mối quan hệ đặc biệt, chiến lược toàn diện, điều kiện nhiều dân tộc, tôn giáo; thực hiện chính sách chính giáo phân ly tương đồng với Việt Nam.

2.4.1. Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở Cộng hòa Pháp

Cộng hòa Pháp (Pháp) là quốc gia điển hình về sự đa dạng tôn giáo ở Tây Âu, ngoài Công giáo chiếm 82 % dân số, còn lại là các tôn giáo như Hồi giáo, Tin lành, Do Thái giáo... Năm 1901 Pháp ban hành Luật đoàn thể tôn giáo, năm 1905 ban hành Luật tách rời giáo hội và nhà nước (Luật phân ly - chính giáo phân ly), công nhận pháp nhân của đoàn thể tôn giáo [98, tr.299]. Cơ quan chuyên trách của chính phủ (Vụ Trật tự công cộng của Bộ Nội vụ) có chức năng quản lý tôn giáo. Luật đoàn thể tôn giáo của Pháp quy định: Dòng tu nào hoạt động trái phép sẽ bị xử phạt, nhất là người đứng đầu tôn giáo. Luật về tiếp cận pháp luật quy định thành lập Hội đồng tư vấn tiếp cận pháp luật ở cấp quốc gia và cấp tỉnh thực hiện các hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân, các đoàn thể, trong đó có đoàn thể tôn giáo với nhiều hình thức, phương pháp như thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hướng dẫn thực hiện pháp luật của cá thành viên trong Hội đồng, đăng tải văn bản pháp luật trên Công báo... Đặc biệt Pháp thành lập 51 Nhà pháp luật ở các tỉnh. Nhà pháp luật “giúp nhân dân tiếp cận pháp luật, giúp giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp thông qua hòa giải” [92, tr.168].

2.4.2. Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở Hoa Kỳ

Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ (Mỹ) có nhiều tín đồ Công giáo, Tin lành, Do Thái giáo, Hồi giáo, Phật giáo... Trong đó, người theo Tin lành đông nhất, khoảng 180 triệu tín đồ (gần 60% dân số), Công giáo 73 triệu người (chiếm gần 24 % dân số), còn lại là các tôn giáo khác [98, tr.301]. Cùng với Hiến pháp, Nghị viện Mỹ thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền vào năm 1789, ghi nhận: Nghị viện không ban hành một đạo luật nào nhằm thiết lập tôn giáo hoặc ngăn cấm tự do tôn giáo. Chính vì thế Mỹ không có luật tôn giáo riêng, tuyên bố tách Giáo hội khỏi Nhà nước (chính giáo phân ly). Sinh hoạt các tổ chức tôn giáo theo quy định luật Dân sự, có quyền và nghĩa vụ như các các tổ

chức, hiệp hội xã hội khác, không can thiệp vào công việc nội bộ của tôn giáo, tôn trọng và bảo vệ tự do tôn giáo của mọi người dân, coi đó là một trong những chuẩn giá trị của Mỹ [98, tr.305]. Pháp luật là khuôn khổ tôn giáo mở trường đại học, xây dựng bệnh viện... Các tôn giáo Mỹ có 700 trường học, trong đó Tin lành 300 trường, Công giáo 200 trường, còn là các tôn giáo khác [17, tr.521]. Chính vì thế, chức sắc tôn giáo tích lũy pháp luật thông qua giáo dục tại các trường đại học, đào tạo chức sắc, các khóa đào tạo, bồi dưỡng của các chuyên gia pháp lý; các hoạt động hỗ trợ pháp lý từ chính phủ, chức sắc tôn giáo tiếp cận kiến thức pháp luật thông qua hệ thống cơ quan truyền thông của các tôn giáo. Hoa Kỳ hiện có 1.223 đài phát thanh tôn giáo, 100 nhà xuất bản sách tôn giáo [17, tr.529]... Về phía nhà nước “toàn bộ các văn bản luật, văn bản pháp quy đều được công bố trên mạng internet. Ví dụ, tất cả văn bản pháp luật đó, cũng như dự thảo đều có mặt trên trang mạng của Hạ nghị Viện Hoa Kỳ” [92, tr.176]. Đây là điều kiện để người dân, chức sắc tôn giáo nâng cao kiến thức pháp luật của mình khi tham gia các quan hệ pháp luật trong xã hội Hoa Kỳ, điển hình về mô hình “Kéo” trong giáo dục pháp luật chức sắc tôn giáo, phát huy tối đa nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước.

2.4.3. Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở Trung Quốc

Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) là quốc gia đông dân số nhất trên thế giới, hơn 1,4 tỷ người. Là nước có nhiều tôn giáo, song Đảng Cộng sản Trung Quốc và Nhà nước Trung Quốc chỉ công nhận và bảo hộ năm tôn giáo lớn là Phật giáo, Đạo giáo, Islam giáo, Công giáo và Tin Lành, các tôn giáo khác đều bị coi là “tà đạo” và bị cấm hoạt động. Trung Quốc thực hiện nhất quán nguyên tắc chính giáo phân ly, đồng thời đề ra nhiệm vụ phát huy vai trò của các tổ chức tôn giáo yêu nước, làm cầu nối liên kết giữa Đảng và Nhà nước với tôn giáo, bảo đảm các tôn giáo hoạt động bình thường trong khuôn khổ của pháp luật. Hiện Trung Quốc có bảy tổ chức tôn giáo toàn

quốc: Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc (1953), Hiệp hội Đạo giáo Trung Quốc (1957), Hiệp hội Islam giáo Trung Quốc (1952), Hiệp hội Công giáo yêu nước Trung Quốc (1957), Trường Giám mục Công giáo Trung Quốc (1980), Ủy ban Phong trào yêu nước Tam tự của Giáo hội Tin Lành Trung Quốc (1954), Hiệp hội Tin Lành Trung Quốc (1980) [39, tr.103]. Nghị quyết Đại hội lần thứ XVI (2002) của Đảng cộng sản Trung Quốc tiếp tục khẳng định chính sách tôn giáo:

“Một là, kiên trì thực hiện chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo;

Hai là, thực hiện quản lý tôn giáo bằng pháp luật;

Ba là, xây dựng các tổ chức tôn giáo độc lập tự chủ, không lệ thuộc vào nước ngoài;

Bốn là, tuyên truyền giáo dục tín đồ, chức sắc tôn giáo tinh thần yêu nước, yêu đạo;

Năm là, hướng dẫn các tổ chức tôn giáo thích ứng với chủ nghĩa xã hội, xây dựng xã hội hài hòa xã hội chủ nghĩa” [82, tr.30].

Ngày 30/11/2004, Thủ tướng Quốc vụ viện nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ban hành Điều lệ Sự vụ tôn giáo gồm 7 chương, 48 điều tập trung quản lý tôn giáo, trong đó có các quy định chức sắc tôn giáo (chương 4), đào tạo chức sắc, trách nhiệm pháp luật... [98, tr.328]. Cục Tôn giáo thuộc Quốc vụ viện (Chính phủ) với hệ thống đến các tỉnh, thành phố làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về tôn giáo [98, tr.330].

Các chức sắc tôn giáo phải có kiến thức pháp luật, pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chính trị trong chương trình đào tạo chức sắc tôn giáo. Điển hình như chương trình học Đại học 4 năm của Học viện Phật giáo, các môn học kiến thức tổng quát có: “Chính trị: Pháp luật cơ bản, Chính sách tôn giáo”; trong chương trình đào tạo Tiến sĩ Phật giáo “Nội dung thi viết ngoài Phật học còn có Ngữ văn, tiếng Anh và chính trị” [88, tr.234-235].

Trung Quốc quản lý các viện thần học về nội dung và quy chế đào tạo [39, tr.170]. Trong giải quyết vấn đề Phật giáo ở Tây Tạng, Trung Quốc: “Tăng cường giáo dục chủ nghĩa yêu nước, tuyên truyền Tây Tạng là một bộ phận không thể tách rời của Trung Quốc” [1, tr.50].

2.4.4. Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở Nhật Bản

Nhật Bản là quốc gia Đông Bắc Á, đa dạng tôn giáo, tín ngưỡng, diện tích tương đương Việt Nam, nhưng dân số đông gấp rưỡi Việt Nam (hơn 127 triệu người). Nhật Bản đa dạng về tôn giáo: Thần đạo, Phật giáo, Công giáo, Tin lành... Trong đó Thần đạo, chiếm 60% dân số với 84.909 tổ chức có tư cách pháp nhân; Phật giáo chiếm 20% dân số; Công giáo, Tin Lành gần 1% dân số, hơn 1 triệu người [98, tr.333]. Ngày 28/12/1945, Nhật Bản ban hành Luật pháp nhân tôn giáo, với những nội dung trọng tâm:

Một là, tôn trọng nguyên tắc tự do tôn giáo;

Hai là, luật pháp nhân để công nhận sự tồn tại và tính hợp pháp của các pháp nhân tôn giáo;

Ba là chính giáo phân ly, tách chính trị ra khỏi tôn giáo.

Chính sách tôn giáo này, tác động đời sống của đất nước Mặt trời mọc “là sự đặc sắc của luật pháp về tôn giáo của Nhật Bản so với các nước trên thế giới” [98, tr.337]. Luật Pháp nhân tôn giáo Nhật Bản có 10 chương, 89 điều là cơ sở pháp lý để tăng cường quản lý nhà nước về tôn giáo ở Nhật Bản (Quy định chung, Thành lập, Pháp nhân, Quản lý, xử phạt...). Bộ Văn hóa là cơ quan quản lý tôn giáo. Luật Pháp nhân tôn giáo là luật tôn giáo đặc biệt của Nhật Bản, nhằm tạo ra khung pháp lý hoàn chỉnh để giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong đời sống tôn giáo Nhật Bản. Pháp nhân tôn giáo hoạt động như đoàn thể, đoàn thể đặc biệt, đoàn thể tôn giáo, pháp nhân phi lợi nhuận tham gia thực hiện nhiều lĩnh vực phúc lợi xã hội. Các chức sắc tôn giáo phải trang bị cho mình kiến thức pháp luật trong thực hiện Luật pháp nhân tôn giáo, như cử người có trách nhiệm chuyên phụ trách công việc thế

tục, đối nội, đối ngoại của pháp nhân (theo quy định tại Điều 18 của Luật pháp nhân tôn giáo)... Đồng thời, kể từ sau vụ giáo phái Aum Shinrikyo xả khí độc Sarin ở tàu điện ngầm Tokyo năm 1995, Nhật Bản đã tiến hành sửa đổi Luật Pháp nhân tôn giáo, siết chặt quản lý tôn giáo, đưa “luật hình sự” và luật “ngăn chặn các hoạt động phá hoại” vào đời sống tôn giáo.

2.4.5. Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở Indônêxia

Cộng hòa Indônêxia là quốc gia Đông Nam Á, với nét đặc trưng được hình thành với 18.108 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó có khoảng 6.000 hòn đảo có cư dân sinh sống, được mệnh danh “Đất nước vạn đảo”, dân số trên 273,5 triệu người với 350 dân tộc, đa tôn giáo (Hồi giáo, Tin Lành, Công giáo, Phật giáo, Ấn Độ giáo). Trong đó, Hồi giáo không chỉ có số lượng tín đồ đông nhất Đông Nam Á mà còn nước đứng đầu thế giới với 230 triệu người. “Là một quốc gia có đông tín đồ tôn giáo (chiếm trên 97% dân số), nên ngay từ khi giành được độc lập năm 1945, Chính phủ Indônêxia đặc biệt quan tâm đến đời sống tôn giáo của người dân... Điều đáng chú ý là, mặc dù với số tín đồ Hồi giáo chiếm đa số (87%), nhưng Hiến pháp Indônêxia không tuyên bố Hồi giáo là quốc giáo... Chính sách đối với tôn giáo ở Indônêxia chủ yếu là hỗ trợ tôn giáo phát triển. Chính phủ tài trợ tài chính cho các tôn giáo hoạt động... các tôn giáo ở Indônêxia phải đóng thuế, chỉ trừ một số thuế không phải đóng như: Thuế đất, thuế nhà” [96, tr.297-299].

Cơ quan tôn giáo ở Indônêxia được gọi là Bộ Tôn giáo với hệ thống từ trung ương đến cơ sở. Bộ Tôn giáo trực tiếp quản lý các trường đào tạo của tôn giáo. Đào tạo chức sắc có hệ thống trường của tôn giáo và các trường do nhà nước quản lý, Hồi giáo có 524 trường (trong đó có 50 trường nhà nước quản lý), Tin Lành 93 trường (trong đó có 5 trường nhà nước quản lý), Phật giáo có 9 trường trong đó có 5 trường nhà nước quản lý... Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Bộ Tôn giáo là “Hoàn thiện chất lượng giáo dục của các tổ chức tôn giáo” [96, tr.304].

Từ những vấn đề trên, từ góc nhìn ra thế giới cho thấy:

Thứ nhất, xu hướng chung các quốc gia đề thực hiện nguyên tắc, mô hình chính giáo phân ly trong giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước với tôn giáo. Thực tiễn, nhà nước có ban hành luật riêng cho đoàn thể, pháp nhân tôn giáo (Nhật Bản) hay không có luật riêng (Hoa Kỳ), hoạt động các tôn giáo đều trong khuôn khổ pháp lý. Nói cách khác chức sắc tôn giáo phải dựa vào nội dung pháp luật để khẳng định vai trò, xu thế phát triển của tổ chức mình.

Thứ hai, hiện có 2 mô hình: Mô hình “Đẩy”, Nhà nước quy định quyền và nghĩa vụ của pháp nhân tôn giáo, đưa pháp luật đến đội ngũ trụ cột của tôn giáo (Trung Quốc). Mô hình “Kéo”, chức sắc tôn giáo như các công dân khác trong xã hội, có trách nhiệm tự trang bị kiến thức pháp luật để tham gia xuất bản ấn phẩm pháp luật, lập doanh nghiệp, tư vấn pháp lý... và Nhà nước hỗ trợ qua công cụ điều tiết từ chính sách thuế, dịch vụ công (Pháp, Hoa Kỳ, Indônêxia)... Thực tiễn cho thấy các quốc gia thành công trong thực hiện chính sách tôn giáo, phần lớn thực hiện mô hình “Kéo” trong giáo dục pháp luật, điển hình như Hoa Kỳ, Indônêxia, Nhật Bản.

Thứ ba, nhìn chung các nước rất đa dạng về chủ thể quản lý, giáo dục pháp luật cho lãnh đạo tôn giáo: Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa, Hội đồng... Nhiều hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật: Kết hợp giáo dục pháp luật với tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước trong giáo dục pháp luật (Trung Quốc), thông qua cơ sở đào tạo, hệ thống truyền thông của tôn giáo (Hoa Kỳ, Indônêxia), qua công nhận pháp nhân tôn giáo (Nhật Bản)...

Thứ tư, giáo dục pháp luật diễn ra tại địa phương cấp tỉnh (Pháp); đoàn thể tôn giáo, chức sắc tôn giáo là đối tượng đặc biệt trong giáo dục pháp luật (Nhật Bản).

Tại Việt Nam hiện nay, xuất phát từ các quy định của pháp luật cho thấy:

Thứ nhất, Việt Nam ưu tiên thực hiện mô hình “Đẩy” trong giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo nói riêng. Nhà nước

giữ vai trò chính trong giáo dục pháp luật, xây dựng chương trình khung, xác định đối tượng, tổ chức mở lớp giáo dục pháp luật, cấp chứng nhận, chứng chỉ... Điều 3 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật quy định: “Phổ biến, giáo dục pháp luật là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt. 2. Nhà nước bảo đảm nguồn lực cần thiết cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. 3. Thực hiện xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật...”. Chưa thật sự phát huy mạnh mẽ vai trò các tổ chức tôn giáo tham gia hoạt động giáo dục pháp luật.

Thứ hai, chưa xác định chức sắc tôn giáo là đối tượng đặc biệt (cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư) trong giáo dục pháp luật mang tính đồng bộ trong tổ chức các hoạt động giáo dục pháp luật.

Chức sắc tôn giáo không thuộc đối tượng đặc biệt, đặc thù trong giáo dục pháp luật theo quy định pháp luật. Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 chỉ xác định 6 nhóm đối tượng đặc thù đó là: người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ngư dân; người lao động trong các doanh nghiệp; nạn nhân bạo lực gia đình; người khuyết tật; người đang chấp hành hình phạt tù, người đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người bị phạt tù được hưởng án treo để xây dựng các đề án, chương trình, kế hoạch giáo dục pháp luật riêng cho 6 nhóm đối tượng này.

Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh xác định chức sắc tôn giáo là cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư khi tổ chức giáo dục pháp luật lại các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh hàng năm.

Từ thực tiễn giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo các quốc gia trên, cùng với các quy định pháp luật Việt Nam về giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, gợi mở những luận cứ tham khảo cho Việt Nam:

Thứ nhất, cần kết hợp mô hình “Đẩy” và mô hình “Kéo” trong giáo dục pháp luật thông qua việc Nhà nước cùng với các Giáo hội bổ sung, hoàn thiện khung chương trình giáo dục pháp luật; hoàn thiện các yếu tố cấu thành, điều kiện đảm bảo, chuyển dần sang mô hình “Kéo” trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

Thứ hai, khuyến khích Giáo hội tham gia các hoạt động trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế... để “Kéo” người đại diện pháp nhân tôn giáo tự đào tạo, bồi dưỡng pháp luật để chủ động, đi đầu trong thực hiện chủ trương xã hội hóa y tế, giáo dục... trong đó có giáo dục pháp luật. Thông qua đó, hình thành nhiều chuyên gia pháp lý trên các lĩnh vực giáo dục, y tế... trong hàng ngũ “tín đồ đặc biệt” các tôn giáo.

Thứ ba, hoàn thiện mô hình giáo dục pháp luật; kết hợp giáo dục pháp luật với chủ nghĩa yêu nước cho chức sắc tôn giáo ở những địa bàn chiến lược. Những luận điểm này xuất phát từ thực tiễn quản lý tôn giáo ở Nhật Bản, Trung Quốc, Pháp...

Thứ tư, xác định giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo là giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc biệt, tổ chức ở địa bàn cấp tỉnh.

Kết luận chương 2

Qua phân tích cơ sở lý luận, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo là giáo dục pháp luật theo nghĩa hẹp, đối tượng cụ thể (chức sắc tôn giáo), nhằm trang bị kiến thức, xây dựng thái độ, niềm tin pháp luật một cách đúng đắn, đồng thời giáo dục kỹ năng thích ứng cũng như xử lý các tình huống trong cuộc sống theo pháp luật, thúc đẩy chức sắc tôn giáo tự giác và chủ động thực hiện nghiêm minh pháp luật, “tốt đời, đẹp đạo”. Quá trình này được thực hiện qua mô hình “Đẩy” và mô hình “Kéo”, đa dạng về chủ thể, đặc biệt về đối tượng, đặc thù về phương pháp, trọng yếu về nội dung.

Hoạt động giáo dục này ngày càng đi vào chiều sâu về nội dung, chặt chẽ về hình thức thực hiện, có chiều hướng gắn kết hơn trong phối hợp thực hiện, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo, gắn liền công tác tôn giáo của Đảng và Nhà nước, gắn với hoạt động giáo dục quốc phòng, an ninh.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng ngày nay, nghiên cứu một số nước trên thế giới có nhiều thành tựu trong công tác tôn giáo, có thể tham khảo trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở Việt Nam thời gian tới.

Chương 3

YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG

GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHÚC SẮC TÔN GIÁO

VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM

3.1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHÚC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM

Giáo dục pháp luật chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL chịu sự ảnh hưởng trực tiếp bởi những yếu tố của đất và người Tây Nam Bộ, chính sách, pháp luật, cơ chế, chính sách tôn giáo ở Việt Nam.

3.1.1. Yếu tố tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam

3.1.1.1. Về tự nhiên

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng cực Nam của Tổ quốc, còn được gọi là vùng đồng bằng sông Mê Kông, vùng đồng bằng Nam Bộ, vùng Tây Nam Bộ, sông nước Cửu Long hoặc theo cách gọi của người dân Việt Nam ngắn gọn là Miền Tây, có diện tích 40.605,5km², với dân số trên 17.7 triệu người. [60, tr.58]. Về địa chính, trước ngày 1.7.2025, Tây Nam Bộ gồm Thành Phố Cần Thơ và 12 tỉnh: Tiền Giang, Long An, Bến Tre, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Hậu Giang, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang và Cà Mau. Ngày 12/04/2025, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII ban hành Nghị quyết 60-NQ/TW, công bố danh sách 34 tỉnh thành sau sáp nhập 2025, trong đó: Hợp nhất tỉnh Tây Ninh và tỉnh Long An, lấy tên là tỉnh Tây Ninh, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Long An. Hợp nhất thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang; lấy tên là thành phố Cần Thơ, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại thành phố Cần Thơ hiện nay. Hợp nhất tỉnh Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh, lấy tên là tỉnh Vĩnh Long, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại

tỉnh Vĩnh Long hiện nay. Hợp nhất tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp, lấy tên là tỉnh Đồng Tháp, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Tiền Giang. Hợp nhất tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau, lấy tên là tỉnh Cà Mau, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Cà Mau hiện nay. Hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang, lấy tên là tỉnh An Giang, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Kiên Giang.

Từ ngày 1.7.2025, so với điều kiện tự nhiên khi chưa sáp nhập, vùng Tây Nam Bộ hiện nay có 5 tỉnh, thành: Tỉnh Vĩnh Long, tỉnh An Giang, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Cà Mau và Thành phố Cần Thơ và một phần diện tích tỉnh Tây Ninh (tỉnh Long An cũ). ĐBSCL có vị trí như một bán đảo với 3 mặt Đông, Nam và Tây Nam giáp biển. Đường bờ biển kéo dài 700km. Đây là đồng bằng châu thổ của sông Mê Kông, do 02 nhánh là sông Tiền và sông Hậu tạo nên. Lượng nước, phù sa từ thượng nguồn đổ ra biển qua 9 cửa sông (Cửu Long), gồm 6 cửa sông Tiền (cửa Tiểu, cửa Đại, cửa Ba Lai, cửa Hàm Luông, cửa Cổ Chiên, cửa Cung Hầu) và qua 3 cửa sông Hậu (cửa Định An, cửa Bát Xắc, cửa Tranh Đề). Ngoài ra còn bao gồm các đảo và quần đảo lớn nhỏ như là đảo Phú Quốc, quần đảo Thổ Chu, Hòn Khoai... phía Tây có đường biên giới giáp với Campuchia và phía Bắc giáp với vùng kinh tế Đông Nam Bộ. Là vùng khí hậu được chia thành 2 mùa mưa, nắng. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11 hàng năm và mùa nắng từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Là vùng sông nước, sông ngòi chằng chịt thủy triều dâng cao hàng năm. Vào mùa nước nổi từ tháng 7 đến hết tháng 11, cao nhất là tháng 9 và tháng 10, mực nước có thể cao hơn mùa nước cạn đến 4 m, cả vùng châu thổ là biển nước mênh mông. Đồng thời vùng đất có dãy Thất Sơn (Bảy Núi) “màu nhiệm”. Thất Sơn là một vùng đột khởi nhô cao 37 ngọn núi giữa mênh mông đồng bằng phẳng lặn phù sa của sông Mê Kông, nằm trọn trong địa phận tỉnh An Giang. Trong số 37 núi có 7 ngọn được coi là “bửu sơn” - núi quý, non thiêng của trời đất, gồm: Núi Cấm (Thiên Cấm Sơn), Núi Dài Năm Giếng

(Ngũ Hồ Sơn), Núi Cô Tô (Phụng Hoàng Sơn), Núi Dài (Ngọa Long Sơn), Núi Tượng (Liên Hoa Sơn), Núi Két (Anh Vũ Sơn) và Núi Nước (Thủy Đài Sơn). Ngọn núi cao nhất là đỉnh Thiên Cầm Sơn, cao 710m so với mực nước biển, là “nóc nhà” của Tây Nam Bộ.

Ngược dòng thời gian, sau thời tiền sử, vùng đất Nam Bộ (gồm Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ) là địa bàn của vương quốc Phù Nam hùng mạnh với nền văn hóa Óc Eo rực rỡ. Trong quá trình mở rộng ảnh hưởng từ thế kỷ III đến thế kỷ VI, Phù Nam đã phát triển thành đế chế mạnh nhất khu vực Đông Nam Á bấy giờ. Khoảng từ giữa thế kỷ VI, Phù Nam suy yếu. Một thuộc quốc của Phù Nam là Chân Lạp dần dần hưng thịnh đánh chiếm. Đất Nam Bộ bị phụ thuộc vào Chân Lạp và được gọi là Thủy Chân Lạp để phân biệt với vùng đất Lục Chân Lạp - vùng đất gốc của nước Chân Lạp.

Do phải tập trung khai phá vùng đất gốc Lục Chân Lạp, lo chiến tranh với Chăm-pa, đồng thời phải đối phó với quân Xiêm xâm lấn nên vùng đất Nam Bộ ngày xưa hầu như không được Chân Lạp quan tâm quản lý, khai phá. Năm 1620, vua Chân Lạp là Chey Chetta II cưới Công nữ Ngọc Vạn, con gái của Chúa Nguyễn Phúc Nguyên làm Hoàng hậu. Quan hệ thông gia này đã tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt di dân đến vùng đất hoang vu, khai mở vùng đất phương Nam, làng xóm lần hồi mọc lên đan xen những mái nhà của người bản địa và người di dân dưới sự bảo hộ của các chúa Nguyễn. Năm 1623 một phái đoàn của chính quyền chúa Nguyễn chính thức đến kinh đô Oudong đề nghị và được vua Chân Lạp đồng ý cho chúa Nguyễn cho lập trạm thu thuế ở Sài Côn (Sài Gòn), quản lý người Việt mở rộng địa bàn khai phá vùng đất mới. Từ đây công việc khai khẩn vùng đất Phương Nam có đủ cơ sở pháp lý. Sau cái chết của Chey Chetta II vào năm 1628, vương triều Chân Lạp bị chia rẽ sâu sắc, nhiều cuộc tranh giành quyền lực liên tiếp diễn ra. Vua Nặc Nguyên đem phủ Tầm Bôn, Lôi Lạp của Thủy Chân Lạp dâng cho chúa Nguyễn để nhờ chúa cử quân cứu giúp giành vương vị. Cũng vào thế kỷ

XVII, cùng với các nhóm cư dân người Việt, cũng xuất hiện một số người trung thành với nhà Minh chống nhà Thanh đến khai khẩn đất hoang và sinh sống làm ăn ở vùng đất Nam Bộ (chịu sự quản lý của chúa Nguyễn) góp phần đẩy nhanh quá trình khai phá vùng đất đồng bằng Nam Bộ, như tướng nhà Minh là Trần Thắng Tài, Dương Ngạn Địch mang theo hơn 50 chiếc thuyền, 3.000 người chạy sang Việt Nam được chúa Nguyễn cho định cư ở Biên Hòa, Mỹ Tho. Năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu cử Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam thành lập phủ Gia Định gồm 2 trấn: Trấn Biên (Biên Hòa) và Phiên Trấn (Gia Định), thiết lập bộ máy hành chính trên vùng đất mới, có 4 vạn hộ dân. “Đây là lần đầu tiên, trên vùng đất khai phá, chúa Nguyễn thiết lập chính quyền, phân chia đơn vị hành chính, dựng bộ máy cai quản từ dinh, phủ huyện đến đơn vị cơ sở, cử quan chức và đặt quân đồn trú. Người Hoa ở Trấn Biên thành lập xã Thanh Hà, ở Phiên Trấn lập xã Minh Hương, coi như “dân hộ” nước ta” [59, tr.560]. Năm 1708 tướng nhà Minh là Mạc Cửu đang khai khẩn, buôn bán ở Hà Tiên xin quy phục chúa Nguyễn, được phong chức Tổng binh và giao quyền quản lý vùng đất này. Năm 1757, khi đất Tầm Phong Long (tương đương với vùng Tứ Giác Long Xuyên) được vua Chân Lạp là Nặc Tôn dâng cho chúa Nguyễn để đền ơn cứu giúp lúc hoạn nạn và giành lại ngôi vua, quá trình xác lập chủ quyền lãnh thổ của người Việt trên vùng đất Nam Bộ cơ bản đã hoàn thành. Toàn bộ vùng đất Nam Bộ dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát gọi là phủ Gia Định. Năm 1832, triều đình nhà Nguyễn tiến hành cải cách hành chính, chia Gia Định thành sáu tỉnh: Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Từ đây, tên gọi Lục tỉnh Nam kỳ được sử dụng chỉ vùng đất Nam Bộ [93, tr.27]. Do vậy: “Mặc dù xâm chiếm được Phù Nam, nhưng trong một thời gian dài, Chân Lạp trên thực tế đã không kiểm soát và cai trị một cách chặt chẽ toàn bộ lãnh thổ của vương quốc Phù Nam xưa. Thực tế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, do những khó khăn về điều kiện tự nhiên, sự khác biệt trong truyền thống

kinh tế và văn hóa, song chủ yếu bởi những hạn chế của Nhà nước Chân Lạp. Sau thời kỳ phát triển rực rỡ, từ khoảng giữa thế kỷ XV trở đi, Chân Lạp trở nên suy yếu, thường xuyên ngập chìm trong những cuộc xung đột hoàng tộc, những cuộc tàn sát, thoán đoạt ngôi báu, sự kiểm soát vì thế càng trở nên lỏng lẻo. Kể từ sau khi Phù Nam sụp đổ (đầu thế kỷ VII) cho đến trước khi có sự xuất hiện của người Việt (đầu thế kỷ XVII), cảnh quan thiên nhiên cũng như con người trên vùng đất Nam Bộ có nhiều thay đổi. Đây thực sự là thời kỳ hoang hóa của một miền đất vốn đã sớm có nền văn minh phát triển rực rỡ” [59, tr.136].

Thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ mà đỉnh cao là Đại thắng mùa Xuân năm 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước chứng minh sự kiên định, lòng dũng cảm và sự hy sinh của cả dân tộc, của người Tây Nam Bộ vì núi sông, bờ cõi, biên giới, lãnh thổ của Việt Nam. Ngày nay, Nam Bộ gồm Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.

Theo dòng lịch sử, thời khai mở vùng đất phương Nam vào thế kỷ XVII, trước khi đến định cư vùng Tây Nam Bộ, mỗi cộng đồng dân cư mang theo những tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau trong chinh phục vùng đất mới đầy “huyền bí”. Lưu dân gặp rất nhiều khó khăn, gian khổ, vượt qua nhiều bất trắc nhưng không có chỗ dựa mối quan hệ họ hàng, làng xóm, “người cứu thế” dẫn dắt trong đời sống tinh thần, tâm linh. Các nhà truyền giáo dựa vào lợi thế của yếu tố tự nhiên, nhận trách nhiệm “người cứu thế” mở rộng ảnh hưởng từ truyền bá tôn giáo thế giới (Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Islam...) đến sáng lập tôn giáo bản địa vào giữa thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX (Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương, Cao Đài, Hòa Hảo). Từ đó hình thành tôn giáo có nhiều tộc người theo (Công giáo, Tin Lành... có tín đồ là người Kinh, Hoa...), có tộc người theo nhiều tôn giáo (Người Kinh tín đồ của Phật giáo, Cao Đài...), có tôn giáo - tộc người (Phật giáo Nam tông Khmer, Islam của đồng bào Chăm). Nhiều nhà truyền giáo (chức sắc tôn giáo sau này) trực tiếp hướng dẫn người dân khai hoang, lập làng, tổ chức đời sống xã hội ở vùng đồng

bằng, nhiều sông nước, ven biển, tạo không gian mở trong tổ chức làng xã, phương thức canh tác, lao động sản xuất. Đó là những đơn vị tụ cư không có cổng làng, hoàn toàn không có lũy tre làm ranh giới giữa các làng xã. Làng xã là cộng đồng của nhiều dân tộc, tôn giáo cùng sinh sống. Nhà cửa chọn hướng quay cửa chính ra sông rạch, đồng lớn để thuận lợi trong giao thông, chủ yếu là giao thông thủy. Vùng đất phù sa, địa hình gắn liền đồi núi, ngoài canh tác lúa nước, người dân lập vườn, định cư, ban đầu thường chọn hai bên bờ kênh, rạch, sau đó tiến dần đến những trục lộ giao thông; giao thương hình thành từ chợ trên sông - chợ nổi, đến vùng đất cao - chợ giồng. Chính yếu tố này tác động người dân “mở” trong sinh hoạt, tổ chức cuộc sống, sinh hoạt tôn giáo gắn bó chặt chẽ với quê hương sông nước, miệt vườn, tạo nên nét riêng có ở vùng sông nước Cửu Long. “Khi đất đai được rộng mở thì lại thiếu hụt một chỗ dựa tinh thần. Chính trong bối cảnh đó, nhu cầu tôn giáo là có thực và thúc đẩy sự ra đời các tôn giáo mới, trong bối cảnh xã hội người Việt ở Nam Bộ” [59, tr.125].

3.1.1.2. Về kinh tế, chính trị của vùng đồng bằng sông Cửu Long, ở Việt Nam

Tôn giáo ĐBSCL gắn liền yếu tố kinh tế. Từ một nền kinh tế nông nghiệp và thương nghiệp, người Khmer, Việt, Chăm, Hoa... mang niềm tin tôn giáo khác nhau, nhưng cùng chung mục tiêu khai phá rừng, mở đất nông nghiệp, lập ấp, xây dựng làng xã, giao thương hàng hóa, đã hình thành tôn giáo nội sinh gắn liền với lịch sử khai mở vùng đất mới phương Nam. Ông Đoàn Minh Huyền đưa giáo lý đạo Bửu Sơn Kỳ Hương vào đời sống bằng cách tổ chức cho dân khẩn hoang, lập làng, hình thành những trại ruộng ở khu vực núi Sam, Thới Sơn, Láng Linh (An Giang) từ năm 1849 đến năm 1856. Khi thực dân Pháp xâm tấn công Tây Nam Bộ những trại ruộng này trở thành căn cứ chống Pháp do các cao đồ Bửu Sơn Kỳ Hương lãnh đạo, điển hình là cuộc khởi nghĩa của Quản cơ Trần Văn Thành (gọi là ông đạo Thành), Nguyễn Trung Trực (tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương). Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ kết

hợp thuyết giảng khuyến nông, truyền giáo lý Phật giáo Hòa Hảo... Cùng với nông nghiệp, thương nghiệp mở rộng phạm vi hoạt động đưa tới sự du nhập của các tôn giáo ở ĐBSCL; ngay từ thế kỷ III, IV đến thế kỷ VI, các cảng thị phát triển sầm uất ở ĐBSCL, trong đó tiêu biểu là Óc Eo - Ba Thê. Nhìn chung, hoạt động nông nghiệp, thương nghiệp đã tạo nên những tính cách, phẩm chất của cư dân ĐBSCL và được họ đưa vào niềm tin tôn giáo rất đa dạng, phong phú trong tôn giáo nội sinh và tôn giáo thế giới.

Đồng bằng sông Cửu Long đã trải qua những chế độ chính trị khác nhau. Dưới thời vương quốc Phù Nam, thương nghiệp phát triển, tiếp nhận nhiều nguồn văn hóa của các tộc người trên thế giới; chiến tranh, ly tán của cư dân Phù Nam. “Nhìn chung, sự chi phối, kiểm soát và quản lý của chính quyền trung ương Phù Nam đối với thuộc quốc cũng như các địa phương ở khu vực trung tâm thiếu chặt chẽ và thống nhất... Quyền lực chính trị như vậy rõ ràng được xây dựng trên những cơ sở thiếu chắc chắn và không bền vững” [59, tr.135]. Là vùng đất hoang vu chứng kiến những cuộc di dân tại Thủy Chân Lạp, điều đó cho thấy chính quyền Chân Lạp trong nhiều thế kỷ không thể thực thi quyền lực của mình trên vùng đất Nam Bộ. Bộ máy hành chính ngày càng hoàn bị dưới sự quản lý của các chúa Nguyễn và các nhà vua triều Nguyễn ở vùng đất phương Nam. Tới năm 1858 Pháp đánh chiếm Nam Bộ, thực hiện chính sách khai thác thuộc địa, áp dụng chính sách “chia để trị”. Việt Nam bị chia cắt thành ba kỳ với chế độ chính trị khác nhau, Bắc Kỳ là xứ nửa bảo hộ, đứng đầu là thống sứ Pháp; Trung Kỳ về danh nghĩa do triều đình Huế trị vì, nhưng thực tế là xứ bảo hộ, đặt dưới quyền khâm sứ Pháp; Nam Kỳ là xứ thuộc địa đứng đầu là thống đốc Pháp. Đầu thế kỷ XX, chính quyền thực dân Pháp tăng cường áp bức bóc lột thuộc địa, cuộc sống nhân dân lao động ngày càng lâm than cực khổ, đặc biệt là nông dân ở Tây Nam Bộ bị tước đoạt ruộng đất nên bán cùng hoá, mất tư liệu sản xuất phải đi làm thuê, làm mướn. Không khuất phục dưới ách đô hộ của thực dân, phát huy truyền thống

yêu nước chống giặc ngoại xâm, nhân dân Nam Bộ đã không ngừng đấu tranh chống Pháp với những hình thức và xu hướng khác nhau như tham gia khởi nghĩa chống Pháp của Trương Định, Trương Quyền (Gò Công, Châu Đốc), Võ Duy Dương (Đồng Tháp), Nguyễn Trung Trực (Kiên Giang)... Đây cũng là giai đoạn xuất hiện nhiều hoạt động của “hội kín Nam Kỳ” gắn với phong trào tôn giáo chống Pháp, như Đạo Minh sư đổi khẩu hiệu “Phục Minh bài Thanh” thành “Phục Nam bài Pháp”, Thiên địa hội nổi lên chống Pháp... Tuy nhiên do hạn chế về đường lối, lực lượng lãnh đạo nên các cuộc đấu tranh của nhân dân Nam bộ đều thất bại, bị thực dân Pháp đàn áp trong bể máu. Tình hình ấy, nhiều phong trào thể hiện tinh thần dân tộc, tinh thần yêu nước, tôn giáo mới hình thành ở Tây Nam Bộ, mong muốn đưa người dân thoát khỏi khổ đau trong cuộc sống như Đạo Cao Đài, Hòa Hảo... ra đời, đáp ứng nguyện vọng của các tầng lớp dân cư Nam Bộ muốn được giải phóng và thoát khỏi sự áp bức, bóc lột; đồng thời hướng đến cuộc sống “dung hợp” lịch sử, văn hóa đất và người ĐBSCL.

Trong những năm ác liệt của chiến tranh đến ngày thống nhất đất nước, mùa xuân 1975, vấn đề tôn giáo ĐBSCL, người Pháp, chính quyền Sài Gòn có những ứng xử khác nhau, như bắt cầm tù những chức sắc tiến bộ, tấn công giáo phái, cho phép hoạt động... “Đặc biệt ở ở miền Nam Việt Nam trong 21 năm chia cắt (1954-1975), chính quyền Sài Gòn dù là Đế nhất Cộng hòa hay Đế nhị Cộng hòa đều dựa trên nền tảng tư tưởng xã hội Công giáo và có tham vọng “Công giáo hóa” miền Nam, chống Cộng sản đi liền với việc đàn áp quy phục các tôn giáo khác” [52, tr.41].

Với chính quyền cách mạng, nhất quán điều kiện chính trị, khẳng định chủ quyền, pháp lý vùng đất Nam Bộ của Việt Nam, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Là người đứng đầu Đảng, Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: Miền Nam trong trái tim tôi. Trong Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam cũng đã khẳng định quyền tự do tín ngưỡng

là một trong năm quyền cơ bản của công dân: Điều 7 Hiến pháp 1946: “Quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại trong nước và đi ra nước ngoài”. Với việc tuyên bố tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của công dân, Hiến pháp năm 1946 đã tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện chính sách đối với tôn giáo trong phạm vi cả nước. Đảng, Nhà nước luôn vận động, thuyết phục chức sắc tôn giáo tham gia Mặt trận, chính quyền cách mạng ở Tây Nam Bộ. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhiều lãnh đạo tôn giáo như Liệt sĩ Phan Văn Tòng (Giáo tông Cao Đài Tiên Thiên), Cao Triều Phát... thể hiện sinh động tinh thần đoàn kết, giàu lòng yêu nước, gắn bó với dân tộc, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, gắn bó đạo, đời, minh chứng tính đúng đắn công tác tôn giáo, điều kiện chính trị của Đảng qua các thời kỳ cách mạng. “Ngay ở trong Tòa thánh của Cao Đài Minh Chơn Đạo, Cao Đài Tiên Thiên, Cao Đài Ban Chính Đạo, còn hình thành chi bộ đặc biệt để trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh chống Mỹ - Diệm của tín đồ, chức sắc” [93, tr.304], nhiều tu sĩ của Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật giáo... khoác chiến bào ra trận bảo vệ quê hương, đất nước đến ngày giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc. “Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, mặc dù kẻ thù tìm mọi cách chia rẽ, gây hận thù dân tộc, như những chức sắc và tín đồ Phật giáo của người Khmer vẫn một lòng theo Đảng và có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc” [59, tr.78] ...

Ngày nay, trong văn kiện Đại hội XIII, Đảng khẳng định: “Tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt đúng quy định của pháp luật; chủ động giúp đỡ, giải quyết các nhu cầu hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh của quần chúng, đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác tôn giáo” [30, tr.141]. Ngày 02/4/2022, Bộ Chính trị khóa XIII ban hành

Nghị quyết số 13-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đã chỉ rõ: “Phát triển nhanh và bền vững vùng trên cơ sở khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên đất và nước; chủ động thích ứng với lũ, ngập, nước lợ, nước mặn, bảo đảm an ninh nguồn nước; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội và giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội”.

3.1.1.3. Văn hóa - xã hội của vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam

Văn hoá có nhiều định nghĩa đề cập ở những dạng thức hoặc những lĩnh vực khác nhau của văn hóa. Có thể tiếp cận: “Văn hóa như là một sản phẩm lao động đặc trưng của con người, do con người sáng tạo ra trong quá trình lao động... Văn hóa xã hội là những loại hình ứng xử trong gia đình, cộng đồng, xã hội, các quy tắc xã hội về hôn lễ, tang lễ, hội đoàn, tổ chức hôn nhân gia đình, các thiết chế văn hóa xã hội, đời sống pháp luật, tổ chức chính trị...” [60, tr.28]. Vì vậy văn hóa - xã hội vùng ĐBSCL là toàn bộ những giá trị sáng tạo về tinh thần và vật chất, thể hiện trình độ sống, dân trí, những quan niệm về đạo lý nhân sinh, thẩm mỹ của cư dân và dấu ấn ở mỗi con người ở đây, tạo sắc thái của một vùng văn hóa.

Trong cộng đồng, xã hội, thông qua lao động sản xuất, truyền giảng đạo lý, các nhà truyền giáo từng bước tiên phong chinh phục, thích ứng với thiên nhiên khắc nghiệt ở vùng đất hoang vu để mở rộng không gian tôn giáo đồng thời góp phần xác lập chủ quyền lãnh thổ. Đặc biệt: “Sự mở rộng lãnh thổ của các tôn giáo thông thường bằng con đường hòa bình, phụ thuộc vào năng lực của các nhà truyền giáo” [59, tr.122]. Đây là nguồn mạch cho lãnh đạo các

tôn giáo Tây Nam Bộ có lối ứng xử hài hòa, đặt trọn niềm tin vào sức mạnh của thiên nhiên: Núi Báu (Bửu Sơn), tu tiên Bảy Núi (Thất Sơn) ... ứng xử bộc trực, chất phác, trượng nghĩa hào hiệp với tín đồ và cộng đồng dân cư. Đời sống văn hóa rất đặc sắc với những làn điệu dân ca thấm đẫm tình nghĩa như: Vọng cổ, Cải Lương, Hò, Đờn ca tài tử; nghệ thuật múa trống, Rô băm của người Khmer v.v...

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng nhiều dân tộc, nhiều tôn giáo. Vùng duy nhất mà ở đó có bốn tộc người đông dân số cư trú khác biệt nhau về mọi phương diện (Kinh, Khmer, Hoa, Chăm), song chính sự đa dạng về tộc người đưa đến sự đa dạng về văn hóa, chưa nói đến là nơi đây đã từng có một số tộc người sinh sống nhưng do những lý do những biến động lịch sử họ đã di chuyển đến nơi khác [65, tr.134-135].

Yếu tố tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam cho thấy:

Thứ nhất, về trình độ học vấn và nhu cầu trang bị kiến thức pháp luật: Chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL hình thành và phát triển gắn liền với lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ, chủ yếu gắn liền với văn minh lúa nước, miệt vườn, một phần của thương nghiệp, học vấn không cao, nhưng giàu kinh nghiệm trong tổ chức đời sống kinh tế - xã hội. Trong tính cách căn cốt của chức sắc tôn giáo ĐBSCL đó là tính phóng khoáng, rộng mở, không câu nệ tiểu tiết, sẵn sàng tiếp nhận những giá trị mới, trong đó có kiến thức pháp luật vì sự ổn định và phát triển vùng đất Tây Nam Bộ. Do vậy đây là yếu tố cần có trong xây dựng nội dung giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo về cơ sở lịch sử, pháp lý vùng đất Nam Bộ của Việt Nam; kiến thức pháp luật trên các lĩnh vực đời sống xã hội, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật.

Thứ hai, về nhận thức pháp luật và nhu cầu xây dựng hành vi, lối sống theo pháp luật: ĐBSCL đón chào những làn sóng di dân ở nhiều thời điểm

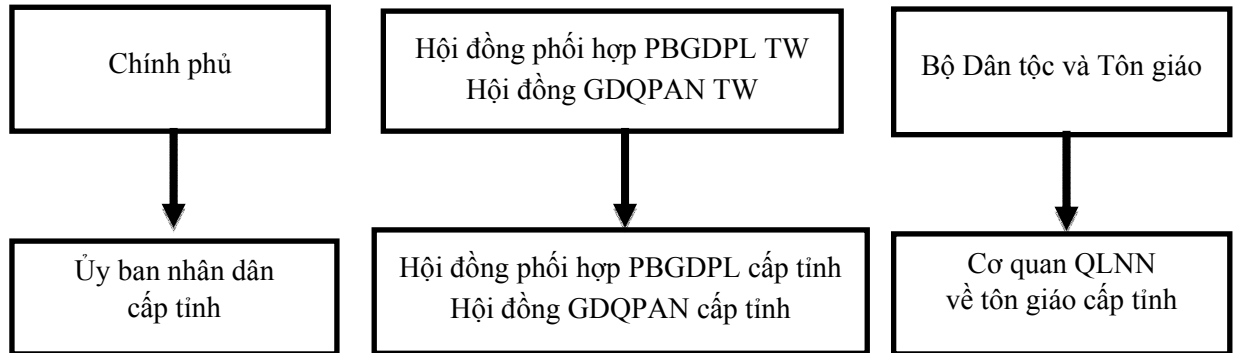
lịch sử cụ thể để khai hoang, lập làng, những tộc người này khác nhau về ngôn ngữ, tri thức, niềm tin tôn giáo, phương pháp tổ chức cuộc sống... Nhưng trải qua một khoảng thời gian dài cùng cộng cư trên một lãnh thổ phải thường xuyên chống kẻ thù xâm lược và thiên nhiên khắc nghiệt đã hình thành hành vi ứng xử trong gia đình, cộng đồng có sự kế thừa và phát triển và giá trị văn hóa của dân tộc phù hợp với những điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội đặc thù của vùng sông nước Cửu Long. Đó là truyền thống đạo nghĩa, uống nước nhớ nguồn, tính tương thân, tương ái, lá lành đùm lá rách bao đời nay của người Việt Nam. Những giá trị này được các nhà truyền giáo kế thừa trong xây dựng, phổ biến giáo lý làm gương thực hành cho tín đồ về “tu Nhân”, giúp đời, giúp người có tính đặc thù của người Tây Nam Bộ, và ở góc độ nào đó đây là lối sống duy tình. Nói cách khác nhận thức về pháp luật giá, trị pháp luật chưa đồng bộ với lối sống duy tình của chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

Vì vậy trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo cần hướng đến xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, phát huy các giá trị nhân bản của tôn giáo, tạo lập hành vi, lối sống nghĩa tình, đúng quy định của pháp luật; nội dung giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL phải có sự đồng bộ dung lượng kiến thức pháp luật với kiến thức quốc phòng và an ninh phù hợp với địa chính trị, địa kinh tế của vùng.

3.1.2. Cơ cấu, tổ chức bộ máy làm công tác giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam

Bộ máy làm công tác giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo được quy định tại: Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Luật giáo dục quốc phòng an ninh. Bộ máy vận hành từ trung ương đến cấp tỉnh, với nhiều chủ thể, 02 Hội đồng tư vấn (Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật và Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh) và được trực tiếp thực hiện qua đội ngũ báo cáo viên, giảng viên pháp luật cấp trung ương, cấp tỉnh.

Biểu đồ 3.1: Sơ đồ Tổ chức bộ máy làm công tác giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long



(Nguồn: Tác giả sơ đồ hóa từ quy định của pháp luật)

Hiện nay, thực hiện Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thành phần của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật trung ương với 39 thành viên, Chủ tịch Hội đồng là Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ. 100% các địa phương cấp tỉnh đã được kiện toàn Hội đồng do Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cùng cấp làm Chủ tịch Hội đồng. Thành phần Hội đồng địa phương được xây dựng bám sát theo thành phần của Hội đồng trung ương (Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo UBND cấp tỉnh; Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng là Giám đốc Sở Tư pháp; Các Phó Chủ tịch, các ủy viên Hội đồng là lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. Cơ quan Thường trực Hội đồng là Sở Tư pháp) và có bổ sung thêm một số thành phần như cơ quan bảo vệ pháp luật, các đơn vị báo chí trực thuộc. Đồng bằng sông Cửu Long có 490 thành viên trong Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật cấp tỉnh [Phụ lục 6]. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Nghị định số 139/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014, Quyết định số 517/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng giáo dục quốc phòng

và an ninh các cấp, ở mỗi tỉnh có Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh tham mưu UBND cấp tỉnh thực hiện bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh tỉnh, trong đó có nội dung giáo dục luật tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc tôn giáo trên địa bàn. Thành phần Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tỉnh được xây dựng bám sát theo thành phần của Hội đồng trung ương (Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo UBND cấp tỉnh; Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng là Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh; Các Phó Chủ tịch, các ủy viên Hội đồng là lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Hiệu trưởng Trường Chính trị do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. Cơ quan Thường trực Hội đồng là Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh). Vùng ĐBSCL có 480 ủy viên Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tỉnh. Cùng với thành viên hai Hội đồng trên, vùng ĐBSCL còn 148 cán bộ, công chức tại Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nội vụ làm công tác tuyên truyền, thông tin pháp luật đến đội ngũ cốt cán trong tôn giáo [Phụ lục 7]. Thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp, ngày 11/6/2025 Chính phủ ban hành Nghị định số 124/2025/NĐ-CP Quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 cả nước thành lập 28/34 Sở Dân tộc và Tôn giáo (chiếm 83%). Tại vùng ĐBSCL thành lập 4/5 Sở Dân tộc và Tôn giáo (tỉnh Đồng Tháp chưa thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo), chiếm 80% của vùng. Cấp xã, phường công tác tín ngưỡng, tôn giáo giao cho Phòng Văn hóa - Xã hội quản lý. Sở Dân tộc và Tôn giáo tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh, trong đó hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, tham gia thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh, Hội đồng Giáo dục QPAN cấp tỉnh.

Qua đó, Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh qua 2 Hội đồng tư vấn, cùng nhiều chủ thể đưa pháp luật đến lực lượng đại diện các tôn giáo có những thành tựu cơ bản, góp phần ổn định mọi mặt vùng Tây Nam Bộ.

3.1.3. Tình hình tôn giáo và chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam

Vùng ĐBSCL có 13 tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân. Trong đó, Phật giáo, đạo Tin Lành, đạo Cao Đài có nhiều hệ phái khác nhau trong cùng một tôn giáo. Tôn giáo ở ĐBSCL gồm tôn giáo ngoại sinh (du nhập từ bên ngoài, tôn giáo ngoại nhập) và tôn giáo nội sinh (hình thành từ trong nước). Tôn giáo ngoại sinh từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam qua từng thời kỳ khác nhau ở vùng ĐBSCL như: Phật giáo, Công giáo, đạo Tin Lành, Islam giáo, Minh Sư đạo... Sự du nhập và hình thành của hai dòng tôn giáo ngoại nhập và nội sinh gắn liền với xã hội vùng ĐBSCL ở từng giai đoạn lịch sử khác nhau.

Căn cứ vào nhiều tài liệu đã được lưu hành thì Phật giáo thâm nhập bằng đường biển do các thương nhân người Ấn Độ đến Việt Nam truyền bá vào đầu công nguyên. Cùng với đó, Việt Nam xưa trải qua hàng ngàn năm Bắc thuộc nên chịu ảnh hưởng văn hoá, tín ngưỡng của người Trung Quốc. Nhiều nhà truyền giáo Trung Quốc được phái hoặc tự nguyện sang đất Giao Châu, Phù Nam (Nam Bộ ngày nay) để truyền bá đạo Phật. Trải qua hơn chục thế kỷ, khi người Việt xuống làm ăn, sinh sống và định cư, tại vùng ĐBSCL (từ Phù Nam đến Việt Nam) hình thành rõ 2 bộ phận là Phật giáo Bắc tông (Bắc truyền, Đại thừa) và Phật giáo Nam tông (Nam truyền, Tiểu thừa), trong đó hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer là nét nổi bật ở vùng ĐBSCL. “Tổ chức của Phật giáo Nam Tông Khmer hiện nay có tên gọi là *Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước*, tổ chức này vốn có nguồn gốc từ *Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước khu Tây Nam Bộ* ra đời vào năm 1964. Từ đó cho đến khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981) được thành lập, *Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước khu Tây Nam Bộ*

đã thực hiện tốt sứ mệnh dẫn dắt nhà tu hành và các tín đồ đồng hành cùng dân tộc trong toàn bộ quá trình chống Mỹ cứu nước cũng như phục hồi và xây dựng lại đất nước sau giải phóng. Sau khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời, *Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước khu Tây Nam Bộ* chính thức chấm dứt hoạt động. Tuy nhiên, vào những năm 80, 90 của thế kỷ XX, vùng Tây Nam Bộ nảy sinh một số vấn đề phức tạp về chính trị, xã hội. Trước tình hình đó, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) đã đưa ra Chỉ thị 68-CT/TW, ngày 18/4/1991 về chủ trương củng cố, tái lập *Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước khu Tây Nam Bộ* tại những địa phương có đông đảo đồng bào Khmer sinh sống với tên gọi mới là *Hội đoàn kết Sư sãi yêu nước*. Đến nay, tổ chức này đã lần lượt có mặt tại 8/9 tỉnh, thành phố miền Tây Nam Bộ, gồm: Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu, Hậu Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ và Cà Mau” [103, tr.19-20]. “Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện có: 54.169 Tăng Ni, gồm: 40.095 Bắc Tông; 7.028 Nam tông Khmer, 08 tu nữ, 1.754 Nam Tông kinh (1.100 chư tăng, 654 Tu nữ); 5.284 Khất sĩ; Khoảng 14 triệu tín đồ và nhiều người có niềm tin yêu mến Đạo Phật” [12, tr.41]. Ở vùng ĐBSCL có 3.768.264 tín đồ Phật giáo, 5613 chức sắc [1, tr.218-219].

Ở Việt Nam, Công giáo hay còn gọi Kitô giáo, Cơ đốc giáo, Thiên chúa giáo, đạo Gia tô. Công giáo ra đời đầu Công nguyên, do Chúa Giê-su, người dân tộc Do Thái sáng lập. Công giáo du nhập và phát triển vào Việt Nam ở thế kỷ XVI. Công giáo truyền vào các tỉnh Tây Nam Bộ những năm đầu của thế kỷ XVIII với các địa danh Cái Mơn (1702), Cái Nhum (năm 1730) ... Sau đó phát triển dần ở các tỉnh ĐBSCL [103, tr.33]. Cơ cấu tổ chức của Công giáo ở vùng ĐBSCL hiện nay gồm 04 giáo phận Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, Long Xuyên, hoạt động theo tam cấp (giáo phận, giáo hạt và giáo xứ) trực thuộc Giáo tỉnh thành phố Hồ Chí Minh. Công giáo ở Tây Nam Bộ có trên 810 ngàn tín đồ, chiếm 13% dân số, đứng thứ tư về số lượng tín đồ Công giáo cả nước; 794 nhà thờ, nhà nguyện, vùng ĐBSCL có 854 chức sắc [1, tr.221-223].

Đạo Tin Lành truyền vào Việt Nam từ năm 1911 do Hội Liên hiệp Cơ đốc và truyền giáo hay Phước âm Liên hiệp hội (The Christian and Missionary of Alliance CMA) được thành lập ở Mỹ năm 1897, hay còn gọi là Hội Truyền giáo CMA ở Đà Nẵng. Đến năm 1919, đạo Tin Lành đã nhanh chóng chuyển hướng Nam tiến với điểm đầu tiên ở Long Xuyên vùng ĐBSCL. Đến năm 1921, Thống sứ Nam kỳ cấp Giấy phép cho 04 nhà truyền giáo Mỹ (CMA) được hoạt động tại Sa Đéc (Đồng Tháp), Cần Thơ [101, tr.51]. Hội thánh Tin Lành được Nhà nước công nhận hiện nay gồm 2 cấp hành chính đạo: Trung ương và cơ sở. Ngoài ra một số tổ chức còn có cấp trung gian là Ban Đại diện hoặc nhân sự đại diện ở cấp tỉnh; thấp hơn cấp cơ sở là điểm nhóm. Vùng ĐBSCL đến 3/2017, có 08 hệ phái Tin Lành, với 80.132 tín đồ, 120 chi hội, 07 hội nhánh, 244 điểm nhóm, 233 chức sắc, 112 nhà thờ [1, tr.224].

Islam giáo (Hồi giáo) “du nhập vào cộng đồng người Chăm ở Việt Nam từ khoảng thế kỷ IX đến thế kỷ X qua các thương nhân Ả rập, Ấn Độ, Ba Tư” [12, tr.157]. Hồi giáo có hơn 84.000 người, trong đó có khoảng 51.000 người Hồi giáo Bani và khoảng hơn 32.000 người Hồi giáo Islam (Chăm Islam). ĐBSCL, hiện nay có 01 tổ chức Hồi giáo (Chăm Islam) ở An Giang. Ở các tỉnh khác ĐBSCL chưa có ban đại diện, các tín đồ sinh hoạt tại các thánh đường. Islam giáo không có hàng giáo phẩm nhưng có chức sắc, chức việc. Hệ thống chức sắc của Islam giáo vùng ĐBSCL gồm có Ban đại diện cộng đồng Hồi giáo, gồm Giáo cả (Hakim), Phó Giáo cả (Naep), người hướng dẫn tín đồ trong buổi lễ (Imâm), thầy dạy giáo lý, dạy tiếng Chăm (Tuôl). Năm 2020 tín đồ Islam giáo ở An Giang có 11.167 người (chiếm 33,18% tổng số tín đồ Islam giáo cả nước) [15, tr.253]. Toàn vùng ĐBSCL có 16.048 tín đồ Islam, 41 chức sắc [1, tr.227].

Đạo Minh Sư có nguồn gốc từ phái Thiên tông Trung Hoa từ thời Lục Tổ Huệ Năng, thế kỷ VIII, được truyền vào Việt Nam lúc đó là thời kỳ nhà Nguyễn (1802-1945). “Minh Sư có thể hiểu rằng: Minh có nghĩa là sáng, thông

hiếu đến sáng suốt. Sư là người tu đạt tới giải thoát, trở thành thầy. Minh Sư là người tu đạt tới sự thông hiểu, sáng suốt, giải thoát để trở thành bậc thầy (tu sỹ của đạo Minh Sư từ bậc Thiên Ân trở lên thường gọi là Thầy). Minh Sư đạo suy tôn Đạt Ma Tổ Sư là vị Tổ đầu tiên (vị Tổ Thiên tông Ấn Độ thứ 28, truyền giáo qua Trung Quốc năm 520)” [12, tr.189]. Tổ chức Minh sư đạo có 02 cấp Trung ương và địa phương, hoạt động chủ yếu ở Nam Bộ. Minh Sư đạo có 52 Phật đường (trong đó có 43/52 Phật đường thuộc giáo hội, còn 09 Phật đường chưa trở về sinh hoạt với Giáo hội). Tổ đình của Minh Sư đạo đặt TP. Hồ Chí Minh, có Chức sắc: hơn 150, Chức việc: trên 200 Tín đồ: hơn 5 ngàn [12, tr.192]. Vùng ĐBSCL có 67 chức sắc, 2.384 tín đồ [1, tr.235].

Cùng với tôn giáo ngoại sinh, ĐBSCL còn là vùng “địa lợi” của tôn giáo nội sinh như: Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Phật giáo Hòa Hảo, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, đạo Cao Đài.

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương (BSKH) khai sáng vào năm 1849 tại An Giang do ông Đoàn Minh Huyền (sau còn gọi là Phật Thầy Tây An) lãnh đạo trên cơ sở kế thừa có chọn lọc một số yếu tố cơ bản từ Tam giáo (Nho, Phật, Đạo) và tập tục thờ cúng tổ tiên ở nước ta. Bửu Sơn Kỳ Hương có nghĩa là hương thơm núi báu. “Về tên gọi của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, cho đến nay vẫn chưa có sự thống nhất trong việc giải nghĩa nhưng nhiều giả thuyết cho rằng ông Đoàn Minh Huyền đặt ra trên cơ sở bốn chữ đầu bài thơ:

Bửu ngọc quân minh thiên việt nguyên

Sơn trung sư mạng địa nam tiên

Kỳ niên trạng tái tân phục quốc

Hương xuất trình sanh tạo nghiệp yên” [12, tr.183].

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương lấy giáo pháp “Tu nhân - Học Phật”. Việc Tu nhân là nhằm dẫn dắt con người ta trong cơn mê lạc được trở về với con đường lương thiện, chính đạo, luôn sống đúng với đạo làm người, giúp ích gia đình, xã hội, phù hợp với luân thường đạo lý, có đầy đủ nhân, nghĩa, lễ,

trí, tín; tu hành theo chánh pháp của chư Phật, làm lành, tránh dữ, từ bi bác ái, cứu nạn cứu khổ, lấy tứ ân làm đầu, giới định huệ làm gốc. BSKH có truyền thống không hình thành tổ chức Giáo hội trong toàn đạo, do đó không có hàng ngũ chức sắc, phát triển theo phương pháp truyền thừa, truyền giảng giáo lý của Thầy tổ cho các đệ tử thân tín, hết lớp trước truyền lại cho lớp sau, tùy thuộc vào khả năng truyền giảng và uy tín của các ông Đạo. Với 12 cơ sở thờ tự (chùa, đền, miếu), BSKH có chức việc phụ trách trong các Ban quản tự; “Theo thống kê tính tới tháng 4/2021, đạo BSKH có khoảng 10.000 tín đồ sinh sống chủ yếu ở An Giang, Đồng Tháp, Bà Rịa-Vũng Tàu, Long An, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bến Tre” [12, tr.187]. Tại ĐBSCL, có 5822 tín đồ BSKH. Tuy nhiên theo quan điểm của BSKH, toàn đạo có 49 chức sắc, trong đó vùng ĐBSCL có 34 chức sắc [1, tr.231].

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ra đời tháng 5 năm 1867 tại Thất Sơn - An Giang do ông Ngô Lợi (Đức Bồn sư), người gốc ở Mỹ Tho - Bến Tre, là sỹ phu Cần Vương, tham gia khởi nghĩa ở vùng Mỹ Tho - Tiền Giang, bị giặc truy nã, ông chạy vào vùng Thất Sơn - An Giang sáng lập. Giáo lý của Đạo trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các yếu tố từ đạo Bửu Hương Kỳ Sơn kết hợp với tục thờ cúng tổ tiên và một số yếu tố tín ngưỡng truyền thống của dân tộc. Cùng với học Phật, “Tu nhân có nghĩa là phải thực hiện tứ đại trọng ân: Ân cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo và ân đồng bào”; “Khi mới ra đời, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa được ông Ngô Lợi gọi là đạo “Thờ ông bà”, sau này tín đồ gọi đạo của mình là đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Đến năm 2020, chức sắc, chức việc, tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đổi tên tôn giáo thành Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa và tên tổ chức tôn giáo là Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa.” [12, tr.175]. Dưới Đức Bồn sư là các đại đệ tử, còn gọi là các cao đồ. Trong số các cao đồ được phân ra những chức năng cụ thể khác nhau: những người phát huy ý tưởng của Đức Bồn sư được gọi là ông Trò; những người thay mặt Đức Bồn sư chăm lo việc đạo của một nhóm tín đồ được gọi là ông Gánh (Chức sắc

đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là Ông Trò và ông Gánh). Phương châm của Đạo: “Hành Tứ ân - Sống hiếu nghĩa - Vì đại đoàn kết dân tộc”. “Theo thống kê của Văn phòng Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa tính đến tháng 4/2021 có khoảng 78.000 tín đồ, sinh sống tập trung tại 16/63 tỉnh, thành phố, bao gồm các tỉnh, thành phố: An Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bến Tre, Bình Định, Đồng Nai, Kiên Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Hậu Giang, Cà Mau, Long An, Cần Thơ, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Đắk Lắk. Trong đó, tỉnh An Giang là trung tâm của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa với khoảng 36.000 tín đồ, phân bố ở 11 huyện, thị trấn trên địa bàn tỉnh, riêng huyện Tri Tôn có khoảng 26.000 tín đồ. Sự phân bố tín đồ này cho thấy Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là một tôn giáo bản địa, cơ bản giới hạn trong vùng đồng bằng sông Cửu Long”; về chức sắc, chức việc đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa “Tính đến tháng 04/2021 có khoảng 500 người (trong đó có 24 vị Trưởng gánh còn lại là chức việc - Cư sĩ, Thông tín và Thủ lễ). Các vị chức sắc sinh sống và chỉ có ở các cơ sở nội thôn thuộc huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang” [12, tr.178-179]. Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở ĐBSCL có 49.818 tín đồ, 21 chức sắc [1, tr.236].

Phật giáo Hòa Hảo (PGHH) do ông Huỳnh Phú Sổ (1920-1947) tổ chức lễ khai đạo vào ngày 18/5 năm Kỷ Mão (tức ngày 04/7/1939) tại quê nhà, làng Hòa Hảo. Sau đó, người theo Phật giáo Hòa Hảo suy tôn ông là “Thầy tổ”, và được gọi “Đức Tôn Sư”, “Đức Thầy”, “Đức Huỳnh Giáo chủ”. Giáo lý của Phật giáo Hoà Hảo xây dựng trên nền tảng giáo lý đạo BSKH với giáo pháp là học Phật, tu Nhân, cư sĩ tại gia, thực hiện Tứ ân. PGHH không có hàng ngũ chức sắc xuất gia tu hành, không có hàng giáo phẩm làm trung gian giữa tín đồ và đấng siêu nhiên, đồng thời cũng không chủ trương xuất gia tu hành, tín đồ đồng thời là cư sĩ tại gia. Đến năm 2019, trải qua năm kỳ đại hội, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo đã từng bước phát triển, trở thành tổ chức Giáo hội 2 cấp hành chính: Trung ương và cấp cơ sở, cùng các Ban Đại diện ở nhiều địa phương cấp tỉnh vùng ĐBSCL. “Đến năm 2021 có trên 1,5 triệu tín

đồ. Sự phân bố tín đồ của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo trải rộng trên địa bàn ở 20 tỉnh, thành phố nhưng không đều, chủ yếu tập trung ở 09 tỉnh miền Tây Nam bộ gồm: An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Bến Tre, Hậu Giang, Tiền Giang, Long An và Kiên Giang. Số tín đồ ở 3 tỉnh, thành phố là An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ chiếm tới 99% tổng số tín đồ. Tỉnh An Giang là trung tâm, được coi là thánh địa của tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, từ đây Phật giáo Hòa Hảo lan tỏa ảnh hưởng một cách đậm nét trong các địa phương lân cận dọc sông Cửu Long là: Đồng Tháp, Cần Thơ, Vĩnh Long, Kiên Giang”; “Tính đến tháng 5/2021, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo có trên 4.000 chức việc, bao gồm thành viên Ban Trị sự viên trung ương, các Ban giúp việc cho 130 Ban Trị sự trung ương; Ban Đại diện các tỉnh, TP; Ban Trị sự cơ sở; Ban quản tự các chùa Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo” [12, tr.128-130]. Ở ĐBSCL có 1.329.348 tín đồ Phật giáo Hòa Hảo [1, tr.233]. Theo quan điểm của giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, toàn đạo có 24 chức sắc, vùng ĐBSCL có 12 chức sắc.

Đạo Cao Đài tên gọi đầy đủ là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ độ, ra đời năm 1926 tại ấp Long Trung, xã Long Thành, huyện Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh và phát triển chủ yếu ở các tỉnh, thành phố Nam Bộ. Tôn chỉ của đạo Cao Đài: “Nêu lên tinh thần “Vạn giáo nhất lý” và cho rằng mục đích cứu cánh của tất cả tôn giáo chân chính là hướng dẫn con người sống có đạo đức, hoàn thiện hóa bản thân, hoàn thiện hóa xã hội và giải thoát linh hồn hướng tới xây dựng con người chuẩn mực về đạo đức, xã hội hòa bình, hạnh phúc. Vì vậy, đạo Cao Đài chủ trương tôn trọng tín ngưỡng của các tôn giáo để cùng thực hiện chung giáo lý của một tôn giáo lớn nhằm giác ngộ nhân loại toàn cầu” [12, tr.100]. Sau ngày khai Đạo, chức sắc lãnh đạo giáo hội Cao Đài tiến hành xây dựng Tòa thánh Tây Ninh kết cấu hạ tầng, từng bước hoàn chỉnh hệ thống, bộ máy tổ chức hành chính đạo từ Trung ương đến cơ sở. Do một số bất đồng trong điều hành giáo hội, một số chức sắc lãnh đạo giáo hội Cao Đài đã tách ra và về địa phương thành lập các tổ chức Cao Đài mới như: Cao Đài Chơn

Lý, Cao Đài Tiên Thiên, Cao Đài Ban Chính đạo... Từ năm 1992 đến nay, Nhà nước xác định pháp nhân 10 Hội thánh Cao Đài, công nhận 21 tổ chức Cao Đài hoạt động độc lập và 01 pháp môn Cao Đài. Cao Đài có hơn 13 ngàn chức sắc, hơn 26 nghìn chức việc; hơn 1,24 triệu tín đồ; hơn 1.300 cơ sở thờ tự. Số liệu thống kê số lượng tín đồ đạo Cao Đài hiện nay có sự chênh lệch giữa chính quyền nhà nước và tổ chức tôn giáo. Theo báo cáo của các Hội thánh Cao Đài năm 2020, tín đồ đạo Cao Đài có hơn 2,6 triệu. Lý do, một bộ phận tín đồ không khai nhận là tín đồ Cao Đài khi chính quyền tổ chức thống kê. Đối với tổ chức tôn giáo ở Hội thánh, Họ đạo đã kê khai số lượng tín đồ nhập môn vào đạo cùng toàn thể gia đình người tín đồ gồm người già và trẻ em chưa đến tuổi nhập môn nên có sự chênh lệch về số liệu thống kê [12, tr.110-111]. Năm 2017, vùng ĐBSCL có 408.582 tín đồ, với 8.136 chức sắc [1, tr.228-229].

Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam do ông Nguyễn Văn Bông sáng lập năm 1934 và ông được suy tôn làm giáo chủ với pháp danh Tông sư Minh Trí. Đức Tông sư đã dùng y đạo cứu giúp người bệnh khổ, dần dần dạy người niệm Lục Tự Di Đà (Nam Mô A Di Đà Phật). Mục đích niệm Lục Tự Di Đà để minh tâm, kiến tánh thành người hữu ích, biến chủ nghĩa từ bi thành hành động trong cuộc sống đời thường. Dần dần ông truyền bá pháp môn “Lễ bái lục phương” với lễ nghi đơn giản, giáo lý dạy người tu theo “Phật đạo” để làm tròn “Nhân đạo”, có nghĩa là muốn thành Phật trước hết phải trọn đạo làm người. Giáo lý và lễ nghi của pháp môn này rất phù hợp với người cư sĩ tại gia, nên thu hút được nhanh chóng người nhập đạo. Tôn giáo này khi thành lập, tên gọi là Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội (chưa có hai chữ “Việt Nam”), vào năm 1953, đã xin phép bổ sung hai chữ Việt Nam [103, tr.82]. “Sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, hệ thống tổ chức Giáo hội của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam không còn hoạt động đầy đủ như trước nhưng hoạt động tại các hội quán vẫn sinh hoạt bình thường” [12, tr.141]. Đây là tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân và ngày 27/11/2007. “Tính đến tháng 5/2021, Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam

có 214 chi hội, mỗi chi hội đều có phòng thuốc Nam phước thiện và chùa với khoảng 1,5 triệu tín đồ, hội viên; có hơn 600 chức sắc, 2.200 chức việc, gần 800 thầy thuốc (y sĩ) và hơn 400 y sinh, phân bố ở 20 tỉnh, thành phố. Trụ sở chính của Giáo hội đặt tại Tổ đình Hưng Minh Tự, số 45 đường Lý Chiêu Hoàng, Phường 10, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh [12, tr.146]. Trong đó 258.828 tín đồ đã quy y. Vùng ĐBSCL có 236.364 tín đồ, 1241 chức sắc [1, tr.234].

Phật Giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn do ông Nguyễn Ngọc An khai sáng vào năm 1921 (năm Tân Dậu) tại Kiên Giang, Nguyễn Văn An, còn được gọi là Đức Thầy, Đức Giáo Sư, ông Đạo Bảy, ông Bảy, hay ông Thầy Bảy. Năm 1906, khi ông 17 tuổi đã tìm lên núi Tà Lơn (Campuchia) để tầm sư học đạo và được lãnh ấn sắc tổ đình xuống núi trở về Việt Nam truyền đạo, xây chùa, thờ Phật, thần, người có công khai hoang, lập làng. Sau khi ông Nguyễn Văn An mất, các đệ tử, tín đồ đã thiết lập bộ máy của đạo và tiếp tục theo hành đạo theo đường hướng: “Đạo pháp - Hiếu nghĩa - Dân tộc và “An bình - Bác ái - Từ tâm”. Ngày 22/9/2016, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo này, với hai cấp hành chính đạo: Trung ương và cơ sở, khoảng 6.500 tín đồ tập trung ở 4 tỉnh, thành chính là Kiên Giang, An Giang, Cần Thơ và Đồng Tháp. Cấp trung ương là Hội đồng Trị sự Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, người đứng đầu là Đức Giáo sư, dưới là các đệ tử, gọi chung là Ban Bảo đạo. Sau khi Tổ sư mất, các đệ tử thấy cần có một tổ chức thống nhất để điều hành hoạt động đạo và những công việc khác của xã hội liên quan nên đã hình thành tổ chức mới, gọi là Hội đồng Trị sự Trung ương (có 36 người, 5 ban) Ban Thường trực Hội đồng Trị sự đạo có 12 người. Cấp cơ sở: Ban Trị sự hay Ban quản tự (từ 7 đến 16 người), có trách nhiệm quản lý ở từng chùa, am, cốc đường” [103, tr.88-89].

Tôn giáo Baha’i (đạo Baha’i) “ra đời năm 1863 tại Ba Tư (nay là Iran), người sáng lập là Mirza Husayn Ali (1817 - 1892) được tín đồ gọi là Baha'u'llah (nghĩa là vinh quang của Thượng Đế)” [12, tr.164]. Theo tôn giáo Baha’i, đức Baha’u’llah đã trao cho tín đồ nhiệm vụ đem giáo lý của mình

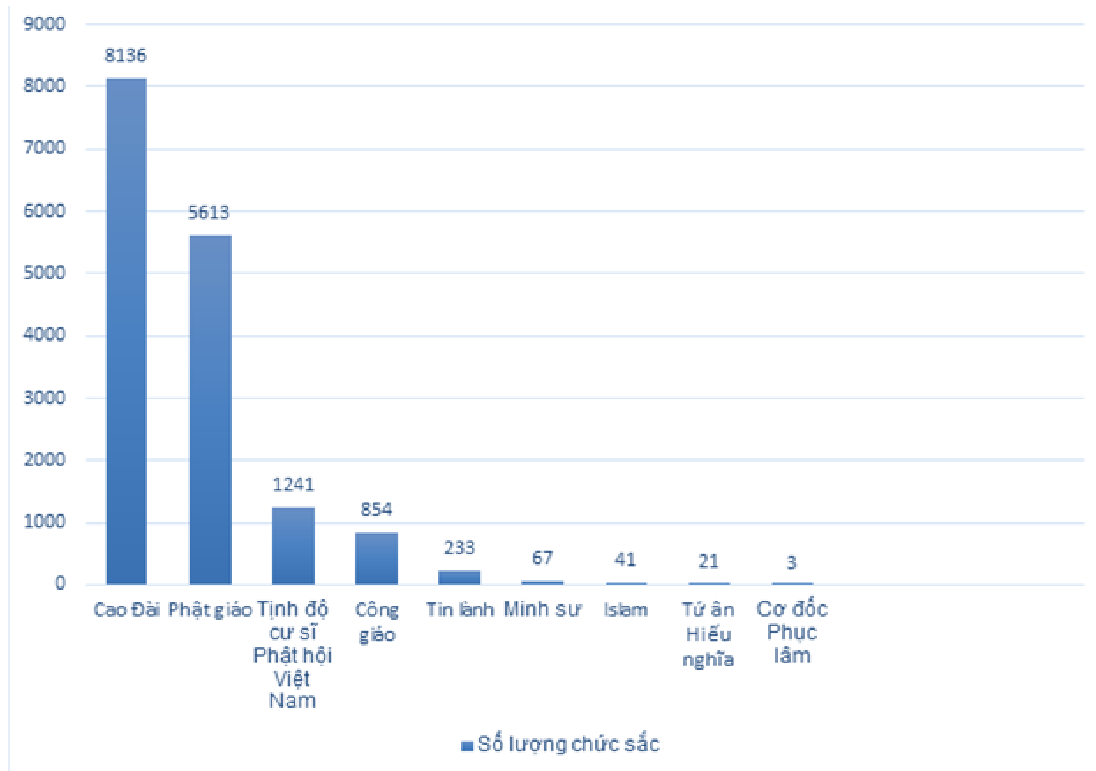
đến toàn thể nhân loại bằng lời nói và gương tốt, nhân loại đều là con của Thượng đế. Hiện nay, tôn giáo Baha'i có khoảng hơn 6 triệu tín đồ ở 235 quốc gia và vùng lãnh thổ, thuộc hơn 2.100 sắc tộc, ở phần lớn các nước Hồi giáo. Ấn Độ là quốc gia có số lượng tín đồ Baha'i đông nhất thế giới với khoảng hơn 2 triệu người. Tại Việt Nam, ngày 18/02/1954, bà Shirin Fozdar (người Ấn Độ) cùng con trai và con dâu đến Sài Gòn truyền giáo. Ngày 21/4/1955, chính quyền Sài Gòn công nhận hoạt động hợp pháp của tổ chức này. “Ngày 14/7/2008, Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam được Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định công nhận tổ chức tôn giáo. Đến năm 2021, Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam đã trải qua 14 kỳ đại hội (nhiệm kỳ 01 năm)” [12, tr.166]. Đạo Baha'i cả nước có 3.439 tín đồ. Ở vùng ĐBSCL, 2201 tín đồ [1, tr.230]. Tôn giáo Baha'i không có chức sắc [12, tr.167].

Cơ đốc Phục lâm truyền giáo vào Việt Nam vào năm 1929. Đến năm 1932, Thống đốc Nam kỳ chính thức chấp thuận việc giảng đạo và phát hành tài liệu tôn giáo tại Việt Nam. Sau ngày đất nước được thống nhất, năm 2006 Cơ đốc Phục lâm Việt Nam được hoạt động tại Việt Nam, toàn đạo có hơn 16.000 tín đồ, 07 mục sư, Trưởng lão, giám mục, 102 Cháp sự (không có chức danh truyền đạo) 10 chi hội, hơn 100 điểm nhóm, 7 nhà thờ và một trụ sở văn phòng làm việc giáo hội, địa bàn hoạt động ở 25 tỉnh, thành phố chủ yếu ở các tỉnh phía Nam, trong đó tập trung ở các tỉnh như: Lâm Đồng, Đắk Lắk, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Đồng Nai, Bình Phước, Bình Dương, Cần Thơ, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hoà, Tiền Giang, Phú Yên, Quảng Trị. Về tổ chức của giáo hội có 2 cấp: Cơ quan trung ương gọi là Ban Quản trị Giáo hội, trụ sở đặt tại 224 Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh và cấp chi hội (cấp cơ sở) [106, tr.1]. Vùng ĐBSCL Cơ đốc Phục lâm có mặt tại 09 tỉnh: Cần Thơ, Hậu Giang, Kiên Giang, Bến Tre, Long An, Tiền Giang, Trà Vinh, Đồng Tháp, Cà Mau, có 2.059 tín đồ, 03 chi hội, 03 nhà thờ, 14 điểm nhóm, 3 mục sư.

Bảng 3.1: Chức sắc 13 tôn giáo vùng ĐBSCL

Tổ chức tôn giáo	Số tín đồ	Chức sắc	Chức việc trong tôn giáo không có chức sắc	Cơ sở đào tạo của tôn giáo	Cơ sở thờ tự
Phật giáo	3.768.264	5.613		17	2.806
Công giáo	919.578	854		1	691
Tin lành	80.132	233			88
Islam	16048	41			31
Minh sư	2.384	67			17
Bửu sơn Kỳ Hương	5.822		34		11
Tứ ân Hiếu nghĩa	49.818	21			64
Phật giáo Hòa Hảo	1.329.348		4.000	1	36
Cao Đài	408.582	8.136		1	46
Tỉnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam	236.364	1241			172
Phật Giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn	6.500		52		8
Đạo Baha'i	2.201				
Cơ đốc Phục lâm	2.059	3			
Tổng cộng	6.827.100	16.209	4.086	20	3.970

Nguồn: Tác giả tổng hợp số liệu nghiên cứu và khảo sát thực tế

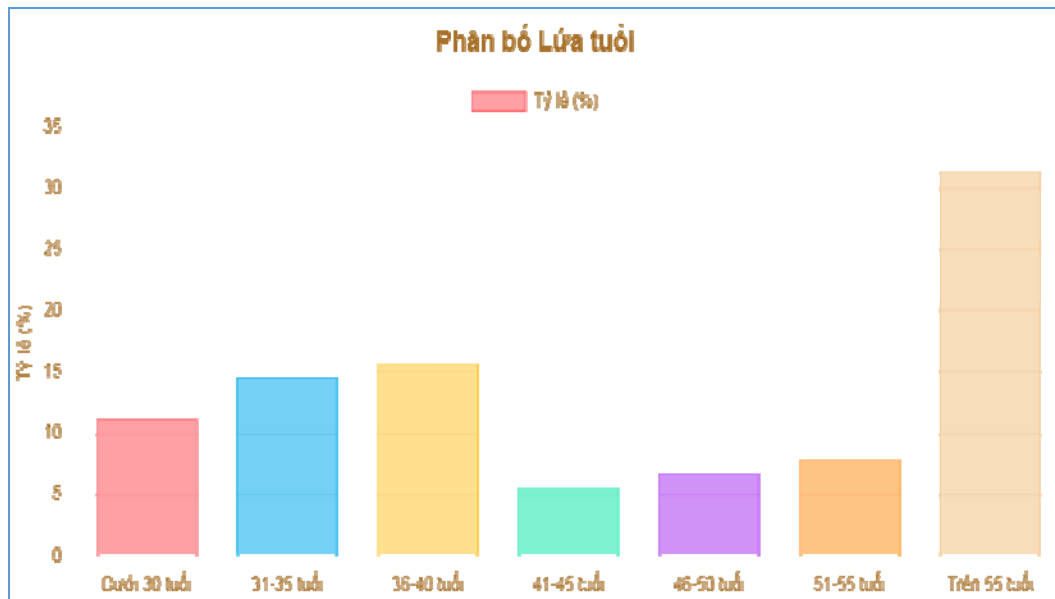
Biểu đồ 3.2: Số lượng chức sắc các tôn giáo vùng ĐBSCL

Để có cơ sở đánh giá đúng thực trạng giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL, cùng với việc kế thừa số liệu từ các báo cáo, kết quả khảo sát của các cơ quan thực hiện giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, các nhà khoa học tiếp cận, nghiên cứu vấn đề này trong thời gian qua, tác giả tiến hành khảo sát trực tiếp chủ thể và đối tượng giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo trên địa bàn 3/5 tỉnh vùng ĐBSCL. Đây là những địa phương có tính đại diện cao của vùng, với các tiêu chí: Có trụ sở Giáo hội trung ương, cơ sở đào tạo chức sắc tôn của vùng và cả nước, nơi có các chức sắc lớn quản đạo, hành đạo và truyền đạo, có tôn giáo gắn với tộc người. Cụ thể khảo sát tại tỉnh Vĩnh Long, trung ương của Đạo Cao Đài Ban chính, Cao Đài Tiên thiên, có Học viện Cao Đài đào tạo chức sắc Cao Đài cho toàn vùng, cả nước và hải ngoại; Thành Phố Cần Thơ, có Học viện Phật giáo Nam tông Khmer, đào tạo chức sắc Phật giáo Nam tông, địa phương có nhiều chức sắc Tin lành nhất vùng ĐBSCL (64/233 chức sắc); tỉnh An Giang là nơi duy nhất của vùng phát tích các tôn giáo nội sinh, có trường Trung cấp Phật giáo Hòa Hảo, có Đạo Islam của người Chăm ở An Giang. Tổng số phiếu phát ra thu thập ý kiến cho báo cáo viên, giảng viên pháp luật, chức sắc các tôn giáo vùng ĐBSCL là 1000 phiếu, thu về được 890 phiếu, với chức sắc tôn giáo của vùng cho thấy:

Cơ cấu giới tính: Số liệu thu thập cho thấy, số liệu chức sắc nam nhiều hơn số lượng chức sắc nữ, chức sắc nam chiếm 275/445 (61,99%); chức sắc nữ 170/445 (38,1%). [Phụ lục 2]

Cơ cấu về độ tuổi:

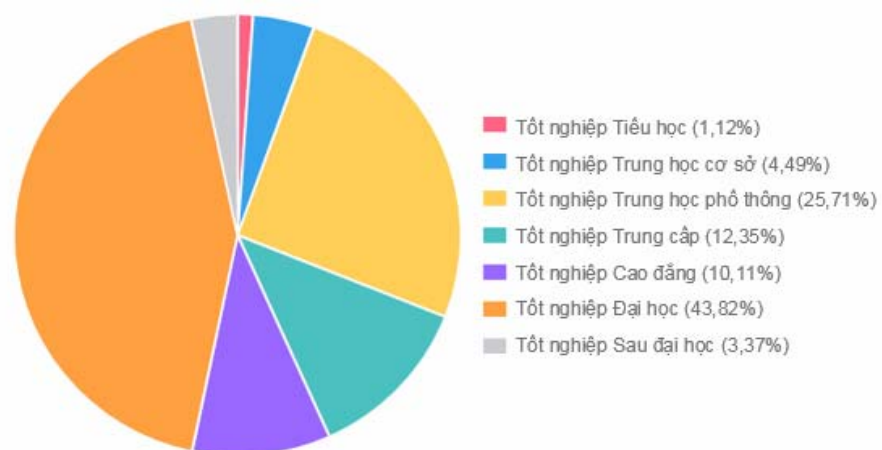
Biểu đồ 3.3: Cơ cấu độ tuổi chức sắc các tôn giáo vùng ĐBSCL



Qua đó, phần lớn chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL có độ tuổi trên 55 tuổi. Độ tuổi chức sắc tính từ cao đến thấp, chức sắc trên 55 tuổi chiếm số lượng cao nhất: 140/445 (31,46%); chức sắc 36 đến 40 tuổi; chiếm: 70/445 (15,73%); chức sắc 31 đến 35 tuổi chiếm: 65/445 (14,60%); chức sắc dưới 30 tuổi chiếm 50/445 (11,23%); chức sắc 51 đến 55 tuổi chiếm 35/445 (7,86%); chức sắc 46 đến 50 tuổi chiếm 30/445 (6,74%); chức sắc 41 đến 45 tuổi chiếm 25/445 (5,61%) [Phụ lục 2]

Về trình độ học vấn (thế học) của chức sắc:

Biểu đồ 3.4: Trình độ học vấn chức sắc các tôn giáo vùng ĐBSCL



Từ cơ sở dữ liệu trên cho thấy:

Thứ nhất: Vùng ĐBSCL đa tôn giáo, có tôn giáo mang tính tộc người. Toàn vùng có 13/16 tôn giáo trên cả nước. Tôn giáo mang tính tộc người (dân tộc) điển hình là người Chăm theo Islam giáo chủ yếu sinh sống tại An Giang, người Khmer sinh hoạt theo Phật giáo Nam tông. Vùng có nhiều tín đồ tôn giáo (6.827.100/17,7 triệu người), tỷ lệ tín đồ tôn giáo trong dân số vùng cao hơn bình quân chung cả nước, 38,57%/28% dân số.

Thứ hai: Nơi phát tích và hội tụ nhiều tôn giáo nội sinh nhất nước: 5/6 tôn giáo nội sinh (Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh độ cư sĩ, Tứ ân Hiếu nghĩa, Bửu sơn Kỳ Hương, Phật Giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon). Đạo Cao Đài dù ra đời tại Tây Ninh (Đông Nam bộ) và năm 1926, đến nay Nhà nước đã công nhận tổ chức tôn giáo đối với 10 Hội thánh 01 pháp môn, trong đó có 07 Hội thánh và 01 pháp môn có Trung ương Đạo ở vùng ĐBSCL (Cao Đài Ban Chính Đạo (Bến Tre), Cao Đài Tiên Thiên (Bến Tre), Cao Đài Minh Chơn đạo (Cà Mau), Cao Đài Chiếu Minh Long Châu (Hậu Giang), Cao Đài Chơn Lý (Tiền Giang), Cao Đài Bạch Y (Kiên Giang), Cao Đài Việt Nam (Tiền Giang), Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi) [Phụ lục 5].

Thứ ba: Chức sắc một số tôn giáo tập trung hoạt động ở vùng ĐBSCL, có tôn giáo phát triển dù không có hàng ngũ chức sắc lãnh đạo. Tại vùng ĐBSCL, Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam: 1241/1294 chức sắc, chiếm 95,9%; Tứ ân Hiếu nghĩa: 21/21 chức sắc: 100%; Cao Đài: 8.136/13.411 chức sắc, chiếm 60,66% Cơ đốc phục lâm 3/7, chiếm 42,85%; Đạo Minh sư: 67/201 chức sắc, chiếm 33,33% Đạo Baha'i: 5/19 chức sắc, chiếm 26,31%. Có 3 tôn giáo, không có chức sắc: Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật giáo Hòa Hảo và Phật Giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon.

Thứ tư: Đặc biệt là các tôn giáo vùng ĐBSCL nữ chức sắc đông đảo, nhất là các tôn giáo nội sinh, thể hiện nét đặc trưng trong đời sống sống, hoạt động tôn giáo của vùng.

Thứ năm: Trình độ học vấn (thế học) của chức sắc tôn giáo dù trên 50% có trình độ cao đẳng, đại học trở lên, nhưng vẫn còn nhiều chức sắc chưa tốt nghiệp đại học (44.09%); chức sắc lớn tuổi, trên 50 tuổi chiếm 39,32% tổng số chức sắc được khảo sát.

Tính đến hết ngày 15 tháng 11 năm 2024, có 40 tổ chức tôn giáo thuộc 16 tôn giáo khác nhau được Nhà nước Việt Nam công nhận, với 28.065.030 tín đồ, chiếm trên 28% dân số cả nước, trong đó có 61.061 chức sắc; 144.835 chức việc, 29.921 cơ sở thờ tự [14, tr.1]. Đồng bằng sông Cửu Long là vùng nhiều chức sắc tôn giáo, có 16.209 chức sắc các tôn giáo chiếm 26,54% tổng số chức sắc tôn giáo trên cả nước. Tỷ lệ chức sắc tôn giáo toàn quốc trên tổng số tín đồ tôn giáo cả nước là $(61.061/28.065.030)$: 0,21% Tỷ lệ chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL trên tổng số tín đồ tôn giáo của vùng ĐBSCL là $(16.209/6.827.100)$: 0,23%.

Giáo sư, Tiến sĩ Đỗ Quang Hưng trong công trình nghiên cứu Nhà nước pháp quyền và tôn giáo Việt Nam của tác giả Đỗ Quang Hưng (2022), tập 1: Tôn giáo và xã hội, Tập 2: Tôn giáo và luật pháp, tập 3: Tôn giáo và Nhà nước, qua nghiên cứu tiến trình nhận thức vấn đề tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta; quá trình hình thành, phát triển của chính sách tôn giáo Việt Nam, đã viết: “Ở khu vực Nam bộ đặc biệt là vùng đồng bằng sông Cửu Long không kể những tôn giáo “đặc thù” như Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo, với hai tôn giáo lớn nhất là Phật giáo và Công giáo thì cả vùng này cũng là nơi tập trung tín đồ đông đảo nhất (2/3 của cả nước). Đạo Tin lành cũng vậy. Có thể nói, mọi “vấn đề tôn giáo” ở nước ta chủ yếu bắt nguồn từ đời sống tôn giáo ở khu vực này, nói cách khác “vấn đề tôn giáo” ở Việt Nam thường đi từ Nam ra Bắc” [52, tr.147]. Nhận định này phản ánh sâu sắc tình hình tôn giáo và chức sắc tôn giáo vùng Tây Nam Bộ.

3.2. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM

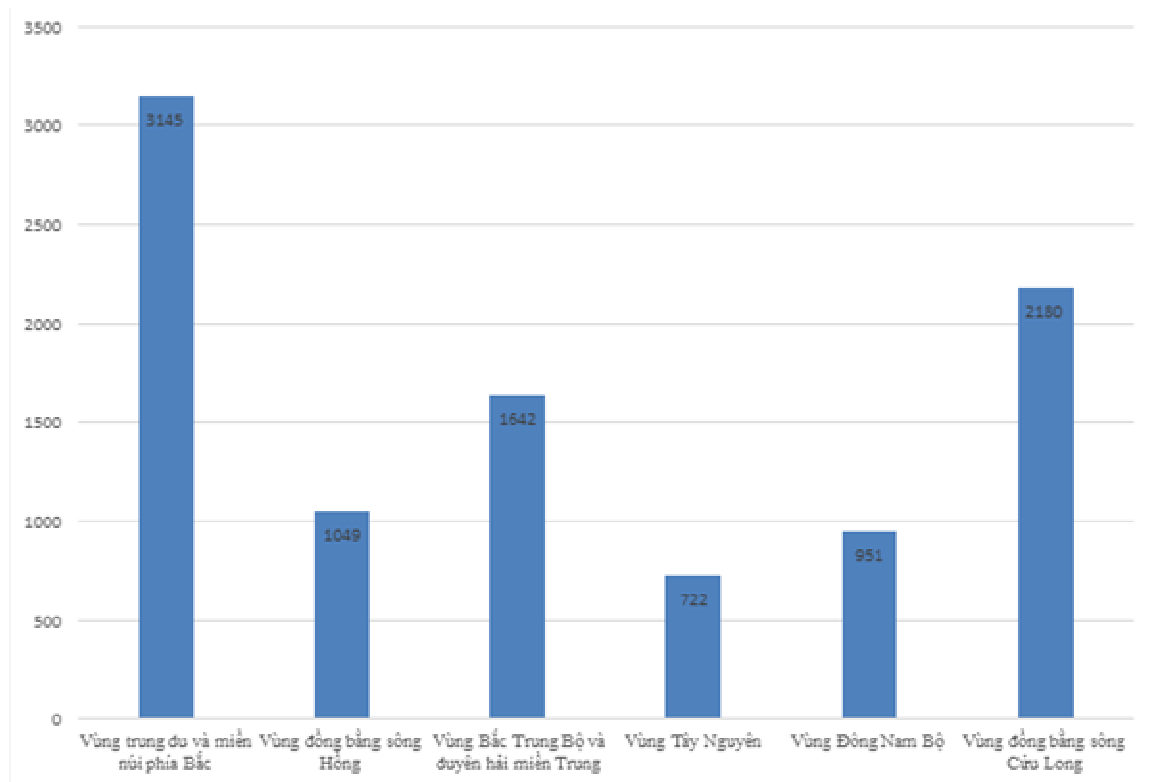
3.2.1. Ưu điểm trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam và nguyên nhân

3.2.1.1. Ưu điểm

Thứ nhất, chủ thể giáo dục pháp luật đồng đạo, hoạt động có hiệu quả

Trong những năm qua, chủ thể giáo dục pháp luật ở Việt Nam ngày càng tăng về lượng. Tính đến năm 2022, “tăng 4.557 báo cáo viên pháp luật và 34.344 tuyên truyền viên pháp luật so với năm 2013” [16, tr.16]. Qua tổng kết 10 năm (2013-2022) thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, lực lượng báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, được đánh giá hoạt động hiệu quả và tương đối hiệu quả [Phụ lục 3, Phụ lục 4]. Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh trong toàn quốc là 9689 người, trong đó: Vùng trung du và miền núi phía Bắc, 3145 người (32%); vùng đồng bằng sông Hồng, 1049 người (11%); vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, 1642 người (17%); vùng Tây Nguyên, 722 người (7%); vùng Đông Nam Bộ, 951 người (10%) vùng đồng bằng sông Cửu Long, 2180 người (23%) [16, tr.16].

Biểu đồ 3.5: Số lượng báo cáo viên pháp luật vùng ĐBSCL



Tây Nam Bộ là vùng có số lượng báo cáo viên pháp luật đông thứ 2 trong 6 vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam (sau vùng trung du và miền núi phía Bắc). Đây là lực lượng trực tiếp triển khai các hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật... Cùng với đó, là Hội đồng Phối hợp, phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng Giáo dục quốc phòng an ninh, những nhà quản lý, 148 cán bộ, công chức cấp tỉnh, chuyên gia trên các lĩnh vực liên quan đến tôn giáo về nhà ở, đất đai, giảng viên luật các nhà trường trong và ngoài tôn giáo tham gia truyền thụ pháp luật cho “tín đồ đặc biệt” vùng ĐBSCL. Lực lượng này ngày càng đông đảo, trình độ chuyên môn khá tốt. Bộ máy và nguồn nhân lực làm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo được quan tâm, kiện toàn. Nhiều trường đại học trong vùng có đào tạo chuyên ngành luật, liên kết đào tạo đại học, cao học ngành luật gia tăng (Đại học Trà Vinh, Cần Thơ, An Giang...) là nơi đáng tin cậy cung cấp những giảng viên, chuyên gia pháp lý bổ sung vào binh chủng tiên phong trong truyền đạt pháp luật đến đối tượng đặc biệt vùng Tây Nam Bộ.

Thứ hai, chức sắc tôn giáo nhiệt tình tham gia giáo dục pháp luật

Hoạt động giáo dục yêu cầu trước hết là người dạy và người học đồng hành đến mục tiêu, có sự tương tác nhau. Người giảng viên tràn đầy năng lượng, hết lòng vì nghề nghiệp, học viên tập trung tiếp thu tri thức là khởi nguồn sự thành công trong đào tạo. Là người dành tâm huyết phục vụ nhân sinh, vì xã hội an lạc, chức sắc hiểu được vai trò của kiến thức pháp luật trong hành đạo, truyền đạo và quản đạo, mong muốn có tri thức pháp luật. Qua khảo sát, đa số lãnh đạo tôn giáo chủ động, tích cực tham dự các đợt phổ biến giáo dục pháp luật 355/445 (79,77%) [Phụ lục 2]. Kết quả này, cho thấy, chức sắc tham dự khá đầy đủ các lớp học tập pháp luật do các cơ quan Nhà nước tổ chức. Đồng thời Giáo hội có sự quan tâm trong phối hợp đơn vị mở lớp triển khai các nội dung giáo dục pháp luật. Điều này phù hợp với nhận định: “Với trách nhiệm của mình, quý vị chức sắc tôn giáo đã thể hiện rõ vai trò cầu nối giữa chủ trương của Đảng, nhà nước với ý nguyện của nhân dân, gương mẫu

chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo” [10, tr.3]. Từ đó, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của các địa phương trong vùng, những vướng mắc về thủ tục hành chính, đất đai, dân số tôn giáo... được giải quyết đạt kết quả tích cực đã củng cố niềm tin vào giá trị pháp luật trong các tôn giáo.

Thứ ba, nội dung giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo được thực hiện đồng bộ, bước đầu có những kết quả tích cực; ý thức chấp hành pháp luật được nâng lên.

Một là, nội dung giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo với vai trò công dân được chú trọng.

Các chủ thể tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật bám sát quy định Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, xác định nội dung giáo dục pháp luật ưu tiên để phổ biến theo hướng ngày càng đa dạng, phong phú, phù hợp yêu cầu của cộng đồng dân cư, chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL. Trong đó tập trung vào các lĩnh vực công tác xây dựng, thi hành, bảo vệ pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp; các luật, pháp lệnh, văn bản mới sau khi được thông qua, ban hành; các quy định có liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, tôn giáo, các vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội; phổ biến pháp luật về phòng, chống dịch bệnh Covid-19; Luật tín ngưỡng, tôn giáo, bảo vệ môi trường, các điều ước quốc tế ký kết giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên; Công ước, điều ước quốc tế, các Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam đã tham gia ký kết có liên quan trực tiếp đến người dân, các tổ chức tôn giáo... [Phụ lục 1].

Hai là, nội dung giáo dục pháp luật riêng cho chức sắc tôn giáo được ban hành thành các chương trình khung áp dụng thống nhất.

Ngày 20/2/2020 Ban Tôn giáo Chính phủ ban hành Quyết định 35/QĐ-TGCP về ban hành chương trình học môn Lịch sử Việt Nam và Pháp luật Việt Nam trong các cơ sở đào tạo tôn giáo. Trong đó, môn học Pháp luật Việt

Nam có thời lượng từ 45 đến 60 tiết tùy cấp bậc học nhằm trang bị kiến thức pháp luật và xây dựng ý thức chấp hành pháp luật cho người học, chức sắc tôn giáo. Chương trình: “Giải thích được các khái niệm, thuật ngữ pháp lý, các nội dung cơ bản về hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật Việt Nam, một số ngành luật cơ bản, pháp luật Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo và có liên quan đến tôn giáo... Học viên vận dụng kiến thức đã học môn pháp luật để giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật tại cơ sở tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo và trong hoạt động tại cộng đồng dân cư; biết phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày” [11, tr.2]. Các Học viện, trường học của tôn giáo tích cực đón nhận chương trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy chức sắc, chức việc vùng DBSCL ban đầu đạt một số kết quả tích cực.

Giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo trong có Chương trình khung bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho chức sắc tôn giáo vùng DBSCL hiệu quả, thiết thực. Triển khai Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Nghị định số 139/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014: “Hàng năm, Cơ quan Thường trực Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức cấp ủy cùng cấp, Sở Nội vụ, cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 3 và tương đương đối tượng 3, chức sắc, chức việc tôn giáo, các nhà hoạt động văn hóa, xã hội, khoa học, nghệ thuật trên địa bàn năm sau, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt vào tháng 7; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng từng khóa trình Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện”. Thực hiện quy định này, Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh cấp tỉnh phối hợp các cơ quan có liên quan (Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

Quân sự, Công an, Cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh, Trường Chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc...) đề xuất UBND mở các lớp Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho chức sắc, chức việc tôn giáo, thời gian bồi dưỡng: 04 ngày làm việc với cấu trúc khung chương trình theo Thông tư số: 172/2020/TT-BQP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ Quốc phòng, gồm:

“Cấu trúc chương trình:

TT	Nội dung
1	Quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân
2	Quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hoá, tư tưởng trong tình hình mới
3	Quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về dân tộc, tôn giáo gắn với quốc phòng, an ninh trong tình hình mới
4	Phòng, chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam
5	Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng
6	Nội dung cơ bản của Luật: Quốc phòng, An ninh quốc gia, An ninh mạng, Nghĩa vụ quân sự, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Dân quân tự vệ, Biên giới quốc gia, Biển Việt Nam; Lực lượng Dự bị động viên
7	Nội dung cơ bản của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo
8	Một số vấn đề về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và hoạt động đối ngoại trong tình hình mới
9	Tham quan thực tế tại đơn vị quân đội hoặc di tích lịch sử

Chương trình khung này là khối lượng kiến thức bắt buộc cho đối tượng bồi dưỡng, các cơ sở bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh căn cứ vào nội dung, chương trình để xây dựng chương trình chi tiết, phân bổ

thời gian từng chuyên đề một cách phù hợp trong tổng số thời gian bồi dưỡng đã quy định”.

Từ năm 2017 đến 6/2023 Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh các tỉnh vùng ĐBSCL đã tham mưu UBND giảng dạy pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo qua các lớp Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho 2.728 chức sắc các tôn giáo, cụ thể như sau:

Bảng 3.2: Số lượng chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL được Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh

TT	Năm	Chỉ tiêu	Lớp	Quân số	Đạt %	Ghi chú
1	2017	596	13	594	99,66	
2	2018	392	6	386	98,46	
3	2019	527	8	529	100,37	
4	2020	195	4	196	100,51	
5	2021	223	1	65	29,14	Dịch Covid 19
6	2022	175	3	156	89,14	Dịch Covid 19
7	Đến 6/2023	620	1	250	40,32	
	Cộng	2.728	36	2.176	79,76	

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo công tác Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho chức sắc, chức việc tôn giáo của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các tỉnh vùng ĐBSCL từ năm 2017 đến tháng 6/2023.

Qua các lớp học, các vị chức sắc đều khẳng định đã giúp họ nhận thức sâu sắc hơn, nâng cao kiến thức cơ bản về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, vai trò của pháp luật với tôn giáo. Qua tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho các chức sắc các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL, Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo (gồm đại diện của cơ quan Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Mặt trận Tổ quốc...) và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, ban ngành, tổ chức tôn giáo liên quan, bảo đảm lớp học diễn ra hiệu quả thiết thực. Đây là việc làm mới, sáng tạo trong vận hành cơ chế phối hợp tuyên truyền, báo cáo tri thức pháp luật cho đội ngũ rường cột các tôn giáo [105].

Giáo dục pháp luật chuyên đề cho chức sắc tôn giáo được quan tâm thực hiện

Giáo dục pháp luật chuyên đề các cơ quan Nhà nước, tổ chức tôn giáo đặc biệt quan tâm. Chỉ tính riêng: “Trong năm 2023, Bộ Nội vụ đã chỉ đạo Ban Tôn giáo Chính phủ tổ chức 12 hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho 3.420 đại biểu là chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; 03 hội nghị tập huấn kỹ năng thông tin, tuyên truyền cho 750 đại biểu là chức sắc, chức việc các tôn giáo ở địa phương. Cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo các tỉnh, thành phố đã tham mưu với UBND tỉnh, thành phố tổ chức 1306 hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho 144.181 chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo” [14, tr.14]. Ở ĐBSCL, năm 2023, Trà Vinh: với đặc thù chức sắc Phật giáo Nam tông đa số là người Khmer, nên tỉnh: “Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật bằng tiếng Khmer trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm giúp đồng bào nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước... phổ biến các nội dung về lịch sử vùng đất Nam Bộ của Việt Nam” [33, tr.115-117]; tại An Giang tuyên truyền pháp luật cho chức sắc tôn giáo về biên giới quốc gia từ thực hiện Đề án “Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới”...

Ba là, ý thức chấp hành pháp luật của chức sắc tôn giáo có bước chuyển biến tích cực.

Giáo dục pháp luật là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong việc tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật. Với sự nỗ lực và cố gắng của các cấp, các ngành, hoạt động giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL đã có những chuyển biến tích cực, góp phần xây dựng ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của chức sắc, tín đồ các tôn giáo. Hòa cùng đối tượng và bình đẳng mọi công dân trong tham gia, tiếp nhận kiến thức qua các hoạt động giáo dục pháp luật, chức sắc

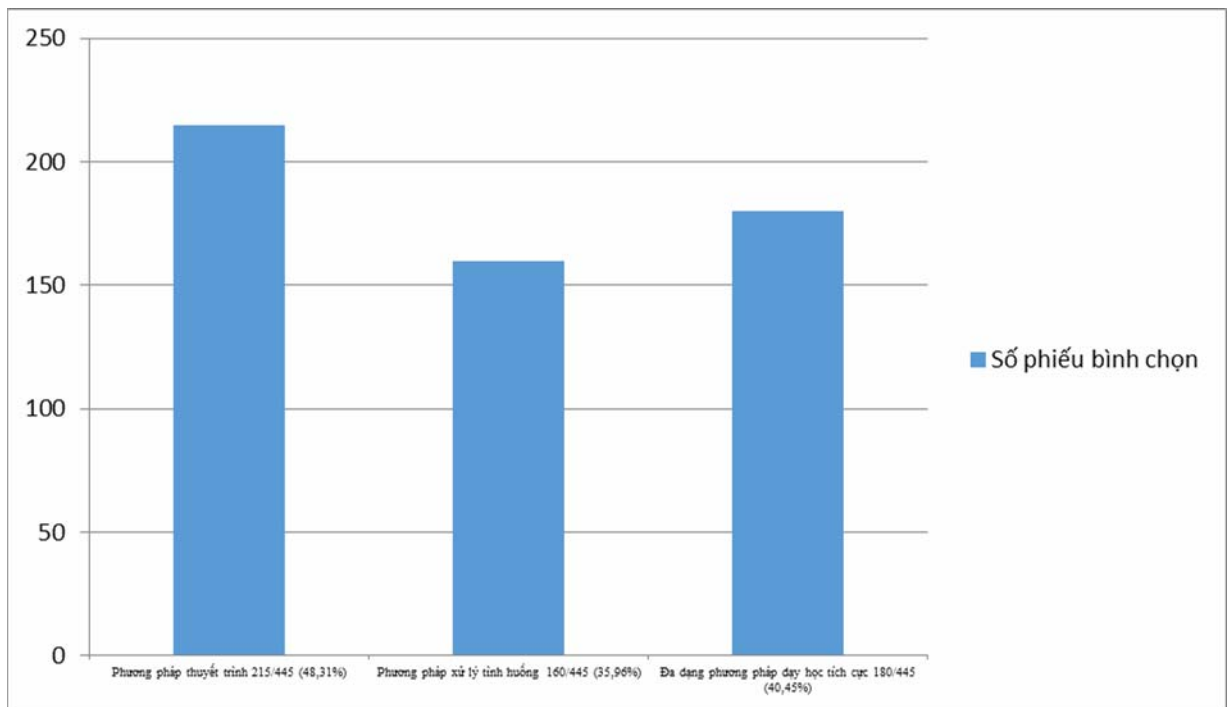
tôn giáo góp phần nâng cao ý thức pháp luật trong quần chúng Nhân dân. Qua đó: “Thể chế, chính sách về phổ biến, giáo dục pháp luật từng bước được hoàn thiện. Ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân có bước chuyển biến tích cực, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân, an ninh trật tự và phát triển kinh tế - xã hội” [6, tr.1]. Từ đó góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và cơ đồ Việt Nam sau 40 năm đổi mới: “Tư duy xây dựng pháp luật có nhiều đổi mới; hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện đồng bộ hơn. Công tác tổ chức thực hiện pháp luật có nhiều tiến bộ” [31, tr.59].

Thứ tư, đa dạng về hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật

Với các hình thức mở lớp đào tạo, bồi dưỡng, hội nghị tập huấn chuyên sâu về các chủ đề pháp luật cho lãnh đạo các tôn giáo...nhiều phương pháp được chủ thể thực hiện như: Thuyết trình, 195/445 (43,82%); phương pháp tình huống 130/445 (29,21%); đa dạng hóa phương pháp dạy học tích cực 195/445 (43,82%). Các lớp tuyên truyền giảng pháp luật diễn ra theo định kỳ 6 tháng hoặc một năm/lần, 175/445 (39,32%), chỉ tổ chức mỗi khi có văn bản pháp luật mới 200/445 (44,94%), tổ chức theo yêu cầu, đề nghị tôn giáo, 70/445 (15,73%) [Phụ lục 2]. Trong các phương pháp trên, thuyết trình, đa dạng về phương pháp dạy học tích cực là phổ biến nhất vùng ĐBSCL. Hiện nay thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Chính Phủ ban hành Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030”, tạo tiền đề hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo

đã được số hóa, ứng dụng khoa học công nghệ mới, thực hiện trên các nền tảng, phần mềm trong chuyển đổi số đạt kết quả tích cực. Tiêu biểu như giảng dạy pháp luật, đào tạo chức sắc, chức việc bằng hình thức trực tuyến tại Học viện Cao Đài Tiên Thiên (Vĩnh Long), hình thành kho dữ liệu số phổ biến, giáo dục pháp luật dùng chung cho chức sắc các tôn giáo...

Biểu đồ 3.6: Phương pháp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo



Nguồn: [Phụ lục 1].

Thứ năm, các điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật đạt được một số kết quả tích cực.

Một là, điều kiện bảo đảm về chính trị hiện thực hóa hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL. Chính tiền đề chính trị là động lực lãnh đạo tôn giáo tham gia vào hệ thống chính trị, phối hợp chặt chẽ với chính quyền giải quyết tốt hoạt động truyền thụ pháp luật cho chức sắc, tín đồ tôn giáo. Trong đợt bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, có 6.245 chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo trúng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp, trong đó có 5 đại

biểu Quốc hội (ĐBSCL có 01 đại biểu) [10, tr.4]. Đây là lực lượng, chủ thể giáo dục pháp luật không chuyên trách cho đội ngũ chủ chốt trong tôn giáo.

Hai là, pháp luật tạo nền tảng pháp lý vững chắc để khởi động, vận hành các yếu tố cấu thành hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL, như hoàn thiện chương trình, giáo trình, tài liệu học tập pháp luật, pháp luật Việt Nam phục vụ trực tiếp cho công tác giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo theo phương châm kết hợp nhuần nhuyễn lý luận với thực tiễn, giáo dục với vận động chức sắc tôn giáo thực hiện tốt các quy định pháp luật trong hoạt động tôn giáo.

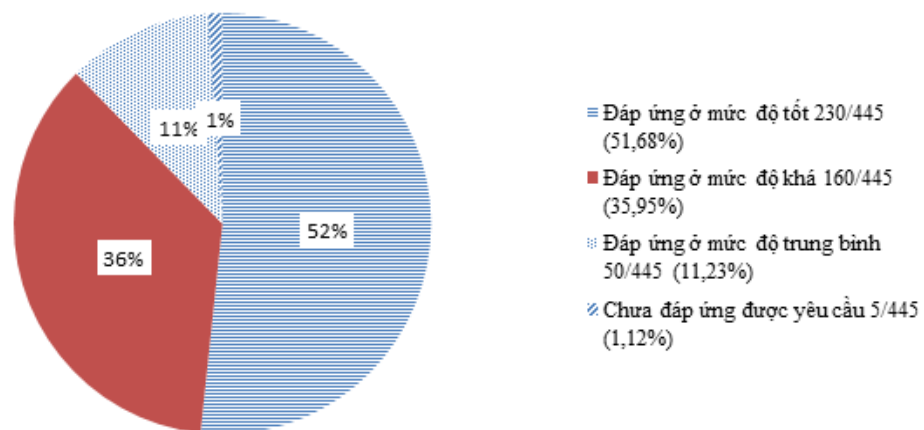
Ba là, nguồn lực bước đầu có sự phát triển mới, cơ chế phối hợp giữa các chủ thể trong giáo dục pháp luật được thực hiện. Nguồn nhân lực có sự gia tăng số lượng, chất lượng, ngày càng có nhiều báo cáo viên, giảng viên dạy môn pháp luật của các viện, trường được chuẩn hóa, cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục pháp luật.

Đội ngũ chức sắc các tôn giáo vùng ĐBSCL đông đảo về số lượng, nỗ lực cao vì “tốt đời, đẹp đạo”, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, tích cực tham gia nhiều hình thức chuyển tải pháp luật vào sinh hoạt tôn giáo. Nhiều cơ sở đào tạo của các tổ chức tôn giáo ra đời như: Trường Trung cấp Phật giáo Hòa Hảo (2020), Học viện Cao Đài Tiên Thiên (2022)... khánh thành Trai đường vào năm 2023, phục vụ tăng sinh ăn nghỉ, học tập thuộc Học viện Phật giáo Nam tông Khmer, khởi công xây dựng Tòa Thánh Cao Đài Ban chính (2024)... Bên cạnh đó, việc xem xét giao đất, cấp đất cho các tôn giáo đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của chức sắc, tín đồ cũng được giải quyết kịp thời.

Cơ chế phối hợp trong giáo dục pháp luật giữa các cá nhân, tổ chức theo chức trách được thực hiện theo đúng pháp luật. Hàng năm các cơ quan chức năng, tổ chức có thẩm quyền đều xây dựng kế hoạch triệu tập chức sắc dự các lớp trang bị kiến thức pháp luật mới, nhất là các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, cơ bản tạo được sự đồng thuận giữa chính quyền và chức sắc các tôn giáo ở vùng ĐBSCL.

Chính những ưu điểm trên, giúp lực lượng trụ cột trong các tôn giáo tiếp nhận nội dung kiến thức pháp luật từ những quy định của Hiến pháp và văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật *mới* được ban hành; nội dung giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; giáo dục pháp luật pháp luật về quốc phòng, an ninh; giáo dục pháp luật theo các chuyên đề... giáo dục về ý thức chủ động tìm hiểu pháp luật, tuân thủ pháp luật, xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật đáp ứng khá tốt yêu cầu giải quyết các vấn đề pháp luật trong thực tiễn hoạt động tôn giáo và cuộc sống cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

Biểu đồ 3.7: Mức độ những kiến thức, hiểu biết pháp luật mà chức sắc tôn giáo tiếp nhận được qua phổ biến, giáo dục pháp luật đã đáp ứng yêu cầu giải quyết các vấn đề pháp luật trong thực tiễn hoạt động tôn giáo và cuộc sống của Quý chức sắc vùng ĐBSCL



Nguồn: [Phụ lục 2].

3.2.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

Thứ nhất, các cấp chính quyền ban hành và thực hiện các kế hoạch giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật cho chức sắc đúng quy định pháp luật.

Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo sâu sát, đúng trọng tâm, trọng điểm, khi xây dựng và thực hiện các kế hoạch giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo. Cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở trung ương, cấp tỉnh, các Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật, Hội

đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tỉnh, phối hợp với các chủ thể giáo dục pháp luật thường xuyên nắm vững tình hình tôn giáo ở địa phương, nhất là nhận rõ và dự báo chính xác hoạt động của các tổ chức, nhóm tôn giáo phức tạp, hoạt động không theo hiến chương, điều lệ của giáo hội, không đúng pháp luật,... ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh, như: hoạt động của tà đạo, vi phạm pháp luật về đất đai, xây dựng công trình tôn giáo, truyền chuyển, bổ nhiệm chức sắc không đúng quy định... Từ đó, các cơ quan tham mưu chủ động đề xuất các cấp chính quyền xây dựng các kế hoạch giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo sát với yêu cầu thực tiễn. Điều tra xã hội học có đến 290/445 (65,16%) báo cáo viên, giảng viên pháp luật vùng ĐBSCL thống nhất nguyên nhân này [Phụ lục 1] và 280/445 (62,92%) chức sắc tôn giáo cùng nhận định trên [Phụ lục 2].

Thứ hai, đội ngũ báo cáo viên, giảng viên pháp luật tích cực, nhiệt tình trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

Các tỉnh, thành vùng ĐBSCL đã ban hành quyết định kiện toàn thành viên trong Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật và Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh cấp tỉnh. Cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo tham mưu, tư vấn cho Hội đồng, Cơ quan hành chính có thẩm quyền chung cấp tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo đối với chức sắc, chức việc, nhà tu hành, nhân sỹ các tôn giáo trong phạm vi quản lý của tỉnh. Một số thành viên của hai Hội đồng này là những chuyên gia pháp lý, báo cáo viên, giảng viên pháp luật của các trường chính trị, các viện, trường có nhiều tâm huyết, là lực lượng nòng cốt trong triển khai các hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo. Đây là chủ thể giáo dục pháp luật có kiến thức pháp luật, phương pháp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo. Kết quả khảo sát, có 250/445 (56,17%) Báo cáo viên, giảng viên pháp luật và 235/445 (52,8%) chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL thống nhất nguyên nhân này [Phụ lục 1, 2].

Thứ ba, chức sắc trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật đáp ứng hoạt động giáo dục pháp luật.

Từ hoạt động của Giáo hội, cuộc sống, chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL tự đánh giá về trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật của bản thân như sau: Hiểu biết tương đối đầy đủ về hệ thống pháp luật hiện hành 155/445 (34,83%); Hiểu biết nội dung cơ bản một số lĩnh vực pháp luật liên quan đến hoạt động tôn giáo như: Hiến pháp, luật Hình sự, Dân sự, Lao động, Hôn nhân - Gia đình, Đất đai, Xây dựng 85/445 (19,11%); Chỉ biết một số quy định của pháp luật có liên quan trực tiếp đến tín ngưỡng, tôn giáo 205/445 (46,06%) [Phụ lục 2]. Vì vậy từ nền kiến thức pháp luật, chức sắc nhiệt thành tham gia giáo dục pháp luật, sẵn sàng dùng trụ sở, cung cấp nhân sự, tài chính, tài liệu... liên hệ với chính quyền mở nhiều lớp bồi dưỡng pháp luật cho lực lượng lãnh đạo tôn giáo.

Thứ tư, có sự đổi mới trong ban hành, tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật về các điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

Đảng, Nhà nước tập trung cao trong ban hành các chủ trương, đường lối, pháp luật phát triển đất nước gắn liền với triển khai thực hiện trong cuộc sống. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định rõ phương hướng đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ trong ban hành, tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật về các điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo nói riêng, đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, trong đó có nhiệm vụ đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong tình hình mới. Từ đó các quyết sách lớn của đất nước được thực hiện, tạo điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn

giáo đạt hiệu quả cao nhất, điển hình là sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 2013 đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy, thành lập Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Sở Dân tộc và Tôn giáo nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực đời sống xã hội nói chung, quản nhà nước, điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo nói riêng.

3.2.2. Hạn chế, khó khăn trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam và nguyên nhân

3.2.2.1. Hạn chế, khó khăn

Thứ nhất, giáo dục pháp luật cho chức sắc chưa được quan tâm đúng mức, một số cơ quan, tổ chức chưa xác định, đây là “một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị”, thậm chí còn nhiều ý kiến cho rằng đây là hoạt động của Cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo các cấp.

Đảng Cộng sản Việt Nam: “Xác định rõ phổ biến, giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng” [4], “Phổ biến, giáo dục pháp luật là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt” [67]. Đây không những là chủ trương, đường lối, quy định pháp luật quan trọng về giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo nói riêng, mà còn thể hiện sự quan tâm đặc biệt, sâu sắc của Đảng, Nhà nước ta đến nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, làm cho chức sắc, tín đồ các tôn giáo hoạt động đúng pháp luật.

Tuy nhiên, bên cạnh việc các cấp chính quyền, ban hành và thực hiện các kế hoạch giáo dục pháp luật theo pháp luật, vẫn còn có cơ quan, tổ chức chưa quan tâm đúng mức đến công tác giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long. Qua điều tra xã hội học, báo cáo viên, giảng viên pháp luật vùng ĐBSCL, dù nhận thức giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, tỷ lệ phiếu rất cao, với 340/445 (76,4%), nhưng vẫn có ý kiến cho rằng

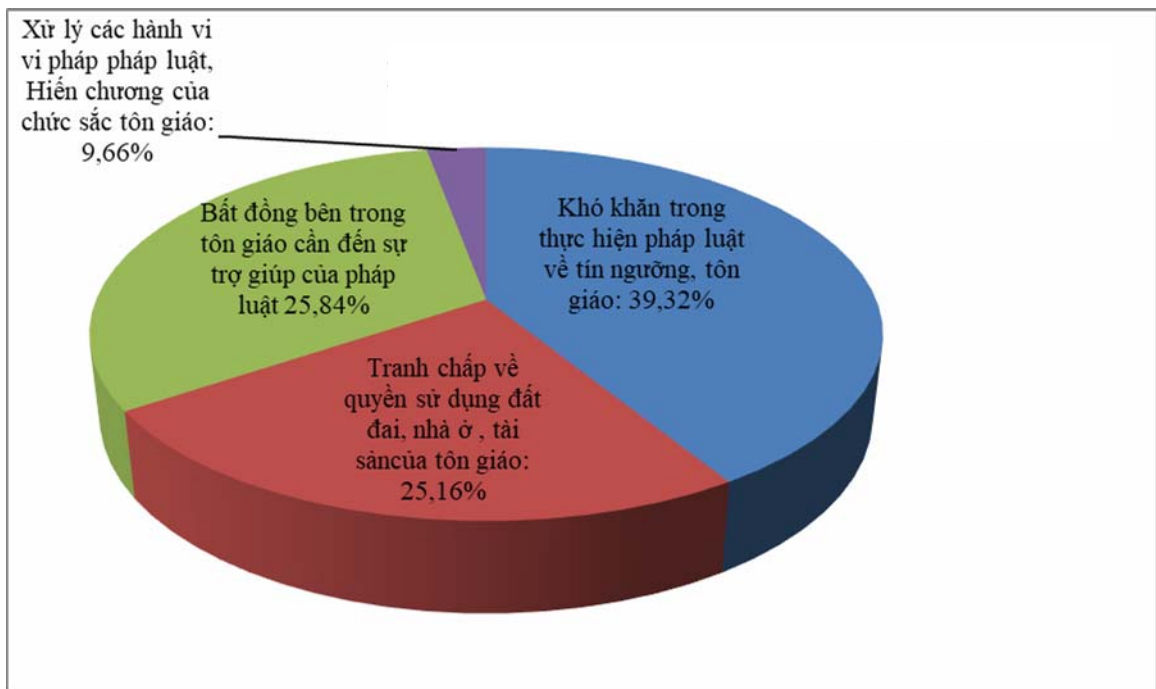
đây là trách nhiệm riêng của Cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh, với 60/445 phiếu (13, 4%) [Phụ lục 1]; chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL cho rằng hoạt động này là trách nhiệm riêng của Cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh, với 330/445 phiếu khảo sát, chiếm 74,15% [Phụ lục 2].

Thứ hai, một số chức sắc hoạt động tôn giáo chưa đúng quy phạm pháp luật, quy phạm tôn giáo ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục pháp luật, nhất là giáo dục pháp luật cho chức sắc, tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer. Năm 2021 dù tình hình đại dịch Covid 19 diễn ra gây thiệt hại lớn về sức khỏe trong cộng đồng, nhưng ĐBSCL vẫn có 01 Giáo xứ vi phạm quy định về phòng, chống dịch Covid -19 [8, tr6]. Năm 2022: “ Một số sư sãi cực đoan trong Phật giáo Nam tông Khmer tại Vĩnh Long đã cử người “ giám sát” việc chính quyền tỉnh Vĩnh Long tổ chức “ Ngày hội văn hóa của người Khmer”, nếu phát hiện các hoạt động không đúng với văn hóa truyền thống của người Khmer thì phản đối” [8, tr12]. Năm 2023, một số đối tượng phản động ở nước ngoài câu kết phần tử bất mãn vùng Tây Nam Bộ tổ chức tặng quà, tặng áo in hình cờ tổ chức phản động, lưu vong ở nước ngoài: KKF (Khmers Kampuchea-Krom Federation) trái quy định pháp luật Việt Nam cho người dân ở Trà Vinh, Sóc Trăng [8,tr11]. Năm 2024, “Tại Tây Nam Bộ: Tình hình Phật giáo Nam tông Khmer tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp. Tại Vĩnh Long, Công an tỉnh Vĩnh Long và Công an huyện Tam Bình (Vĩnh Long) đã khởi tố bị can, bắt tạm giam đối với 08 đối tượng liên quan đến vụ việc tại chùa Đại Thọ (Tam Bình, Vĩnh Long) để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật; tại Trà Vinh, số đối tượng cực đoan tiếp tục lợi dụng mạng xã hội Facebook để xuyên tạc, vu cáo Việt Nam đàn áp “người Khmer Krom...” [14, tr.10].

Qua phát phiếu thu thập thông tin những vấn đề ảnh hưởng trực tiếp hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL hiện nay đang nổi lên là khó khăn trong thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo 175/445 (39,32%); Bất đồng bên trong tôn giáo cần đến sự trợ giúp của pháp luật:

115/445 (25,84%); Tranh chấp quyền sử dụng đất đai, nhà ở, tài sản của tôn giáo: 112/445 (25,16%); Xử lý các hành vi vi pháp pháp luật, hiến chương của chức sắc tôn giáo (do một số chức sắc vi phạm pháp luật, Hiến chương, Điều lệ của tôn giáo) 43/445 (9,66%), như biểu đồ:

Biểu đồ 3.8: Khó khăn của chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL cần pháp luật giải quyết



Nguồn: [Phụ lục 2].

Qua Báo cáo tổng kết tình hình, công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2025, cho thấy: “Công tác đấu tranh, xử lý đối với hoạt động sai phạm của các chức sắc tôn giáo, các đối tượng cực đoan trong tôn giáo còn thiếu hiệu quả; hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới, hiện tượng liên quan đến tín ngưỡng, tâm linh đang diễn ra phức tạp, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước...hoạt động tôn giáo trên không gian mạng khó quản lý và tiềm ẩn phức tạp về an ninh, trật tự...” [14, tr.21].

Từ thực trạng trên, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động lan tỏa nội dung pháp luật vào một số cá nhân trong hàng giáo phẩm của các tôn giáo vùng ĐBSCL.

Thứ ba, thực hiện từ chương trình khung giáo dục pháp luật còn nhiều khó khăn, bất cập.

Một là, nội dung giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và bộ môn pháp luật Việt Nam trong các Giáo hội thời gian thực hiện ngắn, chưa tổng kết được hiệu quả từ thực tiễn giáo dục pháp luật.

“Tính đến tháng 02 năm 2021, các tôn giáo ở Việt Nam có 62 cơ sở đào tạo chức sắc với trên dưới 10.000 học viên đang theo học. Cụ thể:

- Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 47 cơ sở đào tạo, trong đó có 04 Học viện Phật giáo (Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội; Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế; Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh và Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại Cần Thơ); 01 trường Trung, Cao đẳng Phật học; 34 trường Trung cấp Phật học; 08 lớp Cao đẳng Phật học.

- Giáo hội Công giáo Việt Nam có 12 cơ sở đào tạo, gồm: 01 Học viện Công giáo Việt Nam; 01 Học viện Thần học Thánh Phêrô Lê Tuy tại Tổng Giáo phận Hà Nội và 10 Đại Chủng viện (Đại Chủng viện Thánh Giuse Hà Nội; Đại Chủng viện Thánh tâm Thái Bình; Đại Chủng viện Đức Mẹ Vô nhiễm Bùi Chu (Nam Định); Đại Chủng viện Vinh Thanh (Nghệ An); Đại Chủng viện Huế (Thừa Thiên - Huế); Đại Chủng viện Sao Biển Nha Trang (Khánh Hòa); Đại Chủng viện Thánh Giuse TP. Hồ Chí Minh; Đại Chủng viện Thánh Quý (Cần Thơ); Đại Chủng viện Thánh Giuse Xuân Lộc và Cơ sở 2 Đại Chủng viện Thánh Giuse Xuân Lộc tại Đà Lạt).

- Các Hội thánh Tin lành có 04 cơ sở: Viện Thánh kinh Thần học TP. Hồ Chí Minh thuộc Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam); Trường Kinh thánh Hà Nội của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc); Trường Kinh thánh Đà Nẵng của Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam; Trường Kinh thánh của Hội thánh Cơ đốc Phục lâm Việt Nam.

- Các Hội thánh Cao Đài có 01 cơ sở đào tạo là Học viện Truyền giáo Cao Đài tại Đà Nẵng (hiện các Hội thánh Cao Đài trong nhóm “Liên giao

hành đạo” đang xúc tiến việc thành lập Học viện Cao Đài tại Bến Tre nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo chức sắc, chức việc cho các Hội thánh).

- Phật giáo Hòa Hảo có 01 cơ sở là Trường Trung cấp Phật giáo Hòa Hảo tại An Giang” [12, tr.16].

Riêng ĐBSCL có 20 cơ sở đào tạo của tôn giáo (Cần Thơ: 03; Sóc Trăng 03; Bến Tre 02; Long An 02; Bạc Liêu 02; An Giang 02; Trà Vinh 02; Kiên Giang 01; Vĩnh Long 01; Tiền Giang 01; Đồng Tháp 01), trong đó:

Phật giáo có Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại Cần Thơ và 16 cơ sở đào tạo đặt tại địa bàn các tỉnh, thành phố.

Công Giáo có Đại Chủng viện Thánh Quý đặt ở Cần Thơ.

Cao Đài 01 có Học viện Cao Đài Tiên Thiên đặt ở Bến Tre.

Phật giáo Hòa Hảo có Trường Trung cấp Phật giáo Hòa Hảo tại An Giang.

Bắt đầu từ năm 2021, Ban Tôn giáo Chính phủ phối hợp với các tỉnh, thành phố liên quan chuyển giao hai tập bài giảng môn học lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam cho các cơ sở đào tạo tôn giáo vùng ĐBSCL, chưa đủ thời gian để đánh giá toàn diện hiệu quả đào tạo ở nội dung giáo dục pháp luật này.

Hai là, giáo dục pháp luật chuyên đề được quan tâm, nhưng chủ yếu theo mô hình “Đẩy”, chưa phát huy lực lượng cốt cán trong tôn giáo tham gia giáo dục pháp luật.

Thời gian những năm gần đây, đặt ra nhiều vấn đề mới như đối ngoại tôn giáo, truyền giáo trên không gian mạng... một số tổ chức tôn giáo vùng ĐBSCL có nhu cầu cùng với chính quyền triển khai các chuyên đề mới này cho lực lượng truyền giáo, tín đồ các tôn giáo. Song nhìn chung, các lớp học này thực hiện chưa nhiều. Lấy ý kiến khảo sát, có đến 190/445 (42,69%) chức sắc tôn giáo đề xuất mở các lớp tập huấn chuyên sâu, sau đó, họ sẽ trực tiếp phổ biến lại cho người dân giáo dân (giáo dục pháp luật chuyên đề) [Phụ lục 2], trong khi đó, chỉ có 130/445 (29,21%) báo cáo viên, giảng viên

pháp luật đề xuất hình thức giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo này [Phụ lục 1].

Thứ tư, các điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật chưa ngang tầm nhiệm vụ.

Một là, điều kiện đảm bảo về pháp lý có quy định chưa đồng bộ.

Luật phổ biến, giáo dục pháp luật không quy định chức sắc tôn giáo là “*cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư*” như Luật giáo dục quốc phòng và an ninh. Do vậy, khi lực lượng cốt cán trong tôn giáo dự tập huấn, bồi dưỡng về pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định do Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh mở lớp thì chế độ chính sách cho người dạy, người học hoàn toàn khác với các lớp do Hội đồng phối hợp, phổ biến giáo dục pháp luật triệu tập. Đến nay (2025), Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Dân Tộc và Tôn giáo chưa có phối hợp đề xuất các cơ quan có thẩm quyền xác định: Chức sắc tôn giáo là “*cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư*” trong các văn bản quy phạm pháp luật để có sự đồng bộ trong tổ chức thực hiện giáo dục pháp luật, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho chức sắc tôn giáo.

Điều 55 Luật tín ngưỡng, tôn giáo quy định tổ chức tôn giáo: “Được tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo theo quy định của pháp luật có liên quan”[70]. Song quy định này chưa được cụ thể hóa để các tổ chức tôn giáo thực hiện, trong đó có điều kiện đảm bảo về pháp lý cho chức sắc tôn giáo tham gia hoạt động giáo dục pháp luật, thực hiện mô hình “Kéo” trong giáo dục pháp luật.

Hai là, nguồn lực chưa đáp ứng tốt hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

Lực lượng trực giảng dạy pháp luật ở ĐBSCL có tăng về lượng, nâng cao về chuẩn, chất, song người làm trực tiếp truyền giảng pháp luật cho chức sắc tôn giáo còn thiếu, nhiều địa phương phải thỉnh giảng chuyên gia ngoài

tỉnh, ngoài vùng thực hiện... Mặt khác chưa có lực lượng giảng viên, báo cáo viên chuyên trách đảm nhận nhiệm vụ chính này. Đây là lĩnh vực công tác, Sở Dân Tộc và Tôn giáo, Sở Tư pháp các tỉnh, thành vùng ĐBSCL chưa có công chức cán bộ chuyên quản.

Giáo dục pháp luật cho chức sắc Phật giáo Nam tông Khmer chưa mang tính hệ thống, thiếu nhân lực, vật lực. Phối hợp giữa các chủ thể, tổ chức tôn giáo trong giáo dục pháp luật là điều kiện đảm bảo trong giáo dục pháp luật. Tuy nhiên trên thực tế sự phối hợp chưa đồng bộ, chặt chẽ trong việc thống nhất nội dung pháp luật Việt Nam trong đào tạo sư sãi Phật giáo Nam tông Khmer [63; tr 45]. Toàn vùng chỉ có 3 cơ sở đào tạo biệt lập với cơ sở thờ tự của Phật giáo Nam tông Khmer. Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại thành phố Cần Thơ, là nơi đào tạo kiến thức tăng sinh Khmer ở cấp Cử nhân Phật học Pali - Khmer cho sư sãi Phật giáo Nam tông Khmer các tỉnh thành Nam Bộ. Công trình được khởi công vào ngày 25/3/2017, tổng diện tích xây dựng gồm 6,7ha, 19 hạng mục: Chánh điện, khu hiệu bộ, giảng đường, thư viện, tăng xá, nhà trưng bày... tạo môi trường tu học, ứng dụng, hành trì các pháp môn trong đạo Phật đáp ứng nguyện vọng của chức sắc, tăng sinh. Đây là Học viện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Tăng sinh theo học tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer không nhiều, khóa 1 có 69 tăng sinh, khóa 2 có 29 tăng sinh... Thực tiễn, Học viện Phật giáo Nam tông Khmer: (i) Đội ngũ giảng sư còn thiếu và yếu, đội ngũ giảng sư chủ yếu là các vị sư tu đã lâu năm giảng dạy, bằng cấp chứng nhận chủ yếu là Trung cấp Pali; đội ngũ giảng dạy thường xuyên (biên chế cố định) còn ít; đa số giảng sư chưa được đào tạo chuyên nghiệp, ít qua nghiệp vụ sư phạm... (ii) thiếu trang thiết bị dạy học... (iii) Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với các cơ quan chức năng để xây dựng chương trình thống nhất của hai môn lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam trong giảng dạy [63, tr.39-45].

Trường Bồ tát Văn hóa trung cấp Pali Nam Bộ được thành lập từ năm 1994 tại Sóc Trăng là cơ sở giáo dục dành cho các tầng sinh Khmer trong khu vực ĐBSCL với các môn học theo chuẩn của Luật Giáo dục từ lớp 6 đến lớp 12. Đồng thời, nhà trường giảng dạy cho tầng sinh Khmer ở trình độ trung cấp các môn Ngữ văn Khmer và Pali. Trường rộng gần 10.000m², gồm: Khu hiệu bộ, nhà học - thí nghiệm, ký túc xá, nhà ăn, thư viện... Cán bộ, giáo viên, nhân viên của Trường có 45 người, trong đó giáo viên giảng dạy là 21 người. Hàng năm, trường tuyển sinh từ 50 - 70 tầng sinh với tiêu chuẩn là phải tốt nghiệp Pali sơ cấp. Các học viên khi được xét tuyển vào học trong trường đều được hưởng chế độ theo chính sách của Đảng, Nhà nước như học sinh dân tộc nội trú. Khi học viên tốt nghiệp được cấp các văn bằng lớp 12, trung cấp Pali, giấy chứng nhận lớp 12 tiếng Khmer.

Trung cấp Pali - Khmer tỉnh Trà Vinh được thành lập và tổ chức giảng dạy từ tháng 8/2014, hiện được giao nhiệm vụ đào tạo trung cấp Pali. Trường rộng 0,3 ha, các hạng mục chính, gồm: Khu học chính, khu phụ trợ, ký túc xá, thư viện, đủ chỗ cho hơn 150 tầng sinh, học sinh sinh hoạt, học tập. Hiện nay, trường có 24 cán bộ, giáo viên và nhân viên, trong đó, có 5 người trình độ Thạc sĩ. Năm học 2022 - 2023, tổng số tầng sinh, học sinh là 105 học viên.

Tầng sinh khi tốt nghiệp chương trình trung cấp Pali đều được trang bị kiến thức pháp luật trong chương trình đào tạo. Tầng sinh học tại Trường Bồ tát Văn hóa trung cấp Pali Nam Bộ và Trung cấp Pali - Khmer tỉnh Trà Vinh được hưởng chính sách đào tạo tại trường dân tộc nội trú dành riêng cho con em người dân tộc Khmer, văn bằng tốt nghiệp có giá trị trong hệ thống giáo dục quốc dân, được học tiếp lên Cử nhân Phật học. Nếu tầng sinh Khmer học Cử nhân Phật học tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer thì không được hưởng chính sách của hệ thống trường dân tộc nội trú, văn bằng tốt nghiệp không thuộc văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân, vì vậy rất ít tầng sinh tốt nghiệp Trung cấp Pali về học tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer.

Đồng thời, vùng ĐBSCL, vấn đề cần đặc biệt quan tâm vấn đề tôn giáo xuyên biên giới, du học, đào tạo chức sắc ở nước ngoài của chức sắc Phật giáo Nam tông Khmer và cộng đồng Islam giáo. Thực tiễn một số tu sĩ Phật giáo Nam tông đi tu học ở nước ngoài về địa phương có hành vi vi phạm giáo luật, xuyên tạc lịch sử đất và người Nam bộ... Phật giáo Nam tông không chỉ gắn bó chặt chẽ với người Khmer vùng ĐBSCL mà còn có mối quan hệ với hệ thống tổ chức Phật giáo Nam tông ở Thái Lan và Campuchia. Nhiều chức sắc đi du học ở các nước có truyền thống Phật giáo Nam tông. Quốc gia mà chủ trương du học là Campuchia, Thái Lan, Myanmar, Ấn Độ..., nhiều nhất là Campuchia. Thời gian gần đây, những phần tử xấu kích động tu sĩ học nước ngoài về có những phát ngôn, hành động dễ gây chia rẽ khối đoàn kết dân tộc ở vùng ĐBSCL. “Cộng đồng Islam giáo ở TNB chủ yếu ở khu vực An Giang và các vùng phụ cận, tập trung trong đồng bào người Chăm. Mối quan hệ của người Chăm Islam ở TNB chủ yếu với cộng đồng Islam ở Malaysia, Indonesia, Arab Saudi, Liên hiệp Islam giáo thế giới,... tuy nhiên, đối với cộng đồng Islam giáo ở TNB lại ít có vấn đề chính trị mà chủ yếu là được đầu tư đi học Đạo do một số tổ chức như Trường Đại học quốc tế Islam giáo ở Malaysia (International Islamic University of Malaysia), hay Ngân hàng phát triển Islam giáo thế giới (IDB)” [103, tr.199]. Thực tiễn này đòi hỏi chính quyền cần sự quan tâm hơn trong đào tạo, bồi dưỡng lại kiến thức pháp luật, lịch sử vùng đất Nam Bộ; hỗ trợ và quản lý chương trình đào tạo chức sắc trong nước, đặc biệt là vấn đề hợp tác quốc tế trong đào tạo chức sắc, trang bị kiến thức pháp luật cho chức sắc các tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long từ các cơ quan của Nhà nước có thẩm quyền đến các Giáo hội.

Giáo dục pháp luật cho chức việc Phật giáo Hòa Hảo qua trường lớp chính thức mới khởi động. Ngày 04/11/2020, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo tổ chức lễ động thổ khởi công xây dựng Trường Trung cấp Phật giáo Hòa Hảo, là cơ sở đào tạo giáo lý viên có trình độ trung cấp. Đây là công trình có ý nghĩa lớn

trong phát dương chánh pháp, xây dựng đội ngũ lãnh đạo kế thừa của Phật giáo Hòa Hảo. Ngày 21.10.2025, Trường Trung cấp Phật giáo Hòa Hảo tổ chức Lễ Khai giảng khóa I, năm học 2025 - 2027, với 120 học viên, chương trình đào tạo với 26 môn gồm 10 môn ngoại điển, 16 môn nội điển, trong đó có môn Pháp luật Việt Nam đang được đào tạo.

Giáo dục pháp luật cho chức sắc Cao Đài mới triển khai thực hiện. Năm 2022, Học viện Cao Đài Tiên Thiên được thành lập tại Bến Tre, là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng các chức sắc, chức việc của đạo Cao Đài; phụng sự đạo, đời, làm tròn bổn phận công dân với đất nước. Học viện Cao Đài tọa lạc tại xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, diện tích thửa đất xây dựng là 6.230m², tổng diện tích xây dựng là 4.000m², thiết kế 1 trệt một tầng, bao gồm các hạng mục văn phòng làm việc, giảng đường, phòng chức năng, ký túc xá 200 chỗ... Ngày 08/02/2023, Học viện Cao Đài Tiên Thiên long trọng tổ chức khai giảng khóa I (2023-2025) đào tạo 320 tu sĩ. Chương trình đào tạo toàn khóa với các nội dung: Đại cương Lịch sử Việt Nam; Cơ sở văn hóa Việt Nam; Tổng quan về đạo Cao Đài; Pháp luật Việt Nam; Tin học văn phòng; Hán ngữ quốc tế... Qua đó, các chức sắc và chức việc được nâng cao trình độ, kiến thức pháp luật của mình, thực hiện đúng pháp luật trong hành đạo. Tuy nhiên Học viện Cao Đài chưa có giảng viên cơ hữu, phải thỉnh giảng từ Trường chính trị, các trường đại học, học viện...

Giáo dục pháp luật cho chức sắc Công giáo ở vùng ĐBSCL thực hiện tại Đại Chủng viện Thánh Quý số lượng ít (Mỗi năm Đại chủng viện chỉ chiêu sinh 12 người).

Ba là, cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về tôn giáo ở ĐBSCL được củng cố tăng cường, nhưng chưa được đào tạo căn cơ. Việt Nam chưa có chuyên ngành đào tạo Quản lý nhà nước về tôn giáo để trang bị kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo, quản lý nhà nước về tôn giáo.

Cùng với những bất cập của chủ thể làm công tác quản lý nhà nước về vấn đề tôn giáo xuyên biên giới, nhất là giáo dục pháp luật cho chức sắc Phật giáo Nam tông Khmer, Islam giáo... sau khi du học về nước chưa được tổ chức đồng bộ, thống nhất ở vùng ĐBSCL.

Bốn là, điều kiện phối hợp giữa các chủ thể chưa nhịp nhàng trong bộ máy nhiều cơ quan, chủ thể, 2 Hội đồng tổ chức, thực hiện giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo hiện nay. Ngoài việc Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh cấp tỉnh qua cơ chế phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, ban ngành, tổ chức tôn giáo liên quan, chưa có quy định pháp luật, cơ chế phối hợp giữa Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật với Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo và các chủ thể khác trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL. Thực tế này đã làm: “Công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, nhất là ở vùng sâu, vùng xa chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục, hiệu quả chưa cao; một số chức sắc, chức việc, tín đồ chưa hiểu rõ chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo” [10, tr.19].

3.2.2.2. Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn

Thứ nhất, một số chủ thể giáo dục pháp luật chưa thật sự nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo

Giáo dục pháp luật là hoạt động đưa pháp luật vào đời sống xã hội, đời sống tôn giáo. Nhà nước, các chủ thể giáo dục pháp luật giữ vai trò nòng cốt trong thực hiện hoạt động này. Tuy nhiên từ thực tiễn cho thấy hoạt động này có những điểm “nghẽn” nhất định xuất phát từ cơ chế và các chủ thể giáo dục pháp luật. Trong đó có quan điểm đồng nhất chức sắc như công dân bình thường, chủ thể giáo dục pháp luật tổ chức cho đối tượng chức sắc với công dân ở một lớp phổ biến chung những quy định pháp luật mới về đất đai, nhà ở, bình đẳng giới... hoặc chỉ tổ chức giáo dục pháp luật khi có đề nghị của các tổ chức tôn giáo, Do vậy báo cáo viên, giảng viên pháp luật vùng ĐBSCL

nhận thấy hoạt động giáo dục pháp luật tổ chức theo yêu cầu, đề nghị của chức sắc tôn giáo còn tỷ lệ khá cao, có 69/445 (25,84%) [phụ lục 1]. Điều này tất yếu làm cho một số hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo hiệu quả không cao, chưa thấy hết vai trò nòng cốt của các chủ thể giáo dục pháp luật.

Thứ hai, một số cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đúng mức công tác xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động của các chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

Một số cấp ủy, chính quyền và đặc biệt là người đứng đầu chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát, quyết liệt, cũng như bố trí nguồn lực, chủ động, sáng tạo ban hành cơ chế phối hợp giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo nói riêng để đáp ứng yêu cầu triển khai nhiệm vụ. Dù các kế hoạch theo pháp luật một số thành viên của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật, Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh chưa thực sự xác định rõ trách nhiệm khi tham gia. Chính vì thế có 155/445 (34,84%) báo cáo viên, giảng viên pháp luật vùng ĐBSCL đồng tình với nguyên nhân hạn chế là một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa quan tâm đúng mức công tác xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động của các chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL [Phụ lục 1]; nguyên nhân này được sự đồng ý của 165/445 (37,08%) chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

Thứ ba, chủ thể trực tiếp thực hiện giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo thực hiện kiêm nhiệm, không có lực lượng chuyên trách làm nòng cốt.

Lực lượng làm nhiệm vụ tổ chức giảng dạy pháp luật cho đối tượng đặc biệt trong tôn giáo rất đa dạng ở nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau. Song phần nhiều là viên chức, công chức, giảng viên trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, hoạt động kiêm nhiệm, không có lực lượng giảng viên chuyên trách làm nòng cốt. Nguyên nhân hạn chế trong giáo dục pháp luật

cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long này được sự đồng ý của 198/445 (44,49%) báo cáo viên, giảng viên pháp luật và 190/445 (42,69%) chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL [Phụ lục 1 và 2].

Thứ tư, một số chức sắc chưa chủ động, tích cực trong phối hợp mở các lớp phổ biến giáo dục pháp luật.

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 quy định nhiệm vụ phổ biến giáo dục pháp luật là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt (khoản 1 Điều 3). Vì vậy giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng với các lãnh đạo tôn giáo. Tuy vậy vì nhiều lý do khác nhau, nhất là khi có chức sắc vi phạm pháp luật, mất đoàn kết nội bộ làm cho lực lượng cốt cán trong Giáo hội e ngại phối hợp, tham gia với các cơ quan chức năng triển khai, phát huy nguồn lực giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo. Nguyên nhân hạn chế này phù hợp với đánh giá của 190/455 (42,69%) của báo cáo viên, giảng viên pháp luật và 215/445 (48,31%) là một số chức sắc tôn giáo chưa chủ động, tích cực trong phối hợp các lớp phổ biến, giáo dục pháp luật [Phụ lục 1 và 2].

Thứ năm, quy định pháp luật về giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo chưa đồng bộ.

Chức sắc tôn giáo là đối tượng giáo dục pháp luật, song định nghĩa chức sắc tôn giáo tại Luật tín ngưỡng, tôn giáo với quan niệm về chức sắc trong Hiến chương, quy định một số tôn giáo (được Ban Tôn giáo chính phủ chấp thuận) chưa thật sự đồng bộ. Mặt khác có sự trùng lặp về nội dung giáo dục pháp luật ở các chương trình đào tạo, bồi dưỡng khác nhau cho đối tượng chức sắc tôn giáo (chẳng hạn chuyên đề Luật tín ngưỡng tôn giáo, triển khai ở 3 chương trình bắt buộc do 3 chủ thể giáo dục độc lập: Ban Tôn giáo Chính phủ, Sở Dân tộc và Tôn giáo (báo cáo chuyên đề); Cơ sở đào tạo của Tôn giáo (chương trình pháp luật Việt Nam theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo); Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh cấp tỉnh (Chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng

và an ninh cho chức sắc tôn giáo theo quy định của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh). Song song đó, pháp luật chưa quy định đồng bộ về chế độ, chính sách cho chức sắc tôn giáo là người dân tộc thiểu số học tập ở các cơ sở đào tạo công lập và cơ sở đào tạo của tôn giáo. Luật phổ biến giáo dục pháp luật 2012 có nhiều quy định không còn phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025 như: Quy định nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp huyện, nhiệm vụ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong giáo dục pháp luật... trong bối cảnh những đơn vị này không còn hoạt động. Hiện nay, pháp luật hiện hành chưa có quy định về hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo trên không gian mạng; chưa có cơ chế quản lý, giám sát hoạt động này trên không gian mạng (Nghị định số 95/2023/NĐ-CP chỉ đề cập đến các hoạt động tôn giáo bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp 02 hình thức này nhưng chưa thực sự cụ thể). Bên cạnh đó, nhận thức về chuyển đổi số của một bộ phận công chức làm công tác tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo còn hạn chế; khung pháp lý về an ninh mạng, thông tin và tôn giáo chưa thống nhất,... Chính sự thiếu đồng bộ từ quy định của pháp luật đã dẫn đến những khó khăn trong xây dựng các cơ chế thực hiện giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo từ xác định đối tượng, xây dựng chương trình khung đến tổ chức quản lý và đánh giá hiệu quả giáo dục pháp luật.

Thứ sáu, pháp luật quy định các điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo chưa đáp ứng tốt ở vùng ĐBSCL.

Hiện nay, theo Báo cáo của Bộ Nội vụ, tổng kết tình hình, công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2025, cho thấy: “Một số quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo còn bất cập, thiếu đồng bộ; thiếu các chế tài xử lý đối với các hoạt động vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và các hoạt động “tà đạo”, “đạo lạ”, hoạt động mang màu sắc mê tín, dị đoan...” [14, tr.21]. Ở ĐBSCL:

“vấn đề tổ chức của Phật giáo Nam tông Khmer cũng tiếp tục đòi hỏi những đổi mới chính sách của Nhà nước và Giáo hội, dù rằng những năm gần đây đã có nhiều nỗ lực trong việc giải quyết nhiều mặt của đời sống tôn giáo (kinh sách, mở trường riêng đào tạo sư sãi, đất đai...). Hơn nữa tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng Tây Nam Bộ còn quan hệ mật thiết với vấn đề dân tộc, đó là vấn đề mà các thế lực thù địch hiện nay luôn khai thác, lợi dụng gây chia rẽ tạo nên sự bất ổn về trật tự an toàn xã hội ở khu vực này. Thực tiễn đang đặt ra yêu cầu Đảng và Nhà nước Việt Nam phải có những chính sách về phát triển kinh tế- xã hội nói chung và chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng phù hợp, nhằm đoàn kết được các dân tộc thiểu số ở khu vực này trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc” [53, tr.220-221].

Đây là những nguyên nhân hạn chế về điều kiện bảo đảm về pháp lý, các điều kiện đảm bảo đưa pháp luật đến với đội ngũ chức sắc tôn giáo vùng DBSCL.

Kết luận chương 3

Có thể khẳng định, gần 40 năm thực hiện đổi mới, chính sách, pháp luật về tôn giáo nước ta từng bước được hoàn thiện. Tín đồ các tôn giáo phần lớn là người lao động; có tính cần cù lao động, giản dị trong sinh hoạt, có tinh thần yêu thương gắn bó và tính cố kết cộng đồng dân tộc Việt Nam. Đại đa số lãnh đạo các tôn giáo sống “tốt đời, đẹp đạo”, chấp hành nghiêm minh pháp luật. Đồng thời, Đảng chỉ rõ: “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước trong cán bộ, đảng viên, nhân dân, nhất là trong chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo” [5]. Từ đó, cùng với Nhà nước, lực lượng trụ cột trong tôn giáo có nhiều hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, xuất bản ấn phẩm liên quan chủ đề pháp luật... góp phần đưa giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL có nhiều kết quả tốt đẹp. Song song đó, khách quan nhìn nhận, là hoạt động còn nhiều hạn chế, bất cập như: Báo cáo viên, giảng viên pháp luật chất lượng chưa đồng đều; trình độ, năng lực sư phạm và ứng dụng công nghệ thông tin vào thực tiễn phương pháp giảng dạy tích cực, hiện đại chưa nhiều; sự tham gia học tập của chức sắc tôn giáo chưa thật sự tích cực, chủ động; nội dung chương trình chưa thật sự phù hợp với đặc điểm riêng có của tôn giáo vùng ĐBSCL (có nhiều tôn giáo nội sinh, trung tâm của Phật giáo Nam tông Khmer...); cơ chế phối hợp chưa rõ ràng. Do vậy, để hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL đạt nhiều thành tựu trong thời gian tới, ngoài việc quán triệt quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước cần thực hiện nghiêm túc nội dung, đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật; thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM

4.1. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM

4.1.1. Giáo dục pháp luật cho các chức sắc tôn giáo luôn bám sát chủ trương, chính sách của Đảng pháp luật của nhà nước và đời sống thực tiễn, nhu cầu của chức sắc tôn giáo

Giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục pháp luật cho các chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL nói riêng phải luôn bám sát chủ trương, chính sách của Đảng pháp luật của nhà nước qua từng giai đoạn cụ thể, phục vụ đời sống thực tiễn, nhu cầu của chức sắc tôn giáo. Đại hội lần thứ VI Đảng đưa ra quan điểm: “Coi trọng công tác giáo dục, tuyên truyền, giáo dục pháp luật... Cần sử dụng nhiều hình thức và biện pháp để giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật” [23, tr.121]. Năm 1991, tại Đại hội VII, Đảng khẳng định: “Thường xuyên giáo dục pháp luật, xây dựng ý thức sống làm việc theo pháp luật trong nhân dân” [24, tr.92]. Cụ thể hóa quan điểm của Đảng, năm 1992, Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Hiến pháp quy định Chính phủ: “Tổ chức và lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục Hiến pháp và pháp luật trong nhân dân” (khoản 2, Điều 112). Kế thừa và phát triển những thành tựu trong giáo dục pháp luật trong các tầng lớp nhân dân, Đại hội VIII (1991), Đảng chỉ rõ: “Triển khai mạnh mẽ công tác tuyên truyền và giáo dục pháp luật; huy động lực lượng của các đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp, các phương tiện thông tin đại chúng tham gia các đợt vận động thiết lập trật tự, kỷ cương và các hoạt động thường xuyên xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong cơ quan nhà nước và trong xã hội” [25, tr.241]. Từ đây nhiều

đề án đưa pháp luật vào đời sống vùng nhiều dân tộc, tôn giáo hình thành như đề án xây dựng và quản lý tủ sách pháp luật ở cấp xã, không gian sách trong cơ sở thờ tự của tôn giáo... Đại hội IX, Đảng yêu cầu: “Đổi mới và hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, ban hành và thực thi pháp luật, trong đó chú trọng việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật và tổ chức thi hành một cách nghiêm minh” [26, tr.239-330]. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới chỉ rõ cần: “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với nhiều hình thức phong phú, sinh động... nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ và nhân dân”. Ban Bí thư Trung ương Đảng khẳng định: “Phổ biến, giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng” [4]. Từ quy định của Đảng, Quốc hội đã ban hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật (2012), Luật giáo dục quốc phòng và an ninh (2013) Luật tín ngưỡng, tôn giáo (2016) là các văn bản pháp luật điều chỉnh trực tiếp lĩnh vực giáo dục pháp luật cho “cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng” ở nước ta hiện nay. Ngoài ra, còn có các văn bản pháp luật chuyên ngành ở những góc độ khác nhau cũng có các quy phạm pháp luật điều chỉnh một số nội dung liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo. “Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm hướng dẫn tín đồ, người tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật” [70]. Đồng thời, Đại hội XII, Đảng đề ra mục tiêu: “Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật cho thế hệ trẻ” [28, tr.162].

Quan điểm của Đảng, pháp luật Nhà nước đã xác định chủ thể, đối tượng, định hướng nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp giáo dục

pháp luật. Đây là kim chỉ nam, cơ sở quan trọng nhất có tính quyết định đến xây dựng giải pháp, điều kiện đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong tổ chức, thực hiện giáo dục pháp luật cho các đối tượng trong xã hội Việt Nam nói chung, chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL nói riêng.

4.1.2. Giáo dục pháp luật cho các chức sắc tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo và trách nhiệm chủ động tìm hiểu pháp luật, tự giác tuân thủ pháp luật của đối tượng được giáo dục pháp luật

Hoạt động giáo dục pháp luật được Nhà nước cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng thành pháp luật và triển khai các mô hình thực hiện. Luật phổ biến, giáo dục pháp luật Việt Nam quy định: “Phổ biến, giáo dục pháp luật là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt”; “Công dân có quyền được thông tin về pháp luật và có trách nhiệm chủ động tìm hiểu, học tập pháp luật.”[67] Các đối tượng trong xã hội: Doanh nhân, người lao động, học sinh, chức sắc tôn giáo... tiếp cận pháp luật chủ yếu qua hai con đường: Nhà nước tổ chức tuyên truyền, mở lớp đào tạo, bồi dưỡng pháp luật...; các cá nhân, tổ chức trong xã hội xuất phát từ nhu cầu tự thân của mình tự học, tự đào tạo, chủ động tìm hiểu nắm bắt các quy định pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật. Qua đó, hình thành 2 mô hình: “Đẩy” và “Kéo” trong giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo nói riêng. Ở mô hình “Đẩy”, Nhà nước trực tiếp xác định tư cách pháp nhân, hình thức, phương pháp đưa pháp luật đến chức sắc tôn giáo như *đẩy mạnh* tuyên truyền, “*tăng cường quản lý nhà nước về tôn giáo*” [11]... Mô hình “Kéo”, Nhà nước ban hành hành lang pháp lý về đào tạo, chăm sóc sức khỏe, an sinh xã hội... cùng với biện pháp hỗ trợ, khuyến khích (cơ chế hỗ trợ) nhằm kéo các pháp nhân tôn giáo, lãnh đạo các tôn giáo tự giác nghiên cứu pháp luật, chủ động tham gia các lĩnh vực theo thế mạnh, nguồn lực của mình. Qua hai mô hình trên, Nhà nước ngoài việc trực tiếp đưa

pháp luật còn tạo cơ chế thông thoáng, khuyến khích các Giáo hội thành lập Học viện, trường đại học... trực tiếp tổ chức, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thực hiện nhiều hình thức giáo dục pháp luật và duy trì các mô hình giáo dục pháp luật trong cộng đồng dân cư tôn giáo đạt nhiều kết quả tích cực. Mô hình “kéo” nhằm trang bị kiến thức pháp luật, tạo động lực, tri thức pháp lý, phát huy ưu thế sẵn có của chức sắc tôn giáo tham gia vào hoạt động giáo dục pháp luật, chủ động tìm hiểu, học tập nâng cao vốn hiểu biết, vun bồi tình cảm, ý thức pháp luật, hình thành thói quen, tự giác chấp hành pháp luật.

4.1.3. Nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật phù hợp chức sắc, công tác vận động chức sắc tôn giáo của vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam

Bảo đảm tính phù hợp với đối tượng, địa bàn có thể nói là vấn đề có tính nguyên tắc trong giáo dục pháp luật. ĐBSCL là vùng có tôn giáo mang tính tộc người, người Chăm theo Islam giáo, người Khmer chức sắc, tín đồ Phật giáo Nam tông; có tôn giáo đông giáo dân, nhưng không có hàng ngũ chức sắc lãnh đạo (Phật giáo Hòa Hảo)... Đặt ra yêu cầu chủ thể giáo dục phải xuất phát từ đối tượng đặc biệt này để xác định nội dung, hình thức, phương pháp giảng dạy phù hợp, khoa học, hiệu quả. Mặt khác các tôn giáo trong vùng có lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ lãnh đạo... có rất nhiều khác biệt, nên rất khó áp dụng chung, cứng nhắc một chương trình, một phương cách giảng dạy.

Với nhiều điều kiện đặc thù và lịch sử phát triển phức tạp, an ninh quốc phòng tại ĐBSCL vẫn luôn là mối quan tâm đặc biệt, giáo dục pháp luật phải gắn với bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, công tác dân tộc, tôn giáo từ những quy định của pháp luật, thông qua việc cụ thể hóa thành chương trình khung cụ thể là yêu cầu trọng yếu trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo hiện nay. Chương trình khung giáo dục pháp luật có sự tích

hợp nội dung giáo dục pháp luật với pháp luật Nhà nước về quốc phòng và an ninh. Trong đó, cùng với nắm vững nội dung giáo dục pháp luật ở hai nhóm kiến thức theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, chức sắc tôn giáo: “Nắm được những nội dung cơ bản về đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân; về dân tộc, tôn giáo gắn với quốc phòng, an ninh; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và hoạt động đối ngoại trong tình hình mới” theo quy định tại Thông tư số 172/2020/TT-BQP ngày 30/12/2020 của Bộ Quốc phòng, ban hành chương trình khung bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh.

Đồng thời, quán triệt Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân: “Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức, cách thức phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo đảm phù hợp với nhu cầu xã hội và từng nhóm đối tượng” [6]. Thực hiện quan điểm của Đảng, vững bước tiến mạnh trong kỷ nguyên mới, để phát huy mạnh mẽ vai trò của Nhân dân, dân chủ XHCN, sức mạnh nhân dân và khối đại đoàn kết dân tộc: “vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành sống “tốt đời, đẹp đạo”, đồng hành cùng dân tộc, tích cực tham gia các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước” [31, tr.124-125]. Chính vì thế, từ nắm bắt nhu cầu của “quần chúng đặc biệt” đến bám sát chủ trương, chính sách của Đảng pháp luật của nhà nước và đời sống thực tiễn, nhu cầu của chức sắc tôn giáo, yêu cầu người giảng dạy sử dụng phương pháp xử lý tình huống là “điểm nóng”, giảng dạy tích cực, hiện đại kết hợp vận động, thuyết phục chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long sống tốt đời, đẹp đạo, hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật.

Vì lẽ đó, cùng với xác định chương trình khung, có những nội dung mở rộng thêm kiến thức pháp luật mang tính đặc thù của tôn giáo vùng ĐBSCL, cần đa dạng hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật phù hợp với đối tượng, như: Hội nghị, tập huấn, bồi dưỡng... với các phương pháp: Thông tin nhanh, tuyên truyền, giải thích pháp luật...

4.1.4. Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long được gắn bó chặt chẽ trong toàn bộ quá trình từ xây dựng pháp luật đến tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương (Nghị quyết 27-NQ/TW) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới nêu rõ: *“Đổi mới cơ chế thi hành pháp luật, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với thực hiện pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả”*. Giáo dục pháp luật và xây dựng pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng với nhau. Bởi lẽ công tác xây dựng pháp luật là cơ sở cho việc hình thành các hoạt động giáo dục pháp luật và ngược lại. Trong khi đó, giáo dục pháp luật, là một phương tiện quan trọng để đưa pháp luật vào cuộc sống. Nói cách khác, *“gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với thực hiện pháp luật”* trong đó giáo dục pháp luật là cầu nối trong sự gắn kết này.

Chính vì thế, giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo nói riêng có mối quan hệ chặt chẽ trong toàn bộ quá trình từ xây dựng pháp luật đến tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật giúp lãnh đạo các tôn giáo nâng cao hiểu biết pháp luật, tôn trọng, bảo vệ, chủ động lựa chọn thực hiện hành vi pháp luật tiến bộ.

Ở ĐBSCL, giáo dục pháp luật cho “quần chúng đặc biệt” phải xuất phát từ tổng thể các điều kiện chính trị, pháp lý...cùng những đặc thù của vùng, gắn với thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 2/4/2022, Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng

Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới; Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW; Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Kết luận 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư ngày 28/2/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị... Căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật, Đề án “Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022-2026” ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, hiện thực hóa quy định của Đảng: “Thực hiện đầy đủ các thể chế, chính sách về phổ biến, giáo dục pháp luật hiện hành; đồng thời hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách liên quan đến lĩnh vực này đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ” [6].

Trong giai đoạn hiện nay, cùng với cả nước, ĐBSCL tích cực thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, ban hành ngày 25/10/2017, về "Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả" và các kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị; Nghị quyết 18/NQ/ TW Nghị quyết 27-NQ/TW) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, qua đó tinh gọn bộ máy, giảm cấp trung gian, tăng cường phân cấp, phân quyền, giảm thủ tục hành chính, mở ra không gian phát triển mới, Nhà nước chuyển trạng thái từ thụ động sang chủ động phục vụ Nhân dân. “Tiếp tục đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật”; “Đổi mới cơ chế thi hành pháp luật, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với thực hiện pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả”. Đồng thời, các tỉnh, thành vùng ĐBSCL triển khai thực hiện "bộ tứ chiến lược" trong toàn vùng: Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày

22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia), hội nhập quốc tế (Nghị quyết 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới), xây dựng và thực thi pháp luật (Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới), phát triển kinh tế tư nhân (Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân). Các Nghị quyết xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đất nước trong kỷ nguyên mới; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển các hoạt động: Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, hội nhập quốc tế, xây dựng và thực thi pháp luật, phát triển kinh tế tư nhân. Trong đó Nghị quyết 66-NQ/TW đã xác định: “Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật”. Đồng thời là định hướng quan trọng trong hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL phải gắn bó chặt chẽ trong toàn bộ quá trình từ xây dựng pháp luật đến tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật.

4.1.5. Tổ chức triển khai thực hiện giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo được đảm bảo về nguồn lực song song với quá trình khuyến khích xã hội hóa; đồng thời gắn với đánh giá hiệu quả hoạt động này

Chính sách, pháp luật Việt Nam quy định: “Nhà nước bảo đảm nguồn lực cần thiết cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật”; “Thực hiện xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật” [67]. Do vậy giáo dục pháp luật cho các đối tượng trong xã hội, trong đó có chức sắc tôn giáo được Nhà nước bảo đảm nguồn lực cần thiết để thực hiện. Tuy

nhiên khác với các đối tượng khác, chức sắc tôn giáo không được quy định là đối tượng đặc thù, đối tượng đặc biệt theo Luật phổ biến, giáo dục pháp luật. Do vậy hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo nói chung, chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL nói riêng cần được xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội, nguồn lực tôn giáo để phối hợp thực hiện cùng Nhà nước. Đây là hoạt động phát huy nguồn nhân lực tài chính, tài lực, cơ chế phối hợp quản lý, xã hội hóa trong giáo dục pháp luật, đúng theo quy định tại Luật phổ biến, giáo dục pháp luật. Từ đó một mặt, tạo điều kiện lãnh đạo tôn giáo tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội thông qua nhiều hình thức như bầu cử, ứng cử vào các thiết chế dân cử, thành viên các tổ chức chính trị - xã hội, giáo dục pháp luật.

Trước yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền trong giai đoạn mới, đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, đòi hỏi cần tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo với định hướng toàn bộ hoạt động nay phát huy tối đa các nguồn lực trong và ngoài tôn giáo lấy chức sắc làm trung tâm, xây mô hình, tiêu chí đánh giá hiệu quả giáo dục pháp luật cho chức sắc trong thời gian tới.

4.2. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO CHỨC SẮC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM

4.2.1. Nhóm giải pháp về nhận thức mục tiêu, ý thức trách nhiệm trong phối hợp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam

Chủ thể, đối tượng giáo dục pháp luật cần nâng cao nhận thức mục tiêu, ý thức trách nhiệm trong phối hợp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam. Chức sắc tôn giáo là đối tượng đặc biệt trong giáo dục pháp luật, đòi hỏi chủ thể phải thường xuyên nâng cao năng lực về kiến thức pháp luật, tôn giáo, kinh nghiệm thực tiễn, vốn sống xã

hội, rèn luyện kỹ năng, phương pháp giảng dạy. Đồng thời xuất phát từ mối mật thiết giữa chủ thể và đối tượng, chức sắc tôn giáo nâng cao hơn nữa ý thức trách nhiệm, tích cực thực hiện, phối hợp thực hiện giáo dục pháp luật. Theo kết quả phiếu khảo sát, giải pháp này nhận được sự đồng tình của 295/445 phiếu từ báo cáo viên, giảng viên pháp luật, chiếm 66,29% và 270/445 phiếu của chức sắc các tôn giáo vùng ĐBSCL, chiếm 60,67 % [Phụ lục 1, 2]. Giải pháp này cần thực hiện các nội dung sau:

Thứ nhất, xác định rõ mục tiêu giáo dục pháp luật chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL ở Việt Nam.

Mục tiêu giáo dục pháp luật chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL là kết quả cao nhất mà chủ thể và đối tượng đồng hướng đến. Đây chính là hoạt động định hướng có tổ chức, có chủ định của chủ thể giáo dục bằng kiến thức pháp luật, tác động, truyền tải lên chức sắc tôn giáo nhằm mục đích hình thành ở họ tri thức pháp lý, tình cảm và hành vi phù hợp với các đòi hỏi của hệ thống pháp luật hiện hành trong công tác tôn giáo và ngoài xã hội. Nói cách khác, mục tiêu giáo dục pháp luật ở đây nhằm: Tốt đời, đẹp đạo, thông qua giá trị cốt lõi của pháp luật (yêu cầu về kiến thức); hình thành hành vi, lối sống theo pháp luật (yêu cầu về kỹ năng); có tình cảm, bảo vệ các giá trị pháp luật (yêu cầu về thái độ) trong chức sắc, tín đồ các tôn giáo.

Yêu cầu về kiến thức pháp luật: Chủ thể phải trang bị tri thức cho “đối tượng đặc biệt” từ kiến thức chung, chuyên đề đến pháp luật về tín ngưỡng tôn giáo. Đồng thời, kiến thức pháp luật đáp ứng thang bậc nhận thức, hành động của đối tượng này từng mức độ cụ thể, gồm: *Một*, biết (nhận biết được các quy phạm pháp luật cơ bản trong một bộ luật, đạo luật); *Hai*, hiểu (nắm vững, giải thích được nội dung, tinh thần của các quy định pháp luật); *Ba*, vận dụng (chủ động lựa chọn hành vi pháp lý phù hợp); *Bốn*, phân tích, tổng hợp từ quy định pháp luật đến việc thực hiện pháp luật (nhận xét khoa học về giá trị pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo).

Yêu cầu về kỹ năng: Qua giáo dục pháp luật, tạo lập, hình thành hành vi xử sự theo pháp luật tiêu biểu, nêu gương trong đời sống tôn giáo, tích cực học tập, thực hiện nghiêm pháp luật của lực lượng chủ chốt các tôn giáo.

Yêu cầu về thái độ: Giúp lãnh đạo tôn giáo thấm sâu những giá trị nhân bản, tiên bộ, bảo vệ pháp luật, xung kích truyền thụ pháp luật cho lực lượng nòng cốt tôn giáo mình.

Qua đó, chủ thể, đối tượng phải xác định rõ từ mục tiêu chung: Tốt đời, đẹp đạo đến các mục tiêu, yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt được ở từng nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL

Thứ hai, tăng cường hơn nữa về ý thức trách nhiệm trong phối hợp giáo dục pháp luật.

Hoạt động giáo dục pháp luật cho “tín đồ đặc biệt”, về hình thức có khác nhau, nhưng có khi chồng lấn, trùng lặp về nội dung, ảnh hưởng đến mục tiêu, hiệu quả giáo dục. Chính vì thế cần tăng cường hơn nữa về ý thức trách nhiệm các cá nhân, tổ chức trong phối hợp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL. Ở cấp tỉnh, Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật với tư cách là một thiết chế phối hợp liên ngành cần chủ động phối hợp với Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh tham mưu chương trình giáo dục pháp luật lồng ghép với bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho “cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng”. Hai Hội đồng này cần phải có quy chế phối hợp trong tổ chức thực hiện, tham gia giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL, tránh chồng lấn chức năng nhiệm vụ. Xây dựng cơ chế đánh giá trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, coi đây là một trong những tiêu chí đánh giá thi đua - khen thưởng hằng năm của các địa phương vùng ĐBSCL.

4.2.2. Nhóm giải pháp về hoàn thiện pháp luật và sửa đổi thể chế điều chỉnh hoạt động giáo dục pháp cho chức sắc tôn giáo

Thứ nhất: Bộ Tư pháp kiến nghị, đề xuất Chính phủ, Quốc hội sửa đổi quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật về mô hình cấu trúc mới của Hội đồng Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp theo mô hình chính quyền 3 cấp.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16/6/2025 quy định “Đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có: a) Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh);b) Xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cấp xã)” (Điều 1). Từ ngày 1.7.2025, Việt Nam không tổ chức chính quyền địa phương cấp huyện.

Vì vậy với vai trò Thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp trung ương, Bộ Tư pháp sớm đề xuất Chính phủ, Quốc hội sửa đổi quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định pháp luật hiện hành, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. Cụ thể, sửa đổi khoản 1,2 Điều 7 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật: “1.Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật được thành lập ở trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, là cơ quan tư vấn cho Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và huy động nguồn lực cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. 2.Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ là Bộ Tư pháp, của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là Sở Tư pháp, của Ủy ban nhân dân cấp huyện là Phòng Tư pháp.” thành:

“1. Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật được thành lập ở trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là cơ quan tư vấn cho

Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và huy động nguồn lực cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ là Bộ Tư pháp, của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là Sở Tư pháp.”

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung một khoản quy định về trách nhiệm của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Giáo dục và Đào tạo vào Điều 25 của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.

Thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sáp nhập Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội vào Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời thành lập Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Bộ Dân tộc và Tôn giáo là “Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương”, Căn cứ quy định của Luật tín ngưỡng tôn giáo: “Điều 40. Hướng dẫn chương trình, nội dung giảng dạy môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam

Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp, các cơ quan liên quan hướng dẫn chương trình, nội dung giảng dạy môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam” và “Phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo”; (Khoản 4, Điều 60). Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Dân tộc và Tôn giáo: “Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức có liên quan thông tin, tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo” [20].

Từ những quy định trên, trong hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, cần bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể, Điều 25 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật hiện hành quy định: “Điều 25. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan quang bộ, cơ quan thuộc chính phủ.

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý triển khai thực hiện;

b) Xác định nội dung và hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với từng nhóm đối tượng; biên soạn tài liệu và phổ biến kiến thức pháp luật chuyên ngành; bảo đảm quyền được thông tin về pháp luật của nhân dân;

c) Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang nhân dân thuộc phạm vi quản lý, chú trọng thực hiện thông qua phổ biến pháp luật trực tiếp, cung cấp văn bản quy phạm pháp luật, trang thông tin điện tử của cơ quan, các khóa học, lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn;

d) Xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên pháp luật của bộ, ngành;

đ) Chỉ đạo các trường, cơ sở dạy nghề thuộc phạm vi quản lý tổ chức giáo dục pháp luật trong cơ sở giáo dục, cơ sở dạy nghề; bố trí, chuẩn hóa, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giáo viên, giảng viên dạy pháp luật.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục pháp luật trong các cấp học và trình độ đào tạo; quy định thời gian, lộ trình hoàn thành việc chuẩn hóa giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giáo viên, giảng viên dạy pháp luật.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở dạy nghề”,

Sửa đổi, bổ sung thành:

“Điều 25. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý triển khai thực hiện;

b) Xác định nội dung và hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với từng nhóm đối tượng; biên soạn tài liệu và phổ biến kiến thức pháp luật chuyên ngành; bảo đảm quyền được thông tin về pháp luật của nhân dân;

c) Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang nhân dân thuộc phạm vi quản lý, chú trọng thực hiện thông qua phổ biến pháp luật trực tiếp, cung cấp văn bản quy phạm pháp luật, trang thông tin điện tử của cơ quan, các khóa học, lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn;

d) Xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên pháp luật của bộ, ngành;

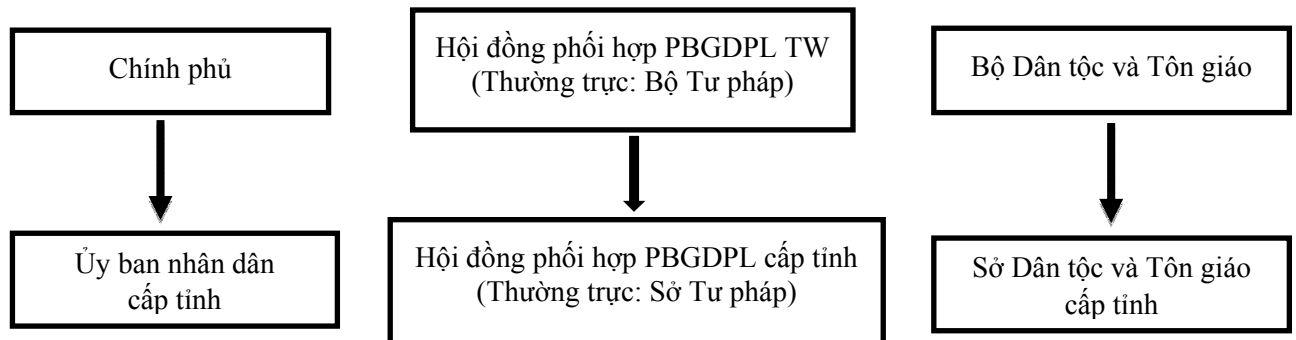
đ) Chỉ đạo các trường, cơ sở dạy nghề thuộc phạm vi quản lý tổ chức giáo dục pháp luật trong cơ sở giáo dục, cơ sở dạy nghề; bố trí, chuẩn hóa, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giáo viên, giảng viên dạy pháp luật.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục pháp luật trong các cấp học và trình độ đào tạo; quy định thời gian, lộ trình hoàn thành việc chuẩn hóa giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giáo viên, giảng viên dạy pháp luật; ban hành chương trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở dạy nghề.

3. Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp, các cơ quan liên quan hướng dẫn chương trình, nội dung giảng dạy môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam trong các cơ sở đào tạo của tôn giáo, chức sắc tôn giáo”

Với định hướng hoàn thiện trên, đồng thời tham khảo kinh nghiệm ở các nước về mô hình giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo đạt nhiều kết quả tích cực, cần thực hiện một mô hình giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

Biểu đồ 4.1: Sơ đồ hoàn thiện Tổ chức bộ máy, chủ thể làm công tác giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng Tây Nam Bộ



Nguồn: Tác giả đề xuất mô hình hoàn thiện

Thứ ba, bổ sung quy định chức sắc tôn giáo là đối tượng giáo dục pháp luật đặc biệt (cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư) vào Luật phổ biến, giáo dục pháp luật tương đồng với đối tượng giáo dục tại Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Điều 16, Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh: “Cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư thuộc diện bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh là chức sắc, chức việc tôn giáo, già làng, trưởng họ tộc, nhà hoạt động văn hóa, xã hội, khoa học, nghệ thuật”.

Trong thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, chức sắc tôn giáo là quần chúng đặc biệt, người có uy tín trong cộng đồng dân cư, lãnh đạo các tôn giáo nhưng luật chưa quy định đây là đối tượng đặc biệt, cá nhân tiêu biểu người có uy tín trong cộng đồng dân cư. Khi thực hiện Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, chức sắc tôn giáo dự học pháp luật về quốc phòng an ninh, Luật tín ngưỡng, tôn giáo thì được xác định là cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng. Vì vậy chưa thật sự đồng bộ trong xác định đối tượng

trong thực hiện giáo dục pháp luật. Để hoàn thiện vấn đề này, cần bổ sung, có điều luật quy định chức sắc tôn giáo là đối tượng đặc biệt trong giáo dục pháp luật vào Luật phổ biến, giáo dục pháp luật hiện hành.

“Điều... Phổ biến, giáo dục pháp luật cho cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư:

1. Cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư thuộc diện phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo là chức sắc, chức việc tôn giáo, già làng, trưởng họ tộc, nhà hoạt động văn hóa, xã hội, khoa học, nghệ thuật.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư.

3. Căn cứ chương trình khung bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật cho chức sắc tôn giáo, môn học pháp luật trong cơ sở đào tạo tôn giáo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và thực hiện chương trình, nội dung giáo dục pháp luật phù hợp với cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư.

4.2.3. Nhóm giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo thực chất là một lĩnh vực công tác chính trị, pháp luật thông qua nhiều hoạt động: Vận động, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo... Từ đó tác động đến chức sắc, nhà tu hành quần chúng tín đồ các tôn giáo sống, lao động đúng pháp luật. Vì lẽ đó,

Thứ nhất, có cơ chế tuyển chọn, chính sách thu hút nhân lực, đào tạo, bố trí đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về tôn giáo từ trung ương đến cơ sở đủ đức và tài, có kỹ năng thực tế xử lý các vụ việc tôn giáo, báo cáo viên pháp luật cho chức sắc tôn giáo.

Để xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về tôn giáo bảo đảm dài hạn, khoa học, hợp lý, phải thống nhất nhận thức quản lý nhà

nước về tôn giáo là ngành nghề đặc biệt làm cơ sở xây dựng lộ trình, chiến lược đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong thời gian tới. Một trong những nhiệm vụ quyền hạn của Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo Nghị định 41/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo là: “Đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ và theo quy định của pháp luật”. Vì vậy, Bộ Dân tộc và Tôn giáo cần xây dựng chương trình bồi dưỡng cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về tôn giáo bảo đảm gắn với nội dung quản lý nhà nước về tôn giáo theo Điều 60 Luật tín ngưỡng tôn giáo, phân công cơ sở đào tạo, đổi mới quy trình tổ chức thực hiện bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ làm công tác tôn giáo theo mô hình bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long mới đi vào hoạt động từ 01/3/2025. Về khung chương trình bồi dưỡng: Cụ thể hóa Quyết định số 43/QĐ-TTg ngày 11/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022-2026”, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng và hiệu quả xử lý các vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo; đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới, góp phần thực hiện thành công chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Trong đó, Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ tín ngưỡng, tôn giáo đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo của cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh. Xây dựng khung chương trình bồi dưỡng theo thực tiễn quản lý nhà nước về tôn giáo cụ thể ở các tỉnh thành, địa phương, cần cập nhật, bổ sung những vấn đề lý luận và thực tiễn của địa bàn quản lý. Thực hiện chương trình bồi dưỡng cần chú trọng đội ngũ giảng viên, báo cáo viên có chuyên môn, trình độ và kinh nghiệm thực tiễn; có nhiều uy tín và năng lực sư phạm; nắm

vững tình hình tôn giáo, những vấn đề cần quan tâm và biện pháp quản lý nhà nước đối với công tác tôn giáo; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và các vụ việc phức tạp liên quan đến tôn giáo.

Thứ hai, mở chuyên ngành đào tạo quản lý nhà nước về tôn giáo.

Bộ Dân tộc và Tôn giáo ra đời và hoạt động từ ngày 01/3/2025, nhằm phát huy hơn nữa đóng góp của các dân tộc, các tôn giáo cho sự nghiệp cách mạng, đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tôn giáo và dân tộc. Xuất phát từ thực trạng ở Việt Nam chưa có chuyên ngành đào tạo Quản lý nhà nước về tôn giáo ở bậc đại học, sau đại học. Chính vì thế, Bộ Dân tộc và Tôn giáo cần kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép các cơ sở đào tạo đại học (có chức năng, nhiệm vụ) được mở mã ngành đào tạo chuyên ngành Quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo nhằm tạo nguồn cán bộ dài hạn cho công tác quản lý nhà nước về tôn giáo cả nước nói chung và vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng. Trước mắt thực hiện theo phương hướng: Bộ Dân tộc và Tôn giáo:” Chỉ đạo Ban Tôn giáo Chính phủ phối hợp với Đại học khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội) xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý nhà nước về tôn giáo (hệ cử nhân và Thạc sĩ); hướng dẫn các tỉnh, thành phố quan tâm, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo; tiếp tục triển khai Đề án “Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022-2026”... góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo” [14, tr.20]. Bộ Dân tộc và Tôn giáo hiện nay: “Cơ cấu tổ chức: 1. Vụ Kế hoạch - Tài chính. 2. Vụ Tổ chức cán bộ. 3. Vụ Pháp chế. 4. Vụ Hợp tác quốc tế. 5. Thanh tra. 6. Văn phòng. 7. Ban Tôn giáo Chính phủ. 8. Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo. 9. Vụ Chính sách. 10. Trung tâm Chuyển đổi số. 11. Học viện Dân tộc. 12. Báo Dân tộc và Phát triển. 13. Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc và Tôn giáo... Các đơn vị quy định từ khoản 1 đến khoản 9 là các đơn vị giúp Bộ trưởng Bộ Dân tộc và

Tôn giáo thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các đơn vị quy định từ khoản 10 đến khoản 13 là đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Ban Tôn giáo Chính phủ là tổ chức cấp cục, cơ cấu tổ chức gồm 07 đơn vị cấp phòng; Văn phòng bộ, Thanh tra bộ có đơn vị cấp phòng theo quy định. Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo có 02 bộ phận đóng trụ sở tại tỉnh Đắk Lắk và thành phố Cần Thơ” [20, tr.6]. Với quy định này, trong thời gian tới cần phát triển Học viện Dân tộc thành Học viện Dân tộc và Tôn giáo trực tiếp cùng đào tạo đại học, sau đại học các chuyên ngành quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo; nên có cơ sở đào tạo (Phân viện) tại thành phố Cần Thơ, nhằm vừa làm công tác tuyên truyền, vừa đào tạo nhân lực công tác dân tộc, tôn giáo cho các tỉnh phía Nam của Tổ quốc.

4.2.4. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long

Thứ nhất, tạo nguồn và nâng cao năng lực chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL

Tập hợp người tài, có thái độ tận tình, vượt khó, đạo đức, toàn tâm, toàn ý, tâm huyết truyền thụ vốn hiểu biết pháp luật làm chủ thể giáo dục pháp luật cho đội ngũ lãnh đạo tôn giáo vùng ĐBSCL. Toàn vùng ĐBSCL có 2.180 báo cáo viên pháp luật, 148 cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh, báo cáo viên, giảng viên luật. Thực tiễn cho thấy đội ngũ này, không nhiều chuyên gia, không có giảng viên chuyên trách với nghề giảng dạy pháp luật cho lực lượng chủ chốt trong tôn giáo. Từ quy định: “Nhà nước có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật” [67], chính quyền cấp tỉnh cần có chiến lược xây dựng lực lượng chuyên trách, giảng viên luật; quan tâm đào tạo nâng cao chuẩn kiến thức, bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, thao tác nghề nghiệp hàng năm như: Phương pháp giảng dạy hiện đại, tích cực, kỹ năng vận động chức sắc tôn giáo, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng nắm bắt tâm lý... bảo đảm “nhân hòa” trong giảng dạy pháp luật cho đội ngũ ưu tú trong tôn giáo.

Tăng cường bồi dưỡng các kỹ năng xử lý tình huống thực tiễn cho Báo cáo viên, giảng viên là chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo. Trước sự chuyển biến của tôn giáo Việt Nam trong giai đoạn mới, cũng như tính chất nhạy cảm, phức tạp của công tác tôn giáo, quản lý nhà nước về tôn giáo đòi hỏi chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo phải sâu rộng về kiến thức, giàu kỹ năng, nghiệp vụ trong giải quyết các công việc thực tiễn. Chính vì thế, song hành với đào tạo chủ thể giáo dục pháp luật ngoài cấu trúc dung lượng kiến thức nền tảng, cần có dung lượng kiến thức kỹ năng, nghiệp vụ và thời gian thực hành các kỹ năng này kết hợp với đi nghiên cứu thực tế, thực hành tại các cơ sở tôn giáo...phù hợp cho từng chương trình bồi dưỡng cụ thể.

Vận động chức sắc tôn giáo ở vùng ĐBSCL tham gia làm chủ thể giáo dục pháp luật, đồng thuận thực hiện nghiêm pháp luật.

Với sự gia tăng chức sắc, cơ sở đào tạo của tôn giáo vùng ĐBSCL hiện nay, nhiều lượt tu sĩ, nhà tu hành trưởng thành, bổ sung lực lượng lãnh đạo các tôn giáo. Đây là nguồn nhân lực được đào tạo khoa mục, nắm chắc kiến thức pháp luật đủ sức làm giảng viên, báo cáo viên pháp luật. Các cơ quan tổ chức giáo dục pháp luật phải thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, mời quý vị này tham gia vào hoạt động truyền thụ pháp luật cho chức sắc, tín đồ tôn giáo. Các cơ quan chức năng chủ động tích cực trong công tác tiếp xúc, vận động tranh thủ chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tổ chức tôn giáo; vận động, đoàn kết đồng bào các tôn giáo thông qua việc đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật ở địa phương. Thường xuyên gặp gỡ chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người có uy tín trong các tổ chức tôn giáo, tạo sự đồng thuận trong thực hiện chủ trương, chính sách và giáo dục tín đồ chấp hành pháp luật. Xây dựng lực lượng nòng cốt trong tôn giáo tạo nguồn lực cần thiết khi xử lý các vấn đề phức tạp trong tôn giáo. Phát triển đảng viên là

người có đạo và phân công nhiệm vụ cho đảng viên có đạo trong việc nắm tình hình và thực hiện tốt công tác dân vận với quần chúng, tín đồ. Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc, tín đồ sống “tốt đời, đẹp đạo”, đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, phát huy vai trò chức sắc, chuyển dần từ mô hình “Đẩy” sang mô hình “Kéo” trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long

Ở Việt Nam, tôn giáo ngày càng sôi động, nhiều chức sắc có học vấn (thế học) cao và được đào tạo chuyên sâu về giáo lý, thần học qua hệ thống trường lớp chính quy, bài bản. Nhiều lãnh đạo tôn giáo là Đại biểu dân cử, giảng viên... Chính vì thế, cần phát huy vai trò chức sắc tôn giáo, nguồn chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng Sông Cửu Long trong học tập, tự học pháp luật, chuyển dần sang chủ thể giáo dục pháp luật cho chức sắc, tín đồ các tôn giáo (chuyển dần từ mô hình “Đẩy” sang mô hình “Kéo”), theo hướng:

Xây dựng lực lượng thực hiện mô hình “Kéo” trong tôn giáo. Các Giáo hội chú trọng chọn nguồn nhân lực đưa đi đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ giảng viên pháp luật trong các trường học tôn giáo. Các ứng viên được lựa chọn đào tạo ngoài nước, trong nước theo những tiêu chuẩn, tiêu chí nhất định, hướng đến mục tiêu cống hiến vì một xã hội phồn vinh, hạnh phúc, “tốt đời, đẹp đạo”. Ưu tiên chọn lực lượng có trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên đưa đào tạo các ngành tôn giáo, pháp luật ở các viện trường đại học trong và ngoài nước. Tham chiếu kinh nghiệm các quốc gia trên thế giới có nhiều kết quả tích cực trong giáo dục pháp luật, thực hiện chính sách tôn giáo, các Giáo hội một mặt tăng cường cử lực lượng du học các trường đại học của tôn giáo trên thế giới có mối quan hệ mật thiết tôn giáo mình (Giáo hội Phật giáo Việt Nam cử ứng viên học các trường đại học của Phật giáo Thái Lan, Myanmar... đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành tôn giáo cho Linh mục, tu sỹ Công giáo tại các trường tôn giáo tại Hoa Kỳ, Tây Ban Nha...),

mặt khác các Giáo hội tiếp tục nâng cao chất lượng cơ sở đào tạo của mình, tập trung đào tạo nguồn lực chất lượng cao bổ sung nguồn những chuyên gia pháp lý, nhà nghiên cứu tôn giáo có uy tín tham gia vào hoạt động truyền thụ pháp luật vào đời sống tôn giáo. Đồng thời, các tổ chức tôn giáo cử chức sắc trẻ học cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành quản lý nhà nước về tôn giáo, tôn giáo học tại các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước nhằm có điều kiện tham gia vào nhiều hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội, nâng cao vị thế, vai trò của chức sắc tôn giáo trong xây dựng và phát triển tôn giáo, phát triển dân tộc, phát triển đất nước. Đây là con đường hình thành lực lượng có kiến thức sâu về tôn giáo vùng ĐBSCL, có uy tín trong Giáo hội và cộng đồng, là lực lượng trực tiếp đưa các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; những giá trị của tôn giáo đối với đời sống xã hội, góp phần phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giúp chức sắc, tín đồ các tôn giáo hiểu, tự giác thực hiện pháp luật.

Với ĐBSCL hiện nay, cần ưu tiên xây dựng lực lượng thực hiện mô hình “Kéo” trong Phật giáo Nam tông Khmer và Islam giáo (Hồi giáo). Nhà nước cần có chính sách đãi ngộ dân tộc cho tăng sinh Khmer, đồng bào người Chăm trong đào tạo chức sắc khi thực hiện các Đề án và chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước. Trong đó, tập trung vào các vấn đề sau: Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng pháp luật cho chức sắc gắn cộng đồng dân tộc - tôn giáo, địa chính trị, củng cố, xây dựng lực lượng Hội đoàn kết Sư sãi yêu nước.

Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng pháp luật cho chức sắc gắn cộng đồng dân tộc - tôn giáo, địa chính trị. Ở Việt Nam, dân tộc thường được hiểu ở hai nghĩa. Ở nghĩa rộng, “dân tộc - quốc gia” là cộng đồng chính trị, văn hóa xã hội rộng lớn gồm nhiều cộng đồng tộc người trên một lãnh thổ nhất định do

nhà nước quản lý. Dân tộc hiểu theo nghĩa hẹp là tộc người, dân tộc Khmer, dân tộc Dao... Ở Tây Nam Bộ, Phật giáo Nam tông gắn liền với đời sống dân tộc Khmer, Islam giáo là sinh hoạt tôn giáo hầu hết của dân tộc Chăm.

Do vậy giáo dục pháp luật phải gắn liền với thực hiện chính sách dân tộc, thực hiện nghiêm chỉ đạo của Đảng tại Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư khóa XII “Về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới”, Nghị định số 141/2020/NĐ-CP, 08 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số... Đồng thời giáo dục pháp luật gắn với giáo dục chính trị tư tưởng, giải quyết thấu đáo vấn đề tôn giáo xuyên biên giới. “Đối với Tây Nam Bộ, chúng ta có thể thấy người Khmer có tính chất tôn giáo xuyên biên giới, bởi người Khmer ở Nam Bộ có mối quan hệ đồng tộc, đồng tôn, gắn bó chặt chẽ với người Khmer Campuchia. Người Chăm theo Islam, hay người Việt theo Công giáo, đạo Tin Lành, thậm chí là đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Minh lý đạo... đều có các yếu tố tôn giáo xuyên biên giới. Tuy nhiên, nổi lên vẫn là Phật giáo Nam tông Khmer và Chăm Islam” [103, tr.197]. Vì vậy trong những năm tới, cần tập trung tăng cường tuyên truyền giáo dục pháp luật gắn với công tác tư tưởng chính trị, nâng cao ý thức và lòng yêu nước cho chức sắc Nam tông Khmer sau khi du học về nước hoạt động đạo sự; tạo cơ chế cho Học viện Phật giáo Việt Nam và cộng đồng Chăm Islam tự đào tạo chức sắc theo chương trình đào tạo được Nhà nước công nhận; tăng cường quản lý chức sắc tôn giáo du học nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Củng cố Hội đoàn kết Sư sãi yêu nước hoạt động ở các tỉnh Tây Nam Bộ theo mô hình 2 cấp: Cấp tỉnh và cấp cơ sở (xã, phường) tham gia giáo dục pháp luật. Mỗi cấp đều có Ban Chấp hành hội, quy định số lượng Ủy viên Ban Chấp hành các cấp trong Điều lệ do Đại hội cấp đó quyết định. Nhiệm kỳ của Đại hội ở cấp tỉnh là 5 năm, cấp cơ sở là 2,5 năm. Ban Chấp hành hội cấp tỉnh 3 tháng họp một lần, cấp chi hội 1 tháng họp một lần, 6 tháng và 1 năm đều có sơ, tổng kết để đánh giá hoạt động, và củng cố kiện toàn tổ chức.

Xác lập cơ chế thực hiện mô hình “Kéo” trong giáo dục pháp luật cho “tín đồ đặc biệt” vùng ĐBSCL.

Các bộ, ngành trung ương cần ban hành các cơ chế, có quy định hỗ trợ tôn giáo đào tạo chức sắc trong và ngoài nước, quy định về thủ tục hành chính chức sắc du học, hợp tác đào tạo giữa các trường của tôn giáo trong và ngoài nước, quy định phối hợp đào tạo giữa trường của tôn giáo trong nước với các viện trường công lập, tư thục trong và ngoài nước; ban hành hướng dẫn các tôn giáo tham gia: “Hoạt động giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo của tổ chức tôn giáo được tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo theo quy định của pháp luật có liên quan” [70]. Đây là tiền đề “Kéo” lực lượng trọng yếu trong các tôn giáo tìm hiểu, thực hiện pháp pháp luật khi tham gia các hoạt động trên.

Bồi dưỡng kỹ năng tiếp cận, thực hiện pháp luật cho lãnh đạo tôn giáo thực hiện mô hình “Kéo” vùng ĐBSCL.

Thông qua giáo dục pháp luật, các cơ quan, tổ chức, cá nhân, phải giúp lãnh đạo các tôn giáo có kỹ năng nắm bắt kiến thức pháp luật tốt nhất, nhanh nhất và vận dụng có hiệu quả trong hoạt động tôn giáo. Đây là đào tạo hướng vào năng lực để người học từ chỗ hiểu đúng, hiểu thấu vấn đề mà đi đến sử dụng sự hiểu biết đó thực hành trong công việc cho có kết quả, hiệu quả. Vì vậy, trong giáo dục pháp luật, đầy đủ về nội dung, người báo cáo viên, giảng viên phải sử dụng thành thạo các phương tiện dạy học; kết hợp hài hòa các phương pháp giảng dạy tích cực, hiện đại; áp dụng các kỹ năng mềm (giao tiếp, ứng xử, xử lý điểm nóng trong công tác tôn giáo...) cho “tín đồ đặc biệt” tôn giáo vùng ĐBSCL, gắn lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành. Qua các lớp học, lãnh đạo tôn giáo được cung cấp kiến thức pháp luật và trang bị kỹ năng nhận diện và đấu tranh đối với hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vi phạm pháp luật, tiến tới tự đào tạo, tích lũy, truyền thụ kiến thức pháp luật trong chức sắc, tín đồ tôn giáo. Từ đó góp phần nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo, kiên quyết đấu

tranh và xử lý nghiêm minh những đối tượng lợi dụng tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; chia rẽ, phá hoại đoàn kết tôn giáo và khối đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ ba, hoàn thiện chương trình đào tạo, xây dựng chương trình khung bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

Nội dung giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL phải chọn lọc, tích hợp, đúng quy định của Đảng và Nhà nước, phù hợp với các yếu tố tự nhiên, xã hội vùng ĐBSCL gắn với giáo dục kiến thức quốc phòng và an ninh, kiến thức lịch sử vùng đất Nam Bộ. Về nguyên tắc, không phải là truyền tải những kiến thức mà chủ thể có mà phải là giáo dục pháp luật những vấn đề mà chức sắc tôn giáo cần, tăng dần cấp độ nhận thức pháp luật (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp). Vì vậy:

Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thống nhất chương trình, nội dung môn học pháp luật trong nhà trường tôn giáo. Năm 2020, Ban Tôn giáo Chính phủ biên soạn “*Tập bài giảng môn học pháp luật Việt Nam trong cơ sở đào tạo tôn giáo*” [7] và ngày 20/02/2020 có Quyết định 35/QĐ-TGCP, ban hành Chương trình môn học này. Đến hiện nay chưa có hướng dẫn chi tiết thực hiện chương trình, nội dung (tiêu chuẩn giảng viên, báo cáo viên, câu hỏi ôn tập, thảo luận...) theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Vì thế, Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp, các cơ quan liên quan hướng dẫn chương trình, nội dung giảng dạy môn học pháp luật trong các Trường Trung cấp, Cao đẳng, Học viện, Đại chủng viện, Viện Thánh kinh thần học và tương đương của các tổ chức tôn giáo.

Song song đó, với sự chuyển biến của tôn giáo Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng 4.0 cần hướng đến xây dựng mới chương trình khung bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật cho chức sắc tôn giáo. Mục tiêu chung: Đây là chương trình riêng, bồi dưỡng cập nhật kiến thức pháp luật mới, được tích hợp từ những nội dung giáo dục pháp luật theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật giáo dục quốc phòng và an

ninh, Luật tín ngưỡng, tôn giáo và giáo dục pháp luật chuyên đề cho lực lượng “quần chúng đặc biệt” trong tôn giáo.

Mục tiêu cụ thể

- Về phẩm chất chính trị: Rèn luyện đội ngũ lãnh đạo Giáo hội phẩm chất yêu nước, công dân tốt của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- Về kiến thức: Khối kiến thức chung (Chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo); Khối kiến thức pháp luật gắn với quốc phòng, an ninh trong tình hình mới ở ĐBSCL. Khối kiến thức bổ trợ (chuyên đề thực tiễn, nghiên cứu thực tế). Chuyển chuyên đề Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo trong chương trình, nội dung bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho chức sắc tôn giáo tại Thông tư số 172/2020/TT-BQP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ Quốc phòng sang Chương trình khung này.

- Về kỹ năng thái độ: Bảo đảm chức sắc, tín đồ các tôn giáo hiểu biết và thực hiện tốt chính sách, pháp luật; nhận diện và đấu tranh đối với hành vi trái pháp luật trong hoạt động đạo sự.

Thời gian: 3,5 ngày

TT	Nội dung
1	Chuyên đề 1. Chính sách tôn giáo ở Việt Nam hiện nay
2	Chuyên đề 2. Quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo
3	Chuyên đề 3, 4 Pháp luật của Nhà nước Việt Nam về tôn giáo gắn với quốc phòng, an ninh trong tình hình mới ở ĐBSCL; Cơ sở pháp lý, cơ sở lịch sử chủ quyền vùng đất Nam Bộ, Việt Nam.
4	Chuyên đề 5. Kỹ năng nhận diện và đấu tranh đối với hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vi phạm pháp luật
5	Chuyên đề 6: Kiến thức bổ trợ: Những quy định mới về xây dựng, đất tôn giáo...
6	Tham quan thực tế tại công trình tôn giáo tiêu biểu, di tích quốc gia...
7	Thu hoạch cuối khóa
8	Tổng kết, bế giảng

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp, cơ quan phối hợp: Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Giảng viên, báo cáo viên thực hiện chương trình khung bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật cho chức sắc tôn giáo: Giảng viên chính và tương đương trở lên.

- Cơ quan triệu tập dự học: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

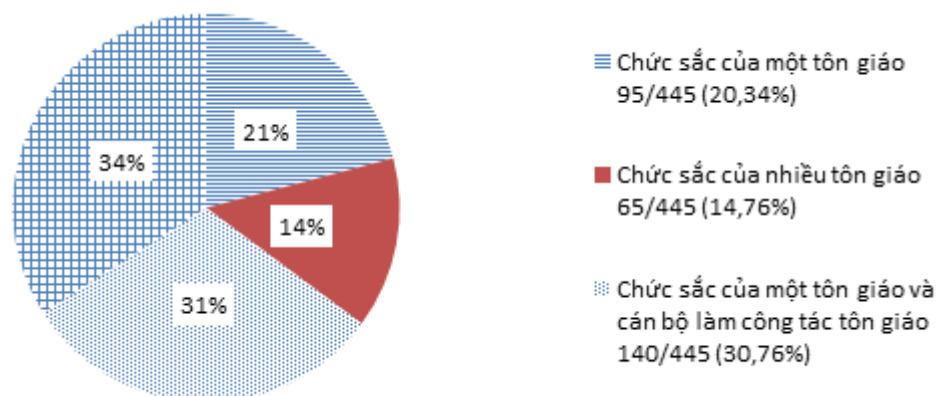
- Chế độ cho chức sắc dự học: Khi bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật xa nơi cư trú được bố trí nơi nghỉ, hỗ trợ phương tiện hoặc thanh toán tiền tàu, xe một lần đi, về và hỗ trợ tiền ăn; tài liệu học tập do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Thứ tư, đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL

Từ xác định và đổi mới nội dung pháp luật cần phải đồng bộ với đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL

Theo điều tra xã hội học, mong muốn của chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL:

Biểu đồ 4.2: Ghi nhận của chức sắc tôn giáo, đối tượng tiếp nhận kiến thức hiệu quả nhất



Nguồn: [Phụ lục 2].

Từ kết quả khảo sát, công tác giáo dục pháp luật cần tập trung chọn một trong hai hình thức mở lớp: Mở lớp cho chức sắc của nhiều tôn giáo và cán bộ

làm công tác tôn giáo; mở lớp chức sắc của một tôn giáo và cán bộ làm công tác tôn giáo, dùng nhiều cách thức giảng dạy hiện đại. Trong thời gian mở lòng ghép các hoạt động văn hóa, văn nghệ đi thực tế... xây dựng các tiểu phẩm pháp luật, phóng sự, phim tài liệu liên quan trực tiếp đến vai trò của các chức sắc tôn giáo trong thực hiện an sinh xã hội, đại đoàn kết dân tộc... lòng ghép phục vụ trong hoạt động giáo dục pháp luật, tạo sự tương tác giữa cán bộ với lãnh đạo tôn giáo. Tiếp tục phát huy sức mạnh của các phương tiện dạy học hiện đại trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, kết hợp chặt chẽ giữa hình thức, phương pháp giáo dục với vận động chức sắc thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước. Trong giai đoạn mới, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia vào trong đổi mới kịp thời hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật; Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 phê duyệt Đề án "Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030", cần bổ sung, đổi mới phương thức tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo qua các hình thức sau:

Giáo dục pháp luật thông qua cổng, trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội.

Với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin hiện nay, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức tôn giáo, chức sắc tôn giáo đều có các cổng, trang thông tin điện tử, tham gia các mạng xã hội. Với tính tiện ích cho người dùng cổng thông tin, trang thông tin, trang mạng xã hội là không giới hạn không gian, thời gian, chi phí thấp, lan tỏa thông tin nhanh... Vì vậy các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo cần tăng cường đưa các nội dung giáo dục pháp luật trên các cổng, trang thông tin, trang mạng xã hội

giúp chức sắc tôn giáo truy cập, tìm hiểu, học tập pháp luật mọi lúc, mọi nơi. Việc sử dụng cổng, trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội vừa tăng hiệu quả hoạt động giáo dục pháp luật, vừa giúp giảm bớt một phần kinh phí cho ngân sách nhà nước. Trong bối cảnh tinh gọn bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp, mở rộng không gian địa lý cho bước phát triển mới của đất nước, việc áp dụng hình thức này giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo thay cho hình thức phổ biến pháp luật trực tiếp qua hội nghị, hội thảo là cần thiết, bảo đảm hiệu quả.

Giáo dục pháp luật thông qua “trợ lý ảo”

Trợ lý ảo là một phần mềm thông minh dựa trên trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ con người trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục pháp luật, nhất là cung cấp thông tin, phổ biến văn bản pháp luật mới. Đặc biệt ứng dụng AI triển khai hệ thống hỏi đáp pháp luật tự động trong một số lĩnh vực và một số đối tượng cụ thể, trong đó có tính năng hỗ trợ đa ngôn ngữ, bao gồm cả ngôn ngữ của một số dân tộc thiểu số ở ĐBSCL nhằm nâng cao khả năng tiếp cận thông tin pháp luật cho các chức sắc tôn giáo, tôn giáo gắn với tộc người (Phật giáo Nam tông Khmer, Islam Chăm), “trợ lý ảo” tư vấn pháp luật, giải thích pháp luật cho chức sắc tôn giáo. Hình thức này sẽ bổ sung, thay thế hình thức giáo dục pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật.

Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo qua “tài liệu số” “sách nói pháp luật”

Các chủ thể số hóa tài liệu, sách, tạp chí thành tài liệu số dung trong giáo dục pháp luật giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo thành “tài liệu số” chia sẻ cho chức sắc tôn giáo học tập, nghiên cứu. Đồng thời xây dựng phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số xây dựng thư viện số, thư viện điện tử, cung cấp sách điện tử, “sách nói pháp luật” cho chức sắc tôn giáo đọc và “nghe” để học tập nâng cao kiến thức pháp luật của bản thân và

thực hành lối sống theo pháp luật, lan tỏa các giá trị pháp luật trong hoạt động tôn giáo và xã hội.

Về vật lực: Xác lập cơ chế tài chính, tài sản phục vụ hoạt động giáo dục pháp luật cho lãnh đạo tôn giáo vùng ĐBSCL.

Kinh phí giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo nói riêng mặc dù đã được quan tâm, nhưng ở vùng ĐBSCL vẫn rất khó khăn. Nhiều địa phương vùng ĐBSCL chưa tự cân đối được ngân sách, phải phụ thuộc ngân sách trung ương nên không chủ động bố trí. Bên cạnh đó, giáo dục pháp luật là hoạt động mang tính xã hội, phi lợi nhuận nên việc huy động nguồn lực vật chất từ xã hội, cộng đồng doanh nghiệp rất khó khăn; chưa có chính sách ưu đãi cụ thể cho các cá nhân, tổ chức ngoài Nhà nước tham gia hoạt động giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo nên rất khó thực hiện xã hội hóa. Mặt khác chức sắc tôn giáo chưa được xác định cụ thể là đối tượng đặc biệt nên chưa có đề án lớn, giao kinh phí triển khai riêng. Vì vậy, thời gian tới cần luật hóa lãnh đạo các tôn giáo là đối tượng đặc biệt hay cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư trong Luật phổ biến giáo dục pháp luật, làm cơ sở xây dựng đề án, bố trí kinh phí thực hiện.

Nhà nước chú trọng hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị dạy học cho các trường học tôn giáo công lập. Vùng ĐBSCL có 02 trường đào tạo chức sắc do Nhà nước trực tiếp quản lý, trong chương trình đào tạo có nội dung giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo Phật giáo Nam tông Khmer (Trường Bổ túc Văn hóa Pali Trung cấp Nam Bộ (thuộc UBND tỉnh Sóc Trăng) và Trường Trung cấp Pali-Khmer tỉnh Trà Vinh (thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh). Chính quyền các tỉnh trong vùng Nam Bộ cần tập trung đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị dạy học 2 cơ sở đào tạo này.

Song song đó, nhà nước cần hỗ trợ cơ chế đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị dạy học cho các trường học tôn giáo quản lý. Đối với Học viện

Phật giáo Nam tông Khmer, xuất phát từ mục tiêu là đào tạo chư Tăng trẻ có năng lực, trình độ, chuyên môn và chuyên sâu cao ở cấp độ Cử nhân, trở thành người hữu dụng để phục vụ các công tác Phật sự của các cấp Giáo hội từ Trung ương đến địa phương, phục vụ cộng đồng dân tộc Khmer, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo. Nhà nước cần có Đề án và chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tháo gỡ bất cập về chính sách đào tạo chư Tăng Khmer, tạo điều kiện cho Phật giáo Nam tông phát triển đồng hành cùng dân tộc. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng ĐBSCL hỗ trợ cơ chế giúp 19 trường học của tôn giáo đầu tư giảng đường, thiết bị dạy học, huy động tài chính... trong tổ chức đưa pháp luật đến đội ngũ đứng đầu các tôn giáo.

Tập trung xây dựng, ban hành quy chế phối hợp giáo dục pháp luật cho lãnh đạo các tôn giáo vùng ĐBSCL.

Phối hợp hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật, Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh các cấp trong giáo dục pháp luật cho “tín đồ đặc biệt” vùng ĐBSCL là một phương thức, một hình thức, một quy trình kết hợp hoạt động của hai Hội đồng và thành viên lại với nhau (Hội đồng cấp Trung ương và Hội đồng cấp tỉnh) để bảo đảm cho Chính phủ, UBND cấp tỉnh tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL. Hai Hội đồng tập trung xác định ba hoạt động phối hợp sau: Giảng dạy môn học pháp luật Việt Nam, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho người chuyên hoạt động tôn giáo.

Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật, Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh cấp trung ương ban hành quy chế phối hợp mẫu làm cơ sở Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật, Hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh ở địa phương cụ thể hóa cho cấp mình, thực hiện thống nhất trong toàn quốc.

4.2.5. Nhóm giải pháp đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam

Hợp tác quốc tế trong truyền đạt pháp luật cho lực lượng truyền đạo, hành đạo và quản đạo góp phần hiện thực hóa quan hệ đối ngoại tôn giáo. Nghị quyết 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo đã đề ra nhiệm vụ: “Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước; đấu tranh làm thất bại những luận điệu, tuyên truyền xuyên tạc, vu khống của các thế lực thù địch bên ngoài đối với tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo ở nước ta”. Để thực hiện đầy đủ chỉ đạo của Đảng, cần quan tâm:

Thứ nhất, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục pháp luật cho lãnh đạo Giáo hội vùng ĐBSCL từ công tác đối ngoại của các cơ quan nhà nước.

Bộ Dân tộc và Tôn giáo làm đầu mối liên hệ với các tổ chức tôn giáo trong nước và quốc tế, đối ngoại tôn giáo và đấu tranh nhân quyền trên lĩnh vực tôn giáo. Đặc thù vùng Tây Nam Bộ về về đối ngoại tôn giáo, hầu như các tôn giáo đều có quan hệ quốc tế rộng rãi. Tại các cơ chế báo cáo định kỳ của Ủy ban Tự do tôn giáo Quốc tế Mỹ (USCIRF), Bộ Ngoại giao Mỹ về tình hình nhân quyền, tự do tôn giáo, bên cạnh việc ghi nhận tình hình tôn giáo Việt Nam có tiến triển tích cực, các báo cáo tiếp tục nêu một số nội dung nhận định thiếu khách quan, sai lệch về tình hình tự do tôn giáo, tín ngưỡng của Việt Nam. Song song đó, một số phần tử cực đoan ở nước ngoài vu cáo Việt Nam vi phạm nhân quyền, đàn áp đồng bào dân tộc, tôn giáo ít người ở Tây Nam Bộ.

Để thực hiện đối ngoại và đấu tranh nhân quyền trên lĩnh vực tôn giáo đạt hiệu quả cao nhất, Bộ Dân tộc và Tôn giáo làm đầu mối, mở rộng hợp tác với các nước trên lĩnh vực tôn giáo, nhân quyền, tạo sự ủng hộ của bạn bè quốc tế; tăng cường tuyên truyền đối ngoại, từng bước làm thất bại luận điệu sai trái của các thế lực thù địch.

Tăng cường mối quan hệ, hợp tác với Lào, Campuchia ổn định an ninh tôn giáo khu vực Tây Nam Bộ. Việt Nam với Lào, Campuchia là 3 nước láng giềng có mối quan hệ đặc biệt, hợp tác toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Việt Nam đã ký Thỏa thuận hợp tác với Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào Xây dựng Đất nước, Bộ Lễ nghi và Tôn giáo Campuchia, thường xuyên trao đổi đoàn cấp cao, tổ chức lớp tập huấn về công tác tôn giáo, trao đổi kinh nghiệm về công tác tôn giáo giữa các tỉnh biên giới Việt Nam với Lào, Campuchia [12, tr.347]. Ban Tôn giáo Chính phủ và Bộ Lễ nghi-Tôn giáo Campuchia trao đổi, hợp tác trong công tác bồi dưỡng, đào tạo, tạo điều kiện cho Phật giáo hai nước tăng cường giao lưu, hợp tác trong các hoạt động phật sự, đào tạo tăng sinh... Từ kết quả đạt được, Bộ Dân tộc và Tôn giáo cần tham mưu lãnh đạo Đảng, Nhà nước tiếp tục tăng cường hợp tác với Lào, Campuchia tạo cơ chế giúp chức sắc được đào tạo, tiếp cận nội dung, hình thức giáo dục pháp luật ở các trường tôn giáo của ba quốc gia; các bên đã thống nhất phối hợp xử lý các vụ việc phức tạp nảy sinh ở khu vực biên giới, phối hợp đấu tranh các hành vi lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá Việt Nam, góp phần xây dựng biên giới hòa bình, ổn định và phát triển.

Hợp tác quốc tế trong đào tạo chức sắc Phật giáo Nam tông và Islam. Chính phủ tăng cường ngoại giao với các quốc gia các có nhiều tín đồ Phật giáo Nam tông (Campuchia, Thái Lan...), tạo điều kiện hợp tác đào tạo chức sắc Phật giáo Nam tông; xác định Phật giáo Campuchia và Phật giáo Nam tông Khmer Tây Nam Bộ có Giáo hội hoạt động độc lập.

Chính phủ, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Ngoại giao, tiếp tục thúc đẩy: “Đại sứ quán Malaysia, Indonesia tại Việt Nam thông qua “Ngân hàng Phát triển Hồi giáo” (Islam Development Bank - IDB) tài trợ các xuất học bổng cho các sinh viên là tín đồ Hồi giáo đi học về tôn giáo và các môn học kỹ thuật khác tại các nước này. Hội nghị Bộ trưởng phụ trách Hồi giáo các nước ASEAN đã được tổ chức để bàn về vấn đề Hồi giáo trong khối, có mời Việt Nam tham gia...” [12, tr.339].

Thứ hai, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục pháp luật cho lực lượng chủ chốt trong tôn giáo vùng ĐBSCL từ hoạt động đối ngoại của các Giáo hội.

Thực hiện quy định của Đảng: “Hướng dẫn các tôn giáo thực hiện quan hệ đối ngoại phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước” [5], các cơ quan có thẩm quyền giúp đỡ, tạo điều kiện các Giáo hội đa dạng các kênh đối ngoại quốc tế. Bên cạnh đó, do nhiều nguyên nhân khác nhau nên một số tôn giáo nội sinh (Phật giáo Hòa Hảo, đạo Cao Đài...) có một bộ phận chức sắc, giáo dân đang sinh sống ở một số quốc gia trên thế giới. Các Giáo hội thường xuyên cử đoàn, cá nhân tham dự hội nghị, hội thảo, giao lưu, tăng cường các mối quan hệ với các tổ chức tôn giáo ngoài nước. Với lợi thế bạn bè, đồng đạo quốc tế, thắt chặt tình hữu nghị, các tôn giáo trong và ngoài nước có nhiều hợp tác trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ngang tầm thế giới. Đây là tín hiệu tích cực, Bộ Dân tộc và Tôn giáo cần có hướng dẫn, hỗ trợ các Giáo hội pháp huy tính tích cực hợp tác này trong thời gian tới.

Thứ ba, cấp ủy, chính quyền hỗ trợ các tôn giáo Tây Nam Bộ tổ chức các sự kiện, đón tiếp các đoàn công tác đến trao đổi công tác tôn giáo, giáo dục pháp luật.

Trong giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện ngày nay, hàng năm có nhiều đoàn công tác, chức sắc tôn giáo nước ngoài đến làm việc, giao lưu, hội thảo khoa học, giảng đạo...tại các cơ sở thờ tự của tôn giáo vùng ĐBSCL. Các hoạt động này, cấp ủy, chính quyền phối hợp với Giáo hội thực hiện đúng quy định pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho tôn giáo vùng ĐBSCL gần gũi hơn với bạn bè đồng đạo quốc tế, thực hiện đối ngoại Nhân dân, Qua đó, góp phần giới thiệu hình ảnh và thành tựu công cuộc đổi mới, tính ưu việt của chính sách, pháp luật về tôn giáo Việt Nam với bạn bè quốc tế, góp phần đấu tranh có hiệu quả với những hành động cực đoan của một số lực lượng thiểu thiện chí, xuyên tạc chính sách tôn giáo Việt Nam.

4.2.6. Nhóm giải pháp xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam

Là đối tượng đặc biệt trong giáo dục pháp luật, nhưng chưa xác định là cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư trong thực hiện pháp luật đồng bộ các quy định của pháp luật. Thông tư số: 03/2018/TT-BTP ngày 10/03/2018 của Bộ Tư pháp quy định Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật bao gồm nội dung Bộ Tiêu chí; đánh giá, chấm điểm, xếp loại hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và biện pháp bảo đảm thực hiện, có xác định: “Chỉ đạo các nhà trường, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý tổ chức giáo dục pháp luật trong cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; bố trí, chuẩn hóa, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giáo viên, giảng viên dạy pháp luật thuộc phạm vi quản lý”, chưa có xác định tiêu chí đánh giá hiệu quả giáo dục pháp luật qua hoạt động giáo dục pháp luật của Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật do Bộ Dân tộc Tôn giáo, Sở Dân Tộc và Tôn giáo, cơ sở đào tạo tôn giáo...thực hiện. Vì vậy trong thời gian tới, cùng với việc đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo Thông tư 03, vai trò là Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp Bộ Dân Tộc và Tôn giáo, các Bộ ngành liên quan ngoài việc xây dựng chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật cho chức sắc tôn giáo cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo theo các nhóm thành phần: Về mục tiêu (nhận thức kiến thức pháp luật, niềm tin, tình cảm và hành vi, lối sống theo pháp luật); tiêu chí triển khai các hoạt động giáo dục pháp luật; tiêu chí về các điều kiện bảo đảm thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; tiêu chí đánh giá hiệu quả tác động của hoạt động giáo dục pháp luật đối với tôn giáo và xã hội.

Kết luận chương 4

Để tăng cường hoạt động giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc biệt vùng ĐBSCL ở Việt Nam cần quán triệt các quan điểm của Đảng, luật pháp của Nhà nước; đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục phù hợp các yếu tố đặc thù vùng ĐBSCL; phát huy thế mạnh và vai trò “tín đồ đặc biệt” trong phối hợp các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tham gia giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo. Ủy ban nhân cấp tỉnh cần tranh thủ sự lãnh đạo của trung ương, tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác giáo dục pháp; hoàn thiện nội dung, chương trình phù hợp tình hình tôn giáo vùng ĐBSCL; chuyển dần từ mô hình “Đẩy” sang mô hình “Kéo” trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL.

KẾT LUẬN

Xuất phát từ mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu, luận án đã đi sâu nghiên cứu vấn đề: Giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam, cho thấy:

Công tác giáo dục pháp luật cho nhân dân nói chung và chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL nói riêng luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm. Đây là đối tượng đặc biệt, cụ thể, chịu sự chi phối của thần quyền và thế quyền, với mục tiêu hình thành ở tri thức pháp luật, tình cảm pháp luật và hành vi, lối sống phù hợp với quy định pháp luật cho chức sắc tôn giáo bằng những hình thức, phương pháp đặc thù, kết hợp chặt giữa giáo dục với vận động “quần chúng đặc biệt” sống tốt đời, đẹp đạo.

Các đặc điểm tạo nên bản sắc vùng Tây Nam Bộ đã tác động đến tình hình tôn giáo qua tính đa dạng tôn giáo, nơi phát tích phần lớn các tôn giáo nội sinh, nhiều tôn giáo có trên 50% chức sắc tôn giáo...

Qua các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, dựa trên kết quả điều tra xã hội học từ báo cáo viên, giảng viên pháp luật, chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL, cùng với những thông tin, tư liệu có sẵn, luận án đã phân tích, đánh giá thực trạng giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL trên hai mặt: những kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập của hoạt động này; chỉ ra được nguyên nhân của thực trạng đó. Từ đó, luận án xác định các quan điểm và đề xuất thực hiện 6 nhóm giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL trong thời gian tới đạt nhiều chất lượng, hiệu quả: Chủ thể, đối tượng giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức mục tiêu, ý thức trách nhiệm trong phối hợp giáo dục pháp luật; đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật; hoàn thiện bộ máy làm công tác giáo dục pháp luật; thực hiện đầy đủ các điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL; phát huy vai trò chức sắc tôn giáo chuyển dần từ mô hình “Đẩy” sang mô hình “Kéo” trong giáo dục pháp luật; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Dương Văn Chấm (2004), “Chính sách tôn giáo một số quốc gia trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, ISSN 2354-0761 số 347 (12).
2. Dương Văn Chấm (2024), “Nâng cao hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc tôn giáo”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, ISSN 2354-0761 số 342 (7).
3. Dương Văn Chấm (2024), “Phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc tôn giáo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, p ISSN 3030-4776, số 417
4. Dương Văn Chấm (2024), “Giải pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy và nhân sự quản lý nhà nước về tôn giáo ở đồng bằng sông Cửu Long” *Tạp chí Quản lý nhà nước*, ISSN e-2815-5831.
5. Dương Văn Chấm (2025), “Một số giải pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, ISSN 2354-0761 số 352 (5).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Ngọc Anh (2020), *Quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đào Duy Anh (2000), *Từ điển Hán - Việt*, Nxb Khoa học xã hội.
3. Albert P.Blaustein, Jay A.Sigler (2013), *Các bản hiến pháp làm nên lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2003), *Chỉ thị số 32/CT/TW ngày 09/12/2003 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*.
5. Ban Chấp hành Trung ương (2003), *Nghị quyết số 25-NQ/TW về công tác tôn giáo (16/10/2003)*, Hà Nội.
6. Ban Chấp hành Trung ương (2020), *Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*.
7. Ban Tôn giáo Chính phủ (2020), *Tập bài giảng môn học pháp luật Việt Nam trong cơ sở đào tạo tôn giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
8. Ban Tôn giáo Chính phủ (2024), *Báo cáo Tổng kết tình hình, công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo của Ban Tôn giáo Chính phủ từ năm 2017 đến 2023*, Tài liệu lưu trữ, Hà Nội.
9. Ban Tôn giáo Chính phủ (1999), *Quy chế hoạt động của Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo*, Tài liệu lưu trữ, Hà Nội, 1999.
10. Ban Tôn giáo Chính phủ (2024), *Báo cáo chuyên đề: Tình hình tôn giáo, tín ngưỡng và công tác quản lý nhà nước về tôn giáo ở nước ta hiện nay - Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian tới*, tài liệu lưu trữ, Hà Nội.

11. Ban Tôn giáo Chính phủ (2020), *Quyết định số 35/QĐ-TGCP ngày 20/02/2020, Ban hành chương trình môn học lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam trong các cơ sở đào tạo tôn giáo*, Hà Nội.
12. Ban Tôn giáo Chính phủ (2021), *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền chính sách pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tín ngưỡng, tôn giáo theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ*, Hà Nội.
13. Bộ Chính trị (2018), *Chỉ thị 18-CT/TW (2018) của Bộ Chính trị Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25/NQ-TW của BCHTW khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới*, Tài liệu lưu trữ, Hà Nội.
14. Bộ Nội vụ (2024), *Báo cáo tổng kết tình hình, công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2025* (Báo cáo số 771/BC-BNV ngày 27/12/2024), Tài liệu lưu trữ, Hà Nội.
15. Bộ Thông tin và truyền thông (2021), *Sự chuyển biến của tôn giáo Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng 4.0*, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
16. Bộ Tư pháp (2023), *Báo cáo Tổng kết thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật*, Số: 45/BC-BTP, ngày 15 tháng 02 năm 2023; *Báo cáo Tổng kết Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017-2021 theo Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ*, Số: 22/BC-BTP Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2022.
17. Lưu Bành (2009), *Tôn giáo Mỹ đương đại*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
18. Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh (2022), *Hiến chương Đại Đạo Tam kỳ phổ độ Tòa thánh Tây Ninh năm Nhâm dần*.
19. Chính phủ, *Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Tư pháp*.

20. Chính phủ, *Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo*.
21. Trương Hải Cường (2012), *Một số vấn đề về tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Nguyễn Hồng Dương (2015), *Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
32. Đặng Thế Đại, (2018), *Tín ngưỡng nội sinh Việt Nam qua cái nhìn Văn hóa học*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
33. Đặng Viết Đạt, Hoàng Thị Quyên (2019), *Chức sắc phật giáo Nam tông Khơme trong phổ biến, giáo dục pháp luật vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

34. Trần Ngọc Đường, Dương Thanh Mai (1995), *Bàn về giáo dục pháp luật*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Hoàng Minh Đô, Nguyễn Phú Lợi (2022), *Phật giáo Nam tông Khmer vùng Tây Nam Bộ và chính sách của Đảng, nhà nước Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
36. Nguyễn Khắc Đức (2022), *Phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Lý Nam Hải (2021), *Phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.
38. Phạm Thanh Hằng (2020), *Tiến trình nhận thức của Đảng Cộng sản Trung Quốc về tôn giáo từ năm 1949 đến nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
39. Phạm Thanh Hằng (2022), *Chính sách tôn giáo của Mỹ và góc nhìn tham chiếu với Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
40. Đặng Thị Thu Huyền (2013), *Giải pháp nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong ngành giáo dục*, Đề tài cấp Bộ, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
41. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2016), *Giáo hội Công giáo Việt Nam - Niên giám 2016*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
42. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Khoa Nhà nước và pháp luật (1999), *Đổi mới giáo dục pháp luật trong hệ thống các trường Chính trị ở nước ta hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
43. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Tôn giáo và tín ngưỡng (2020), *Nguồn lực tôn giáo: Kinh nghiệm trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
44. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2015), *Văn hóa tôn giáo với sự phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

45. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2015), *Chính sách, pháp luật về tôn giáo, tín ngưỡng của Việt Nam: 25 năm nhìn lại*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
46. Đỗ Lan Hiền (2011), *Khoan dung tôn giáo với dân chủ, đoàn kết và đồng thuận xã hội - Trường hợp Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
47. Minh Hồng (2019), *Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc gặp mặt, biểu dương chức sắc, chức việc tôn giáo có đóng góp tiêu biểu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, Tạp chí Công tác Tôn giáo, số 9/2019.
48. Đỗ Quang Hưng (chủ biên), (2003) *Bước đầu tìm hiểu Nhà nước và giáo hội*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
49. Đỗ Quang Hưng, Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Nguyễn (2008), *Bàn về tôn giáo - Nghiên cứu, sưu tầm, chú giải*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
50. Đỗ Quang Hưng (2008), *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
51. Đỗ Quang Hưng (chủ biên) (2022), *Nhà nước pháp quyền và tôn giáo ở Việt Nam*, tập 1, Tôn giáo và xã hội, Nxb Hà Nội.
52. Đỗ Quang Hưng (2022), *Nhà nước pháp quyền và tôn giáo ở Việt Nam*, tập 2, Tôn giáo và luật pháp, Nxb Hà Nội.
53. Đỗ Quang Hưng (2022), *Nhà nước pháp quyền và tôn giáo ở Việt Nam*, tập 3, Tôn giáo và Nhà nước, Nxb Hà Nội.
54. Hội đồng Lý luận Trung ương - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội (2018), *Nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước hiện nay* (Kỷ yếu tọa đàm khoa học), Hà Nội.
55. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Khoa Nhà nước và pháp luật, (2004), *Tài liệu học tập và nghiên cứu môn học Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb LLCT, Hà Nội.
56. Trần Trọng Kim (2008), *Việt Nam sử lược*, Nxb Văn học, Hà Nội.
57. Nguyễn Duy Lâm (chủ biên) (1997), *Một số vấn đề về phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

58. Lê Văn Lợi (chủ biên) (2018), *Giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
59. Phan Huy Lê (chủ biên) (2016), *Vùng đất Nam Bộ quá trình hình thành và phát triển*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
60. Ngô Văn Lê (chủ biên) (2017), *Vùng đất Nam Bộ (tập VII) Đặc trưng tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
61. Ngô Văn Lê (2007), *Di dân và những vấn đề đặt ra, trong sách: Những vấn đề khoa học xã hội và nhân văn*, Nxb Đại Học Quốc Gia Tp.HCM.
62. Nguyễn Đức Lữ (2007), *Những đặc điểm cơ bản của một số tôn giáo lớn ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
63. Lê Quốc Lý (chủ biên) (2007), *Chính sách đối với Phật giáo Nam tông Khmer và đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
64. Dương Thị Thanh Mai (1996), *Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp ở Việt Nam (bằng thực tiễn của tòa án và luật sư)*, Luận án Phó Tiến sĩ khoa học luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
65. Trần Văn Giàu (1987) (Chủ biên), *Địa chỉ văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Tp.Hồ Chí Minh.
66. Giáo hội Công giáo (1986), *Bộ Giáo luật (ấn bản Việt ngữ)*, Nguyệt san Trái tim Đức Mẹ, Rô-ma.
67. Quốc hội (2012), *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
68. Quốc hội (2013), *Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh*, Hà Nội.
69. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
70. Quốc hội (2016), *Luật tín ngưỡng, tôn giáo*, Hà Nội.
71. Huỳnh Thanh Quang (chủ biên) (2021), *Phát huy vai trò của chức việc trong vận động tín đồ tôn giáo thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

72. Huỳnh Thanh Quang (chủ biên) (2022), *Phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
73. Hoàng Thị Kim Quế (2003), “*Bàn về ý thức pháp luật*”, Tạp chí Luật học, (1).
74. Hoàng Thị Kim Quế (chủ biên) (2007), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
75. Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh, Vũ Văn Hoàng Hà (2012), *Hỏi và đáp chính sách của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
76. Trần Thị Sáu (2012), *Giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.
77. Nguyễn Đức Sự (2001), *Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin bàn về tôn giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
78. Súc Ni Lăn Đon Kun Lạ Vông (2015), *Giáo dục pháp luật trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
79. Nguyễn Quốc Sửu (2011), *Giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
80. Nguyễn Văn Sỹ (chủ biên) (2022), *Hoạt động an sinh xã hội của một số tôn giáo nội sinh ở Tân Nam Bộ hiện nay*, Nxb Lao động, Hà Nội.
81. Vũ Chiến Thắng (2019), *Tôn giáo tham gia công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, Tạp chí Công tác Tôn giáo, số 8/2019.
82. Nguyễn Cao Thanh (2007), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Trung Quốc*, Tạp chí Công tác Tôn giáo, số 7 và 8/2007.

83. Cao Văn Thanh, Đâu Tuấn Nam (2011), *Một số vấn đề về tôn giáo và công tác tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
84. Trần Ngọc Thêm (2014), *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ.
85. Nguyễn Quang Thuấn (chủ biên) (2021), *Giải pháp phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
86. Dương Thành Trung (2013), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
87. Dương Thành Trung (2016), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
88. Thích Nhật Từ (chủ biên) (2019), *Chương trình Phật học Việt Nam và trên thế giới*, Nxb Hồng Đức.
89. Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (1997), *Ảnh hưởng của các hệ tư tưởng và tôn giáo đối với con người Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
90. Ngô Hữu Thảo (2009), *Thực trạng đội ngũ chức sắc một số tôn giáo lớn ở nước ta và những vấn đề đặt ra*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Hà Nội.
91. Tống Đức Thảo (2006), “*Giáo dục pháp luật góp phần nâng cao ý thức và nghĩa vụ tuân thủ pháp luật*”, Tạp chí Lý luận chính trị, số 10/2006.
92. Nguyễn Tất Viễn (chủ biên) (2015), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phổ biến, giáo dục pháp luật*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
93. Nguyễn Thanh Xuân (2014), *Đạo Cao Đài - Hai khía cạnh lịch sử và tôn giáo* (Tái bản có bổ sung), Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
94. Nguyễn Thanh Xuân (2016), *Một số tôn giáo ở Việt Nam* (Tái bản lần thứ mười hai), Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

95. Nguyễn Thanh Xuân (2018), *Biến đổi tôn giáo - Trường hợp đạo Tin lành ở Hàn Quốc*, Tạp chí Công tác Tôn giáo, Số 1+2/2018.
96. Nguyễn Thanh Xuân - Nguyễn Quỳnh Trâm (2023), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo một số nước trên thế giới*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
97. Nguyễn Thanh Xuân, Lê Tâm Đắc (Chủ biên) (2019), *Đời sống tôn giáo ở Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
98. Nguyễn Thanh Xuân (2020), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
99. Hoàng Tâm Xuyên (1999), *Mười tôn giáo lớn trên thế giới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
100. Nguyễn Như Ý (1998) (chủ biên), *Trung tâm ngôn ngữ và văn hóa Việt*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
101. Lê Hùng Yên, (2020), *Đạo Tin Lành ở vùng Tây Nam Bộ hiện nay*. Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
102. Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật (Bộ Tư Pháp), Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ) (2018), *Tài liệu giới thiệu Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*.
103. Viện nghiên cứu tôn giáo (2022), Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, *Tài liệu tín ngưỡng tôn giáo ở khu vực Tây Nam Bộ hiện nay* (Thuộc Đề án Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo theo quyết định số 219-QĐ/TTg ngày 21 tháng 2 năm 2019, Hà Nội.
104. Viện Chiến lược và Khoa học công nghệ, Bộ Công an (2005), *Từ điển bách khoa Công an nhân dân Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

Website:

105. <https://www.qdnd.vn/quoc-phong-an-ninh/tin-tuc/quan-khu-9-cong-tac-giao-duc-quoc-phong-an-ninh-da-di-vao-nen-nep-co-chat-luong-hieu-qua-723162>.
106. https://btgcp.gov.vn/gioi-thieu-cac-to-chuc-ton-giao-da-duoc-cong-nhan/Buoc_dau_tim_hieu_Giao_hoi_Co_doc_Phuc_Lam_Viet_Nampo_stl9qkKXVqlg.html.

107. <https://pbgiáodụcpháp luật.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/trao-doi-kinhnghiem.aspx?ItemID=160>.
108. https://tcnn.vn/news/detail/39664/Giai_phap_giai_quyet_cac_van_de_dan_toc_va_ton_giao_o_vung_Tay_Nam_Boall.html.
109. <https://thanhtra.com.vn/dan-toc-ton-giao/ton-giao/nang-cao-nhan-thuc-phap-luat-ve-hoat-dong-ton-giao-cho-chuc-sac-va-tin-do-198352.html>.
110. https://tapchiconsan.org.vn/media-story//asset_publisher/V8hph4dK31Gf/content/ky-ngu-yen-vuon-minh-cua-dan-toc-va-nhung-yeu-cau-lich-su.

Tài liệu liệu nước ngoài

111. W. Cole Durham, Jr and Brett G. Scharffs, Law and Religion National, international and Comparative Law Perspectives, CCH INCORPORATED, New York, NY, USA.
112. Y. S Werner (1976), The Cao đại: The politics of a Vietnamese Syncretic Religious Movement: Luận án Tiến sĩ: Đạo cao Đài - Chính trị của một phong trào tôn giáo tổng hợp.
113. Điều Lệ công tác tôn giáo năm 2017 của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Nguyễn Văn Thịnh dịch, in trong Phụ lục II, sách Tôn giáo và chính sách tôn giáo một số nước trên thế giới, Nxb Tôn giáo, H, 2023, tr543-554).
114. Taylor, Philip (2007), *Cham Muslims of the Mekong Delta*. NUS Press.
115. Châu Đạt Quan, *Chân Lạp phong thổ ký*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2006.
116. Luật pháp nhân tôn giáo của Nhật Bản năm 1995 (Nguyễn Ngọc Nghiệp dịch, in trong Phụ lục II, sách Tôn giáo và chính sách tôn giáo một số nước trên thế giới, Nxb Tôn giáo, H.2023, tr 521-532).

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

PHIẾU THU THẬP Ý KIẾN

(Mẫu phiếu dành cho báo cáo viên, giảng viên pháp luật các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long)

Số phiếu phát ra 500 phiếu, thu vào 445 phiếu

CÂU HỎI	KẾT QUẢ KHẢO SÁT
Câu 1: Theo Ông/Bà công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo trong vùng thật sự hiệu quả chưa? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)	
1. Rất hiệu quả	110/445 (24,72%)
2. Hiệu quả	208/445 (46,74%)
3. Chưa thật sự hiệu quả	127/445 (28,54%)
Câu 2: Ông/Bà đánh giá như thế nào về tầm quan trọng của công tác giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)	
1. Rất quan trọng	275/445 (61,8%)
2. Quan trọng	140/445 (31,46%)
3. Không quan trọng lắm	0/445
4. Không quan trọng	0/445
Câu 3: Theo sự quan sát, hiểu biết của Ông/Bà, mỗi khi gặp một sự việc, sự kiện đòi hỏi phải có kiến thức, hiểu biết pháp luật mới giải quyết được, chức sắc tôn giáo thường chọn cách giải quyết nào sau đây? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)	
1. Chức sắc tôn giáo giải quyết theo kinh nghiệm hoặc hiểu biết pháp luật của mình.	70/445 (15,73%)
2. Nhờ BCV, giảng viên người có kiến thức, hiểu biết pháp luật tư vấn cách giải quyết	45/445 (10,11%)
3. Đề nghị cán bộ, công chức ủy ban nhân dân cấp xã đứng ra giải quyết	60/445 (13,48%)
4. Đề nghị các cơ quan chức năng của Nhà nước đứng ra giải quyết	105/445 (23,6%)
5. Nhờ lãnh đạo Giáo hội đứng ra can thiệp và giải quyết	156/445 (37,08%)
6. Cách khác (nếu có, xin ghi rõ)	Thông thường chức sắc tôn giáo dùng tình, lý, đạo đức trước, nếu không được kiến nghị lập Ban lãnh đạo của giáo hội, sau cùng phải nhờ đến chức năng Nhà nước.
Câu 4: Là một báo cáo viên/giảng viên pháp luật, Ông/Bà đã từng gặp hoặc giải quyết những sự việc, sự kiện pháp lý nào xảy ra liên quan đến chức sắc tôn giáo ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)	
1. Tranh chấp về đất đai, nhà ở cần đến sự trợ giúp của pháp luật	210/445 (47,19%)
2. Vi phạm quy định pháp luật về tài sản của tôn giáo	145/445 (32,58%)
3. Khiếu nại của chức sắc tôn giáo về cách giải quyết không thỏa đáng của các cấp chính quyền địa phương về hoạt động tôn giáo	80/445 (17,98%)
4. Tổ cáo các hành vi vi phạm pháp luật	10/445 (2,25%)
5. Chức sắc tôn giáo có hành vi vi phạm pháp luật	5/445 (1,12%)

6. Sự việc khác (nếu có, xin ghi rõ)	- Giải quyết liên quan đến đoàn kết nội bộ chức sắc, tôn giáo; - Giải quyết các cơ sở thờ tự chưa hợp pháp (tự phát).
Câu 5: Từ thực tiễn công tác ở địa phương, Ông/Bà đánh giá thế nào về vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với cuộc sống, công việc của chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long? <i>(chỉ chọn 1 phương án trả lời)</i>	
1. Rất cần thiết	315/445(70,79%)
2. Cần thiết	130/445 (29,21%)
3. Không cần thiết lắm	0/445
4. Không cần thiết	0/445
5. Rất không cần thiết	0/445
Câu 6: Là một báo cáo viên/giảng viên pháp luật, Ông/Bà có từng trực tiếp làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật chức sắc tôn giáo hàng năm không? <i>(chỉ chọn 1 phương án trả lời)</i>	
1. Có	285/445 (64,04%)
2. Không	160/445 (35,96%)
Câu 7: Theo sự hiểu biết của Ông/Bà, các buổi giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở địa phương được tổ chức theo tiêu chí nào dưới đây? <i>(chỉ chọn 1 phương án trả lời)</i>	
1. Tổ chức theo định kỳ (6 tháng/1 lần hoặc 1 năm/1 lần...)	95/445 (21,35%)
2. Chỉ tổ chức mỗi khi có văn bản pháp luật mới cần được tuyên truyền, phổ biến	115/445 (39,33%)
3. Tổ chức theo yêu cầu, đề nghị của chức sắc tôn giáo	69/445 (25,84%)
4. Tiêu chí khác (nếu có, xin ghi rõ)	- Lồng ghép vào cùng với khóa sinh hoạt hành chính của các tổ chức tôn giáo
Câu 8: Những buổi giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo mà Ông/Bà biết hoặc tham gia trong vai trò Báo cáo viên/giảng viên pháp luật, trách nhiệm giáo dục pháp luật thuộc về cơ quan tổ chức nào? <i>(có thể chọn nhiều phương án trả lời)</i>	
1. Trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt.	340/445 (76,4%)
2. Trách nhiệm riêng của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh	60/445(13,4%)
3. Trách nhiệm riêng của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh	180/445 (40,44%)
4. Trách nhiệm riêng của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh	95/445 (21,35%)
5. Trách nhiệm riêng của cơ sở đào tạo tôn giáo	69/445 (25,84%)
5. Cơ quan khác (nếu có, xin ghi rõ):.....	
Câu 9: Theo như Ông/Bà được biết, chủ thể trực tiếp làm công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long là những chủ thể nào? <i>(có thể chọn nhiều phương án trả lời)</i>	
1. Báo cáo viên, giảng viên pháp luật cấp tỉnh	350/445 (78,65%)
2. Báo cáo viên, giảng viên pháp luật cấp huyện	180/445 (40,45%)
3. Tuyên truyền viên pháp luật	155/445 (34,83%)
4. Chủ thể khác (nếu có, xin ghi rõ)	Chức sắc tôn giáo, đại biểu Quốc hội

Câu 10: Theo sự ghi nhận của Ông/Bà, đối tượng tham dự các lớp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo được tổ chức ở địa phương bố trí đối tượng như thế nào, lớp học hiệu quả cao? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)	
1. Chức sắc của một tôn giáo	75/445 (16,85%)
2. Chức sắc của nhiều tôn giáo	120/445 (26,96%)
3. Chức sắc của một tôn giáo và cán bộ làm công tác tôn giáo	165/445 (37,07%)
4. Chức sắc của nhiều tôn giáo và cán bộ làm công tác tôn giáo	85/445 (19,1%)
Câu 11: Về nội dung giáo dục pháp luật, theo Ông/Bà đã trực tiếp trang bị cho chức sắc tôn giáo về những lĩnh vực pháp luật nào? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)	
1. Hiến pháp	290/445 (65,16%)
2. Luật đất đai, xây dựng	285/445 (64,04%)
3. Luật Dân sự	125/445 (22,47%)
4. Luật Hành chính	125/445 (22,47%)
5. Luật giáo dục quốc phòng, an ninh	170/445 (51,68%)
6. Luật Hôn nhân & Gia đình	90/445 (20,22%)
7. Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo	320/445 (71,91%)
8. Các văn bản pháp quy của địa phương	130/445 (29,21%)
9. Cơ sở lịch sử và pháp lý vùng đất Nam bộ	45/445 (10,11%)
10. Lĩnh vực khác (nếu có, xin ghi rõ)	Điều ước quốc tế, luật môi trường, chống dịch bệnh....
Câu 12: Về phương pháp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, theo Ông/Bà, chủ thể giáo dục nên sử dụng phương pháp nào thì phù hợp? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)	
1. Phương pháp thuyết trình	215/445 (48,31%)
2. Phương pháp xử lý tình huống (Nêu tình huống → tạo tranh luận → Báo cáo viên/giảng viên giữ vai trò điều khiển)	160/445 (35,96%)
3. Đa dạng phương pháp dạy học tích cực	180/445 (40,45%)
4. Phương pháp khác (nếu có, xin ghi rõ)	
Câu 13: Về hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, theo Ông/Bà, các cơ quan chức năng ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long nên sử dụng hình thức nào thì phù hợp? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)	
1. Mở các lớp phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo	275/445 (61,8%)
2. Tọa đàm, hội thảo các chủ đề pháp luật	145/445 (32,58%)
3. Xây dựng Tủ sách pháp luật dành riêng chức sắc tôn giáo	85/445 (19,1%)
4. Mở các lớp tập huấn chuyên sâu về các chủ đề pháp luật cần phổ biến cho chức sắc tôn giáo, sau đó, họ sẽ trực tiếp phổ biến lại cho người dân giáo dân	130/445 (29,21%)
5. Hình thức khác (nếu có, xin ghi rõ):	
Câu 14: Theo Ông/Bà, những kiến thức, hiểu biết pháp luật mà chức sắc tôn giáo tiếp nhận được qua các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật đã đáp ứng như thế nào so với yêu cầu giải quyết các vấn đề pháp luật trong thực tiễn cuộc sống của chức sắc tôn giáo? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)	
1. Đáp ứng ở mức độ tốt	275/445 (61,8%)
2. Đáp ứng ở mức độ khá	115/445 (25,84%)
3. Đáp ứng ở mức độ trung bình	40/445 (8,99%)
4. Chưa đáp ứng được yêu cầu	5/445 (1,12%)

Câu 15: Ông/Bà hãy chỉ ra những ưu điểm, nguyên nhân của những kết quả đạt được trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng Đồng bằng sông Cửu Long? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)	
1. Các cấp chính quyền ban hành và thực hiện các kế hoạch giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật cho chức sắc đúng quy định pháp luật.	290/445 (65,16%)
2. Đội ngũ báo cáo viên, giảng viên pháp luật tích cực, nhiệt tình trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo	250/445 (56,17%)
3. Chức sắc tôn giáo chủ động, tích cực tham dự các đợt phổ biến, giáo dục pháp luật	255/445 (57,31%)
4. Nguyên nhân khác (nếu có, xin ghi rõ)	Sự phối hợp Giáo hội với chính quyền GDPL tốt, nguồn lực tôn giáo và xã hội
Câu 16: Ông/Bà chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân hạn chế trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (có thể chọn nhiều phương án trả lời)	
1. Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa quan tâm đúng mức công tác xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động của các chủ thể GDPL cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL	155/445 (34,84%)
2. Các điều kiện bảo đảm GDPL cho chức sắc tôn giáo (cơ sở vật chất, quy chế mở lớp, nguồn lực giảng viên...) còn nhiều bất cập.	195/445 (43,83%)
3. Chủ thể trực tiếp thực hiện GDPL cho chức sắc tôn giáo thực hiện kiêm nhiệm, không có lực lượng chuyên trách làm nòng cốt.	198/445 (44,49%)
4. Một số chức sắc tôn giáo chưa chủ động, tích cực trong phối hợp mở các lớp PBGDPL	190/455 (42,69%)
5. Nguyên nhân khác (nếu có, xin ghi rõ)	-
Câu 17: Theo Ông/Bà, cần có những giải pháp nào để bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở Vùng Đồng bằng sông Cửu Long? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)	
1. Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của chủ thể, đối tượng trong công tác giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo	295/445 (66,29%)
2. Đổi mới nội dung, phương pháp và đa dạng hóa hình thức giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo	175/445 (39,33%)
3. Bảo đảm các điều kiện cần thiết về kinh tế, chính trị, nguồn nhân lực cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo	110/445 (24,72%)
4. Phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan, tổ chức có thẩm quyền với Giáo hội tôn giáo trong GDPL cho chức sắc, tín đồ tôn giáo	190/455 (42,69%)

5. Giải pháp khác (nếu có, xin ghi rõ)	
- Tiếp tục phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo; - Quan tâm nhiều hơn trong việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc; - Thường xuyên phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo; - Các cấp chính quyền tốt; - Trước tiên cần đổi mới nội dung, phương pháp và đa dạng hóa hình thức giáo dục cho các chức sắc tôn giáo hơn nữa; - Quan tâm và lắng nghe những khó khăn mà cơ sở tu viện còn gặp phải; - Nên mở các Hội nghị phổ biến các chính sách và pháp luật cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành Phật giáo; - Tuyên truyền mạnh mẽ về tầm quan trọng và phổ cập thêm nhiều kiến thức mới và những vấn đề mang tính thời sự; - Việc cần thiết là tuyên truyền về công tác phổ biến giáo dục cho chức sắc tôn giáo thường xuyên và tạo điều kiện hỗ trợ lẫn nhau giữa Nhà nước và tôn giáo; - Theo tôi pháp luật đối với cuộc sống không thể thiếu, mong sao mỗi năm được Ban Tôn giáo Sở Nội vụ mở lớp giáo dục pháp luật mỗi năm ít nhất 01 lần; - Cập nhật phổ biến đến các vị làm công tác tôn giáo quận, huyện, xã, phường nắm rõ những quy định của Luật Tín ngưỡng tôn giáo, đồng thời tạo hướng mở để tôn giáo được hình thành, ổn định và phát triển.	
Câu 18: Từ tình hình thực tế ở địa phương, Ông/Bà có đề xuất, kiến nghị gì với các cấp chính quyền, cơ quan chức năng của các tỉnh ở Vùng Đồng bằng sông Cửu Long xung quanh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo?	
- Tiếp tục phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo; - Quan tâm nhiều hơn trong việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc; - Thường xuyên phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo; - Trước tiên cần đổi mới nội dung, phương pháp và đa dạng hóa hình thức giáo dục cho các chức sắc tôn giáo hơn nữa; - Quan tâm và lắng nghe những khó khăn mà cơ sở tu viện còn gặp phải; - Nên mở các Hội nghị phổ biến các chính sách và pháp luật cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành Phật giáo; - Tuyên truyền mạnh mẽ về tầm quan trọng và phổ cập thêm nhiều kiến thức mới và những vấn đề mang tính thời sự; - Việc cần thiết là tuyên truyền về công tác phổ biến giáo dục cho chức sắc tôn giáo thường xuyên và tạo điều kiện hỗ trợ lẫn nhau giữa Nhà nước và tôn giáo; - Cập nhật phổ biến đến các vị làm công tác tôn giáo quận, huyện, xã, phường nắm rõ những quy định của Luật Tín ngưỡng tôn giáo, đồng thời tạo hướng mở để tôn giáo được hình thành, ổn định và phát triển.	
Câu 19: Giới tính?	
1. Nam	240/445 (53,93%)
2. Nữ	205/445 (46,07%)
Câu 20: Lứa tuổi? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)	
1. Dưới 30 tuổi	25/445 (5,62%)
2. Từ 31 đến 35 tuổi	50/445 (11,24%)
3. Từ 36 đến 40 tuổi	80/445 (17,98%)
4. Từ 41 đến 45 tuổi	100/445 (22,47%)

5. Từ 46 đến 50 tuổi	40/445 (8,99%)
6. Từ 51 đến 55 tuổi	35/445 (7,87%)
7. Trên 55 tuổi	60/445 (13,48%)
Câu 21: Trình độ học vấn cao nhất hiện nay của Ông(Bà)? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)	
1. Trung cấp luật	65/445 (14,61%)
2. Cử nhân luật	95/445 (21,35%)
3. Thạc sỹ luật	10/445 (2,25%)
4. Tiến sỹ luật	0/445
5. Trình độ khác (nếu có, xin vui lòng ghi rõ): - Cử nhân chủ nghĩa xã hội khoa học; - Cử nhân xã hội học; - Cử nhân kinh tế; - Cử nhân kinh tế - luật; - Cử nhân sư phạm; - 8/12; - 10/12; - 12/12; - Trung cấp kế toán; - Đại học kinh tế; - Cao đẳng Phật học; - Cử nhân Sư phạm; - Thạc sĩ Phật học; - Trung cấp Phật học; - Cao cấp giảng sư Phật học.	
Câu 22: Cơ quan công tác hiện nay của Ông (Bà)? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)	
1. Là thành viên Hội đồng Giáo dục quốc phòng an ninh tỉnh	20/445 (4,49%)
2. Là thành viên Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh	50/445 (11,24%)
3. Ban Tôn giáo tỉnh	20/445 (4,49%)
4. Sở Tư pháp tỉnh	20/445 (5,62%)
5. Trường Chính trị tỉnh	45/445 (10,11%)
6 UBMTTQ tỉnh	25/445 (5,62%)
7. Cơ quan khác (nếu có, xin vui lòng ghi rõ): - Ban Dân vận tỉnh; - Sở Nội vụ; - UB Đoàn kết Công giáo; - Tỉnh đoàn; - Đoàn thể; - Ủy viên Ban Trị sự giáo hội Phật giáo thành phố Cần Thơ; - Ban Trị sự giáo hội Phật giáo huyện Đơn Dương - Lâm Đồng; - Trụ trì chùa Liên Hoa - Phó ban Hoằng pháp thành phố Cần Thơ.	
Câu 23: Nơi cư trú hiện nay của Ông (Bà)?	

Phụ lục 2
PHIẾU THU THẬP Ý KIẾN
(Mẫu phiếu dành cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long)
Số phiếu phát ra 500 phiếu, thu vào 445 phiếu

CÂU HỎI	KẾT QUẢ KHẢO SÁT
Câu 1: Trong cuộc sống, công việc hàng ngày Quý chức sắc có thường gặp các sự việc, sự kiện đòi hỏi phải có kiến thức, hiểu biết pháp luật mới giải quyết được không? (<i>chỉ chọn 1 phương án trả lời</i>)	
1. Có	420/445 (94,38%)
2. Không	25/445 (5,62%)
Câu 2: Mỗi khi gặp một sự việc, sự kiện của bản thân hoặc của cơ sở tôn giáo đòi hỏi phải có kiến thức, hiểu biết pháp luật mới giải quyết được, Quý chức sắc lựa chọn cách giải quyết nào sau đây? (<i>chỉ chọn 1 phương án trả lời</i>)	
1. Tự mình giải quyết theo kinh nghiệm, hiểu biết pháp luật của bản thân	110/445 (24,71%)
2. Nhờ đồng đạo có kiến thức, hiểu biết pháp luật giải quyết	90/445 (20,22%)
3. Đề nghị các cơ quan chức năng của Nhà nước đứng ra giải quyết	125/445 (28,08%)
4. Nhờ Giáo hội đứng ra can thiệp và giải quyết	120/445 (26,97%)
5. Nhờ luật sư thay mặt mình giải quyết	10/445 (0,22%)
6. Cách khác (nếu có, xin ghi rõ):	- Tìm hiểu các kiến thức đặc thù về sự việc đó theo đúng luật rồi mới giải quyết - Nhờ chức năng Nhà nước cùng hội phật giáo đường ra giải quyết - Bản thân có đi học lớp phổ biến chính sách pháp luật, được hiểu biết thêm để giải quyết
Câu 3: Khó khăn lớn nhất của quý chức sắc cần pháp luật giải quyết là gì (<i>có thể chọn nhiều phương án trả lời</i>)	
1. Bất đồng bên trong tôn giáo cần đến sự trợ giúp của pháp luật	115/445 (25,84%)
2. Khó khăn trong thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo	175/445 (39,32%)
3. Tranh chấp quyền sử dụng đất đai, nhà ở, tài sản của tôn giáo	112/445 (25,16%)
4. Xử lý các hành vi vi pháp pháp luật, hiến chương của chức sắc tôn giáo (do một số chức sắc vi phạm pháp luật, Hiến chương, Điều lệ của tôn giáo)	43/445 (9,66%)
5. Sự việc khác (nếu có, xin ghi rõ)	- Chưa gặp phải sự việc trên - Không có vướng mắc - Chưa từng gặp phải các trường hợp trên - Tìm hiểu các kiến thức đặc thù về sự việc đó theo đúng luật rồi mới giải quyết. Thủ tục thừa kế và cấp đổi bằng khóa từ cũ qua mới.

Câu 4: Từ thực tế hoạt động của Giáo hội, cuộc sống, Quý chức sắc đánh giá thế nào về vai trò của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với hoạt động tôn giáo và cuộc sống ? (chỉ chọn 1 phương án trả lời) (chỉ chọn 1 phương án trả lời)	
1. Rất cần thiết	340/445 76,4%)
2. Không cần thiết	0/445 (0%)
3. Cần thiết	105/445 (23,6%)
4. Ý kiến khác	0/445 (0%)
Câu 5: Quý chức sắc tự đánh giá về trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật của bản thân? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)	
1. Hiểu biết tương đối đầy đủ về hệ thống pháp luật hiện hành	155/445 (34,83%)
2. Hiểu biết nội dung cơ bản một số lĩnh vực pháp luật liên quan đến hoạt động tôn giáo như: Hiến pháp, luật Hình sự, Dân sự, Lao động, Hôn nhân - Gia đình, Đất đai, Xây dựng	85/445 (19,11%)
3. Chỉ biết một số quy định của pháp luật có liên quan trực tiếp đến tín ngưỡng, tôn giáo	205/445 (46,06%)
4. Ý kiến khác (nếu có, xin ghi rõ)	- Chưa hiểu biết gì nhiều
Câu 6: Quý chức sắc có từng được tham dự các buổi phổ biến, giáo dục pháp luật do các cơ quan chức năng ở địa phương tổ chức không? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)	
1. Có	355/445 (79,77%)
2. Không	35/445 (7,86%)
Câu 7: Ở câu 6, nếu Quý chức sắc trả lời “Không” thì xin vui lòng cho biết tại sao? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)	
1. Không biết có các buổi phổ biến, giáo dục pháp luật nên không tham dự	20/445 (4,49%)
2. Biết có các buổi phổ biến pháp luật nhưng bận công chuyện nên không tham dự	0/445 (0%)
3. Nội dung giáo dục pháp luật đã được dự ở lần trước	10/445 (2,24%)
4. Lý do khác (nếu có, xin ghi rõ)	
Câu 8: Theo sự quan sát của Quý chức sắc, các buổi phổ biến, giáo dục pháp luật ở địa phương được tổ chức theo tiêu chí nào dưới đây? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)	
1. Tổ chức theo định kỳ (6 tháng/1 lần hoặc 1 năm/1 lần)	175/445 (39,32%)
2. Chỉ tổ chức mỗi khi có văn bản pháp luật mới cần phổ biến, giáo dục	200/445 (44,94%)
3. Tổ chức theo yêu cầu, đề nghị tôn giáo	70/445 (15,73%)
4. Tiêu chí khác (nếu có, xin ghi rõ)	
Câu 9: Những buổi phổ biến, giáo dục pháp luật mà Quý chức sắc tham dự, trách nhiệm giáo dục pháp luật thuộc cơ quan, tổ chức nào? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)	
1. Trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt.	85/445 (19,10%)
2. Trách nhiệm riêng của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo tỉnh	330/445 (74,15%)
3. Trách nhiệm riêng của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh	125/445 (28,08%)

4. Trách nhiệm riêng của Hội đồng phối hợp, phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh	135/445 (30,33%)
5. Trách nhiệm riêng của cơ sở đào tạo của tôn giáo	70/445 (15,73%)
6. Cơ quan khác (nếu có, xin ghi rõ)	
Câu 10: Theo như Quý chức sắc được biết, chủ thể trực tiếp làm công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo Vùng Đồng bằng sông Cửu Long là những chủ thể nào? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)	
1. Báo cáo viên, giảng viên pháp luật cấp tỉnh	385/445 (86,51%)
2. Báo cáo viên, giảng viên pháp luật cấp huyện	95/445 (21,34%)
3. Tuyên truyền viên pháp luật	110/445 (24,71%)
4. Chủ thể khác (nếu có, xin ghi rõ)	- Lãnh đạo, chuyên viên Ban Tôn giáo cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và huyện
Câu 11: Theo sự ghi nhận của Quý chức sắc, đối tượng tham dự các lớp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo được tổ chức ở địa phương bố trí đối tượng như thế nào, lớp học hiệu quả cao? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)	
1. Chức sắc của một tôn giáo	95/445 (20,34%)
2. Chức sắc của nhiều tôn giáo	65/445 (14,76%)
3. Chức sắc của một tôn giáo và cán bộ làm công tác tôn giáo	140/445 (30,76%)
4. Chức sắc của nhiều tôn giáo và cán bộ làm công tác tôn giáo	155/445 (34,83%)
5. Ý kiến khác (nếu có, xin ghi rõ)	
Câu 12: Về nội dung giáo dục pháp luật, theo Quý chức sắc, cần trang bị cho chức sắc tôn giáo về những lĩnh vực pháp luật nào? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)	
1. Hiến pháp	245/445 (55,05%)
2. Luật giáo dục quốc phòng, an ninh	150/445 (33,70%)
3. Luật Hành chính	130/445 (29,21%)
4. Luật Dân sự	100/445 (22,47%)
5. Luật Đất đai, Xây dựng	230/445 (51,68%)
6. Luật Hôn nhân & Gia đình	40/445 (8,98%)
7. Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo	405/445 (91,01%)
8. Các văn bản pháp quy của địa phương	120/445 (26,96%)
9. Cơ sở lịch sử và pháp lý vùng đất Nam bộ	30/445 (6,74%)
10. Lĩnh vực khác (nếu có, xin ghi rõ)	
Câu 13: Về phương pháp giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, theo Quý chức sắc chủ thể giáo dục nên sử dụng phương pháp nào thì phù hợp? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)	
1. Phương pháp thuyết trình	195/445 (43,82%)
2. Phương pháp xử lý tình huống (Nêu tình huống → tạo tranh luận → Báo cáo viên/giảng viên giữ vai trò điều khiển)	130/445 (29,21%)
3. Đa dạng phương pháp dạy học tích cực	195/445 (43,82%)
4. Phương pháp khác (nếu có, xin ghi rõ)	- Giảng viên thuyết giảng
Câu 14: Về hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo, theo Quý chức sắc, các cơ quan chức năng ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long nên sử dụng hình thức nào thì phù hợp? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)	

1. Mở các lớp phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo	315/445 (70,78%)
2. Tọa đàm, hội thảo các chủ đề pháp luật	130/445 (29,21%)
3. Xây dựng Tủ sách pháp luật dành riêng chức sắc tôn giáo	40/445 (8,98%)
4. Mở các lớp tập huấn chuyên sâu về các chủ đề pháp luật cần phổ biến cho chức sắc tôn giáo, sau đó, họ sẽ trực tiếp phổ biến lại cho người dân giáo dân (GDPL chuyên đề)	190/445 (42,69%)
5. Hình thức khác (nếu có, xin ghi rõ):	
Câu 15: Theo Quý chức sắc, những kiến thức, hiểu biết pháp luật mà chức sắc tôn giáo tiếp nhận được qua các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật đã đáp ứng như thế nào so với yêu cầu giải quyết các vấn đề pháp luật trong thực tiễn hoạt động tôn giáo và cuộc sống của Quý chức sắc? (<i>chỉ chọn 1 phương án trả lời</i>)	
1. Đáp ứng ở mức độ tốt	230/445 (51,68%)
2. Đáp ứng ở mức độ khá	160/445 (35,95%)
3. Đáp ứng ở mức độ trung bình	50/445 (11,23%)
4. Chưa đáp ứng được yêu cầu	5/445 (1,12%)
Câu 16: Quý chức sắc hãy chỉ ra những ưu điểm, nguyên nhân của ưu điểm trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo Vùng Đồng bằng sông Cửu Long? (<i>có thể chọn nhiều phương án trả lời</i>)	
1. Các cấp chính quyền ban hành và thực hiện các kế hoạch giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật cho chức sắc đúng quy định pháp luật.	280/445 (62,92%)
2. Đội ngũ báo cáo viên, giảng viên pháp luật tích cực, nhiệt tình trong giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo	235/445 (52,8%)
3. Chức sắc tôn giáo chủ động, tích cực tham dự các đợt phổ biến, giáo dục pháp luật	230/445 (51,68%)
4. Nguyên nhân khác (nếu có, xin ghi rõ)	Thực hiện quy định pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo; Nhà nước cấp kinh phí; hỗ trợ vật chất tốt...
Câu 17: Quý chức sắc chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân hạn chế trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long? (<i>có thể chọn nhiều phương án trả lời</i>)	
1. Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa quan tâm đúng mức công tác xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động của các chủ thể GDPL cho chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL	165/445 (37,08%)
2. Các điều kiện bảo đảm GDPL cho chức sắc tôn giáo (cơ sở vật chất, quy chế mở lớp, nguồn lực giảng viên...) còn nhiều bất cập.	210/445 (47,2%)
3. Chủ thể trực tiếp thực hiện GDPL cho chức sắc tôn giáo thực hiện kiêm nhiệm, không có lực lượng chuyên trách làm nòng cốt.	190/445 (42,69%)

4. Một số chức sắc tôn giáo chưa chủ động, tích cực trong phối hợp các lớp phổ biến, giáo dục pháp luật	215/445 (48,31%)
5. Nguyên nhân khác (nếu có, xin ghi rõ)	- Các chức sắc chưa quan tâm GDPL - Thời gian đề nghị mở lớp chưa phù hợp - Chưa có quy định về sự phối hợp mở lớp GDPL giữa chính quyền với Giáo hội
Câu 18: Theo Quý chức sắc, cần có những giải pháp nào để bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo ở Vùng Đồng bằng sông Cửu Long? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)	
1. Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của chủ thể, đối tượng trong công tác giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo	270/445 (60,67%)
2. Đổi mới nội dung, phương pháp và đa dạng hóa hình thức giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo	195/445 (43,82%)
3. Bảo đảm các điều kiện cần thiết về kinh tế, chính trị, văn hóa và pháp luật cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo	185/445 (41,57%)
4. Phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan, tổ chức có thẩm quyền với Giáo hội tôn giáo trong GDPL cho chức sắc, tín đồ tôn giáo	195/445 (43,82%)
5. Giải pháp khác (nếu có, xin ghi rõ)	
Câu 19: Từ tình hình thực tế ở địa phương, Quý chức sắc có đề xuất, kiến nghị gì với các cấp chính quyền, cơ quan chức năng của các tỉnh ở Vùng Đồng bằng sông Cửu Long xung quanh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc tôn giáo? - Đào tạo cán bộ giảng viên là chức sắc tham gia giảng dạy phổ biến pháp luật. - Tổ chức cuộc thi khích lệ chức sắc tìm hiểu về pháp luật, kết hợp các cơ quan liên quan tạo điều kiện phối hợp, phổ biến luật liên quan; đào tạo cán bộ giảng viên là chức sắc tham gia giảng dạy phổ biến pháp luật. - Làm nhiều hơn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho chức sắc, tôn giáo. - Cần thảo luận trực tiếp giải thích rõ ràng, có phương cách thực hiện: nhất là về đất đai; hoặc tiếp qua điện thoại. Khi các chức sắc có điều vướng mắc đến hành chính và pháp luật. - Hằng năm có hội nghị phổ biến giáo dục pháp luật có liên quan đến tôn giáo và cập nhật tình hình thực tế liên quan đến tôn giáo. - Cơ quan thẩm quyền: Nên công bố tất cả các luật lệ đã được ban bố rộng rãi cho Nhân dân am hiểu. - Xây dựng học tập hằng năm/ phối hợp hiệu quả với Giáo hội. - Tạo điều kiện tốt hơn, gần gũi hơn để không chỉ chức sắc, chức mục mà còn phải cả tín đồ được tiếp cận và học tập nghiên cứu về pháp luật tôn giáo, hôn nhân, gia đình, đất đai.. - Cảm ơn các cấp chính quyền, cơ quan chức năng của các tỉnh ở vùng ĐBSCL về công tác phổ biến, GD PL cho chức sắc tôn giáo về nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của mình. - Nguồn đạo Cao Đài đa số trình độ văn hóa thấp nên sự hiểu biết về pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, đề	

ngợi các cấp chính quyền cần tổ chức phổ biến cho chức sắc học tập theo từng thời gian thích hợp. Có như vậy mới nâng cao chất lượng hiểu biết đối với chức sắc - Xin ý kiến đến các cấp lãnh đạo chính quyền, quan tâm đến các nhà tôn giáo cùng nhau cộng sự về an sinh xã hội. Khi có lễ lớn ở cơ sở Tôn giáo thì chính quyền sẽ hoan hỷ phụ tiếp về an ninh, trật tự. - Xây dựng kế hoạch học tập, phổ biến hằng năm. - Cần phổ biến luật đất đai và chính sách xây dựng nơi thờ tự. - Kính đề nghị cấp chính quyền, cơ quan chức năng tỉnh vùng ĐBSCL về công tác phổ biến, giáo dục cho chức sắc, tôn giáo ít nhất trong năm 01 lần. - Đề xuất chính quyền địa phương thường xuyên mở lớp giáo dục, tuyên truyền hiến pháp, hiến chương của Nhà nước và giáo hội Phật giáo Việt Nam để cho tăng ni ở địa phương hiểu và thực hiện hiến chương, hiến pháp của pháp luật nhà nước và giáo hội.	
Câu 20: Giới tính?	
1. Nam	275/445 (61,99%)
2. Nữ	170/445 (38,1%)
Câu 21: Lứa tuổi? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)	
1. Dưới 30 tuổi	50/445 (11,23%)
2. Từ 31 đến 35 tuổi	65/445 (14,60%)
3. Từ 36 đến 40 tuổi	70/445 (15,73%)
4. Từ 41 đến 45 tuổi	25/445 (5,61%)
5. Từ 46 đến 50 tuổi	30/445 (6,74%)
6. Từ 51 đến 55 tuổi	35/445 (7,86%)
7. Trên 55 tuổi	170/445 (38,2%)
Câu 22: Trình độ học vấn cao nhất hiện nay của Quý chức sắc? (chỉ chọn 1 phương án trả lời)	
1. Tốt nghiệp Tiểu học	5/445 (1,12%)
2. Tốt nghiệp Trung học cơ sở	20/445 (4,49%)
3. Tốt nghiệp Trung học phổ thông	110/445 (25,71%)
4. Tốt nghiệp Trung cấp	55/445 (12,35%)
5. Tốt nghiệp Cao đẳng	45/445 (10,11%)
6. Tốt nghiệp Đại học	195/445 (43,82%)
7. Tốt nghiệp Sau đại học	15/445 (3,37%)
Câu 23: Là chức sắc của:	
Tôn giáo	Phẩm sắc
Phật giáo: 95	
Cao Đài Tiên thiên: 46	
Cao Đài Ban chính đạo: 47	
Công giáo 50	
Tịnh độ cư sĩ Phật hội VN: 50	
Tin Lành: 25	
Minh sư đạo: 25	
Tôn giáo khác 107	

Phụ lục 3
SỐ LƯỢNG BÁO CÁO VIÊN, TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT

(Tác giả tổng hợp từ Báo cáo số: 45 /BC-BTP ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tư pháp, Tổng kết thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật - Qua 10 năm thực hiện 2013-2022) của Bộ Tư pháp)

1. Trung ương

STT	Bộ, ngành, địa phương	Số lượng BCVPL hiện tại	Rà soát, kiểm toàn BCVPL của cơ quan (Hàng năm/theo giai đoạn)	Đánh giá việc tham gia hoạt động PBGDPL của BCVPL hàng năm (Hiệu quả/tương đối hiệu quả/không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động)
I	Trung ương			
1.	Bộ Công an	421	Hàng năm	Hiệu quả
2.	Bộ Công Thương	32	Hàng năm và theo giai đoạn	Hầu hết các báo cáo viên của Bộ đều chưa được tập huấn về kỹ năng, phương pháp tuyên truyền, PBGDPL mà chủ yếu là tự nghiên cứu, tìm hiểu. Bên cạnh đó, các báo cáo viên của Bộ đều vừa làm công tác chuyên môn, vừa tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật nên thời gian đầu tư cho hoạt động này là hạn chế. Nguồn nhân lực hiện có của công tác PBGDPL còn nhiều bất cập, chưa ngang tầm nhiệm vụ và chưa đáp ứng được đòi hỏi mới của xã hội
3.	Bộ Giao thông vận tải	116	Theo giai đoạn	Tương đối hiệu quả
4.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	16		
5.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	45		
6.	Bộ Khoa học và Công nghệ	15		
7.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	62		
8.	Bộ Ngoại giao	69		
9.	Bộ Nội vụ	110	Theo giai đoạn	Tương đối hiệu quả
10.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	133		

STT	Bộ, ngành, địa phương	Số lượng BCVPL hiện tại	Rà soát, kiện toàn BCVPL của cơ quan (Hàng năm/theo giai đoạn)	Đánh giá việc tham gia hoạt động PBGDPL của BCVPL hàng năm (Hiệu quả/tương đối hiệu quả/không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động)
11.	Bộ Quốc phòng	246	6 tháng/lần	Hiệu quả
12.	Bộ Tài chính	246		
13.	Bộ Tài nguyên và Môi trường			
14.	Bộ Thông tin và Truyền thông	131		
15.	Bộ Tư pháp	95		
16.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	64		Tương đối hiệu quả
17.	Bộ Xây dựng	198	Hàng năm	Tương đối hiệu quả
18.	Bộ Y tế	17		
19.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	14	Theo giai đoạn	Hiệu quả
20.	Thanh tra Chính phủ	11		
21.	Ủy ban Dân tộc	14	Hàng năm	Tương đối hiệu quả, vẫn còn báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL
22.	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	6		Có báo cáo viên không tham gia hoạt động
23.	Học viện Chính trị Quốc gia HCM		Công tác tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên, cán bộ thực hiện nhiệm vụ PBGDPL trong toàn hệ thống Học viện được thực hiện thường xuyên qua đó đã nâng cao kỹ năng PBGDPL; chất lượng nguồn nhân lực làm công tác PBGDPL	.

STT	Bộ, ngành, địa phương	Số lượng BCVPL hiện tại	Rà soát, kiện toàn BCVPL của cơ quan (Hàng năm/theo giai đoạn)	Đánh giá việc tham gia hoạt động PBGDPL của BCVPL hàng năm (Hiệu quả/tương đối hiệu quả/không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động)
24.	Thông tấn xã Việt Nam	3		Tương đối hiệu quả
25.	Tổng liên đoàn lao động Việt Nam	30	Định kỳ	Tương đối hiệu quả
26.	Hội Luật gia Việt Nam	10		Tương đối hiệu quả
27.	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	378		Hiệu quả
28.	Trung ương Hội nông dân Việt Nam	1.180		đội ngũ tuyên truyền viên ở cơ sở, chi, tổ Hội hoạt động kiêm nhiệm nên phụ thuộc nhiều vào điều kiện công tác, tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình và năng lực của từng tuyên truyền viên; một số nơi việc tổ chức tuyên truyền chủ yếu tập trung vào các đợt cao điểm, chưa duy trì đều đặn nên ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động
29.	Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam	4	Hàng năm	Hiệu quả
30.	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	100	Hàng năm	Tương đối hiệu quả

2. Địa phương

STT	Địa phương	Rà soát BCV, TTV PL (Hàng năm/theo giai đoạn)	Báo cáo viên cấp tỉnh			Báo cáo viên cấp huyện			Tuyên truyền viên			
			Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng TTVPL là người dân tộc thiểu số, già làng, trưởng bản	Số lượng TTVPL là luật gia, luật sư	Đánh giá hiệu quả hoạt động của TTVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có tuyên truyền viên không tham gia hoạt động PBGDPL
1.	An Giang	Hàng năm	210	03	Tương đối hiệu quả	178	02	Tương đối hiệu quả	1.832	46	0	Tương đối hiệu quả
2.	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hàng năm	139		Tương đối hiệu quả	199	0	Tương đối hiệu quả (có báo cáo viên pháp luật không tham gia hoạt động PBGDPL)	1.118	5	15	Tương đối hiệu quả (Có tuyên truyền viên không tham gia hoạt động PBGDPL)
3.	Bắc Giang	Hàng năm	114	0	Hiệu quả	131	0	Tương đối hiệu quả	1072	0	0	Tương đối hiệu quả
4.	Bắc Kạn	Hàng năm	266	166	Tương đối hiệu quả	188	188	Tương đối hiệu quả	1973	1920	0	Tương đối hiệu quả
5.	Bạc Liêu	Hàng năm	155	0	Hiệu quả	136	0	Hiệu quả	1151	98	0	Hiệu quả
6.	Bắc Ninh	Hàng năm	114	0	Hiệu quả	131	0	Tương đối hiệu quả	1072	0	0	Tương đối hiệu quả

STT	Địa phương	Rà soát BCV, TTV PL (Hàng năm/theo giai đoạn)	Báo cáo viên cấp tỉnh			Báo cáo viên cấp huyện			Tuyên truyền viên			
			Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng TTVPL là người dân tộc thiểu số, già làng, trưởng bản	Số lượng TTVPL là luật gia, luật sư	Đánh giá hiệu quả hoạt động của TTVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có tuyên truyền viên không tham gia hoạt động PBGDPL
7.	Bến Tre	Hàng năm	448	0	Tương đối hiệu quả	3322	0	Tương đối hiệu quả	101			Tương đối hiệu quả
8.	Bình Định	Hàng năm	204	1	Hiệu quả	298	14	Tương đối hiệu quả	2.401	37	0	Tương đối hiệu quả
9.	Bình Dương	Hàng năm	69	0	Hiệu quả	222	01	Hiệu quả	2.537	11	00	Hiệu quả
10.	Bình Phước	Hàng năm	187	0	Hiệu quả	297	60	Tương đối hiệu quả	778	300	30	Tương đối hiệu quả
11.	Bình Thuận	Giai đoạn	95	0	Tương đối hiệu quả	215	0	Tương đối hiệu quả	1388	108	0	Tương đối hiệu quả
12.	Cà Mau		99	0	Tương đối hiệu quả	216	0	Tương đối hiệu quả	2007	90	13	Tương đối hiệu quả
13.	Cần Thơ	Có	40		Tương đối hiệu quả	189			1.078			
14.	Cao Bằng	Hàng năm	115	0	Tương đối hiệu quả	277	269	Tương đối hiệu quả	2074	2041	01	Tương đối hiệu quả

STT	Địa phương	Rà soát BCV, TTV PL (Hàng năm/theo giai đoạn)	Báo cáo viên cấp tỉnh			Báo cáo viên cấp huyện			Tuyên truyền viên			
			Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng TTVPL là người dân tộc thiểu số, già làng, trưởng bản	Số lượng TTVPL là luật gia, luật sư	Đánh giá hiệu quả hoạt động của TTVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có tuyên truyền viên không tham gia hoạt động PBGDPL
15.	Đà Nẵng	Theo định kỳ hàng năm và theo tình hình thực tế tại địa phương về điều động cán bộ, công chức	50	0	Hiệu quả	203	0	Hiệu quả	2075	0	21	Tương đối hiệu quả
16.	Đắk Lắk	Định kỳ 6 tháng/lần	199	05	Tương đối hiệu quả	358	35	Tương đối hiệu quả	3.383	716	05	Tương đối hiệu quả
17.	Đắk Nông		71	4	Tương đối hiệu quả	182	16	Tương đối hiệu quả	965	235		Tương đối hiệu quả
18.	Điện Biên	Hàng năm	143	28	Hiệu quả	314	103	Tương đối hiệu quả	2080	1784	2	Tương đối hiệu quả
19.	Đồng Nai	Hàng năm	279	01	Tương đối hiệu quả	338	1	Hiệu quả	2.536	94	39	Hiệu quả
20.	Đồng Tháp	Hàng năm	62	0	Hiệu quả	381	0	Tương đối hiệu quả	1.918	0	36	Tương đối hiệu quả

STT	Địa phương	Rà soát BCV, TTV PL (Hàng năm/theo giai đoạn)	Báo cáo viên cấp tỉnh			Báo cáo viên cấp huyện			Tuyên truyền viên			
			Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng TTVPL là người dân tộc thiểu số, già làng, trưởng bản	Số lượng TTVPL là luật gia, luật sư	Đánh giá hiệu quả hoạt động của TTVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có tuyên truyền viên không tham gia hoạt động PBGDPL
21.	Gia Lai	Hàng năm	137	9	Hiệu quả	516	62	Tương đối hiệu quả	4.506	1.225	49	Tương đối hiệu quả
22.	Hà Giang	Hàng năm	161	96	Tương đối hiệu quả	395	280	Tương đối hiệu quả	3.140	2.950	0	Tương đối hiệu quả
23.	Hà Nam		44			94			561			
24.	Hà Nội	Định kỳ rà soát	189			784		9.481				
25.	Hà Tĩnh	Hàng năm hoặc giai đoạn	94	0	Tương đối hiệu quả	240	0	Tương đối hiệu quả	2832	01	21	Tương đối hiệu quả
26.	Hải Dương	Hàng năm	72		35% hiệu quả, 55% tương đối hiệu quả, 5% không hiệu quả, 5% không tham gia hoạt động	255	0	Tương đối hiệu quả	2.867	0	235	Tương đối hiệu quả

STT	Địa phương	Rà soát BCV, TTV PL (Hàng năm/theo giai đoạn)	Báo cáo viên cấp tỉnh			Báo cáo viên cấp huyện			Tuyên truyền viên			
			Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng TTVPL là người dân tộc thiểu số, già làng, trưởng bản	Số lượng TTVPL là luật gia, luật sư	Đánh giá hiệu quả hoạt động của TTVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có tuyên truyền viên không tham gia hoạt động PBGDPL
27.	Hải Phòng		55			276			2.850			
28.	Hậu Giang		48			189			1.078			
29.	Hòa Bình	Hàng năm	1574	120	Hiệu quả	264	188	Hiệu quả	1.732	1.326	20	Hiệu quả
30.	Hưng Yên	Định kỳ rà soát hàng năm	78	0	Tương đối hiệu quả	174	0	Tương đối hiệu quả	1.104	0	0	Tương đối hiệu quả
31.	Khánh Hòa		48			184			1.311			
32.	Kiên Giang	Hàng năm	232	03	Tương đối hiệu quả	476	5	Tương đối hiệu quả	2.409	17		Tương đối hiệu quả
33.	Kon Tum	Hàng năm	246	-	Hiệu quả	244	56	Hiệu quả	1.635	1.080	0	Tương đối hiệu quả
34.	Lai Châu	Hàng năm	63			437			1.580			
35.	Lâm Đồng	Hàng năm	69	3	Tương đối hiệu quả	259	9	Tương đối hiệu quả	1.877	197	15	Tương đối hiệu quả
36.	Lạng Sơn	Hàng năm	86	56	Hiệu quả	320	231	Hiệu quả	3.332	2.655	0	Hiệu quả
37.	Lào Cai		192	15	Hiệu quả	246	60	Hiệu quả	2.572	1.889		Hiệu quả
38.	Long An	Rà soát hàng năm	84	0	Hoạt động hiệu quả	397	0	Hoạt động hiệu quả	2.912	0	0	Tương đối hiệu quả

STT	Địa phương	Rà soát BCV, TTV PL (Hàng năm/theo giai đoạn)	Báo cáo viên cấp tỉnh			Báo cáo viên cấp huyện			Tuyên truyền viên			
			Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng TTVPL là người dân tộc thiểu số, già làng, trưởng bản	Số lượng TTVPL là luật gia, luật sư	Đánh giá hiệu quả hoạt động của TTVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có tuyên truyền viên không tham gia hoạt động PBGDPL
39.	Nam Định	Hàng năm	61		Tương đối hiệu quả	188	0	Tương đối hiệu quả	1.717		16	Tương đối hiệu quả
40.	Nghệ An	Hàng năm và khi có sự thay đổi	110		Tương đối hiệu quả	829	166		5954	961	20	Tương đối hiệu quả
41.	Ninh Bình	Hàng năm	86	0	Hiệu quả	217	0	Hiệu quả	1.186	28	38	Hiệu quả
42.	Ninh Thuận		53	04		124	06		856	151		
43.	Phú Thọ		70		Hiệu quả	313		Hiệu quả	2.845			Tương đối hiệu quả
44.	Phú Yên		153			227			1083			
45.	Quảng Bình	Hàng năm	75	0	Hiệu quả	181	1	Hiệu quả	1.632	34	22	Hiệu quả
46.	Quảng Nam	Theo giai đoạn	86	0	Hiệu quả	460		Hiệu quả	2.677			Tương đối hiệu quả
47.	Quảng Ngãi		255	0	Tương đối hiệu quả	248	23	Tương đối hiệu quả	1.583	468	15	Tương đối hiệu quả
48.	Quảng Ninh	Hàng năm	171	3	Tương đối hiệu quả	377	9	Tương đối hiệu quả	2.476	197	15	Tương đối hiệu quả

STT	Địa phương	Rà soát BCV, TTV PL (Hàng năm/theo giai đoạn)	Báo cáo viên cấp tỉnh			Báo cáo viên cấp huyện			Tuyên truyền viên			
			Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng TTVPL là người dân tộc thiểu số, già làng, trưởng bản	Số lượng TTVPL là luật gia, luật sư	Đánh giá hiệu quả hoạt động của TTVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có tuyên truyền viên không tham gia hoạt động PBGDPL
49.	Quảng Trị	Theo giai đoạn	202		Hiệu quả	112	7 (Hương Hoá: 3; Đakrông: 4)	Hiệu quả	1125	250 (Hương Hoá: 156; Đakrông: 67; Vĩnh Linh: 11; Gio Linh: 16)		Tương đối hiệu quả
50.	Sóc Trăng	Theo giai đoạn	124	12	Hiệu quả	290	20	Tương đối hiệu quả	1.391	197	13	Tương đối hiệu quả
51.	Sơn La		165	41	Hiệu quả	371	114	Hiệu quả	2.525	1847		Tương đối hiệu quả
52.	Tây Ninh	Hàng năm	147	1	Tương đối hiệu quả	157		Tương đối hiệu quả, có BCV không tham gia hoạt động	1.248	12	564	Tương đối hiệu quả, có TTV không tham gia hoạt động
53.	Thái Bình		75		có BCV không tham gia hoạt động	97		có BCV không tham gia hoạt động	1.900			có TTV không tham gia hoạt động

STT	Địa phương	Rà soát BCV, TTV PL (Hàng năm/theo giai đoạn)	Báo cáo viên cấp tỉnh			Báo cáo viên cấp huyện			Tuyên truyền viên			
			Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng TTVPL là người dân tộc thiểu số, già làng, trưởng bản	Số lượng TTVPL là luật gia, luật sư	Đánh giá hiệu quả hoạt động của TTVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có tuyên truyền viên không tham gia hoạt động PBGDPL
54.	Thái Nguyên	Hàng năm	66	3	Tương đối hiệu quả	188	52	Tương đối hiệu quả	2.325	687	81	Tương đối hiệu quả
55.	Thanh Hóa		130	2	Tương đối hiệu quả	592	78	Tương đối hiệu quả	6715	1574	370	Tương đối hiệu quả
56.	Thừa thiên Huế		87			193			1663			
57.	Tiền Giang		129		Hiệu quả	305	0	Hiệu quả, tương đối hiệu quả ở huyện Tân Phước, Gò Công đông; TX Cai Lậy	3.359			Hiệu quả; tương đối hiệu quả ở huyện Tân Phước, Gò Công đông; TX Cai Lậy; có tuyên truyền viên không tham gia (Huyện Cai Lậy)

STT	Địa phương	Rà soát BCV, TTV PL (Hàng năm/theo giai đoạn)	Báo cáo viên cấp tỉnh			Báo cáo viên cấp huyện			Tuyên truyền viên			
			Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng BCVPL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng TTVPL là người dân tộc thiểu số, già làng, trưởng bản	Số lượng TTVPL là luật gia, luật sư	Đánh giá hiệu quả hoạt động của TTVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có tuyên truyền viên không tham gia hoạt động PBGDPL
58.	TP Hồ Chí Minh	Hàng năm	130	3	Tương đối hiệu quả	469	5	Tương đối hiệu quả	2830	110	215	Tương đối hiệu quả
59.	Trà Vinh		307	17	Hiệu quả	285	17	Tương đối hiệu quả	1.419	155	14	Tương đối hiệu quả
60.	Tuyên Quang	Hàng năm	91	19	Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	248	112	Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	3.335	1.485		Có tuyên truyền viên không tham gia hoạt động PBGDPL
61.	Vĩnh Long	Hàng năm	242	02	Hiệu quả	241	16	Tương đối hiệu quả	1.617	267	83	Tương đối hiệu quả
62.	Vĩnh Phúc	Hàng năm	104		Tương đối hiệu quả	169		Tương đối hiệu quả	2.719			Tương đối hiệu quả
63.	Yên Bái	Hàng năm	39	06	Tương đối hiệu quả	228	38	Tương đối hiệu quả	2581	1465	42	Tương đối hiệu quả

Phụ lục 4**SỐ LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BÁO CÁO VIÊN
PHÁP LUẬT CẤP TỈNH**

(Tác giả tổng hợp số liệu từ Báo cáo số: 45 /BC-BTP ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tư pháp, Tổng kết thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật - Qua 10 năm thực hiện 2013-2022)

STT	Địa phương	Số lượng báo cáo viên cấp tỉnh	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL
Vùng trung du và miền núi phía Bắc		3145	
1	Hà Giang	161	Tương đối hiệu quả
2	Cao Bằng	115	Tương đối hiệu quả
3	Lạng Sơn	86	Hiệu quả
4	Bắc Giang	114	Hiệu quả
5	Phú Thọ	70	Hiệu quả
6	Thái Nguyên	66	Tương đối hiệu quả
7	Bắc Kạn	266	Tương đối hiệu quả
8	Tuyên Quang	91	Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL
9	Lào Cai	192	Hiệu quả
10	Yên Bái	39	Tương đối hiệu quả
11	Lai Châu	63	/
12	Sơn La	165	Hiệu quả
13	Điện Biên	143	Hiệu quả
14	Hòa Bình	1574	Hiệu quả
Vùng đồng bằng sông Hồng		1049	
15	Hà Nội	189	/
16	Hải Phòng	55	/
17	Hải Dương	72	35% hiệu quả, 55% tương đối hiệu quả, 5% không hiệu quả, 5% không tham gia hoạt động
18	Hưng Yên	78	Tương đối hiệu quả
19	Vĩnh Phúc	104	Tương đối hiệu quả
20	Bắc Ninh	114	Hiệu quả
21	Thái Bình	75	Có BCV không tham gia hoạt động
22	Nam Định	61	Tương đối hiệu quả
23	Hà Nam	44	/
24	Ninh Bình	86	Hiệu quả
25	Quảng Ninh	171	Tương đối hiệu quả

STT	Địa phương	Số lượng báo cáo viên cấp tỉnh	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL
Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung		1642	
26	Thanh Hoá	130	Tương đối hiệu quả
27	Nghệ An	110	Tương đối
28	Hà Tĩnh	94	Tương đối hiệu quả
29	Quảng Bình	75	Hiệu quả
30	Quảng Trị	202	Hiệu quả
31	Thừa Thiên Huế	87	/
32	Đà Nẵng	50	Hiệu quả
33	Quảng Nam	86	Hiệu quả
34	Quảng Ngãi	255	Tương đối hiệu quả
35	Bình Định	204	Hiệu quả
36	Phú Yên	153	/
37	Khánh Hoà	48	/
38	Ninh Thuận	53	/
39	Bình Thuận	95	Tương đối hiệu quả
Vùng Tây Nguyên		722	
40	Kon Tum	246	Hiệu quả
41	Gia Lai	137	Hiệu quả
42	Đắk Lắk	199	Tương đối hiệu quả
43	Đắk Nông	71	Tương đối hiệu quả
44	Lâm Đồng	69	Tương đối hiệu quả
Vùng Đông Nam Bộ		951	
45	Hồ Chí Minh	130	Tương đối hiệu quả
46	Đồng Nai	279	Tương đối
47	Bà Rịa - Vũng Tàu	139	Tương đối hiệu quả
48	Bình Dương	69	Hiệu quả
49	Bình Phước	187	Hiệu quả
50	Tây Ninh	147	Tương đối hiệu quả
Vùng đồng bằng sông Cửu Long		2180	
51	Cần Thơ	40	Tương đối hiệu quả
52	Tiền Giang	129	Hiệu quả
53	Long An	84	Hoạt động hiệu quả
54	Bến Tre	448	Tương đối hiệu quả
55	Trà Vinh	307	Hiệu quả
56	Vĩnh Long	242	Hiệu quả
57	An Giang	210	Tương đối hiệu quả
58	Đồng Tháp	62	Hiệu quả
59	Kiên Giang	232	Tương đối hiệu quả
60	Hậu Giang	48	/
61	Sóc Trăng	124	Hiệu quả
62	Bạc Liêu	155	Hiệu quả
63	Cà Mau	99	Tương đối hiệu quả

Phụ lục 5
CÁC TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM (TÍNH ĐẾN THÁNG 12/2020)

Tổng hợp từ Công văn số 6955/BNV-TGCP ngày 28/12/2020, Bộ Nội vụ ban hành danh mục các tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở Việt Nam thời gian qua (tính đến tháng 12/2020).

STT	Tên tôn giáo	Tên tổ chức tôn giáo	Tên tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo
1	Phật giáo	Giáo hội Phật giáo Việt Nam	
2	Công giáo	Giáo hội Công giáo Việt Nam	
3	Tin lành	Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc)	Hội thánh Phúc âm Toàn vẹn Việt Nam.
		Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam)	Hội thánh Tin lành Liên hiệp Truyền giáo Việt Nam
		Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam	
		Tổng hội Báp-tít Việt Nam (tên gọi cũ là Tổng hội Báp-tít Việt Nam Ân điển - Nam phương)	
		Giáo hội Báp-tít Việt Nam (tên gọi cũ là Hội thánh Báp-tít Việt Nam - Nam phương)	
		Hội thánh Tin lành Trưởng lão Việt Nam	
		Hội thánh Mennonite Việt Nam	
		Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam	
		Hội thánh Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam	
4	Cao đài	Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên	Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh vô vi
		Hội thánh Cao Đài Minh Chơn đạo	
		Hội thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu	
		Hội thánh Truyền giáo Cao Đài	
		Hội thánh Cao Đài Tây Ninh	
		Hội thánh Cao Đài Ban Chính đạo	
		Hội thánh Cao Đài Bạch y liên đoàn Chơn lý	
		Hội thánh Cao Đài Chơn lý	
		Hội thánh Cao Đài Cầu kho - Tam quan	
		Hội thánh Cao Đài Việt Nam Bình Đức	
5	Phật giáo Hòa Hảo	Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo	

STT	Tên tôn giáo	Tên tổ chức tôn giáo	Tên tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo
6	Hồi giáo	Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo Thành phố Hồ Chí Minh	
		Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh An Giang	
		Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bàni tỉnh Ninh Thuận	
		Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh Tây Ninh	
		Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh Ninh Thuận	
		Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bàni tỉnh Bình Thuận	
		Ban Quản trị Thánh đường Al noor Hà Nội (Sở Nội vụ Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định công nhận Ban Quản trị Thánh đường)	
7	Tôn giáo Baha'i	Cộng đồng Tôn giáo Baha'i Việt Nam	
8	Tịnh độ Cư sỹ Phật hội	Giáo hội Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam	
9	Cơ đốc Phục lâm	Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam	
10	Phật giáo Tứ Ân Hiếu nghĩa	Phật giáo Tứ Ân Hiếu nghĩa	
11	Minh Sư đạo	Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo	
12	Minh lý đạo - Tam Tông Miếu		
13	Bà-la-môn giáo	Hội đồng Chức sắc Chăm Bà-la-môn tỉnh Ninh Thuận	
		Hội đồng Chức sắc Bà-la-môn giáo tỉnh Bình Thuận	
14	Mặc môn		Giáo hội các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô Việt Nam
15	Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn		Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn
16	Bửu Sơn Kỳ hương	Một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho chùa Bửu Sơn Kỳ hương, công nhận tổ chức tôn giáo cho đạo Bửu Sơn Kỳ hương có cơ cấu tổ chức là Ban Quản lý chùa hoặc không có cơ cấu tổ chức	
	16 tôn giáo	36 tổ chức tôn giáo	04 tổ chức và 01 pháp môn được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo

Phụ lục 6

**SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN GIÁO DỤC
PHÁP LUẬT 13 TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU
LONG (28/3/20250**

TT	Địa phương	Văn bản kiện toàn Hội đồng theo Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg	Chủ tịch Hội đồng	Số lượng thành viên
1.	An Giang	Quyết định số 2154/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	40
2.	Bạc Liêu	Quyết định số 15843/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh	Phó Chủ tịch UBND tỉnh	38
3.	Bến Tre	Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	Phó Chủ tịch UBND tỉnh	38
4.	Cà Mau	Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	Phó Chủ tịch UBND tỉnh	37
5.	Cần Thơ	Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	Chủ tịch UBND tỉnh	40
6.	Đồng Tháp	Quyết định số 200/QĐ-UBND-TL ngày 10/11/2021	Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực văn hóa - xã hội	19
7.	Hậu Giang	Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	40
8.	Kiên Giang	Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	Phó Chủ tịch UBND tỉnh	42
9.	Long An		Chủ tịch UBND tỉnh	38
10.	Sóc Trăng	Quyết định 2615/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - ủy viên ban thường vụ tỉnh	40
11.	Tiền Giang	Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	Phó Chủ tịch UBND tỉnh	39
12.	Trà Vinh	Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	Phó Chủ tịch UBND tỉnh	41
13.	Vĩnh Long	Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	38

Nguồn: Tác giả tổng hợp số liệu từ Báo cáo số: 45 /BC-BTP ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tư pháp, Tổng kết thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật - Qua 10 năm thực hiện 2013-2022

Phụ lục 7
CÁN BỘ THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÔN GIÁO
Ở VÙNG ĐBSCL

STT	Địa phương	Cán bộ, công chức Ban Tôn giáo cấp tỉnh	Cán bộ, công chức cấp huyện	Cán bộ, công chức cấp xã kiêm công tác tôn giáo
1	An Giang	15	2	312
2	Bạc Liêu	09	14	64
3	Bến Tre	10	9	241
4	Cà Mau	10	9	101
5	Cần Thơ	15	18	85
6	Đồng Tháp	17	12	144
7	Hậu Giang	10	15	76
8	Kiên Giang	12	30	290
9	Long An	8	21	192
10	Sóc Trăng	7	30	109
11	Tiền Giang	12	22	173
12	Trà Vinh	11	9	106
13	Vĩnh Long	12	24	218
	Tổng Cộng	148	215	1841

Nguồn: Tác giả tổng hợp số liệu từ Báo cáo của Ban Tôn giáo các tỉnh vùng ĐBSCL trước ngày 1/7/2025

Phụ lục 8
BÁO CÁO VIÊN, TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT VÙNG ĐBSCL

STT	Địa phương	Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	Báo cáo viên pháp luật cấp huyện	Tuyên truyền viên pháp luật
1	An Giang	210	178	1832
2	Bạc Liêu	155	136	1151
3	Bến Tre	448	3322	101
4	Cà Mau	99	216	2007
5	Cần Thơ	40	189	1078
6	Đồng Tháp	62	381	1918
7	Hậu Giang	48	189	1078
8	Kiên Giang	232	476	2409
9	Long An	84	397	2912
10	Sóc Trăng	124	290	1391
11	Tiền Giang	129	305	3359
12	Trà Vinh	307	285	1419
13	Vĩnh Long	242	241	1617

Tác giả tổng hợp số liệu từ Báo cáo số: 45 /BC-BTP ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tư pháp, Tổng kết thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật - Qua 10 năm thực hiện 2013-2022

Phụ lục 9
CHỨC SẮC TÔN GIÁO CÁC TỈNH, THÀNH VÙNG ĐBSCL

STT	Tỉnh/Thành phố	Chức sắc	Chức việc	Trường đào tạo	Số đảng viên có đạo	Tổ chức tôn giáo được công nhận
1	Thành phố Cần Thơ	2182	7363	06	5.597	76
2	An Giang	2414	6989	03	16.813	38
3	Cà Mau	2146	3812	02	586	343
4	Đồng Tháp	3374	3.467	02	649	549
5	Vĩnh Long	2968	6818	05	8770	423
	Tây Ninh (địa phận Long An trước ngày 1/7/2025)	3161	1.792	02	430	36
Tổng số		16.209	30.241	20	32.845	1.465